



PHẠM VĂN PHONG

Cuộc đấu tranh của

**C. MÁC,
PH. ĂNGGHEN,
V.I. LÊNIN
CHỐNG CHỦ NGHĨA CƠ HỘI**

Và ý nghĩa đối với xây dựng Đảng hiện nay



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

**Biên mục trên xuất bản phẩm
của Thư viện Quốc gia Việt Nam**

Phạm Văn Phong

Cuộc đấu tranh của C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin chống chủ nghĩa cơ hội và ý nghĩa đối với xây dựng Đảng hiện nay / Phạm Văn Phong. - H.: Chính trị quốc gia, 2019. - 280tr.; 21cm

1. Chủ nghĩa Mác - Lênin 2. Đấu tranh 3. Chủ nghĩa cơ hội 4. Bài học kinh nghiệm 5. Việt Nam
335.43 - dc23

CTM0313p-CIP

VỚI SỰ THAM GIA GÓP Ý CỦA

GS. NGUYỄN ĐỨC BÌNH	Nguyên Ủy viên Bộ Chính trị - nguyên Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương - nguyên Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
GS.TSKH. PHAN XUÂN SƠN	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
PGS.TS. ĐỖ CÔNG TUẤN	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
PGS.TS. NGUYỄN ĐỨC ÁI	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
PGS.TS. KHỔNG MINH TRÀ	Học viện Cảnh sát nhân dân
TS. NGUYỄN VĂN DƯƠNG	Đại học Chính trị - Bộ Quốc phòng

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

C. Mác, Ph. Ăngghen và V.I. Lênin là những nhà tư tưởng vĩ đại, lãnh đạo lỗi lạc của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên toàn thế giới. Cùng với việc xây dựng hệ tư tưởng, học thuyết của giai cấp công nhân; lãnh đạo phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, thì C. Mác, Ph. Ăngghen và V.I. Lênin còn trực tiếp đấu tranh với những quan điểm, tư tưởng, trường phái phi mácxít, cơ hội chủ nghĩa,... Bằng những luận cứ khoa học sắc bén, tư tưởng chính trị vững vàng và tinh thần không khoan nhượng, cuộc đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng bằng vũ khí lý luận ấy cũng chính là quá trình tự hoàn thiện của chủ nghĩa Mác - Lênin nhằm phản bác lại những luận điệu chống phá của các thế lực thù địch, đưa phong trào cộng sản và công nhân quốc tế phát triển trong thực tiễn.

Cuộc đấu tranh chống lại chủ nghĩa cơ hội của C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu cho phong trào công nhân quốc tế và các đảng cộng sản trên toàn thế giới. Trong bối cảnh hiện nay, khi tình hình thế giới có rất nhiều biến động, phong trào công nhân quốc tế đứng trước những thử thách to lớn thì sự kiên định những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, đấu tranh chống mọi biểu hiện cơ hội, nâng cao vai trò và sức

chiến đấu của Đảng Cộng sản có ý nghĩa to lớn nhằm bảo vệ, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Để góp phần làm rõ cuộc đấu tranh của C. Mác, Ph. Ăngghen và V.I. Lênin chống chủ nghĩa cơ hội, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn sách: ***Cuộc đấu tranh của C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin chống chủ nghĩa cơ hội và ý nghĩa đối với xây dựng Đảng hiện nay*** của tác giả Phạm Văn Phong - Giảng viên Trường Đại học Chính trị - Bộ Quốc phòng. Cuốn sách gồm bốn chương, tập trung phân tích những nội dung và phương pháp đấu tranh chống các đại diện của chủ nghĩa cơ hội như phái Prudông, Látxan, Bacunin, Bécxtanh, Cauxky, phái Mensêvích, phái “tả khuynh”,... để bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin. Trên cơ sở các phân tích đó, tác giả rút ra một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong công tác tư tưởng, lý luận nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, “vận dụng sáng tạo, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội”, thực hiện thành công công cuộc đổi mới đất nước.

Mặc dù ban biên tập đã rất cẩn trọng trong quá trình biên tập - xuất bản cuốn sách, song đây là vấn đề nghiên cứu phức tạp nên cuốn sách khó tránh khỏi những hạn chế. Rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc để nội dung cuốn sách được hoàn thiện hơn trong lần xuất bản sau.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 6 năm 2019

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

LỜI MỞ ĐẦU

Kể từ khi ra đời và trong suốt quá trình tồn tại, phát triển của mình, chủ nghĩa Mác - Lênin luôn vấp phải sự chống phá quyết liệt của những quan điểm phi mácxít nói chung, của chủ nghĩa cơ hội trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế nói riêng. Chủ nghĩa cơ hội dưới nhiều màu sắc, với những thủ đoạn và mánh khóe đã gây ra ảnh hưởng tiêu cực, những thiệt hại không nhỏ tới hoạt động của các chính đảng cách mạng và phong trào công nhân. Do vậy, đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội là một quy luật vận động và phát triển của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, đồng thời bảo vệ sự trong sáng, tính cách mạng, khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin và để cho chủ nghĩa Mác - Lênin không ngừng phát triển, hoàn thiện, hiện thực hóa nó trong cuộc sống.

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, C. Mác và Ph. Ăngghen liên tục đấu tranh chống lại chủ nghĩa cơ hội trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế dưới nhiều màu sắc khác nhau của Đuyrinh, Bacunin,

Látxan, Prudông... Sau khi C. Mác và Ph. Ăngghen qua đời, chủ nghĩa cơ hội phát triển mạnh mẽ, lũng đoạn Quốc tế II và phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Trước tình hình đó, để bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác cũng như để phong trào cộng sản và công nhân quốc tế tiếp tục phát triển, V.I. Lênin đã kiên quyết đấu tranh chống các trào lưu cơ hội như chủ nghĩa E. Bécxtanh, chủ nghĩa C. Cauxky, chủ nghĩa dân túy, phái kinh tế, phái mácxít hợp pháp, phái thủ tiêu, phái triệu hồi, phái Mensêvích và chủ nghĩa cơ hội “tả khuynh” trong phong trào cộng sản... Thắng lợi của các cuộc đấu tranh ấy có ý nghĩa lý luận và thực tiễn vô cùng to lớn đối với phong trào công nhân quốc tế, đồng thời để lại nhiều bài học, kinh nghiệm quý báu cho cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội trong giai đoạn hiện nay.

Tại Việt Nam, trong những năm gần đây, tư tưởng cơ hội chính trị cùng với những biểu hiện cơ hội thực dụng phát triển dưới nhiều hình thức và mức độ khác nhau, là mối nguy hại to lớn đối với sức chiến đấu, vai trò lãnh đạo của Đảng, đe dọa tới vận mệnh của Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, cuộc đấu tranh chống những tư tưởng, biểu hiện cơ hội chủ nghĩa được đặt ra rất cấp thiết trong tình hình hiện nay. Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 09/10/2014 của Bộ Chính trị (khóa XI) “về công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030” xác định: Công tác nghiên cứu lý luận có nhiệm vụ “Kiên quyết đấu

tranh chống chủ nghĩa giáo điều, chủ nghĩa xét lại, chủ nghĩa cơ hội và các tư tưởng thù địch dưới mọi màu sắc” nhằm “bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, truyền thống tốt của dân tộc”. Vì vậy, nghiên cứu cuộc đấu tranh của C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin chống chủ nghĩa cơ hội cũng chính là góp phần làm sáng rõ hơn nội dung, phương pháp của những cuộc đấu tranh này, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm để vận dụng vào nâng cao chất lượng, hiệu quả đấu tranh tư tưởng, lý luận trong giai đoạn hiện nay, góp phần bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, vai trò lãnh đạo của Đảng và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Cuốn sách tập trung nghiên cứu những vấn đề cơ bản nhất trong nội dung đấu tranh của C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin chống những đại diện, những phái tiêu biểu của chủ nghĩa cơ hội trong phong trào công nhân quốc tế và phong trào công nhân Nga đó là: chủ nghĩa Prudông, chủ nghĩa Látxan, chủ nghĩa vô chính phủ Bacunin, chủ nghĩa Bécxtanh, chủ nghĩa Cauxky, chủ nghĩa dân túy, phái kinh tế, phái Mensêvích và phái “tả khuynh” trong phong trào cộng sản quốc tế.

Hy vọng cuốn sách là tài liệu nghiên cứu, tham khảo hữu ích cho cán bộ, giảng viên, học viên các chuyên ngành lý luận chính trị và đông đảo bạn đọc quan tâm đến lĩnh vực nghiên cứu này.

Trong quá trình nghiên cứu, biên soạn cuốn sách, mặc dù tác giả đã có nhiều cố gắng, song nội dung cuốn sách khó tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Rất mong nhận được sự đóng góp của các nhà khoa học và độc giả để tác giả tiếp tục hoàn thiện nội dung cuốn sách trong lần xuất bản sau.

Xin trân trọng cảm ơn.

Hà Nội, tháng 01 năm 2019

TÁC GIẢ

Chương I

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHỦ NGHĨA CƠ HỘI

I- QUAN NIỆM VỀ CHỦ NGHĨA CƠ HỘI

“Cơ hội”, “kẻ cơ hội”, “chủ nghĩa cơ hội” và “cơ hội chính trị” là những thuật ngữ, khái niệm được nhiều nhà nghiên cứu, chính trị gia sử dụng từ lâu song đến nay vẫn chưa có một quan niệm tương đối đầy đủ, cụ thể, toàn diện về những vấn đề này.

Đối với thuật ngữ “cơ hội” có thể hiểu theo hai nghĩa khác nhau trong đời sống sinh hoạt thông thường và trong chính trị. Theo nghĩa tốt, tích cực thì cơ hội là chỉ những hoàn cảnh thuận lợi gặp được để làm việc gì đó mong ước; đó là vận may mà con người cần nhận thức, phát hiện ra và tận dụng trong hoạt động để hướng tới sự phát triển. Hiểu theo nghĩa xấu, tiêu cực thì cơ hội gắn liền với thái độ, hành vi, động cơ, mục đích vị kỷ, vụ lợi, cá nhân chủ nghĩa hay thái độ tùy thời, nghiêng ngã, không có chính kiến riêng, chạy theo những khuynh hướng, những lực lượng có lợi cho mình.

Thuật ngữ “kẻ cơ hội” thường được dùng như một khái niệm chỉ một hiện tượng, một hành vi xấu của một chủ thể nhằm lợi dụng khó khăn của người khác để mưu cầu lợi ích cho mình, ví dụ như hiện tượng: “đục nước béo cò”, “gió chiều nào che chiều ấy”, hành vi thỏa hiệp, phản bội... Trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế đầy khó khăn, gian khổ, thử thách, đã có không ít người rời bỏ hàng ngũ, thỏa hiệp, nhân nhượng, phản bội lại sự nghiệp cách mạng và lợi ích của giai cấp công nhân, của Đảng Cộng sản như những người theo phái Látxan trong phong trào công nhân Đức, phái Bécxtanh trong Quốc tế II, phái Mensêvích trong phong trào công nhân Nga... Khi những kẻ cơ hội này đưa ra những tư tưởng, quan điểm có tính hệ thống, mang tính thế giới quan và phát triển nó trở thành một học thuyết chính trị - xã hội, một trào lưu và có những hành động gây ảnh hưởng xấu trong phong trào công nhân, trong đảng vô sản thì nó trở thành “chủ nghĩa cơ hội”.

Đối với thuật ngữ “chủ nghĩa cơ hội”, *Từ điển tiếng Việt* định nghĩa: ““Chủ nghĩa cơ hội”: 1. Quan điểm, chủ trương lợi dụng cơ hội, mưu cầu những lợi ích trước mắt và cục bộ, bất kể việc làm đúng hay sai. 2. Khuynh hướng tư tưởng - chính trị trong phong trào công nhân, chủ trương chính sách tùy thời, thỏa hiệp”¹.

1. Viện Ngôn ngữ học: *Từ điển tiếng Việt*, Trung tâm từ điển học Hà Nội - Đà Nẵng, Nxb. Đà Nẵng, 2005, tr.175.

Sinh thời, C. Mác và Ph. Ăngghen đã liên tục phải tiến hành cuộc đấu tranh chống lại nhiều trào lưu cơ hội chủ nghĩa trong phong trào công nhân quốc tế, tuy nhiên hai ông chưa đưa ra một quan niệm cụ thể nào về chủ nghĩa cơ hội. V.I. Lênin đã đưa ra khái niệm về chủ nghĩa cơ hội: “Chủ nghĩa cơ hội là sự hy sinh lợi ích căn bản của quần chúng cho lợi ích tạm thời của một số hết sức ít công nhân, nói cách khác tức là sự liên minh giữa một bộ phận công nhân với giai cấp tư sản để chống lại quần chúng vô sản”¹.

Từ khái niệm của V.I. Lênin và thực tiễn lịch sử cho thấy, chủ nghĩa cơ hội là một trào lưu tư tưởng xuất hiện cùng với sự ra đời của giai cấp công nhân và chính Đảng Cộng sản, nảy sinh trong cuộc đấu tranh giữa giai cấp vô sản với giai cấp tư sản, giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản, đó là việc làm cho chính trị và tư tưởng của phong trào công nhân thích nghi với lợi ích và nhu cầu của các giai tầng phi vô sản, đem lợi ích của một bộ phận công nhân thích ứng với những biến đổi nhất thời, trước mắt mà hy sinh lợi ích cơ bản, có tính chiến lược của giai cấp công nhân.

Tóm lại, chủ nghĩa cơ hội là một khuynh hướng tư tưởng nảy sinh trong nội bộ chính đảng vô sản, thoát ly và phản bội lại những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin,

1. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, 1977, t.26, tr. 307-308.

đi ngược lại quan điểm, lập trường, lợi ích của giai cấp công nhân nhằm làm suy giảm năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các Đảng Cộng sản, kéo lùi phong trào công nhân ở các nước.

II- NGUỒN GỐC CỦA CHỦ NGHĨA CƠ HỘI

1. Nguồn gốc kinh tế

Nguồn gốc kinh tế dẫn tới sự ra đời của chủ nghĩa cơ hội là sự mua chuộc của giai cấp tư sản đối với các lãnh tụ và tầng lớp trên của giai cấp công nhân. Trong quá trình theo dõi sự phát triển của chủ nghĩa tư bản độc quyền, V.I. Lênin đã phân tích “cơ chế” kinh tế làm xuất hiện chủ nghĩa cơ hội trong phong trào công nhân: “Ở tất cả các nước tiên tiến, chúng ta đều thấy *các lãnh tụ và tầng lớp trên của giai cấp công nhân* bị hủ hóa, bị mua chuộc, chạy theo giai cấp tư sản. Đó là vì giai cấp tư sản ném ra của bố thí, ban cho các lãnh tụ đó những “chức vị béo bở”, bớt một số rất nhỏ trong các khoản lợi nhuận của chúng để đem cho người lớp trên đó, chuyển gánh nặng của công việc nặng nhọc nhất và được trả công tồi tệ nhất cho những công nhân lạc hậu đưa từ nước ngoài vào, tăng thêm độc quyền cho bọn “công nhân quý tộc” so với quần chúng”¹. Trong tác phẩm *Chủ nghĩa đế quốc và sự phân liệt trong phong trào xã hội chủ nghĩa*, V.I. Lênin chỉ rõ:

1. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.39, tr.218-219.

“... *Bọn cơ hội chủ nghĩa*, đứng về mặt khách quan, là một bộ phận của giai cấp tiểu tư sản và của một vài tầng lớp thuộc giai cấp công nhân, bị bọn đế quốc dùng siêu lợi nhuận *mua chuộc* và biến thành *những con chó giữ nhà* cho chủ nghĩa tư bản, thành *những kẻ làm hư hỏng* phong trào công nhân”¹.

Để xoa dịu mâu thuẫn giai cấp, hạn chế các cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân, giai cấp tư sản đã tìm cách mua chuộc một bộ phận công nhân, biến họ trở thành tầng lớp công nhân quý tộc, công nhân quan liêu, hay còn gọi là công nhân “cổ cồn”, làm tay sai cho mình. Sự hình thành và phát triển của tầng lớp công nhân quý tộc, công nhân quan liêu là một trong những nét điển hình nhất trong phân hóa cơ cấu bên trong giai cấp công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa cuối thế kỷ XIX.

Tầng lớp công nhân quý tộc xuất hiện sớm nhất ở Anh. Trong tác phẩm *Tình cảnh giai cấp công nhân ở Anh* (năm 1892), Ph. Ăngghen chứng minh rằng: có hai hạng người tương đối được ưu đãi trong giai cấp công nhân Anh, hạng thứ nhất là công nhân công xưởng; hạng thứ hai là công nhân ở các Hội Công liên lớn. Theo Ph. Ăngghen, hoàn cảnh của họ có thể kết thành một tổ chức mạnh mẽ chống lại bọn chủ và giành thắng lợi. Do đó, giới chủ đã dùng mọi thủ đoạn để phá vỡ khả năng liên kết này bằng một số ưu đãi nhất định. Vì vậy, điều kiện sống của những công

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.30, tr.215.

nhân này ngày càng được cải thiện, không những giới chủ hết lòng với họ mà cả họ cũng hài lòng về giới chủ. Bộ phận công nhân này tạo thành tầng lớp công nhân “quý tộc”, có được địa vị tương đối dễ chịu và họ cho đó là mục đích cuối cùng của mình.

Trong nền sản xuất đại công nghiệp, những khoản lợi nhuận của nền sản xuất lớn được phân phối một phần cho công nhân, song sự phân phối này không đều giữa các nhóm công nhân. Thậm chí, tính chất ưu đãi tương đối của một “tầng lớp trên” trong giai cấp vô sản không chỉ biểu hiện ở mức tiền công mà còn biểu hiện ở sự ổn định của nó. Trong thời gian này, ở Anh hình thành những Hội Công liên khá vững chắc, trong trường hợp hội viên của hội này mất việc vẫn có thể sống nhờ vào những khoản trợ cấp từ quỹ của hội. Bản thân thủ lĩnh các Hội Công liên ở các nước tư bản ngày càng ít sử dụng biện pháp đấu tranh tích cực như bãi công vì họ sợ ảnh hưởng tới nguồn quỹ Công đoàn có thể bị giới chủ cắt giảm. Các hội viên thì hy vọng việc hạn chế bãi công sẽ làm giai cấp tư sản nói rộng quỹ Công đoàn để họ có thể sử dụng vào việc kinh doanh, mua cổ phần, đầu tư chứng khoán hoặc vào mục đích bảo hiểm và tương trợ xã hội. Bản thân các thủ lĩnh Công đoàn cũng mang thế giới quan tư sản, họ cho rằng nhiệm vụ của Hội Công liên chủ yếu là tác động đến thị trường lao động, giữ cho công nhân lành nghề có điều kiện thuận lợi trong việc bán sức lao động. Họ gieo rắc trong các hội này tinh thần hẹp hòi có tính chất phường hội.

Tầng lớp công nhân quý tộc vốn coi mình có địa vị xã hội như những thợ thủ công, tiểu thương và những người được liệt vào “giai cấp trung lưu hạng thấp”. Nhiều công nhân có nhà riêng tương đối đầy đủ tiện nghi ở khu phố. Về cách sống cũng như về thế giới quan họ không khác gì so với những tầng lớp tiểu tư sản. Tầng lớp công nhân quý tộc không tách mình ra khỏi tầng lớp trung lưu, họ rất chú ý và coi trọng việc duy trì khoảng cách xã hội với các tầng lớp vô sản “lớp dưới” là những công nhân ít lành nghề và chưa có nhiều kiến thức. Họ có thái độ khinh thường, thậm chí trịch thượng với giai cấp vô sản.

Tầng lớp công nhân quan liêu là tầng lớp trên trong giai cấp công nhân. Họ có trình độ văn hóa nhất định, được giao các việc giám thị, quản lý, viên chức văn phòng... Một phần nhỏ trong số họ có khả năng trở thành chủ xí nghiệp nhỏ tiến hành kinh doanh riêng. Mặc dù khả năng này khó trở thành hiện thực, song một số công nhân này ảo tưởng hy vọng thay đổi được địa vị giai cấp của mình.

Những thập kỷ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX là thời kỳ phát triển mạnh mẽ của tầng lớp công nhân quý tộc ở các nước Anh, Đức, Mỹ. Theo số liệu thống kê, ở Anh sự cách biệt ngày càng tăng giữa tầng lớp công nhân quý tộc với giai cấp vô sản, trong thời gian từ năm 1886 đến năm 1906, sự chênh lệch về tiền công trong ngành công nghiệp Anh đã tăng lên khá lớn. Ở Mỹ, quy luật đó còn thể hiện rõ hơn, năm 1870, tiền công của công nhân quý tộc cao gấp 2/3 so với đa số công nhân lớp dưới. Ở Đức, sự chênh lệch đó tăng nhanh trong những năm 70 - 80 của thế kỷ XIX,

trong 20 năm tiếp theo nó vẫn tăng và chỉ giảm khi Chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ.

Những yếu tố khách quan liên quan đến các điều kiện và tính chất sản xuất với tình hình thị trường sức lao động đã được giai cấp tư sản lợi dụng để gây chia rẽ trong giai cấp công nhân. Đó chính là cơ sở xã hội để giai cấp tư sản đưa ra các chính sách đối phó với phong trào công nhân đang ngày một phát triển. Chính sách ưu đãi của giai cấp tư sản nhằm lôi kéo tầng lớp công nhân quý tộc vào hợp tác giai cấp, qua đó làm suy yếu cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản. Tầng lớp trung gian, những công nhân quý tộc, công nhân quan liêu ấy được chủ nghĩa tư bản lợi dụng để bảo vệ lợi ích, quyền lợi của giai cấp tư sản trong cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân. V.I. Lênin gọi đó là “những sĩ quan công nhân của giai cấp tư sản”.

Bên cạnh đó, chính phủ các nước tư sản còn tìm cách mua chuộc giai cấp công nhân bằng cách ban hành một số đạo luật để mị dân, xoa dịu mâu thuẫn giai cấp. Ví như ở Đức, Thủ tướng Bixmác dụ dỗ giai cấp công nhân bằng cách tiến hành nhiều cuộc cải cách xã hội, có thể được xem là những điều luật lao động đầu tiên trên thế giới và làm mẫu cho các quốc gia khác. Ví dụ như: Luật bảo hiểm y tế thông qua năm 1883 quy định người chủ phải trả một phần ba, còn người làm công trả hai phần ba khoản tiền bảo hiểm; Luật bảo hiểm tai nạn thông qua năm 1884; Luật bảo hiểm hưu trí và tàn tật thông qua năm 1889. Bên cạnh đó còn có những điều luật khác hạn chế việc sử dụng lao động là phụ nữ và trẻ em... Chính điều này khiến

không ít công nhân lầm tưởng về bản chất của chính phủ tư sản, xoa dịu mâu thuẫn giai cấp.

Sự mua chuộc của giai cấp tư sản có thể diễn ra theo nhiều cách khác nhau, “trực tiếp” hoặc “gián tiếp”... cùng một lúc đã gây ra rất nhiều tác hại cho phong trào công nhân. Trước hết, tầng lớp công nhân đặc quyền, đặc lợi tự nó đã gây ra sự phân biệt, chia rẽ, thậm chí là mâu thuẫn trong phong trào công nhân, tạo điều kiện cho chủ nghĩa cơ hội hoành hành, tác động và mở rộng ảnh hưởng. Tiếp đó, tầng lớp trên trong phong trào công nhân bị giai cấp tư sản mua chuộc - tức là những kẻ cơ hội chủ nghĩa - sẽ “cố tình phát triển” phong trào công nhân nằm trong “giới hạn có thể chấp nhận được” đối với giai cấp tư sản, tức là làm cho phong trào công nhân trở thành “cái đuôi” của giai cấp tư sản. Sự phản bội của một bộ phận công nhân, việc phong trào công nhân chỉ “giậm chân tại chỗ”... tạo hình ảnh xấu trong mắt một bộ phận công nhân khác về những “con người xã hội chủ nghĩa”, về chủ nghĩa xã hội, gây tâm lý hoài nghi, hoang mang về thắng lợi của phong trào công nhân, của chủ nghĩa xã hội.

2. Nguồn gốc lịch sử, xã hội

Trước hết, đó là do sự phồn vinh tạm thời của chủ nghĩa tư bản ảnh hưởng tới nhận thức của một số phần tử tiểu tư sản.

Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa tư bản chuyển từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn chủ

nghĩa tư bản độc quyền, sự phồn vinh tạm thời của chủ nghĩa tư bản dẫn đến cách nhìn nhận phiến diện, đề cao vị thế của chủ nghĩa tư bản trong tầng lớp tiểu tư sản. Họ phủ nhận quan điểm của C. Mác về đấu tranh giai cấp nhằm thủ tiêu giai cấp tư sản và chế độ tư bản chủ nghĩa. Theo V.I. Lênin thì: chỉ có những kẻ kém sáng suốt nhất, chịu ảnh hưởng của một vài năm công nghiệp phát triển và thịnh vượng mới có thể nghĩ đến việc đảo lộn nguyên lý của chủ nghĩa Mác.

V.I. Lênin cho rằng: “Những người cơ hội chủ nghĩa tiểu tư sản bao giờ cũng thỏa mãn với tình thế nhất thời, với ánh sáng chói lọi của những cái tối tân, với “sự tiến bộ” tạm thời”¹. Những phần tử cơ hội chỉ nhìn thấy điểm tiến bộ của chủ nghĩa tư bản như việc chủ nghĩa tư bản đã phá hủy phương thức sản xuất cũ và làm cho lực lượng sản xuất phát triển, khoa học - kỹ thuật dưới thời chủ nghĩa tư bản phát triển nhanh, sản xuất công nghiệp, thương mại phát triển; đồng thời họ nhận thấy những tiến bộ trong nền dân chủ tư bản chủ nghĩa so với dưới chế độ phong kiến mà không nhận thức được rằng đến một trình độ phát triển nào đó thì chính chủ nghĩa tư bản sẽ làm trở ngại cho sự phát triển của lực lượng sản xuất. Những mâu thuẫn trong đời sống thực tế, trong lịch sử sinh động của chủ nghĩa tư bản và của phong trào công nhân là những mâu thuẫn mà chủ nghĩa Mác đã có

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.416.

thể giải đáp được. Song vì quần chúng là người học tập, kiểm định lý luận đó trên thực tiễn lịch sử, nên các phân tử cơ hội đã lợi dụng, phóng đại đặc điểm này hay đặc điểm khác trong sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, hoặc “một số bài học” của sự phát triển đó thành lý thuyết phiến diện một chiều ca ngợi chủ nghĩa tư bản. Những lý thuyết ấy đã ảnh hưởng không nhỏ đến nhận thức của quần chúng, làm lũng đoạn trong phong trào công nhân cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX.

Hai là, do địa vị và thái độ của tầng lớp tiểu tư sản.

Nguồn gốc sâu xa làm xuất hiện chủ nghĩa cơ hội chính là tầng lớp tiểu tư sản, họ vừa là đồng minh của giai cấp vô sản, vừa tiếp tay cho giai cấp tư sản chống lại giai cấp vô sản khi lợi ích của họ bị đe dọa. Đó là sự bổ sung vào hàng ngũ giai cấp vô sản những người xuất thân từ các giai tầng phi vô sản mà chủ yếu chính là tầng lớp tiểu tư sản.

Vị trí xã hội của tầng lớp tiểu tư sản là lực lượng trung gian, đứng giữa, “đệm” giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản. C. Mác và Ph. Ăngghen phân tích rằng, những người tiểu tư sản xuất hiện trong cách mạng năm 1848 với tư cách là những người dân chủ tư sản thì sau này cũng có thể tự xưng là những người dân chủ - xã hội. Cũng giống như những người dân chủ tư sản trước kia coi nền cộng hòa dân chủ là một cái gì đó xa xôi không thể đạt tới được, những người dân chủ - xã hội ngày nay coi sự sụp đổ của chế độ tư bản là một cái gì đó cũng xa

xôi như thế. Do đó đối với họ, thực tiễn chính trị đang diễn ra không phải là điều quan trọng. Vì vậy, họ có thể tha hồ làm trung gian.

Chính vì vị trí xã hội đặc biệt nên họ không thể thấy hết và không cảm nhận được hết những gì mà những người vô sản phải chịu đựng. Họ chỉ nghĩ đến những cải cách chấp vá, tức là mong muốn cải cách đem lại cho trật tự xã hội cũ những chỗ dựa mới và có thể nhờ đó mà biến tai họa cuối cùng thành một quá trình thoái hóa dần dần, từng phần và càng hòa bình càng tốt. Theo quan điểm của những người cơ hội chủ nghĩa này thì trong khi tiến hành cách mạng không nên nhấn mạnh những mục tiêu rất xa, những mục tiêu làm cho giai cấp tư sản sợ hãi và cũng không thể đạt được.

Về địa vị kinh tế, tầng lớp tiểu tư sản là lực lượng của nền sản xuất nhỏ, nền sản xuất mà hằng ngày, hằng giờ có xu hướng tự phát theo khuynh hướng tư bản chủ nghĩa, sẵn sàng tiếp tay cho giai cấp tư sản chống lại giai cấp vô sản khi lợi ích của họ bị đe dọa, còn khi gặp rủi ro thì họ lại đứng vào hàng ngũ giai cấp vô sản và trở thành “bạn đường” của giai cấp vô sản. Thậm chí những người “bạn đường” này có khi lại trở thành những nhà “hàn lâm tiểu tư sản”, là những “trí thức” tiểu tư sản, đem tâm lý tiểu tư sản thâm nhập vào giai cấp công nhân và các Đảng Cộng sản. Họ có thể là những phần tử trí thức tư sản hay tiểu tư sản mà mục đích tối cao là lợi ích của chính họ và của tầng lớp bé nhỏ của họ.

Chính thế giới quan và tâm lý phi vô sản đã biến họ thành những kẻ cơ hội chủ nghĩa trong phong trào công nhân: “Vì có nhiều đại biểu trí thức cấp tiến trong hàng ngũ những người mácxít và những người dân chủ - xã hội của chúng ta, cho nên chủ nghĩa cơ hội, do tâm lý của những phân tử trí thức đó sản sinh ra, đã biểu hiện ra và tất nhiên đang tiếp tục biểu hiện trong các lĩnh vực hết sức khác nhau”¹. Hoặc họ có thể là tầng lớp tiểu chủ, thợ thủ công... điều này được lý giải: “Chủ nghĩa tư bản tất nhiên phải tạo ra một loạt “tầng lớp trung gian” mới... Chính những người sản xuất nhỏ mới này cũng không tránh khỏi lại bị rơi vào hàng ngũ giai cấp vô sản. Hoàn toàn dĩ nhiên là thế giới quan tiểu tư sản vẫn thấm và còn thấm vào hàng ngũ các đảng công nhân rộng rãi”².

Ngay cả khi giai cấp công nhân đã giành được chính quyền, ở các nước xã hội chủ nghĩa, tàn dư của nền kinh tế tiểu nông cũng còn rất lớn và đảng viên của Đảng Cộng sản ở đây đa số được kết nạp từ tầng lớp nông dân, tiểu tư sản. Do nền kinh tế chưa được cải tạo căn bản nên đó là mảnh đất khơi dậy các tâm lý, thói quen, tập quán của các tầng lớp được du nhập vào giai cấp vô sản và Đảng Cộng sản. Đó cũng là nguồn gốc sâu xa của sự xuất hiện những khuynh hướng, trào lưu đối lập với tư tưởng vô sản và Đảng Cộng sản. Bởi thế C. Mác và Ph. Ăngghen

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.475-476.

2. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.17, tr.29.

đã chỉ ra rằng: “Thay cho thái độ đối lập chính trị kiên quyết, là một sự hòa giải rộng rãi; thay cho cuộc đấu tranh chống lại chính phủ và giai cấp tư sản, là mưu toan thuyết phục và tranh thủ họ về phía mình; thay cho sự kháng cự quyết liệt chống sự ngược đãi từ bên trên, là sự quy thuận một cách hèn hạ và sự thú nhận rằng việc họ trừng phạt mình là xứng đáng”¹. Điều đó tất yếu đưa họ đến với chủ nghĩa cải lương, xét lại và cơ hội.

Trong tác phẩm *Cách mạng vô sản và tên phản bội Cauxky*, V.I. Lênin chỉ ra rằng: “... đằng sau bọn tư bản bóc lột là quảng đại quần chúng tiểu tư sản, tầng lớp mà hàng chục năm kinh nghiệm lịch sử ở tất cả các nước đã chứng tỏ rằng họ ngập ngừng và dao động, hôm nay thì đi theo giai cấp vô sản và ngày mai vì sợ những khó khăn của cách mạng, và khi thấy công nhân hơi thất bại hoặc mới thất bại một nửa, thì đã sinh ra hoảng sợ, hoang mang, cuống cuồng, khóc lóc, chạy hết phe này sang phe khác”².

Không chỉ có tầng lớp tiểu tư sản mà ngay cả đối với giai cấp nông dân, V.I. Lênin cũng chỉ ra đặc tính này: “... ngay cả dưới chế độ chuyên chính vô sản, nông dân, cũng như mọi giai cấp tiểu tư sản nói chung, vẫn giữ một

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.19, tr.252.

2. V.I. Lênin: *Muốn giành thắng lợi phải chống tư tưởng hữu khuynh*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1972, tr.45.

địa vị đứng giữa, một địa vị trung gian: một mặt, họ là một số quân chúng lao động khá đông đảo đoàn kết với nhau vì lợi ích chung của những người lao động là giải thoát khỏi bọn địa chủ và tư bản; một mặt khác, họ là những tiểu chủ riêng lẻ, tiểu tư hữu và tiểu thương. Địa vị kinh tế như thế tất nhiên sẽ làm cho họ dao động, ngả nghiêng giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản. Trong cuộc đấu tranh gay gắt giữa hai giai cấp vô sản và tư sản ấy,... thì tự nhiên là chúng ta tất phải thấy trong số những người đó có những kẻ nhảy từ bên này sang bên kia, những kẻ dao động, đổi chiều, chuyển hướng, lưỡng lự...”¹.

V.I. Lênin giải thích rằng: “Một là, do nước Nga là một nước có nhiều tính chất tiểu tư sản hơn những nước Tây Âu. Cho nên, người ta thường luôn thấy xuất hiện ở nước ta những nhân vật, những tập đoàn, những phái, rõ ràng có một thái độ mâu thuẫn, do dự và dao động đối với chủ nghĩa xã hội (khi thì họ tỏ ra có một “tình cảm nồng nhiệt”, khi thì lại phản bội hèn nhát), thái độ riêng biệt của mọi tầng lớp tiểu tư sản. Hai là, do quần chúng tiểu tư sản ở nước ta hay chán nản dễ dàng hơn và mau chóng hơn là ở mọi nơi khác; họ thay lòng đổi dạ mỗi lần mà một trong những giai đoạn của cuộc cách mạng vô sản nước ta gặp thất bại”².

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.39, tr.319-320.

2. V.I. Lênin: *Muốn giành thắng lợi phải chống tư tưởng hữu khuynh, Sđd*, tr.46-47.

Bên cạnh đó, theo V.I. Lênin thì dưới chế độ tư bản họ thường phải chịu đựng một sự áp bức thường xuyên, và rất thường gặp phải những điều kiện sinh hoạt ngày càng mau chóng nguy ngập một cách ghê tởm và bị phá sản, cho nên họ dễ có tinh thần cuồng nhiệt cách mạng cực đoan, nhưng lại không có khả năng tỏ ra triệt để, có tổ chức, kỷ luật và kiên quyết được. Do vậy trước mỗi bước ngoặt của những sự biến, người cách mạng tiểu tư sản thường do dự và lung lay... V.I. Lênin cho rằng: “Nguồn gốc xã hội của những nhân vật điển hình loại ấy chính là anh tiểu chủ uất ức về những thảm họa của chiến tranh, vì bị phá sản một cách đột ngột, vì phải chịu những nỗi khổ chưa từng thấy của nạn đói kém và tàn phá kinh tế; trong khi đi tìm một lối thoát và giải pháp để tự cứu mình, anh ta vùng vẫy một cách điên cuồng, khi thì tin tưởng vào giai cấp vô sản và ủng hộ giai cấp đó, khi lại nổi cơn tuyệt vọng. Cần hiểu và nhớ rằng trên cơ sở xã hội đó, không thể nào xây dựng chủ nghĩa xã hội được”¹.

3. Nguồn gốc tư tưởng, lý luận

Sự phát triển mạnh mẽ của phong trào công nhân và các Đảng Dân chủ - xã hội ở châu Âu đã khiến cho chính phủ tư sản lo sợ và tìm cách đối phó. Họ vừa tìm cách mị dân, mua chuộc, vừa tiến hành đàn áp phong trào công nhân.

1. V.I. Lênin: *Muốn giành thắng lợi phải chống tư tưởng hữu khuynh, Sđd*, tr.49.

Ví dụ như ở Đức năm 1878, chính phủ của Thủ tướng Bismarck đã thông qua điều luật chống những người xã hội chủ nghĩa. Các tổ chức, những hội nghị và thậm chí cả văn học xã hội chủ nghĩa bị cấm; những nhà lãnh đạo xã hội chủ nghĩa bị bắt và bị xử ở tòa án cảnh sát. Sự đàn áp dã man đối với phong trào công nhân, đặc biệt là đạo luật chống những người xã hội chủ nghĩa của các chính phủ tư sản cuối thế kỷ XIX làm cho một số kẻ kém ý chí, bạc nhược run sợ, quỳ gối xin tha thứ và tình nguyện làm tay sai cho giai cấp tư sản để “lập công chuộc tội”. Ph. Ăngghen phân tích rằng: trong điều kiện ở nước Đức những năm chính phủ do Thủ tướng Bismarck cầm quyền luôn đàn áp phong trào công nhân Đức, thì quân chúng Đức đôi khi còn “tốt hơn các ngài lãnh tụ rất nhiều”. Những lãnh tụ của phong trào công nhân Đức nếu không bị buộc đi đày thì cũng bị thất sủng về mặt xã hội. Họ đắm mình trong buồn nản và sống phụ thuộc vào hoàn cảnh xã hội. Đối với họ, tất cả hy vọng đều xoay quanh việc làm thế nào để chính phủ có thể xóa bỏ đạo luật này một cách “hòa bình” nhất; đáng lẽ cần phải tích cực đấu tranh hơn nữa thì họ lại tỏ ra “kiệt sức” trước sức mạnh của chính quyền này.

Trong Công xã Paris, ngày 20/5/1871, quân của chính phủ tấn công lực lượng vệ quốc quân của Công xã Paris. “Tuần lễ đẫm máu” diễn ra từ ngày 21 đến ngày 28/5, lính chính phủ bắn, giết vệ quốc quân một cách không thương tiếc khiến hơn 20.000 người thiệt mạng. Trong cách mạng

Nga năm 1905, khi công nhân Nga tiến đến Cung điện Mùa đông, Hoàng đế Nikôlai II hạ lệnh cho bắn vào quần chúng, hơn 1.000 người thiệt mạng và 5.000 người bị thương. Những sự kiện này khiến cho các lãnh tụ của phong trào công nhân và một bộ phận công nhân khiếp sợ, mất ý chí trong cuộc chiến đấu chống lại kẻ thù của giai cấp, nhiều người trong số đó đầu hàng chính phủ của giai cấp tư sản và lập công chuộc tội bằng cách chống lại chủ nghĩa Mác và phong trào công nhân.

Việc áp dụng chính sách “tự do chủ nghĩa” giả hiệu của giai cấp thống trị làm nảy sinh ảo tưởng cải lương, thỏa hiệp, thậm chí là tự thủ tiêu ý thức đấu tranh ở một bộ phận công nhân. Sự tham gia hoạt động chính trị của nhiều giai tầng khác nhau trong khi chưa được giác ngộ lý luận cách mạng sẽ dễ dẫn đến tiếp thu những tư tưởng phi vô sản... cũng là mảnh đất tốt cho chủ nghĩa cơ hội phát triển dưới nhiều màu sắc khác nhau.

Về mặt lý luận, quan điểm của những phân tử cơ hội chủ nghĩa dựa trên cơ sở của chủ nghĩa chiết trung, thuật nguy biện, thỏa hiệp về nguyên tắc, nhân nhượng trong đấu tranh tư tưởng lý luận, lẫn lộn giữa cái đúng và cái sai.

Chủ nghĩa chiết trung là không phân biệt đâu là mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu, thứ yếu, đâu là phương thức cơ bản, không cơ bản.

Thuật nguy biện là cố tình đánh tráo các mối liên hệ, các nhiệm vụ, biến cái chủ yếu thành cái thứ yếu, biến cái không quan trọng thành cái quan trọng.

Trên cơ sở lý luận đó, những phần tử cơ hội chủ nghĩa không phân biệt giữa đấu tranh chính trị với đấu tranh kinh tế, đấu tranh nghị trường và đâu là phương thức chủ yếu, đâu là thứ yếu. Họ biến nhiệm vụ giành chính quyền từ quan trọng thành không quan trọng; biến hình thức đấu tranh nghị trường là thứ yếu sang hình thức đấu tranh chủ yếu; biến đấu tranh kinh tế từ thứ yếu thành chủ yếu dẫn tới quá coi trọng và đề cao đấu tranh kinh tế, hạ thấp vai trò đấu tranh chính trị.

III- BẢN CHẤT, ĐẶC TRƯNG VÀ KHUYNH HƯỚNG CỦA CHỦ NGHĨA CƠ HỘI

1. Bản chất của chủ nghĩa cơ hội

Chủ nghĩa cơ hội ra đời từ nhiều nguồn gốc và có nhiều khuynh hướng khác nhau, song bản chất thì chỉ có một. Theo V.I. Lênin, đó là “sự hy sinh lợi ích căn bản của quần chúng cho lợi ích tạm thời của một số hết sức ít công nhân, nói cách khác tức là sự liên minh giữa một bộ phận công nhân với giai cấp tư sản để chống lại quần chúng vô sản”¹. V.I. Lênin cũng chỉ ra rằng: “Thực chất của chủ nghĩa cơ hội là hy sinh những lợi ích bên vững và lâu dài của giai cấp vô sản cho những lợi ích hào nhoáng bề ngoài và chốc lát của nó”². Chủ nghĩa cơ hội là trào lưu tư tưởng,

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.26, tr.307-308.

2. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.13, tr.311.

chính trị đối địch với chủ nghĩa Mác - Lênin. Nếu chủ nghĩa Mác - Lênin là lý luận của phong trào công nhân đấu tranh vì sự nghiệp giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội thì trào lưu tư tưởng tư sản, tiểu tư sản trong phong trào công nhân đi ngược lại những giá trị của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Về lý luận cũng như thực tiễn, những người theo chủ nghĩa cơ hội đóng vai trò là “đạo quân chính trị” của giai cấp tư sản. Dù ở lĩnh vực nào và trong hoàn cảnh nào họ cũng là người bảo vệ lợi ích của giai cấp tư sản chống lại giai cấp vô sản. Do vậy, chủ nghĩa cơ hội chính là kẻ thù bên trong của chủ nghĩa Mác - Lênin. Trong lời tựa viết cho cuốn *Tình cảnh của giai cấp lao động ở Anh* xuất bản tại Mỹ, Ph. Ăngghen đã chỉ rõ: “... đứng trên “quan điểm kẻ cả” không thiên vị của mình mà tuyên truyền trong công nhân thứ chủ nghĩa xã hội lừng lơ bên trên lợi ích giai cấp của họ và bên trên đấu tranh giai cấp và ra sức điều hòa theo tinh thần nhân đạo cao cả những lợi ích của hai giai cấp đang đấu tranh với nhau. Nhưng đó, hoặc là những kẻ non nớt cần phải học tập nhiều nữa, hoặc là những kẻ thù độc ác nhất của công nhân, những con sói đội lốt cừu”¹.

Trong tác phẩm *Chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa xét lại* (năm 1908), V.I. Lênin đã chỉ rõ, khi mà chủ nghĩa xã hội trước C. Mác bị đánh bại nó không còn tiếp tục đấu tranh

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.21, tr.382.

trên mảnh đất riêng của nó nữa thì buộc họ phải lấy tư cách là chủ nghĩa Mác để tiếp tục đấu tranh trên mảnh đất chung của chủ nghĩa Mác. Chủ nghĩa Mác càng phát huy ảnh hưởng của mình trong phong trào công nhân thì chủ nghĩa cơ hội càng ra sức lợi dụng tên tuổi và học thuyết của C. Mác để đấu tranh chống lý luận Mác. Những kẻ vốn bài xích C. Mác đã núp sau chủ nghĩa Mác để lừa dối giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Chủ nghĩa cơ hội tìm cách sửa chữa chủ nghĩa Mác bằng cách lấy ở chủ nghĩa Mác những điều mà ngay giai cấp tư sản cũng có thể chấp nhận được và vứt bỏ những nguyên lý cách mạng, linh hồn sống của chủ nghĩa Mác.

Những phần tử cơ hội chủ nghĩa phản bội lại sự nghiệp của giai cấp vô sản, từ bỏ phương pháp cách mạng và mục tiêu cách mạng; đem lợi ích của giai cấp vô sản phục vụ cho lợi ích của giai cấp tư sản, hợp tác với giai cấp tư sản để chống lại giai cấp vô sản và Đảng Cộng sản. Đó là bản chất chung nhất, cơ bản nhất của chủ nghĩa cơ hội. Và như để “chứng minh” cho bản chất của mình, bọn cơ hội chủ nghĩa đã cắt xén chủ nghĩa Mác cho phù hợp với lợi ích của giai cấp tư sản, núp dưới chiêu bài bảo vệ, phát triển chủ nghĩa Mác để xét lại chủ nghĩa Mác, tiêu diệt linh hồn cách mạng của chủ nghĩa Mác mà thực chất là “ôm hôn chủ nghĩa Mác để bóp chết chủ nghĩa Mác”¹.

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.26, tr.280.

Trên thực tế, chủ nghĩa cơ hội đã định sửa lại nguyên lý căn bản của chủ nghĩa Mác - lý luận về đấu tranh giai cấp. Họ quả quyết với chúng ta rằng, tự do chính trị, chế độ dân chủ, chế độ phổ thông đầu phiếu sẽ làm cho đấu tranh giai cấp không còn chỗ dựa nữa. Cần nhận thấy rằng những ý kiến đó của bọn cơ hội chủ nghĩa được xây dựng thành một hệ thống khá mạch lạc, đó là quan niệm tư sản tự do đã nổi tiếng từ lâu. Theo V.I. Lênin, với thứ tự do “dân chủ” thì những cách biệt về kinh tế không những không giảm bớt mà còn tăng thêm và trầm trọng thêm. Chế độ đại nghị không những không làm mất đi mà còn bóc trần thực chất của nền cộng hòa đại nghị đã không dọn đường cho việc thủ tiêu các cuộc khủng hoảng và các cuộc cách mạng chính trị, mà lại dọn đường cho nội chiến trở nên trầm trọng cực độ trong các cuộc cách mạng ấy. Những biến cố của cách mạng Pháp năm 1871 hay cách mạng Nga năm 1905 đã chứng minh điều đó. Trong cách mạng Pháp năm 1871, giai cấp tư sản Pháp đã không hề ngần ngại bắt tay với kẻ thù của dân tộc để đè bẹp phong trào công nhân. Trong cách mạng Nga năm 1905, những liên minh và sự thỏa hiệp của những phần tử cơ hội với phái tự do xã hội - cải lương ở phương Tây và phái lập hiến đã làm nhụt ý chí đấu tranh của quần chúng và giảm ý nghĩa của cuộc đấu tranh đó. Theo V.I. Lênin, đó là sự ràng buộc các chiến sĩ với những phần tử kém khả năng chiến đấu nhất với những phần tử chóng sa ngã và chóng phản bội nhất.

Về thái độ của chủ nghĩa cơ hội, chúng luôn tránh đặt vấn đề một cách rõ ràng và những tình huống khiến mình phải bày tỏ quan điểm mà thỏa hiệp vô nguyên tắc, lúc thì ngả theo phái này, lúc lại ngả theo phái kia, thậm chí cùng một lúc có thể chấp nhận cả quan điểm cách mạng và phản cách mạng trong cùng một vấn đề. V.I. Lênin đã tổng kết: khi nghiên cứu chủ nghĩa cơ hội cần phải nắm được một đặc điểm quan trọng của nó, đó là “tính chất không rõ ràng, lơ mơ và không thể nào hiểu nổi được. Do bản chất của mình, phái cơ hội chủ nghĩa bao giờ cũng tránh đặt các vấn đề một cách rõ ràng và dứt khoát; bao giờ nó cũng tìm con đường trung dung, nó quanh co uốn khúc như con rắn nước giữa hai quan điểm đối chọi nhau, nó tìm cách “thỏa thuận” với cả quan điểm này lẫn quan điểm kia, vì nó quy những sự bất đồng ý kiến của mình lại thành những điều sửa đổi nhỏ nhặt, những sự hoài nghi, những nguyện vọng thành tâm và vô hại”¹.

Khi Đảng Cộng sản đã trở thành đảng chấp chính thì các phần tử cơ hội ra sức thích ứng với trào lưu thịnh hành trong công nhân, V.I. Lênin cho rằng, “họ thay màu đổi sắc để ẩn nấp được dễ dàng hơn, như con thỏ rừng, về mùa đông, thay lông thành màu trắng”². Người cũng khẳng định: “Bất cứ một người cơ hội chủ

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.476-477.

2. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.44, tr.153.

nghĩa nào cũng đều có khả năng thích ứng như vậy”¹, và kiểu thích ứng như con thỏ rừng ấy là nguyên tắc sống còn của bọn chúng.

Có thể nói, bản chất của chủ nghĩa cơ hội đó là phản bội sự nghiệp của giai cấp công nhân, từ bỏ phương pháp đấu tranh cách mạng và mục tiêu cách mạng; hy sinh lợi ích của giai cấp công nhân, đem lợi ích của giai cấp công nhân phục vụ cho lợi ích của giai cấp tư sản; từ chính sách cải lương xã hội đi đến hợp tác với giai cấp tư sản để chống lại giai cấp vô sản và Đảng Cộng sản. V.I. Lênin khẳng định: “Chủ nghĩa cơ hội là sự hy sinh lợi ích căn bản của quần chúng cho lợi ích tạm thời của một số hết sức ít công nhân”². Nội dung chính là ở đó, nếu ta muốn cho chủ nghĩa cơ hội một định nghĩa có tính chất lý luận.

2. Đặc trưng của chủ nghĩa cơ hội

Một là, chủ nghĩa cơ hội thường thể hiện lập trường đứng giữa, giấu mặt.

Những người theo chủ nghĩa cơ hội thường tránh thể hiện lập trường của mình trước công luận. Họ là những người trung dung, đứng giữa và rất khó hiểu. V.I. Lênin thường gọi những người theo chủ nghĩa cơ hội là người “ngồi giữa hai chiếc ghế”, hay như “con rắn giữa hai dòng nước”. Những lúc tình hình chính trị suôn sẻ rất khó phát

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.44, tr.153.

2. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.26, tr.307.

hiện ra các khuynh hướng cơ hội và những phần tử theo chủ nghĩa cơ hội, bởi lẽ họ luôn tìm cách thích nghi với mọi phía và mong được các phái chấp nhận. Họ cố gắng làm vừa lòng tất cả các phe phái khi chưa đòi hỏi bộc lộ quan điểm. V.I. Lênin cho rằng, khó có thể nhận biết những phần tử cơ hội trong một cái bẫy của một tổ chức nào đó vì “... anh cơ hội chủ nghĩa dễ dàng thừa nhận mọi công thức và rời bỏ mọi công thức cũng dễ dàng như thế, vì chủ nghĩa cơ hội chính là ở chỗ không có những nguyên tắc nhất định và vững chắc nào. Hôm nay, những người cơ hội chủ nghĩa bài xích mọi mưu toan du nhập chủ nghĩa cơ hội; họ bài xích mọi tính chặt chẽ, trịnh trọng hứa hẹn là “không một phút nào quên việc đánh đổ chế độ chuyên chế”, là tiến hành “cố động không những trên lĩnh vực đấu tranh hàng ngày của lao động làm thuê chống tư bản”, v.v. và v.v.. Nhưng ngày mai, họ đổi giọng và quay về với những phương pháp cũ, với lý do là bảo vệ tính tự phát, bước tiến tuần tự của cuộc đấu tranh âm thầm hàng ngày, bằng cách tâng bốc những yêu sách hứa hẹn những kết quả hiển nhiên, v.v..”¹.

Hai là, những kẻ cơ hội chủ nghĩa thường run sợ trước cuộc đấu tranh giai cấp quyết liệt, khiếp đảm trước sức mạnh của kẻ thù giai cấp, ngại hy sinh, gian khổ.

Trong phong trào công nhân Đức cuối thế kỷ XIX, những phần tử cơ hội chủ nghĩa đã hèn nhát cho rằng

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.239.

những hành động cách mạng của giai cấp vô sản và những người cấp tiến trong Đảng Dân chủ - xã hội Đức là nguyên nhân để chính phủ Đức ban hành đạo luật chống lại những người xã hội chủ nghĩa. Họ tin rằng, nếu đảng chỉ hoạt động trong phạm vi đạo luật này thì chính phủ Bixmác và các nhà tư sản chắc chắn sẽ có nhã ý nói lỏng các hoạt động chính trị của phong trào công nhân.

Trong tác phẩm *Kinh tế và chính trị trong thời kỳ chuyên chính vô sản*, V.I. Lênin chỉ ra rằng: “Bản chất của phái dân chủ tiểu tư sản là khiếp sợ đấu tranh giai cấp; là mơ tưởng có thể tránh khỏi được đấu tranh giai cấp; là xu hướng san bằng và hòa giải, xu hướng làm dịu các mũi nhọn đấu tranh”¹. Những phần tử cơ hội chủ nghĩa như Sorêman nói: “chúng tôi sẵn sàng làm cách mạng, nhưng cách mạng đó không được cực khổ quá”, các phần tử cơ hội chủ nghĩa khác cũng tán thành quan điểm đó để mong “tránh khỏi có nội chiến”. Theo V.I. Lênin thì, “Họ sẽ “sẵn sàng” thừa nhận chủ nghĩa xã hội nếu nhân loại có thể ngay trong một lúc và chỉ một bước nhảy vọt đặc sắc là đạt đến chủ nghĩa xã hội, một cách êm thấm, không có đấu tranh, không có những tiếng nghiến răng ken két của bọn bóc lột, không có vô vàn mưu toan của chúng nhằm bảo vệ hoặc khôi phục lại chế độ cũ bằng con đường quanh co, lén lút, không có những miếng đòn của

1. V.I. Lênin: *Muốn giành thắng lợi phải chống tư tưởng hữu khuynh, Sđd*, tr.29.

bạo lực cách mạng của giai cấp vô sản liên tiếp “đánh trả lại” những mưu toan đó”¹.

Ba là, khi thắng lợi thì say sưa, chủ quan, tự mãn, dễ mất cảnh giác; gặp khó khăn hay thất bại tạm thời thì dao động, do dự, nhụt chí, ngã lòng.

Khi cuộc đấu tranh thắng lợi, những phần tử cơ hội chủ nghĩa sẵn sàng hạ mình, núp sau giai cấp giành được thắng lợi để có vinh dự được nhận thành tích chiến thắng và họ sẵn sàng đánh đổi mọi giá để có được danh tiếng đó.

Những kẻ cơ hội chủ nghĩa thiếu quan điểm dứt khoát trước những cuộc tấn công sống mái và né tránh trước những quyết định có tính bước ngoặt của lịch sử. Ví như vào thời điểm những năm 1888 - 1890, dưới áp lực của đạo luật chống những người xã hội chủ nghĩa do chính phủ Đức ban hành, những phần tử cơ hội trong Đảng Dân chủ - xã hội Đức, đứng đầu là K. Hebecgơ và E. Bécxtanh, đã mong muốn “Đảng chúng tỏ rằng mình không có ý định đi theo con đường cách mạng bằng bạo lực, đổ máu, mà đã quyết định... theo con đường hợp pháp, nghĩa là con đường *cải lương*”². Vì vậy, C. Mác và Ph. Ăngghen đã chỉ ra thực chất biểu hiện của chủ nghĩa cơ hội là: “nếu 50 vạn hay 60 vạn cử tri thuộc đảng dân

1. V.I. Lênin: *Muốn giành thắng lợi phải chống tư tưởng hữu khuynh*, *Sđd*, tr.30-31.

2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.19, tr.249.

chủ - xã hội chiếm từ một phần mười đến một phần tám toàn bộ cử tri, và hơn nữa lại rải rác ở khắp nước có đủ thận trọng để không đụng đầu vào tường và không tìm cách làm một “cuộc cách mạng đổ máu” một chọi mười, thì điều đó có nghĩa là họ đã dứt khoát từ bỏ không bao giờ lợi dụng một sự biến to lớn nào đó trong lĩnh vực chính trị đối ngoại, một cao trào cách mạng đột nhiên do sự biến đó gây nên, hay thậm chí một *chiến thắng* của nhân dân đạt được trong cuộc xung đột phát sinh trên cơ sở ấy”¹. Hai ông đã vạch trần những quan điểm của chính những người dân chủ - xã hội cơ hội này và cho rằng không nên tham gia chiến đấu với quân chúng nhân dân như “một đám vô lại thích xông ra chiến lũy” mà phải “đi theo con đường pháp chế” - hãm các cuộc khởi nghĩa lại, dỡ các chiến lũy đi và “khi cần thiết thì đi cùng với quân đội vinh quang chống lại đám quân chúng phiến diện, thô kệch và vô học”².

Trong tác phẩm *Chủ nghĩa cải lương trong phong trào xã hội - dân chủ Nga*, V.I. Lênin chỉ ra rằng: ““Lăn” vào cách mạng một lần nữa, và ngay cả trong một hoàn cảnh đã biến đổi, vẫn tiến hành không biết mệt mỏi việc tuyên truyền cho cách mạng, việc chuẩn bị lực lượng cho giai cấp công nhân làm cách mạng, thì xét theo quan điểm của những người cải lương chủ nghĩa, đó là tội chính của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, đó là

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.19, tr.249.

lỗi của giai cấp vô sản cách mạng. Tội gì mà “lại lặn vào nơi mà ta đã thất bại một lần rồi”, - đó là cái khôn ngoan của bọn phản bội và của những kẻ mất tinh thần mỗi khi gặp thất bại”¹.

V.I. Lênin cũng tiếp tục chỉ ra biểu hiện dao động của những kẻ cơ hội trong tác phẩm *Bệnh ấu trĩ “tả khuynh” trong phong trào cộng sản*: “Việc người tiểu tư sản “điên tiết” trước những cảnh ghê tởm do chủ nghĩa tư bản gây ra, điều đó - cũng như chủ nghĩa vô chính phủ - là một hiện tượng xã hội vốn có ở tất cả các nước tư bản chủ nghĩa. Tính chất bấp bênh của đầu óc cách mạng này, sự cần cỗi của nó, đặc tính của nó là có thể nhanh chóng biến thành sự hàng phục, thờ ơ, ảo tưởng hảo huyền và thậm chí thành say mê “điên dại” đối với xu hướng tư sản này hay xu hướng tư sản khác đang “thịnh hành” - tất cả những điều đó, mọi người đều biết”².

Sau Cách mạng Tháng Mười Nga, chính quyền của giai cấp tư sản bị lật đổ, chính quyền Xôviết non trẻ đứng trước nhiều khó khăn to lớn, thù trong giặc ngoài tìm mọi thủ đoạn để bóp chết nhà nước Xôviết non trẻ. Trong hoàn cảnh đó không ít người “bâng khuâng”, “nuối tiếc” về sự sụp đổ của nhà nước cũ, hoang mang trước những khó khăn của cuộc sống hiện tại. V.I. Lênin đã chỉ rõ trong tác phẩm *Những kẻ hoảng hốt về sự phá sản của cái cũ và*

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.20, tr.361-362.

2. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.41, tr.18.

những người đấu tranh cho cái mới rằng: ““Những người Bôn-sê-vích đã nắm chính quyền được hai tháng rồi, và đáng lẽ là thiên đường xã hội chủ nghĩa thì chúng ta lại thấy cái địa ngục hỗn loạn, nội chiến và sự tàn phá ngày càng lớn”. Đó là điều mà bọn tư bản cùng với những kẻ bênh vực chúng một cách tự giác hoặc nửa tự giác đã viết, nói và nghĩ... Họ không thể hiểu được những triển vọng lịch sử vì họ là những kẻ đã bị nếp cũ của chủ nghĩa tư bản dè bẹp, đã bị choáng váng vì sự sụp đổ của chế độ cũ, vì những tiếng rầm rức, những tiếng âm âm, những “sự hỗn loạn” (có vẻ như là hỗn loạn) do sự sụp đổ và sự tan vỡ của những tòa nhà lâu đời của chế độ Nga hoàng và của giai cấp tư sản gây ra”¹.

Bốn là, những phần tử cơ hội chủ nghĩa thiếu tin tưởng ở sức mạnh của quần chúng và sự thắng lợi của cách mạng.

Những người theo chủ nghĩa cơ hội thiếu lòng tin ở chính bản thân mình và quần chúng. Trong Đảng Dân chủ - xã hội, đặc biệt là trong một số phần tử cơ hội chủ nghĩa trí thức của đảng thường có những người đã hạ thấp những nhiệm vụ của phong trào cách mạng, mất tin tưởng vào giai cấp công nhân. Trong tác phẩm *Thời đại mới, sai lầm cũ dưới một hình thức mới*, V.I. Lênin cho rằng: “mỗi bước ngoặt đặc biệt của lịch sử đều làm cho những sự dao động tiểu tư sản có một số thay đổi nào đó

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.35, tr.228-229.

về hình thức, những sự dao động này luôn luôn diễn ra bên cạnh giai cấp vô sản và luôn luôn thâm nhập đến một chừng mực nào đó vào hàng ngũ của giai cấp vô sản”¹... bao giờ mà những nguồn gốc sâu xa của chủ nghĩa tư bản chưa bị xóa bỏ thì nhất thiết những sự dao động đó vẫn còn diễn ra.

V.I. Lênin chỉ ra rằng: trong Đảng Dân chủ - xã hội, đặc biệt là trong cánh trí thức của Đảng, thường có những người đã hạ thấp những nhiệm vụ của phong trào, “Không tin tưởng ở những lực lượng của giai cấp công nhân”². Không những không tin tưởng vào lực lượng bên trong của cuộc cách mạng, những phần tử cơ hội chủ nghĩa còn không tin tưởng vào sự nghiệp xây dựng khối liên minh công nông; vào vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân trong khối liên minh ấy; vào thắng lợi sự nghiệp cách mạng. Nguồn gốc của “khuyh hướng tư tưởng” này và cơ sở nảy sinh ra nó ở trong Đảng, là sự tăng cường của ảnh hưởng tư sản vào trong Đảng trong điều kiện Chính sách kinh tế mới, trong hoàn cảnh các thành phần tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa trong nội bộ nền kinh tế quốc dân đang đấu tranh quyết liệt với nhau. Những thành phần tư bản chủ nghĩa tiến hành cuộc đấu tranh không phải chỉ trong lĩnh vực kinh tế. Chúng đang dùng mọi cách để chuyển cuộc đấu tranh đó vào lĩnh vực tư tưởng của giai cấp vô

1, 2. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.44, tr.121, 130.

sản, tìm cách gieo rắc vào những đội ngũ có lập trường kém vững vàng nhất của Đảng, cái tư tưởng không tin vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, thái độ hoài nghi đối với tiền đồ xã hội chủ nghĩa.

3. Các khuynh hướng của chủ nghĩa cơ hội

Khi buộc phải bộc lộ những quan điểm thì chủ nghĩa cơ hội thường biểu hiện thành hai khuynh hướng là hữu khuynh và tả khuynh.

Một là, chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh là “chủ nghĩa cơ hội kết hợp lý thuyết của chủ nghĩa cải lương với phương châm sách lược thỏa hiệp”¹. Đây là khuynh hướng cơ bản của chủ nghĩa cơ hội trong phong trào công nhân quốc tế, có nguồn gốc tư tưởng từ tầng lớp tiểu tư sản và được biểu hiện ra bên ngoài ở sự bạc nhược, khiếp sợ trước sự đàn áp của giai cấp thống trị, không dám hành động, từ đó đi đến tư tưởng thỏa hiệp, chúng từ bỏ cách mạng xã hội chủ nghĩa, phủ nhận giai cấp công nhân giành chính quyền... Chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh làm mờ nhạt, suy yếu, thủ tiêu nội dung cách mạng của chủ nghĩa Mác, biến chủ nghĩa Mác thành cái mà ngay cả giai cấp tư sản cũng có thể chấp nhận được. Vì thế, Ph. Ăngghen đã nói rằng: chủ nghĩa cơ hội biến chủ nghĩa Mác thành một thứ ““chủ nghĩa Mác”

1. Viện Ngôn ngữ học: *Từ điển tiếng Việt*, Trung tâm từ điển học Hà Nội - Đà Nẵng, *Sđd*, tr.175.

bị xuyên tạc méo mó”¹. Chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh làm cho giai cấp công nhân chỉ chạy theo những lợi ích nhỏ nhặt trước mắt, xa rời mục tiêu đấu tranh xóa bỏ chế độ bóc lột. Cần đặc biệt lưu ý chỉ dẫn của Ph. Ăngghen: “Vì những lợi ích nhất thời hàng ngày mà quên đi những quan điểm chủ yếu lớn; chạy theo những thành công chốc lát và đấu tranh cho những thành công chốc lát mà không tính đến hậu quả về sau, hy sinh tương lai của phong trào vì hiện tại, tất cả những việc ấy có thể xuất phát từ những động cơ “thành thật”. Nhưng đó là và sẽ vẫn là chủ nghĩa cơ hội, mà chủ nghĩa cơ hội “thành thật” có lẽ lại là thứ chủ nghĩa cơ hội nguy hiểm hơn hết cả”².

Chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh, tiêu biểu là phái Látxan, Bacunin, Prudông, E. Bécxtanh, C. Cauxky, chủ nghĩa dân túy, phái mácxít hợp pháp, phái kinh tế... đều có chung một biểu hiện là thỏa hiệp với giai cấp tư sản, đặt ra một cách công khai vấn đề xét lại chủ nghĩa Mác trên quan điểm cải lương, ra sức công kích, xuyên tạc chủ nghĩa Mác trên những nguyên lý cơ bản nhất, cố gắng làm cho chủ nghĩa Mác phù hợp với “khẩu vị” của giai cấp tư sản, phủ nhận sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản, phủ nhận cách mạng vô sản, phủ nhận đấu tranh chính trị, khiếp sợ bạo lực cách mạng và chuyên chính vô sản, phủ nhận nhà nước vô sản, đề cao những cuộc cải cách hòa bình, đề cao

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.22, tr.113, 346.

nền dân chủ tư sản... Khuynh hướng này thường phát triển mạnh nhất vào thời kỳ tương đối hòa bình, khi không có những cuộc khủng hoảng cách mạng, khi cơ chế của nền dân chủ tư sản hoạt động bình thường. Có thể thấy “Tính chất tương đối “hòa bình” của thời kỳ 1871 - 1914 đã nuôi dưỡng chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa này lúc đầu còn là một *tâm trạng*, sau là một *xu hướng* và cuối cùng là một *tập đoàn hay tầng lớp* gồm bọn công nhân quan liêu và những người bạn đường tiểu tư sản”¹. Trong giai đoạn này, các học thuyết của E. Bécxtanh, C. Cauxky đã có ảnh hưởng rất lớn tới các đảng trong Quốc tế II, tới các phái cơ hội khác ở Nga, Pháp, Đức,...

Hai là, chủ nghĩa cơ hội tả khuynh là sự kết hợp hỗn tạp những phương châm cách mạng cực đoan, phiêu lưu dựa trên quan điểm duy ý chí của sức mạnh tuyệt đối của bạo lực. Nó có nguồn gốc từ sự non kém về lý luận, thiếu bản lĩnh chính trị và được biểu hiện ra bên ngoài ở sự nôn nóng, hành động vội vàng, hấp tấp khi thời cơ chưa tới, đốt cháy giai đoạn, làm cho lực lượng cách mạng bị thiệt hại, thậm chí là đưa cách mạng đến chỗ bị hủy diệt dưới tay giai cấp tư sản. Chủ nghĩa cơ hội tả khuynh cũng phản ánh tâm trạng của tầng lớp tiểu tư sản, nhưng nếu như đứng về phía bọn hữu khuynh là bọn quan liêu công đoàn, đại diện của tầng lớp trên đã tư sản hóa trong giai cấp công nhân, thì kẻ ủng hộ bọn

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.27, tr.153.

tả khuynh, theo V.I. Lênin là “anh tiểu tư sản hóa điên” thường bị quần bách vì nghèo túng, đau khổ và sẵn sàng đến bất cứ đâu miễn là thoát khỏi cảnh khùng khiếp của cuộc sống đần độn.

Chủ nghĩa cơ hội tả khuynh biến chủ nghĩa Mác thành một thứ giáo lý chết cứng như Kinh thánh của tôn giáo, làm cho chủ nghĩa Mác mất sức sống, cứng nhắc và không sáng tạo, xa rời đời sống thực tiễn, gần gũi với chủ nghĩa giáo điều, máy móc, rập khuôn. Nó ảo tưởng trong một thời gian ngắn có thể tạo ra một phong trào bất chấp những điều kiện chủ quan và khách quan thực tế hiện có, làm cho Đảng thoát ly quần chúng, mạo hiểm làm bừa. Chủ nghĩa cơ hội tả khuynh làm cho những nhà lãnh đạo phong trào công nhân rất dễ rơi vào chủ quan, duy ý chí, không nắm vững quy luật khách quan, do đó dẫn tới những sai lầm trong việc đề ra đường lối, chính sách.

Thực tiễn cho thấy, những hoạt động sôi nổi của các phần tử cơ hội tả khuynh thường thịnh hành vào thời kỳ đấu tranh giai cấp gay gắt, cách mạng gặp những chuyển biến nhất định, hay vào lúc cao trào. Chủ nghĩa cơ hội tả khuynh tiêu biểu trong giai đoạn 1895 - 1924 là Tờ-ốt-xki thì phủ nhận mọi khả năng hợp tác với các tổ chức theo xu hướng cải lương, có thái độ coi thường cuộc đấu tranh đòi thực hiện những yêu sách từng phần của người lao động, bênh vực những phương pháp đấu tranh quyết liệt nhất có tính chất siêu cách mạng.

IV- TÁC HẠI CỦA CHỦ NGHĨA CƠ HỘI ĐỐI VỚI PHONG TRÀO CỘNG SẢN VÀ CÔNG NHÂN QUỐC TẾ

Khi nói về tác hại của chủ nghĩa cơ hội đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, Ph. Ăngghen cho rằng: chủ nghĩa cơ hội là “đại họa của phong trào”. Nó cổ vũ thứ “chủ nghĩa” mơ hồ, làm tê liệt tư tưởng của công nhân, thứ “chủ nghĩa” đó chủ trương đòi hỏi những cải lương và những nhượng bộ nhỏ giọt, lấy đó làm mục tiêu của phong trào công nhân. Do đó, nó làm tiêu tan ý chí đấu tranh của công nhân, phá hoại sự đoàn kết nhất trí của phong trào công nhân, phân tán lực lượng đấu tranh. Hiển nhiên, chủ nghĩa cơ hội chỉ có thể làm cho phong trào công nhân đang phát triển sôi nổi đi vào con đường sai lầm, chia năm xẻ bảy, dẫn đến thất bại.

Ph. Ăngghen cũng chỉ ra rằng, khác với các phái tư sản công kích chủ nghĩa Mác một cách trắng trợn, chủ nghĩa cơ hội là tư tưởng tư sản và tiểu tư sản đã được “tô son vẽ phấn”, những phần tử cơ hội chủ nghĩa núp dưới khẩu hiệu ủng hộ chủ nghĩa Mác, dùng phương pháp xuyên tạc, lén lút sửa đổi và cắt xén, làm cho chủ nghĩa Mác thích hợp với nhu cầu của giai cấp tư sản. Cho nên, chủ nghĩa cơ hội miệng thì nói chủ nghĩa Mác nhưng hành động lại chống lại chủ nghĩa Mác, miệng nói là đại biểu cho lợi ích của công nhân nhưng trên thực tế lại bảo vệ lợi ích của giai cấp tư sản.

Về mặt lý luận, các phân tử cơ hội đã tỏ ra bất lực trước tâm lý tư sản, tiếp thu một cách không phê phán quan điểm của phái dân chủ tư sản và làm nhụt nhuệ khí đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản. Chúng ra sức “tuyên truyền trong công nhân thứ chủ nghĩa xã hội lũng lơ bên trên lợi ích giai cấp của họ và bên trên đấu tranh giai cấp và ra sức điều hòa theo tinh thần nhân đạo cao cả những lợi ích của hai giai cấp đang đấu tranh với nhau”¹, biến chủ nghĩa Mác thành cái mà ngay giai cấp tư sản cũng có thể chấp nhận được. V.I. Lênin cho rằng, các phân tử cơ hội “không dạy được cho giai cấp vô sản một phương pháp đấu tranh mới nào cả; họ chỉ đi thụt lùi thôi, họ đưa ra những mẫu lý luận lạc hậu và tuyên truyền cho giai cấp vô sản không phải lý luận đấu tranh mà là thứ lý luận nhượng bộ đối với những kẻ thù độc ác nhất của giai cấp vô sản, tức là các chính phủ và các chính đảng tư sản, những bọn này lúc nào cũng cố tìm kẻ thù mới để tầm nã những người xã hội chủ nghĩa”².

Về mặt thực tiễn chính trị, chủ nghĩa cơ hội bao giờ cũng tách rời hiện tại với tương lai của phong trào, lợi ích trước mắt với lợi ích căn bản. Một mặt, chủ nghĩa cơ hội coi nhẹ nhu cầu hiện thực của đấu tranh, ảo tưởng trong một buổi tối có thể tạo ra được một phong trào, làm cho

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.21, tr.382.

2. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.231.

đảng thoát ly quần chúng, mạo hiểm làm bừa; mặt khác nó làm cho giai cấp công nhân chỉ chạy theo lợi ích nhỏ nhặt trước mắt mà xa rời mục tiêu xóa bỏ chế độ lao động làm thuê. Ảnh hưởng của chủ nghĩa cơ hội trong phong trào công nhân và công nhân quốc tế nửa cuối thế kỷ XIX đã cho thấy rất rõ điều đó.

Ở nước Anh, phong trào công nhân chịu ảnh hưởng nặng nề của chủ nghĩa cơ hội, chưa thiết lập được chính đảng cách mạng của mình, các tổ chức công nhân ra đời còn bó hẹp phạm vi đấu tranh và mục đích đấu tranh của công nhân. Đa số các lãnh tụ công nhân không muốn đưa phong trào công nhân đi theo con đường cách mạng nữa. Năm 1866, các công đoàn ở Anh bước vào thời kỳ mà Ph. Ăngghen gọi là “giấc ngủ mùa đông kéo dài 40 năm” của giai cấp vô sản, họ ít quan tâm đến mục tiêu đấu tranh chính trị, trong trường hợp có đấu tranh đi nữa như đấu tranh giành quyền bầu cử, chống lại một vài đạo luật đàn áp nào đó của chính phủ thì các công đoàn này cũng chịu ảnh hưởng của chính phủ, quyền lợi cũng chỉ đem lại cho tầng lớp công nhân quý tộc. Về cơ bản, họ không vượt quá phạm vi giới hạn của chủ nghĩa tư bản. Những lãnh tụ công đoàn như J. Ótgior và U. Crimero là chỗ dựa cho phái Prudông.

Tại Đức, chủ nghĩa cơ hội ăn sâu vào trong phong trào công nhân, đặc biệt là trong đảng, thậm chí nó bắt đầu đấu tranh công khai chống chủ nghĩa Mác, gây giảm sút nghiêm trọng tinh thần cách mạng trong

phong trào công nhân Đức và ảnh hưởng tiêu cực tới phong trào công nhân quốc tế. Ảnh hưởng của chủ nghĩa Látxan và chủ nghĩa vô chính phủ Bacunin còn lan truyền sâu rộng trong phong trào công nhân Italia, Tây Ban Nha, Thụy Sĩ và miền nam nước Pháp. Đó là những nơi có nền công nghiệp phát triển, chế độ tư hữu chiếm ưu thế, quan hệ sản xuất nửa phong kiến còn tồn tại, tầng lớp tiểu tư sản còn đông đảo.

Năm 1878, trước sự tấn công của chính phủ Bixmác vào phong trào công nhân bằng “đạo luật đặc biệt” thì những người lãnh đạo Đảng Dân chủ - xã hội Đức đã tuyên bố giải tán Đảng cho đến năm 1890 khi đạo luật này được bãi bỏ thì Đảng mới trở lại hoạt động công khai. Tuy nhiên, trước sự tấn công lũng đoạn của các phần tử cơ hội trong Đảng thì Đảng Dân chủ - xã hội Đức đã nhượng bộ không nêu lên nhiệm vụ lật đổ nền quân chủ và xây dựng nhà nước cộng hòa dân chủ, không đề cập tới vấn đề chuyên chính vô sản, không đi động đến vấn đề ruộng đất trong Cương lĩnh Écphuya (năm 1891).

Tại Pháp, ảnh hưởng của chủ nghĩa Prudông và những học thuyết tiểu tư sản khác đã gây nên sự phân liệt trong Đảng Công nhân Pháp. Những năm 80 - 90 thế kỷ XIX, ở Pháp ngoài chủ nghĩa vô chính phủ và chủ nghĩa cải lương còn mọc thêm phái khả năng, chủ nghĩa công đoàn vô chính phủ, phái cấp tiến tiểu tư sản Milorăng... Sự thiếu thống nhất do tám tổ chức xã hội chủ nghĩa cùng

hoạt động đã gây mâu thuẫn trong nội bộ dẫn tới sự chia rẽ, xa rời bản chất cách mạng của mình và mất vai trò lãnh đạo, làm cho phong trào công nhân Pháp đã có lúc rơi vào thoái trào.

Ở Áo, sự phân liệt trong Đảng Dân chủ - xã hội cũng diễn ra. Những cố gắng nhằm khắc phục tình trạng đó tại các Đại hội của Đảng tiến hành vào nửa sau những năm 70 thế kỷ XIX đã không mang lại kết quả. Trong khu vực phát triển nhất về công nghiệp nước Áo thời đó vào đầu năm 1878, Đảng Dân chủ - xã hội Séc - Slavơ đã ra đời và tự coi mình là một bộ phận của phong trào dân chủ - xã hội Áo. Tình hình phong trào công nhân trở nên phức tạp do cánh cấp tiến bắt đầu ngả theo chủ nghĩa cơ hội vô chính phủ. Đến những năm 80 thế kỷ XIX, một số người ủng hộ các phương pháp cách mạng của phái vô chính phủ đã thực hiện một số hành động khủng bố chống lại các quan chức cảnh sát của chính phủ và hậu quả là những vụ đàn áp khốc liệt của chính phủ đối với phong trào công nhân Áo. Ở các nước khác, ảnh hưởng của chủ nghĩa cơ hội trong phong trào công nhân cũng diễn ra tương tự.

Như vậy, ngoài sự kiện Công xã Pari năm 1871 thì tính chất “hòa bình” của thời kỳ này đã góp phần nhất định vào việc truyền bá chủ nghĩa cơ hội trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, làm giảm sút tinh thần cách mạng của giai cấp công nhân và gây ra sự phân liệt trong đa số các đảng dân chủ - xã hội đương thời.

Sau khi C. Mác và Ph. Ăngghen mất, các phần tử cơ hội núp dưới nhiều hình thức khác nhau đã gây nên những tổn thất vô cùng to lớn đối với phong trào công nhân quốc tế. Chúng ra sức công kích, xuyên tạc, bóp méo chủ nghĩa Mác, làm cho một bộ phận không nhỏ giai cấp vô sản không những quên mất sứ mệnh lịch sử của mình là đấu tranh tiêu diệt chế độ chủ nghĩa tư bản, mà còn ảo tưởng vào chế độ tư bản chủ nghĩa. Chúng cản trở việc truyền bá chủ nghĩa xã hội khoa học vào trong phong trào công nhân, thực chất là giúp giai cấp tư sản truyền bá hệ tư tưởng của mình vào trong công nhân, từ đó làm cho việc thành lập các chính đảng của giai cấp công nhân gặp nhiều khó khăn, kéo lùi phong trào công nhân ở các nước, đưa cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân vào tình trạng tản mạn với những hy sinh vô ích.

Các phần tử cơ hội chủ nghĩa dùng nhiều thủ đoạn để chống lại chủ nghĩa Mác sau khi C. Mác và Ph. Ăngghen qua đời. Những người dân chủ - xã hội không kiên định trong Quốc tế II chịu ảnh hưởng tiêu cực và dần đi đến thỏa hiệp với chủ nghĩa cơ hội. Phong trào công nhân quốc tế lâm vào khủng hoảng, xa rời đường lối cách mạng do C. Mác và Ph. Ăngghen đề ra. Chính do sự phá hoại của các phần tử cơ hội nên Quốc tế II không giữ được vai trò lãnh đạo, dần dần đi tới biến chất, không tập hợp và thống nhất các đảng dân chủ - xã hội của giai cấp công nhân trong cuộc đấu tranh chung, dẫn tới

sự phá sản vào năm 1914. Còn các đảng dân chủ - xã hội ở các nước Đức, Anh, Pháp, Áo, Italia, Ba Lan,... nảy sinh những mâu thuẫn không thể điều hòa được, công kích lẫn nhau; trong nội bộ từng đảng có mâu thuẫn, dẫn đến sự chia rẽ, xa rời bản chất cách mạng và mất vai trò lãnh đạo, làm cho phong trào công nhân các nước lâm vào thoái trào.

Đến những năm 1914 - 1915, chủ nghĩa cơ hội biến thành chủ nghĩa cơ hội sôvanh phản động. Chúng công khai ủng hộ giai cấp tư sản gây chiến tranh thế giới để phân chia lại thị trường và thuộc địa, tiếp tay cho cuộc đàn áp phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản các nước. Chúng hô hào công nhân các nước tham gia “bảo vệ tổ quốc”, thực chất là đưa công nhân các nước ra chiến trường bắn giết lẫn nhau để bảo vệ lợi ích cho chính phủ tư sản nước đó. Trong *Dự thảo cương lĩnh của Đảng Cộng sản (b) Nga* V.I. Lênin nhấn mạnh rằng: “Bọn cơ hội chủ nghĩa và bọn xã hội - sôvanh là tội đồ của giai cấp tư sản và là kẻ thù giai cấp trực tiếp của giai cấp vô sản, đặc biệt là hiện nay, khi bọn này liên minh với bọn tư bản, dùng vũ khí để đàn áp phong trào cách mạng của giai cấp vô sản ở nước mình cũng như ở các nước khác”¹.

Ở nước Nga, cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, do ảnh hưởng của chủ nghĩa cơ hội trong Quốc tế II nên trong

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.38, tr.133.

phong trào công nhân và trong đảng vô sản cũng xuất hiện nhiều phe nhóm chủ nghĩa cơ hội như: chủ nghĩa dân túy, phái Mensévich, phái thủ tiêu, phái triệu hồi, phái kinh tế, phái mácxít hợp pháp, chủ nghĩa cơ hội tả khuynh, phái cơ hội Tờrốttxki, Bukharin... Chủ nghĩa cơ hội ở Nga đã ngăn cản thành lập một đảng vô sản tập trung thống nhất toàn Nga, muốn duy trì sự phân tán, muốn mỗi vùng miền, dân tộc, tôn giáo có một đảng riêng. Khi V.I. Lênin và những người cách mạng thành lập Đảng Công nhân xã hội dân chủ Nga, các phần tử cơ hội chống phá Cương lĩnh, đường lối của Đảng, chống phá các nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt của Đảng... ảnh hưởng đến sự đoàn kết thống nhất trong Đảng và phong trào công nhân; đồng thời gây nhiều khó khăn và thiệt hại cho phong trào cách mạng.

Bên cạnh đó, V.I. Lênin chỉ ra rằng: “Thái độ lưng chừng đối với phong trào công nhân tất nhiên dẫn đến chỗ xa rời trên thực tiễn phong trào công nhân, và do xa rời phong trào công nhân nên đảng của những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng mất mọi cơ sở xã hội. Đảng đó không dựa được vào một giai cấp xã hội nào cả, vì không thể gọi là một giai cấp cái nhóm trí thức bấp bênh coi sự mơ hồ và tính vô nguyên tắc của họ là có “tâm rộng” được”¹. Sau Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917, chủ nghĩa cơ hội công khai chống phá nhà nước Xôviết non trẻ,

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.461-462.

chống lại cách mạng vô sản và chuyên chính của giai cấp công nhân, chống lại đường lối cách mạng gây ra những tổn thất to lớn cho cách mạng Nga.

Chính những tác động tiêu cực của chủ nghĩa cơ hội to lớn như vậy cho nên đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế là một tất yếu để bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác, đồng thời như C. Mác và Ph. Ăngghen nói, đây là một “cuộc đấu tranh sống mái”¹ để phong trào công nhân ở các nước nói riêng, phong trào công nhân quốc tế nói chung mau chóng hồi phục và phát triển.

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.58.

Chương II

C. MÁC VÀ PH. ĂNGGHEN ĐẤU TRANH CHỐNG CHỦ NGHĨA CƠ HỘI

I- KHÁI QUÁT THÂN THỂ VÀ SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG CỦA C. MÁC VÀ PH. ĂNGGHEN

1. Thân thể và sự nghiệp cách mạng của C. Mác

Các Mác sinh ngày 05/5/1818 ở thành phố Tơriơ, là con trai của luật sư Henrich Mác. Năm 12 tuổi (1830), C. Mác vào học trường trung học ở Tơriơ. Sức học của ông thuộc loại giỏi, đặc biệt C. Mác nổi bật ở những lĩnh vực đòi hỏi tính độc lập và sáng tạo. Tháng 10/1835, C. Mác vào học luật tại Trường Đại học Tổng hợp Bonn. Sau đó, theo lời khuyên của bố, C. Mác học ở Trường Đại học Tổng hợp Béclin. Ở trường đại học, ngoài luật học, sử học và ngoại ngữ, C. Mác đi sâu nghiên cứu triết học. Từ năm 1837, C. Mác bắt đầu nghiên cứu những tác phẩm của Hêghen. Trong những năm tiếp theo, C. Mác tập trung vào nghiên cứu triết học và đi sâu hơn vào lịch sử triết học cổ đại. Năm 1841, khi mới 23 tuổi, C. Mác nhận được bằng tiến sĩ triết học với luận án *Về sự khác nhau*

giữa triết học tự nhiên của Đêmocrit và triết học tự nhiên của Épícure tại Trường Đại học Tổng hợp Iêna.

C. Mác gặp Ph. Ăngghen lần đầu tiên vào cuối tháng 11/1842, khi Ph. Ăngghen trên đường sang Anh và ghé thăm ban biên tập tờ *Nhật báo tỉnh Ranh*. Công tác thực tiễn ở báo *Nhật báo tỉnh Ranh* đã làm thay đổi thế giới quan của C. Mác, từ chủ nghĩa duy tâm chuyển sang chủ nghĩa duy vật và từ chủ nghĩa dân chủ - cách mạng sang chủ nghĩa cộng sản. Tháng 02/1844, trên tờ tạp chí *Niên giám Pháp - Đức*, C. Mác đăng bài “Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hêghen”. Từ tháng 4 đến tháng 8/1844, C. Mác viết *Bản thảo kinh tế triết học*, đây là phôi thai của những tư tưởng hết sức quan trọng mà sau này được C. Mác phát triển trong bộ *Tư bản*.

Ph. Ăngghen và C. Mác đã trở thành những người bạn cùng chung lý tưởng và quan điểm trong tất cả mọi vấn đề lý luận và thực tiễn. Tháng 02/1845, tác phẩm *Gia đình thần thánh* của C. Mác và Ph. Ăngghen viết chung ra đời phê phán mạnh mẽ chủ nghĩa duy tâm chủ quan của phái *Hêghen trẻ*, thực chất là phê phán toàn bộ chủ nghĩa duy tâm, đồng thời nêu ra vai trò quyết định của quần chúng nhân dân trong lịch sử.

Theo yêu cầu của Chính phủ Vương quốc Phổ, Chính phủ Pháp đã trục xuất C. Mác. Ngày 03/02/1845, C. Mác rời Pari đến Brúcxen (Bi), ít lâu sau Ph. Ăngghen cũng đến đây và hai ông lại tiếp tục cộng tác chặt chẽ với nhau. C. Mác cùng với Ph. Ăngghen viết tác phẩm *Hệ tư tưởng Đức*

(1845 - 1846), phê phán chủ nghĩa duy tâm của Hêghen và phái Hêghen trẻ, đồng thời phê phán chủ nghĩa duy tâm không nhất quán của Phoiobách. Trong cuốn *Sự bản cùng của triết học* (năm 1847), C. Mác đã chống lại triết học tiểu tư sản của P.J. Prudông, đồng thời trình bày những cơ sở của chủ nghĩa duy vật lịch sử và chính trị kinh tế học vô sản. Năm 1848, được sự ủy nhiệm của Đại hội II Liên đoàn những người cộng sản, C. Mác và Ph. Ăngghen viết *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* - một văn kiện mang tính chất Cương lĩnh của chủ nghĩa Mác và đảng vô sản.

Sau khi cách mạng năm 1848 nổ ra ở Pháp, Chính phủ Bỉ đã trục xuất C. Mác. C. Mác rời Brúcxen đến Pari. Sau đó, C. Mác cùng với Ph. Ăngghen đến Cólôgne, tại đây C. Mác trở thành Tổng Biên tập tờ *Nhật báo tỉnh Ranh*, cơ quan của phái dân chủ. Năm 1849, Chính phủ Phổ đóng cửa tờ báo và trục xuất C. Mác, ông lại đến Pari, sau đó chuyển đến Luân Đôn. Tháng 6/1859, công trình *Góp phần phê phán Khoa kinh tế chính trị* viết về tiền tệ và lưu thông tiền tệ ra đời. Lần đầu tiên tác phẩm đã trình bày học thuyết về giá trị, là cơ sở của học thuyết kinh tế của C. Mác.

C. Mác là người tổ chức và là lãnh đạo của Quốc tế Cộng sản I thành lập ngày 28/9/1864 ở Luân Đôn. Năm 1867, bộ *Tư bản* (tập I) - tác phẩm chủ yếu về kinh tế chính trị quan trọng của C. Mác ra đời. Tập II và III của bộ *Tư bản* C. Mác không kịp hoàn tất, Ph. Ăngghen đảm nhận việc hoàn thiện và xuất bản hai tập này. Trong bộ

Tư bản, C. Mác đã vạch rõ quy luật giá trị thặng dư dưới hình thái giá trị thặng dư tuyệt đối và giá trị thặng dư tương đối; quy luật giá trị với tư cách là quy luật chung của nền sản xuất hàng hóa được phát triển trong quy luật cung - cầu và trong quy luật của lưu thông tiền tệ. Các tác phẩm trong những năm cuối đời của C. Mác nêu lên hình thức hợp lý nhất của chuyên chính vô sản là kiểu tổ chức chính trị như Công xã Pari năm 1871.

Trong tác phẩm *Phê phán Cương lĩnh Gôta* (năm 1875), C. Mác đã kịch liệt phê phán những sai lầm cơ hội chủ nghĩa của những người lãnh đạo Đảng Dân chủ - xã hội Đức, đề ra một vấn đề hết sức quan trọng về thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản và hai giai đoạn của chủ nghĩa cộng sản, nghĩa là bản thân xã hội cộng sản phải phát triển qua hai giai đoạn: giai đoạn thấp - chủ nghĩa xã hội; giai đoạn cao - chủ nghĩa cộng sản. Năm 1876, sau khi Quốc tế Cộng sản I giải tán, C. Mác nêu lên ý kiến cho rằng việc thành lập các đảng vô sản ở các nước là nhiệm vụ chính trị hàng đầu trong phong trào công nhân.

C. Mác qua đời ngày 14/3/1883 ở Luân Đôn.

2. Thân thế và sự nghiệp cách mạng của Ph. Ăngghen

Phridrich Ăngghen sinh ngày 28/11/1820 tại Barmen, tỉnh Ranh, Vương quốc Phổ trong một gia đình chủ xưởng dệt. Ph. Ăngghen theo học ở Trường Trung học Elberfelder, một trường tốt nhất ở Phổ thời bấy giờ. Năm 1837, theo yêu cầu của bố, Ph. Ăngghen buộc phải rời bỏ trường

trung học khi chưa tốt nghiệp để bắt đầu công việc buôn bán của gia đình. Trong thời gian này, ông tự học các ngành sử học, triết học, văn học, ngôn ngữ và thơ ca. Tháng 6/1838, Ph. Ăngghen đến làm việc tại văn phòng thương mại ở thành phố cảng Barmen. Cuối năm 1839, Ph. Ăngghen bắt đầu nghiên cứu các tác phẩm của Hêghen. Tháng 9/1841, Ph. Ăngghen đến Béclin và gia nhập binh đoàn pháo binh, được huấn luyện quân sự, đồng thời ông thường tới Trường Đại học Tổng hợp Béclin để nghe các bài giảng về triết học, tham gia hội thảo về lịch sử tôn giáo.

Mùa xuân năm 1842, Ph. Ăngghen bắt đầu cộng tác với tờ *Nhật báo tỉnh Ranh*. Trong những bài của mình, Ph. Ăngghen đã lên tiếng phản kháng chế độ kiểm duyệt của Chính phủ Phổ và trật tự phong kiến ở Đức. Ngày 08/10/1842, Ph. Ăngghen mãn hạn phục vụ trong quân đội. Từ Béclin, ông trở về Barmen, và sang Anh. Trên đường sang Anh, Ph. Ăngghen đã thăm trụ sở tờ *Nhật báo tỉnh Ranh* và gặp C. Mác - Tổng Biên tập tờ báo. Ông đã ở lại Anh hai năm. Bài báo "Tình cảnh của giai cấp công nhân ở Anh" (năm 1842) cùng với những bài báo khác của Ph. Ăngghen năm đó đã phân tích rõ sự phân chia xã hội thành ba giai cấp cơ bản: giai cấp quý tộc chiếm hữu ruộng đất, giai cấp tư sản công nghiệp và giai cấp vô sản. Ph. Ăngghen tham gia viết bài cho tạp chí *Niên giám Pháp - Đức* (tháng 02/1844). Các bài báo của Ph. Ăngghen đề cập đến việc áp dụng phương pháp biện

chúng vào việc phân tích các quan hệ kinh tế của xã hội tư sản.

Tác phẩm *Những phác thảo phê phán môn kinh tế chính trị học* của Ph. Ăngghen đã chỉ rõ chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa là cơ sở của toàn bộ sinh hoạt vật chất và tinh thần của xã hội tư sản.

Từ ngày 29/11 đến ngày 08/12/1847, Đại hội II Liên đoàn những người cộng sản được tiến hành ở Luân Đôn. Đại hội đã bầu C. Mác làm Chủ tịch, Ph. Ăngghen làm Phó Chủ tịch, đồng thời Đại hội cũng ủy nhiệm cho hai ông hoàn chỉnh Cương lĩnh của Liên đoàn. Trong một thời gian ngắn, từ tháng 12/1847 đến tháng 01/1848, C. Mác và Ph. Ăngghen đã tập trung sức lực, trí tuệ cùng viết nên tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*. Tác phẩm được hoàn thành và công bố vào tháng 02/1848.

Tháng 3/1848, cùng với C. Mác, Ph. Ăngghen soạn thảo văn kiện *Những yêu sách của Đảng Cộng sản Đức*, được Ban Chấp hành Trung ương Liên đoàn những người cộng sản thông qua như là văn kiện có tính chất cương lĩnh cho hành động của giai cấp vô sản Đức. Tháng 4/1848, Ph. Ăngghen cùng với C. Mác trở về Đức tham gia cuộc cách mạng tại đây và chuẩn bị cho việc xuất bản tờ *Nhật báo tỉnh Ranh mới*. Ph. Ăngghen tham gia viết các bài xã luận, bài điểm tình hình chính trị. Tháng 10/1848, ông đến Bỉ để tránh lệnh truy nã của chính quyền Phổ nhưng không được phép cư trú chính trị nên Ph. Ăngghen lại đến Pari, sau đó sang Thụy Sĩ tham gia Đại hội các

liên đoàn công nhân Đức, ông được bầu vào Ủy ban trung ương của tổ chức này.

Tháng 01/1849, Ph. Ăngghen trở về Đức tiếp tục hoạt động cách mạng. Khi cuộc đấu tranh bùng nổ ở nước Đức (tháng 5/1849) Ph. Ăngghen đã vạch ra một kế hoạch hoạt động quân sự và thành lập quân đội cách mạng tiến hành cuộc khởi nghĩa nên Ph. Ăngghen đưa ra kế hoạch để triển khai cuộc đấu tranh cách mạng dấy lên thành phong trào trên toàn nước Đức. Trong thời kỳ này, ông tham gia trực tiếp bốn trận đánh lớn. Sau này, Ph. Ăngghen đã viết tác phẩm *Luận văn quân sự* nổi tiếng.

Tháng 11/1849, Ph. Ăngghen đến Luân Đôn viết các tác phẩm *Cách mạng và phản cách mạng ở Đức, Cuộc chiến tranh nông dân ở Đức*. Tháng 11/1850, Ph. Ăngghen buộc phải chuyển đến Manchester và lại bắt đầu làm việc ở văn phòng thương mại. Điều này tạo điều kiện cho Ph. Ăngghen có thể giúp đỡ về vật chất cho C. Mác hoạt động cách mạng. Cùng với C. Mác, Ph. Ăngghen tham gia lãnh đạo Quốc tế Cộng sản I. Tháng 9/1870, Ph. Ăngghen đến Luân Đôn và được bầu vào Tổng hội đồng của Quốc tế Cộng sản I. Ông rất kiên trì đấu tranh chống lại quan điểm cơ hội của phái Bacunin, Prudông, Látxan, Đuyrinh.

Năm 1871, Ph. Ăngghen tham gia vào việc tổ chức chiến dịch bảo vệ Công xã Pari. Trong thời gian này, Ph. Ăngghen đã viết một số tác phẩm có giá trị lý luận, đặc biệt là cuốn *Chống Đuyrinh* (năm 1878), góp phần to lớn cho việc hoàn thiện lý luận cho chủ nghĩa Mác. Sau khi

C. Mác qua đời (năm 1883), Ph. Ăngghen là người lãnh đạo tổ chức những người theo chủ nghĩa xã hội ở châu Âu; chuẩn bị cho việc xuất bản tập II và III của bộ *Tư bản* mà C. Mác chưa kịp hoàn thành. Ph. Ăngghen viết nhiều tác phẩm nổi tiếng vào những năm cuối đời: *Nguồn gốc của gia đình, Sở hữu tư hữu và Nhà nước* (năm 1884); *Lútvích Phoiobách và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức* (năm 1866); *Biện chứng của tự nhiên; Vấn đề nông dân ở Pháp và Đức* (năm 1894).

Ph. Ăngghen qua đời ngày 05/8/1895 tại Luân Đôn.

II- C. MÁC VÀ PH. ĂNGGHEN ĐẤU TRANH CHỐNG CHỦ NGHĨA PRUDÔNG

1. Vài nét về P.G. Prudông và chủ nghĩa Prudông

Chủ nghĩa Prudông là chủ nghĩa cải lương và trào lưu vô chính phủ lưu hành trong phong trào công nhân Pháp từ những năm 40 đến những năm 90 của thế kỷ XIX. Nhân vật đại biểu của nó là Pie Giôdép Prudông (1809 - 1865). P.G. Prudông là nhà triết học, kinh tế học, xã hội học người Pháp có khuynh hướng xã hội chủ nghĩa tiểu tư sản, một trong những người khởi xướng chủ nghĩa vô chính phủ. P.G. Prudông đả kích chế độ sở hữu lớn tư bản chủ nghĩa, lên án lòng tham của bọn tư bản, tệ bóc lột, song cũng phản đối yêu sách đòi xã hội hóa sở hữu, cải tạo xã hội bằng cách mạng và đưa ra tư tưởng cải cách dần dần từ bên trên để đối lập lại.

Trào lưu tư tưởng của P.G. Prudông tập trung phản ánh tâm lý và yêu cầu của tầng lớp tiểu tư sản mong muốn thoát khỏi số phận phá sản do sự chèn ép của giai cấp tư sản. Nó đã có ảnh hưởng rất lớn ở các nước: Pháp, Italia, Tây Ban Nha, là những nước mà nền sản xuất nhỏ chiếm ưu thế và ảnh hưởng của trung tiểu nông và tiểu thủ công khá lớn trong đội ngũ công nhân.

Năm 1846, P.G. Prudông xuất bản cuốn sách mới nhan đề *Hệ thống mâu thuẫn kinh tế* hay *Triết học về sự khốn cùng*. Việc xuất bản cuốn sách của P.G. Prudông mà C. Mác gọi là “điển hình của chủ nghĩa xã hội tiểu tư sản” khiến chủ nghĩa Prudông lại càng có ảnh hưởng lớn trong phái cấp tiến tư sản và những kẻ xã hội chủ nghĩa giả hiệu, đồng thời càng làm gay gắt thêm bất đồng với C. Mác.

Sau khi thành lập Quốc tế Cộng sản I, P.G. Prudông qua đời, nhưng chủ nghĩa Prudông vẫn là một trong những phe phái cơ hội chủ nghĩa lớn nhất trong Quốc tế Cộng sản I.

Trong tác phẩm *Triết học về sự khốn cùng*, P.G. Prudông trình bày “mâu thuẫn kinh tế” trong xã hội tư bản và cho rằng lý luận kinh tế có trật tự lôgic và hệ thống lý luận nhất định của nó. Theo P.G. Prudông, quan hệ kinh tế được xem như một loại phạm trù, một công thức vĩnh hằng không có khởi nguồn, cũng không phát triển. “Hệ thống những mâu thuẫn kinh tế” của P.G. Prudông được bắt đầu từ việc bàn về giá trị khi cho rằng mọi chức năng

của sản phẩm công nghiệp hoặc sản phẩm tự nhiên dùng để duy trì cuộc sống cho nhân loại được gọi là giá trị sử dụng, còn mọi chức năng để các sản phẩm đó trao đổi với nhau thì được gọi là giá trị trao đổi. P.G. Prudông cho rằng, vì nhu cầu của người ta đối với sản phẩm là nhiều mặt mà tự mình lại không thể sản xuất đủ loại sản phẩm nên họ đã “đề nghị” người khác trao đổi một phần sản phẩm của họ lấy sản phẩm của mình.

P.G. Prudông còn xuyên tạc phép biện chứng của Hêghen trong sự giải thích đảo ngược đầu đuôi mối quan hệ giữa sự vật và phạm trù, tuyên truyền cho quan điểm duy tâm về lịch sử. Theo đó, quan hệ hiện thực chỉ là hóa thân của một số nguyên lý và phạm trù nằm trong lòng “lý tính phi nhân cách của loài người”. Còn lịch sử hiện thực, lịch sử theo trình tự thời gian là trình tự lịch sử xuất hiện trong các quan niệm, phạm trù và nguyên lý, không phải là lịch sử tạo ra nguyên lý mà là nguyên lý sáng tạo ra lịch sử.

Khi bàn về đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội, P.G. Prudông bộc lộ rõ nhất bản chất cơ hội chủ nghĩa của mình. Ông ta phản đối cuộc đấu tranh kinh tế của công nhân nhất là phản đối cuộc đấu tranh chính trị do giai cấp công nhân tổ chức chĩa mũi nhọn vào chế độ tư bản, coi cuộc bãi công của công nhân là phi pháp, “những công nhân dự định dựa vào những liên minh để cưỡng bức sự độc quyền, thì đó là điều mà xã hội không

thể cho phép được”¹. Sự ảo tưởng cải tạo xã hội một cách hòa bình đã khiến P.G. Prudông bộc lộ rõ ràng những mâu thuẫn về lý luận: “một mặt, Prudông phê phán xã hội theo quan điểm và thông qua cặp mắt của người tiểu nông Pháp, nhưng mặt khác, ông ta lại ứng dụng vào xã hội cái thước đo mà ông ta mượn của những người xã hội chủ nghĩa”². Vì thế, “cách mạng xã hội” mà giai cấp tư sản coi trọng không nhất thiết phải liên quan đến vấn đề dân tộc và cũng không nhất thiết phải phát động đấu tranh chính trị.

Với những quan điểm của mình, chủ nghĩa Prudông đã gây trở ngại nghiêm trọng cho sự truyền bá chủ nghĩa xã hội khoa học trong phong trào cộng sản, công nhân quốc tế lúc bấy giờ.

2. Cuộc đấu tranh của C. Mác và Ph. Ăngghen chống chủ nghĩa Prudông

Từ năm 1844, trong khi viết *Bản thảo kinh tế - triết học*, C. Mác đã phê phán trào lưu cải lương của P.G. Prudông, nhưng chỉ sau khi P.G. Prudông cho xuất bản tác phẩm *Triết học về sự khốn cùng* (năm 1846) thì cuộc đấu tranh của C. Mác và Ph. Ăngghen chống chủ nghĩa Prudông mới nổ ra. Qua các tác phẩm: *Hệ tư tưởng Đức*

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.252.

2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.16, tr.41.

(năm 1846), *Sự khốn cùng của triết học* (năm 1847), *Bản về Prudông* (năm 1865), *Những chỉ thị cho các đại biểu của Hội đồng trung ương lâm thời về một số vấn đề* (năm 1866)... C. Mác và Ph. Ăngghen đã phê phán nghiêm khắc lý luận vô sách lược của chủ nghĩa Prudông.

Thứ nhất, C. Mác và Ph. Ăngghen phê phán “mâu thuẫn trong hệ thống kinh tế” của P.G. Prudông và mầm mống của học thuyết giá trị thặng dư.

Khi trình bày “mâu thuẫn kinh tế” trong xã hội tư bản, P.G. Prudông coi phạm trù kinh tế là “quan niệm” hoặc là tư tưởng hoàn toàn tách rời thực tế. Chống lại điều đó, C. Mác đã vạch rõ phạm trù kinh tế là biểu hiện lý luận có tính lịch sử về quan hệ sản xuất phù hợp với từng giai đoạn phát triển nhất định của nền sản xuất vật chất. C. Mác cho rằng: “Những quan hệ xã hội đều gắn liền mật thiết với những lực lượng sản xuất. Do có những lực lượng sản xuất mới, loài người thay đổi phương thức sản xuất của mình và do thay đổi phương thức sản xuất, cách kiếm sống của mình, loài người thay đổi tất cả những quan hệ xã hội của mình”¹. Còn khi bàn về giá trị, C. Mác đã chỉ ra rằng: “những khái niệm của Prudông về cái cơ sở của toàn bộ vấn đề, tức là về *giá trị trao đổi*, vẫn không rõ ràng, không đúng và nửa vời đến chừng nào; chính vì vậy mà ông ta coi sự giải thích một cách không tưởng học thuyết

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.187.

giá trị của Ricácđô là cơ sở của một khoa học mới”¹. C. Mác coi sự giải thích nghèo nàn và duy tâm về trao đổi và giá trị trao đổi của P.G. Prudông không phải là cái gì mới mẻ, chẳng qua chỉ là sự giải thích không tưởng theo lý luận của Ricácđô. Bởi vì, không thể nào tạo nên một xã hội mới như P.G. Prudông nói mà chỉ cần thông qua giá trị cấu thành để khiến mọi người lao động đều được thù lao bình đẳng, tức là biến mọi người thành những người lao động trao đổi một lực lượng lao động như nhau để thực hiện ảo tưởng cải tạo xã hội một cách hòa bình. Theo C. Mác, “Như vậy, giá trị tương đối, đo bằng thời gian lao động, tai hại thay lại là công thức của chế độ nô lệ hiện đại của người công nhân chứ không phải, - như ông Prudông muốn, - là “lý luận cách mạng” về sự giải phóng giai cấp vô sản”².

Thứ hai, C. Mác phê phán P.G. Prudông lạm dụng phép biện chứng của Hêghen, đồng thời trình bày tư tưởng cốt lõi của phép biện chứng duy vật.

C. Mác chỉ ra rằng, P.G. Prudông chỉ học được ở Hêghen những thuật ngữ của phép biện chứng, cái mà ông ta gọi là vận động biện chứng chẳng qua chỉ là sự phân ra một cách giáo điều hai mặt tốt - xấu mà thôi. P.G. Prudông cho rằng, bất kỳ một phạm trù kinh tế nào cũng có hai mặt, mặt tốt và mặt xấu, cái lợi và cái hại cùng

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.16, tr.44.

2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.125.

lẫn lộn với nhau sẽ tạo thành mâu thuẫn vốn có của phạm trù kinh tế. Vì vậy, ông ta đề ra nhiệm vụ giữ lại mặt tốt và bỏ đi mặt xấu của nó. Trên thực tế, P.G. Prudông đã bóp nghẹt phép biện chứng một cách thô bạo, bởi vì hai mặt đối lập của mỗi mâu thuẫn đều dựa vào nhau tồn tại, mặt nọ tạo điều kiện cho mặt kia. Nếu xóa bỏ một mặt thì mặt kia cũng mất điều kiện tồn tại. Nhưng, cái mà P.G. Prudông gọi là “mặt xấu” trên thực tế lại là mặt thực sự đại biểu cho sự tiến bộ trong hai mặt đối lập của mỗi sự vật. Nhân tố tư bản chủ nghĩa trong lòng xã hội phong kiến chính là “mặt xấu” đó. Học thuyết “mâu thuẫn” của P.G. Prudông bóp chết sự vật mới nảy sinh. Chống lại sự xằng bậy đó, lần đầu tiên C. Mác đã trình bày cực kỳ sâu sắc thực chất của phép biện chứng duy vật: “Cái cấu thành bản chất của sự vận động biện chứng, chính là sự cùng nhau tồn tại của hai mặt mâu thuẫn, sự đấu tranh giữa hai mặt ấy và sự dung hợp của hai mặt ấy thành một phạm trù mới. Chỉ với việc đề ra cho mình vấn đề loại bỏ mặt xấu, người ta cũng đã chặn đứng sự vận động biện chứng rồi”¹.

Mặt khác, C. Mác phê phán P.G. Prudông đã vận dụng một cách xuyên tạc phép biện chứng của Hêghen để tuyên truyền cho quan điểm duy tâm về lịch sử. Ông khẳng định: của cải và lực lượng sản xuất được sản sinh đồng

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.191.

thời với đối kháng giai cấp và trong hai giai cấp đối kháng thì giai cấp tiên tiến đại biểu cho mặt phủ định dần dần lớn mạnh lên, cho tới khi điều kiện vật chất cho sự giải phóng của họ trở nên chín muồi. C. Mác cũng nói rõ quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất cùng tính chất lịch sử, “những quan hệ trong đó các lực lượng sản xuất phát triển, đều không phải là những quy luật vĩnh cửu, mà chúng thích ứng với một trình độ phát triển nhất định của con người và của những lực lượng sản xuất của con người và bất kỳ sự thay đổi nào trong lực lượng sản xuất của con người đều tất phải dẫn đến một sự thay đổi trong những quan hệ sản xuất của con người”¹.

Thứ ba, C. Mác trình bày những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học trên cơ sở lý luận mới, phê phán lý luận “cách mạng xã hội” của chủ nghĩa Prudông.

Ngay trong khi phê phán quan niệm duy tâm về lịch sử hay khi phê phán lý luận kinh tế của P.G. Prudông và trình bày lý luận kinh tế của mình, C. Mác đều lập luận một cách khoa học học thuyết đấu tranh giải phóng giai cấp vô sản. Đó là sự thống nhất giữa đấu tranh kinh tế và đấu tranh chính trị nhằm cải thiện đời sống sinh hoạt vật chất tiến tới giải phóng bản thân, lật đổ nền thống trị của giai cấp tư sản. Đó là việc tập hợp giai cấp công nhân thành tổ chức, là chiến lũy để đấu tranh với chủ xí

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.201-202.

nghiệp, thúc đẩy họ đoàn kết trong đấu tranh, tổ chức thành giai cấp rồi từ đó tổ chức thành chính đảng lớn mạnh, tiến lên giành chính quyền. Theo C. Mác, “Chừng nào mà giai cấp vô sản chưa được phát triển đầy đủ để tự cấu thành giai cấp và do đó, chừng nào ngay cả cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản với giai cấp tư sản còn chưa mang một tính chất chính trị, và chừng nào những lực lượng sản xuất còn chưa phát triển đầy đủ trong lòng bản thân giai cấp tư sản để hé ra cho người ta thấy được những điều kiện vật chất cần thiết cho sự giải phóng của giai cấp vô sản và sự thành lập một xã hội mới - thì chừng đó những nhà lý luận ấy chỉ là những nhà không tưởng, họ cố nghĩ ra những học thuyết và ra sức đi tìm một khoa học có tác dụng tái tạo để phục vụ cho những nhu cầu của các giai cấp bị áp bức”¹.

Tháng 9/1865, cuộc xung đột xoay quanh vấn đề có đưa Ba Lan vào chương trình nghị sự tại Đại hội đại biểu lần thứ nhất của Quốc tế I hay không đã phản ánh sự đối lập gay gắt giữa chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa Prudông về vấn đề đấu tranh giải phóng dân tộc và cách mạng vô sản. Phái Prudông cho rằng, phong trào giải phóng dân tộc của Ba Lan không liên quan gì đến cách mạng vô sản. “Cách mạng xã hội” mà giai cấp vô sản coi trọng không nhất thiết phải phát động đấu tranh chính trị. Ngay cả hoạt động đấu tranh đòi ngày làm việc bình

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.205.

thường cũng cần phải gạt bỏ ra khỏi phạm vi phong trào công nhân. Từ đó, phái Prudông đã đưa chủ nghĩa vô chính phủ vào các nguyên tắc tổ chức của phong trào công nhân quốc tế và lấy cương lĩnh “cách mạng xã hội” làm hạt nhân.

Chống lại việc đó, C. Mác đã đề ra lý luận và sách lược “Thống nhất hành động quốc tế trong cuộc đấu tranh giữa lao động và tư bản”. C. Mác cho rằng, mục đích hoạt động của Quốc tế I là: “thống nhất vào một dòng chung cuộc đấu tranh từ trước đến nay còn tàn mạt của giai cấp công nhân ở các nước khác nhau để tự giải phóng mình”¹. Vì vậy, khi xác định sách lược đấu tranh cụ thể của giai cấp công nhân các nước phải “phấn đấu làm cho công nhân các nước không những *cảm thấy* mà còn *hành động* như những người anh em và những người đồng chí đang đấu tranh tự giải phóng mình trong một đạo quân thống nhất”². Mặt khác, C. Mác hết sức nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đấu tranh đòi giới hạn ngày làm việc và cho rằng nếu không coi giới hạn ngày làm việc là điều kiện tiên quyết thì “mọi cố gắng khác nhằm cải thiện tình cảnh của công nhân và giải phóng họ đều sẽ không tránh khỏi thất bại”³.

Cuộc đấu tranh của những người sáng lập chủ nghĩa Mác chống chủ nghĩa vô chính phủ của P.G. Prudông

1, 2, 3. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.16, tr.258, 258-259, 260.

kéo dài suốt mấy chục năm, tới khi Công xã Pari thất bại thì mới triệt để xóa bỏ được nó, và từ đây chủ nghĩa cơ hội “vô chính phủ của những kẻ tiểu tư sản” đã không còn ảnh hưởng gì trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Tàn dư của nó chỉ còn rơi rớt trong một bộ phận công nhân Pháp vào những năm 90 của thế kỷ XIX.

III- C. MÁC VÀ PH. ĂNGGHEN ĐẤU TRANH CHỐNG CHỦ NGHĨA LÁTXAN

1. Vài nét về P. Látxan và chủ nghĩa Látxan

Chủ nghĩa Látxan là “chủ nghĩa xã hội của chính phủ Vương quốc Phổ”¹, hình thành ở nước Đức vào những năm 60 của thế kỷ XIX, là một trào lưu cơ hội chủ nghĩa có ảnh hưởng xấu đến sự phát triển của phong trào công nhân Đức và phong trào công nhân quốc tế.

Người sáng lập chủ nghĩa Látxan là Phécđinăng Látxan (1825 - 1864), xuất thân trong một gia đình thương gia giàu có người Do Thái ở Brexlap, miền Đông nước Đức. P. Látxan là tín đồ trung thành của triết học Hêghen, đồng thời chịu ảnh hưởng của Xanhximông, Phuriê, Ôwen và Prudông. Trong cuộc cách mạng ở châu Âu năm 1848, P. Látxan đã nhiều lần biểu thị niềm tin và trung thành với phong trào công nhân Đức, nhưng

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.16, tr.307.

thực ra trong một thời gian rất dài ông đã xa rời thực tế phong trào công nhân. Cho đến đầu những năm 60 của thế kỷ XIX, trong cao trào mới của phong trào công nhân Đức, P. Látxan tỏ ra quan tâm lạ lùng đến các phong trào chính trị, đặc biệt là sau Đại hội thành lập *Tổng hội đồng Liên hiệp công nhân Đức* và được bầu làm Chủ tịch của hội (năm 1863). Một số quan điểm lý luận và chủ trương, sách lược của P. Látxan càng được phổ biến trong phong trào công nhân. P. Látxan giữ chức Chủ tịch Tổng hội đồng Liên hiệp công nhân Đức được một năm thì qua đời trong một cuộc đấu súng. Tuy vậy, những quan điểm của P. Látxan vẫn thâm nhập vào phong trào công nhân Đức và ảnh hưởng đến Quốc tế I.

Nội dung chủ yếu của chủ nghĩa Látxan gồm:

Thứ nhất, P. Látxan đề ra “quy luật sắt về tiền công”, dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, tiền công trung bình của công nhân trước sau chỉ có thể dừng lại ở mức độ yêu cầu sinh hoạt theo tập quán của nhân dân một nước để duy trì cuộc sống của bản thân và nuôi dạy con cái họ. Nếu tiền công tăng vượt mức sống bình quân thì đời sống của công nhân được cải thiện, việc sinh đẻ sẽ tăng lên, sức lao động sẽ quá thừa và tiền công sẽ giảm xuống. Khi tiền công giảm xuống dưới mức bình quân ấy, nhân khẩu sẽ giảm đi, người ta sẽ cảm thấy thiếu sức lao động, kết quả là tiền công lại tăng lên tới mức bình quân hoặc sẽ vượt quá mức ấy. P. Látxan cho rằng đó là quy luật sắt về tiền công, chẳng ai có thể phủ nhận và cũng chẳng có cách gì thay

đổi được cái quy luật ấy. Như vậy, quy luật mà P. Látxan đưa ra đã phủ nhận nguồn gốc bản cùng của giai cấp công nhân là do sự bóc lột của giai cấp tư sản, che đậy sự bóc lột và bênh vực cho giai cấp tư sản; đổ lỗi sự bản cùng của giai cấp công nhân là do sự tăng lên về nhân khẩu của chính họ.

Những kẻ theo đuôi P. Látxan đã căn cứ vào quan điểm này để đề ra luận điểm: “Lao động là nguồn gốc của mọi của cải và mọi giá trị”¹, gây ra sự ngộ nhận rằng không cần đến tư liệu sản xuất, người lao động vẫn có thể sản xuất được, rằng sự nghèo khó chỉ là do lao động tốt hay tồi chứ không liên quan gì đến chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất. Tất cả quan điểm đó nhằm bảo vệ chế độ tư bản chủ nghĩa, chống lại lý luận cách mạng vô sản, kêu gọi giai cấp công nhân từ bỏ đấu tranh kinh tế và đấu tranh bằng bạo lực cách mạng mà chỉ thực hiện những cải cách kinh tế và chính trị trong chế độ tư bản chủ nghĩa, phù hợp với những khuôn khổ của nó.

Thứ hai, P. Látxan tuyên truyền, cổ vũ cho quan điểm duy tâm chủ nghĩa về nhà nước, trông mong nhà nước giúp đỡ để thực hiện công cuộc giải phóng kinh tế của giai cấp công nhân. Với P. Látxan thì nhà nước không được coi là công cụ áp bức giai cấp mà là cái gọi là “tổ chức đồ sộ, hợp tác xã đồ sộ của giai cấp lao động”. Vì vậy, P. Látxan gửi gắm hy vọng thực hiện chủ nghĩa xã hội vào sự giúp

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.19, tr.167.

đỡ của nhà nước, chủ trương dùng nhà nước Phổ trực tiếp can dự vào việc thực hiện chủ nghĩa xã hội. Tức là, cần phải thành lập các hợp tác xã để cho giai cấp công nhân làm chủ xí nghiệp và nhận được thu nhập không bị cắt xén, muốn vậy thì cần có nhiều vốn và vốn này do nhà nước cấp. Bằng cách đó, người lao động sẽ thoát khỏi nghèo khổ, chủ nghĩa xã hội vì thế mà được thực hiện. Quan điểm này của P. Látxan thực chất xuất phát từ lập trường duy tâm siêu hình về quy luật phát triển của xã hội, coi nhà nước (mà trực tiếp là nhà nước quân chủ) là một nhà nước siêu giai cấp, đứng trên các giai cấp, dẫn đến chủ trương điều hòa các mâu thuẫn xã hội bằng thỏa hiệp giai cấp về chính trị. Quan điểm này đã “đầu độc” giai cấp công nhân Đức, làm tê liệt tinh thần và ý chí đấu tranh của họ.

Thứ ba, phái Látxan kêu gọi thực hiện chủ nghĩa xã hội thông qua quyền phổ thông đầu phiếu, vì chỉ cần điều đó là có thể biến nhà nước chuyên chế Phổ thành “nhà nước tự do”, sau đó nhà nước ấy sẽ đem tiền của dùng vào chiến tranh để xây dựng các hợp tác xã sản xuất, làm cho công nhân thoát khỏi nghèo khổ. Để có quyền phổ thông đầu phiếu thì phải thông qua tuyên truyền, cổ động, tổ chức công nhân lại thành lập Tổng hội đồng Liên hiệp công nhân Đức. Để thực hiện cái gọi là phổ thông đầu phiếu, Tổng hội đồng sẽ lãnh đạo làm cho tuyệt đại đa số nhân dân hiểu được tầm quan trọng của quyền phổ thông đầu phiếu mà xả thân vào hoạt động này. Như vậy sẽ tạo

ra sức mạnh không gì chống cự nổi, tiến lên giành thắng lợi. Tư tưởng này của P. Látxan thực tế là cải lương chủ nghĩa, thỏa hiệp và theo đuổi giai cấp tư sản, giai cấp phong kiến. Nó đã tước đi vũ khí hữu hiệu nhất của giai cấp vô sản trong cuộc đấu tranh chống các giai cấp thống trị để giải phóng mình và giải phóng toàn bộ xã hội đó là bạo lực cách mạng.

2. Cuộc đấu tranh của C. Mác và Ph. Ăngghen chống chủ nghĩa Látxan

Trong khi cuộc đấu tranh với chủ nghĩa Prudông còn đang tiếp diễn thì chủ nghĩa cơ hội Látxan đã ra đời và ảnh hưởng rất xấu tới phong trào công nhân Đức. Tư tưởng cải lương, thỏa hiệp và phản động mà nó đưa ra trong hoàn cảnh ở nước Đức giai cấp công nhân chưa phát triển, tầng lớp trí thức, tiểu tư sản, trung tiểu nông lại có ảnh hưởng lớn trong phong trào công nhân nên đã đầu độc, đánh lừa được một bộ phận giai cấp công nhân ở quốc gia bị chia năm xẻ bảy này. Trước tình hình đó, Ph. Ăngghen đã viết tác phẩm *Vấn đề quân sự ở Phổ và Đảng công nhân Đức*, trực tiếp đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội Látxan. C. Mác và Ph. Ăngghen thông qua việc trình bày trực tiếp các quan điểm của chủ nghĩa Mác nhằm loại bỏ ảnh hưởng của chủ nghĩa Látxan.

Đầu thập niên 70 của thế kỷ XIX, trung tâm của phong trào công nhân đã chuyển từ Pháp sang Đức, tuy nhiên phong trào công nhân Đức còn phân tán.

Trước tình hình đó, để thống nhất phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân, C. Mác và Ph. Ăngghen đã yêu cầu phái Látxan (Látxan đứng đầu Tổng hội đồng Liên hiệp công nhân Đức, được thành lập năm 1863) và phái Aidonách (tổ chức Đảng Dân chủ - xã hội Đức, được thành lập năm 1869 do Lípnech và Bêben lãnh đạo) hợp nhất trên cơ sở những nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội khoa học, từ bỏ tư tưởng bè phái. Tuy nhiên, những người lãnh đạo phái Aidonách đã hợp nhất vô nguyên tắc, không quan tâm đến những lời nhắc nhở của C. Mác và Ph. Ăngghen. Trong thời gian từ tháng 11 đến giữa tháng 12/1874, họ đã hội đàm, khởi thảo một bản thảo cương lĩnh hợp nhất, trong đó giữ lại nhiều quan điểm của chủ nghĩa cơ hội Látxan. Ngày 07/3/1875, bản dự thảo cương lĩnh hợp nhất được công bố.

Khi đọc bản dự thảo đó, C. Mác và Ph. Ăngghen đã phẫn nộ, cho rằng bản cương lĩnh này sẽ làm cho đảng biến chất. C. Mác phê phán những sai lầm thỏa hiệp, hữu khuynh vô nguyên tắc của những người lãnh đạo Đảng Dân chủ - xã hội Đức, vạch trần bản chất cơ hội, cải lương của phái Látxan. Trong *Thư gửi Brắccơ* ngày 05/5/1875, C. Mác viết: “nghĩa vụ của tôi là không được thừa nhận, dù là bằng một sự im lặng ngoại giao đi nữa, một cương lĩnh mà tôi tin chắc là hoàn toàn vô dụng và đang làm cho Đảng bị mất tinh thần”¹. C. Mác đã viết tác phẩm *Phê phán*

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.19, tr.24.

Cương lĩnh Gôta (năm 1875). Trong tác phẩm, C. Mác đã phê phán về nguyên lý lý luận và chính trị trong Cương lĩnh Gôta là chịu ảnh hưởng của phái Látxan, đồng thời phát triển những vấn đề cơ bản về lý luận chủ nghĩa cộng sản khoa học. C. Mác đã vạch trần tính chất sai lầm và phản động của P. Látxan trên những vấn đề cơ bản sau:

Thứ nhất, C. Mác phê phán những quan điểm tiêu tu sản của P. Látxan về lao động và phân phối.

Cương lĩnh Gôta sao chép nguyên xi quan điểm của P. Látxan, trong đó viết: “lao động là nguồn của mọi của cải và của mọi văn hóa”, còn lao động “có ích” không tách rời xã hội, cho nên thu nhập do lao động đem lại là “thuộc về tất cả mọi thành viên trong xã hội một cách không bị cắt xén”, “theo những quyền ngang nhau”. Luận điểm này gây ra sự ngộ nhận rằng: người lao động không cần đến tư liệu sản xuất, người lao động tay trắng, không có sở hữu nào khác ngoài sức lao động của mình nhưng vẫn có thể sáng tạo ra của cải; hiện tượng giàu nghèo trong xã hội tư bản là do lao động tốt hoặc tồi tạo ra chứ không liên quan gì đến chế độ sở hữu về tư liệu sản xuất; mọi của cải là do tư sản làm ra chứ không phải do bóc lột mà có.

C. Mác khẳng định, đó là quan điểm sai lầm nhằm lẫn tránh chế độ sở hữu tư liệu sản xuất, che đậy tình trạng bóc lột giai cấp. C. Mác cho rằng, đó là câu nói rỗng tuếch, đã bỏ qua những điều kiện mà chỉ có chúng mới có thể làm cho câu nói ấy có nghĩa, những điều kiện đó chính là giới tự nhiên và lao động. C. Mác viết: “Chỉ trong chừng mực

mà con người ngay từ đầu, đối xử với giới tự nhiên, - nguồn gốc đầu tiên của mọi tư liệu lao động và đối tượng lao động, - với tư cách là kẻ sở hữu; trong chừng nào mà con người đối xử với giới tự nhiên coi đó là một vật thuộc về mình thì chừng ấy, lao động của con người mới trở thành nguồn gốc của các giá trị sử dụng, do đó mới trở thành nguồn gốc của của cải”¹.

C. Mác cũng chỉ ra rằng: “Lao động *không phải là nguồn* của mọi của cải. *Giới tự nhiên*, cũng như lao động, là nguồn của những giá trị sử dụng”². Sự sáng tạo ra của cải vật chất cần phải có hai nhân tố là giới tự nhiên và lao động. Nếu lẩn tránh vấn đề quan trọng là hình thức chiếm hữu tư liệu sản xuất này, chỉ nói suông “lao động”, tức là che đậy quan hệ bóc lột của chủ nghĩa tư bản và nguồn gốc khiến giai cấp vô sản bị bóc lột và nô dịch, làm như thể là sự nghèo khó và địa vị vốn có của giai cấp công nhân đều do họ lao động yếu kém mà ra vậy. Trong chủ nghĩa tư bản, người lao động không có sở hữu nào khác ngoài sức lao động của mình, lao động của họ trở thành nguồn gốc của mọi của cải để cho các giai cấp bóc lột ăn không ngồi rồi, tiêu dùng và tích lũy. Lao động càng phát triển thành lao động xã hội và do đó trở thành nguồn gốc của của cải và của văn hóa thì sự nghèo khổ lại càng phát triển ở phía người lao động, còn của cải và văn hóa lại càng phát triển ở phía kẻ không lao động.

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.19, tr.26-27, 26.

C. Mác cho rằng, chính vì những tư liệu sản xuất đã bị bọn bóc lột chiếm hữu, cho nên, với sự phát triển của xã hội, sự bần cùng và ngu muội của người lao động càng ngày càng sâu sắc thêm, của cải và trình độ văn hóa của bọn bóc lột càng tăng lên, đó là quy luật phát triển của toàn bộ lịch sử từ khi chế độ chiếm hữu ra đời đến nay. Do đó, sự tồn tại khách quan của chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất tất nhiên sẽ làm cho sự phân phối “công bằng” trở thành một câu nói rỗng tuếch. Ở đây, thu nhập của người lao động trước hết phải được dùng để thỏa mãn nhu cầu của tài sản tư hữu của nhà nước, của các cơ quan chính phủ ra đời trên cơ sở chế độ tư hữu ấy, sau đó mới có thể nói đến phân phối. Vì vậy, phải xóa bỏ chế độ tư hữu, thiết lập chế độ công hữu xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất.

C. Mác đã phê phán yêu sách kinh tế ghi trong cương lĩnh là thực hiện “phân phối công bằng”, đòi sản phẩm mà lao động thuộc về mọi thành viên trong xã hội. Theo C. Mác, cái gọi là thu nhập do lao động đem lại là thuộc về tất cả mọi thành viên trong xã hội một cách không bị cắt xén, theo những quyền ngang nhau mà P. Látxan đưa ra là yêu sách lông bông, rỗng tuếch, đó là câu nói của những người “đốt đặc” về khoa học kinh tế. C. Mác đặt vấn đề: Thu nhập của người lao động là thuộc về tất cả mọi thành viên trong xã hội một cách không bị cắt xén, theo những quyền ngang nhau thuộc về tất cả mọi thành viên trong xã hội ư? Kể cả những kẻ không lao động ư? Thế còn đâu là cái

“thu nhập không bị cắt xén của lao động”? Nó chỉ thuộc về những thành viên có lao động trong xã hội thôi ư? Thế thì cái “quyền ngang nhau” của tất cả mọi thành viên trong xã hội sẽ ra sao? C. Mác giả thuyết: theo cách nói của họ, nếu mọi thành viên trong xã hội đều hưởng theo quyền lợi bình đẳng, đều nhận được sự thu nhập “toàn vẹn”, thế thì kẻ không lao động cũng được hưởng thu nhập. Đó là phi lý và vạch rõ: “Nếu kẻ nào tự mình không lao động thì kẻ đó sống nhờ vào lao động của người khác và cái văn hóa của hắn, hắn cũng phải nhờ vào lao động của người khác mới có được”¹. Chỉ riêng điều đó cũng đã làm cho thu nhập của người lao động bị khấu trừ rồi, như vậy thì còn đâu là cái thu nhập không bị cắt xén của lao động và nếu chỉ có những người lao động mới được hưởng thu nhập thì làm sao có thể nói được mọi thành viên trong xã hội có quyền bình đẳng.

C. Mác cho rằng, phương thức phân phối bao giờ cũng do phương thức sản xuất và trình độ sản xuất quyết định. Chẳng những dưới chế độ tư hữu việc phân phối không thể “bị cắt xén”, mà cả khi chế độ tư hữu đã bị xóa bỏ, trong xã hội cộng sản chủ nghĩa tương lai, việc phân phối cũng không thể “không bị cắt xén”. Thu nhập lao động là thu nhập có cắt xén, tức là phải khấu trừ các bộ phận tất yếu về kinh tế, như là một phần để bù đắp tư liệu sản xuất đã tiêu dùng, một phần phụ thêm để mở

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.19, tr.27.

rộng sản xuất, một phần làm quỹ dự trữ hoặc quỹ bảo hiểm để phòng tai nạn và thiên tai; ngoài những khoản đó ra, còn phải khấu trừ cho những khoản chi tiêu hành chính và chi tiêu của cơ quan nhà nước, quỹ phúc lợi xã hội, nuôi dưỡng những người đã mất khả năng lao động... Chỉ sau khi khấu trừ những khoản đó mới có thể tiến hành phân phối cho cá nhân.

Như vậy, C. Mác đã phê phán yêu sách kinh tế của chủ nghĩa Látxan mà *Cương lĩnh Gôta* đã đưa vào và vạch ra rằng yêu sách này là dựa trên cơ sở của kinh tế học tư sản, nó cắt rời giữa phân phối với sản xuất.

Thứ hai, C. Mác phê phán lập trường của P. Látxan lẫn lộn ranh giới giai cấp và chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, phản bội chủ nghĩa quốc tế của giai cấp vô sản.

P. Látxan từng nói, ngoài giai cấp vô sản, tất cả các giai cấp khác chỉ là một khối phản động. *Cương lĩnh Gôta* đã tích cực cổ vũ quan điểm cơ hội chủ nghĩa này của P. Látxan. C. Mác đã chỉ ra rằng, điều đó đã xuyên tạc luận điểm “trong tất cả các giai cấp đối lập với giai cấp tư sản thì chỉ có giai cấp vô sản là giai cấp thực sự cách mạng” được trình bày trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* (năm 1848). Sự xuyên tạc ấy làm lẫn lộn ranh giới giữa bạn và thù, về căn bản đã phủ nhận tính cách mạng của nông dân và tầng lớp tiểu tư sản. Căn cứ vào những kinh nghiệm đấu tranh của Đảng công nhân Đức, C. Mác đã chỉ ra một cách rõ ràng và chính xác rằng, các đảng cấp trung gian, đặc biệt là quảng đại quần chúng nông dân

vốn có tiềm lực cách mạng vô cùng lớn, trong đấu tranh cách mạng, giai cấp vô sản phải liên minh với nông dân.

C. Mác khẳng định: “Látxan thuộc lâu cuốn “Tuyên ngôn cộng sản”, cũng như các tín đồ của ông ta thuộc những thánh thư do ông ta viết ra. Sở dĩ ông ta xuyên tạc cuốn “Tuyên ngôn” một cách thô bỉ như thế vì đó chỉ là để biện hộ cho sự liên minh của ông ta với những kẻ thù chuyên chế và phong kiến chống giai cấp tư sản”¹.

C. Mác phê phán phái Látxan đưa ra yêu sách tổ chức những “Hợp tác xã sản xuất” của công nhân do nhà nước giúp đỡ và cho rằng: đề ra yêu sách này mục đích làm cho phong trào công nhân quay về hoạt động bè phái, thay thế đấu tranh giai cấp bằng những hoạt động bè phái, làm cho phong trào công nhân đi vào thế cô lập trước mặt kẻ thù giai cấp. Theo C. Mác, những người lao động muốn có những điều kiện sản xuất tập thể theo quy mô xã hội và trước hết theo quy mô dân tộc, điều đó chỉ có nghĩa là họ cố gắng tìm cách lật đổ những điều kiện sản xuất hiện nay và việc đó không liên quan gì tới việc thành lập những hợp tác xã do nhà nước giúp đỡ.

C. Mác phê phán *Cương lĩnh Gôta* đã theo đuôi P. Látxan, nhìn nhận phong trào công nhân theo quan điểm dân tộc hẹp hòi, đóng khung nhiệm vụ và phạm vi hoạt động của giai cấp công nhân trong khuôn khổ nước mình, chẳng có một chữ nào đề cập đến nhiệm vụ và chức

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.19, tr.39.

năng quốc tế của giai cấp công nhân. C. Mác cho rằng, nguyên tắc chủ nghĩa quốc tế là đòi hỏi tất yếu đối với phong trào công nhân bắt nguồn từ mối quan hệ quốc tế của nền sản xuất đại công nghiệp. Phong trào công nhân càng phải giữ vững nguyên tắc chủ nghĩa quốc tế, để đối phó với giai cấp tư sản nước mình đã cấu kết chặt chẽ với bọn tư sản ở các nước khác nhằm chống giai cấp công nhân và để đối phó với âm mưu quốc tế của Bixmác.

C. Mác phê phán *Cương lĩnh Gôta* đã phản bội chủ nghĩa quốc tế của giai cấp vô sản. C. Mác không phủ định yếu tố dân tộc trong chủ nghĩa xã hội nhưng ông phê phán *Cương lĩnh Gôta* đã quá sa vào “chủ nghĩa xã hội dân tộc”. C. Mác chỉ rõ: “Látxan đã đứng trên một quan điểm dân tộc hết sức hẹp hòi để xem xét phong trào công nhân”¹. Đồng thời, ông phê phán bọn quý tộc tư sản Đức đang lợi dụng chủ nghĩa dân tộc của P. Látxan để bắt giai cấp công nhân phục tùng quyền lợi và yêu cầu của giai cấp tư sản.

Theo C. Mác, giai cấp công nhân với tư cách là một giai cấp, phải tự tổ chức lại ở trong nước họ và vũ đài trực tiếp của cuộc đấu tranh của họ là ở trong nước. Chính vì thế mà cuộc đấu tranh giai cấp của họ có tính chất dân tộc, không phải về mặt nội dung mà là về mặt hình thức của nó như *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đã đề cập. C. Mác chỉ ra Đảng công nhân Đức thì thu

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.19, tr.39.

hẹp chủ nghĩa quốc tế của họ thành sự nhận thức rằng kết quả của những cố gắng của họ sẽ là tình hữu nghị quốc tế giữa các dân tộc, còn những chức năng quốc tế của giai cấp công nhân Đức thì không được nói tới.

C. Mác khẳng định, giai cấp vô sản có nghĩa vụ quốc tế và nhấn mạnh: “Hoạt động quốc tế của giai cấp công nhân các nước tuyệt nhiên không tùy thuộc ở sự tồn tại của *“Hội liên hiệp lao động quốc tế”*. Hội này chỉ là mưu toan đầu tiên để đem lại cho hoạt động quốc tế một cơ quan trung ương, một mưu toan đã để lại kết quả không thể xóa nhòa được vì sức thúc đẩy của nó, nhưng *dưới cái dạng lịch sử đầu tiên của nó* sau khi Công xã Paris thất bại thì nó không thể tiếp tục lâu hơn nữa”¹.

Thứ ba, C. Mác phê phán “quy luật sắt về tiền công” của P. Látxan.

Cương lĩnh Gôta đã cố nhét cái “lý luận sắt về tiền công” của P. Látxan vào Cương lĩnh. Theo C. Mác, P. Látxan đã dựa vào thuyết nhân khẩu của Mantuyt cho rằng, dân số trong xã hội bao giờ cũng thừa, tư liệu sinh hoạt tăng lên chậm hơn mức tăng của nhân khẩu, do đó chỉ có thể có được tiền công với mức thấp nhất và gọi đây là “quy luật sắt về tiền công”. C. Mác khẳng định, P. Látxan bịa ra và thừa nhận cái “quy luật sắt” ấy là có thật chứ không phải có quy luật sắt của kinh tế tư bản chủ nghĩa. C. Mác chỉ rõ: “Látxan trước kia *không hiểu* tiền công là gì và theo

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.19, tr.40.

đuôi những nhà kinh tế học tư sản, ông đã lấy biểu hiện bên ngoài làm bản chất của sự vật”¹.

C. Mác chỉ ra rằng, cái quy luật này của P. Látxan đã quy nguyên nhân nghèo khổ của giai cấp vô sản là do sự tăng dân số tự nhiên. Bản chất của quan điểm này nhằm nói rằng, quy luật về tiền công và sự bần cùng hóa của giai cấp vô sản vốn chỉ có trong chủ nghĩa tư bản là “quy luật tự nhiên”. Rõ ràng P. Látxan không hiểu bản chất của lý luận giá trị thặng dư, cho nên không biết rằng tiền công không phải là giá trị hay giá cả của lao động mà nó là hình thái ngụy trang của giá trị hay giá cả sức lao động. P. Látxan đã bịa ra “quy luật sắt về tiền công” trên cơ sở hiểu biết méo mó về bản chất tiền công tư bản chủ nghĩa. Thừa nhận “quy luật sắt về tiền công” tức là thừa nhận sự bần cùng và thất nghiệp của công nhân không phải do bản thân chế độ tư bản chủ nghĩa gây ra, mà là do sự tăng thêm của chính nhân khẩu công nhân. Như vậy cũng có nghĩa là việc giai cấp công nhân đấu tranh đòi tăng tiền công là một việc làm không có ý nghĩa gì.

Chỉ rõ tác hại của lý luận do P. Látxan nêu ra đối với phong trào công nhân, C. Mác và Ph. Ăngghen khẳng định, cuộc đấu tranh đòi tăng tiền công của giai cấp công nhân không những bảo vệ lợi ích thiết thân của họ, mà còn là một bộ phận hợp thành tất yếu của cuộc đấu tranh

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.19, tr.43.

của giai cấp công nhân chống lại các nhà tư bản. Đồng thời, cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân không chỉ dừng lại ở đấu tranh hàng ngày đòi tăng tiền công mà còn phải tiến xa hơn, kết hợp cuộc đấu tranh đó với cuộc đấu tranh chống toàn bộ chế độ tư bản chủ nghĩa.

Luận điểm “quy luật sắt về tiền công” của phái Látxan che đậy bản chất bóc lột của giai cấp tư sản. Theo C. Mác, nếu quy luật ấy có thật thì người ta cũng không thể xóa bỏ nó được. Vì vậy, quy luật này có tồn tại hay không thì việc đề ra yêu sách trong cương lĩnh đòi xóa bỏ quy luật cũng vẫn là sai. Trong bộ *Tư bản*, C. Mác đã chỉ ra rằng: tiền công là hình thức biểu hiện giá trị hay giá cả của sức lao động, cái quyết định con số thực tế của tiền công là do ở mỗi phương thức cụ thể, do ở nhiều điều kiện, chứ không phải là do ở “quy luật sắt” nào cả. Học thuyết về giá trị thặng dư của C. Mác đã bóc trần nguồn gốc và thực chất của sự bần cùng hóa giai cấp công nhân trong điều kiện chủ nghĩa tư bản, do đó đã đập tan cả thuyết “nhân khẩu thừa” của Mantuyt.

Theo học thuyết giá trị thặng dư của C. Mác, muốn xóa bỏ hệ thống tiền công cần xóa bỏ lao động làm thuê, như thế có nghĩa là phải xóa bỏ hệ thống kinh tế tư bản chủ nghĩa. Vì vậy, việc xóa bỏ tiền công được đề ra như là một điều chủ yếu và độc lập là không đúng. Cho nên, đưa ra cái gọi là “quy luật sắt” vào trong cương lĩnh của đảng tức là đã phản lại lý luận chủ nghĩa cộng sản khoa học. C. Mác phê phán và chỉ trích những người lãnh đạo Đảng

Dân chủ - xã hội Đức đã tụt lùi trước những điều “ngu xuẩn” của phái Látxan. C. Mác chỉ ra rằng: vấn đề không phải là tiêu diệt hay không cái “quy luật sắt” sai lầm đó mà là tiêu diệt chế độ tư bản chủ nghĩa đề ra chế độ tiền công thảm hại ấy, đó là mục tiêu của cách mạng. C. Mác cũng yêu cầu giai cấp công nhân rằng: “Thay cho khẩu hiệu *bảo thủ* “*Tiền công công bằng cho một ngày lao động công bằng!*”, họ phải viết lên lá cờ của mình khẩu hiệu cách mạng: “*Xóa bỏ chế độ lao động làm thuê!*”¹.

Thứ tư, phê phán luận điểm nhằm nhí mà chủ nghĩa Látxan cố sùỵ về “nhà nước tự do” dựa theo quan điểm siêu giai cấp của P. Látxan.

C. Mác phê phán cái gọi là “nhà nước tự do” và cho rằng: “Đảng công nhân Đức dùng mọi thủ đoạn hợp pháp để đấu tranh thành lập một *nhà nước tự do - và - xã hội xã hội chủ nghĩa*”². Đây là một quan điểm phản động hòng phủ định nguyên lý của chủ nghĩa Mác về sự cần thiết phải thiết lập nhà nước chuyên chính vô sản. *Cương lĩnh Gôta* không bóc trần bản chất của đế chế Đức, không nói đến cách mạng vô sản và chuyên chính vô sản, mà lấy việc xây dựng “nhà nước tự do” làm mục tiêu đấu tranh của Đảng. Thực chất lý luận hạt nhân của chủ nghĩa Látxan về phong trào công nhân là đề xướng một thứ “chủ nghĩa xã hội của chính phủ vương quốc Phổ”³.

1, 3. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.16, tr.209, 307.

2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.19, tr.41.

Về vấn đề này được C. Mác đã chỉ ra rằng, xây dựng “nhà nước tự do” là khẩu hiệu của giai cấp tư sản “quyết không phải là mục đích của những người công nhân đã thoát khỏi cái cách suy nghĩ hạn chế của những thân dân”¹. Ông phê phán Đảng công nhân Đức chưa thấm nhuần tư tưởng xã hội chủ nghĩa, coi Nhà nước Đức là một thực thể độc lập, có những cơ sở tinh thần, đạo đức và tự do riêng. Nói “nhà nước tự do” nghĩa là muốn nhà nước tồn tại mãi mãi và trong thực tế là sùng bái nhà nước đương thời. Hơn nữa, “nhà nước tự do” là gì? Và đối với ai để nói nhà nước tự do? Giai cấp vô sản cần nhà nước không phải là vì để tự do mà là để trấn áp giai cấp bóc lột, vậy yêu sách “nhà nước tự do” cũng là rỗng tuếch. Mục đích của cách mạng vô sản là nhằm xóa bỏ bóc lột, xóa bỏ giai cấp, thực hiện chủ nghĩa cộng sản, không phải để biến nhà nước thành “nhà nước tự do”. Mà giai cấp vô sản muốn giành lấy tự do thì phải lật đổ ách thống trị của giai cấp bóc lột, giành lấy chính quyền nhà nước, lập nhà nước chuyên chính vô sản để đi tới chủ nghĩa cộng sản. Nhưng, đối với các giai cấp bóc lột đã bị lật đổ, nhà nước chuyên chính vô sản cũng vẫn là công cụ đàn áp chứ không phải là “nhà nước tự do”. Giai cấp vô sản phải thiết lập nhà nước chuyên chính vô sản là tất yếu khách quan, khi hoàn thành sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản thì nên chuyên chính vô sản cũng tự tiêu vong.

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.19, tr.46.

Theo C. Mác, “nhà nước tự do” hoàn toàn là một khái niệm đầy mâu thuẫn, “Vì nhà nước chỉ là thiết chế nhất thời mà người ta sử dụng trong đấu tranh, trong cách mạng để dùng bạo lực đè bẹp các kẻ thù của mình, cho nên nếu nói đến nhà nước nhân dân tự do thì đó chỉ là điều phi lý thuần túy: chừng nào giai cấp vô sản còn *cần đến* nhà nước, thì giai cấp ấy cần đến nó không phải vì lợi ích của tự do, mà vì lợi ích của việc đè bẹp các đối thủ của mình, còn khi nào có thể nói đến tự do thì nhà nước, với tính cách là như thế sẽ *thôi tồn tại*”¹ tự do và nhà nước về căn bản không thể gắn với nhau là một được. Cho nên, “toàn bộ chủ nghĩa xã hội của Látxan là thóa mạ các nhà tư bản và phỉn nịnh bọn địa chủ quý tộc Phổ hủ lậu... Látxan mang đầy ảo tưởng về sứ mệnh của Bixmác là xây dựng vương quốc nghìn năm xã hội chủ nghĩa”².

Có thể nói, *Cương lĩnh Gôta* cũng như lý luận của P. Látxan đã phản lại lý luận mácxít khoa học. Thông qua tác phẩm *Phê phán Cương lĩnh Gôta* - một tác phẩm mẫu mực về đấu tranh không khoan nhượng chống chủ nghĩa cơ hội dưới mọi màu sắc, bảo vệ các mục tiêu và đường lối cách mạng của phong trào công nhân, C. Mác đã đánh bại lý luận của phái Látxan. Cũng thông qua cuộc đấu tranh này C. Mác đã phát triển lý luận về hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, làm nổi bật tính tất yếu, vai trò

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.34, tr.184-185.

2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.16, tr.307.

lịch sử của chuyên chính vô sản và phát triển thêm một bước học thuyết về nhà nước.

IV- C. MÁC VÀ PH. ĂNGGHEN ĐẤU TRANH CHỐNG CHỦ NGHĨA VÔ CHÍNH PHỦ BACUNIN

1. Vài nét về M.A. Bacunin và chủ nghĩa vô chính phủ Bacunin

Xuất hiện gần như đồng thời với chủ nghĩa Látxan vào những năm 60 của thế kỷ XIX là chủ nghĩa vô chính phủ Bacunin. Chủ nghĩa vô chính phủ Bacunin là kẻ thù phá hoại lớn nhất của Quốc tế I và phái cơ hội có ảnh hưởng rộng rãi nhất trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế cuối những năm 70 thế kỷ XIX. Đây là một trào lưu tư tưởng chính trị tiểu tư sản được ngụy trang bằng những câu chữ cách mạng cực đoan; là một bè phái chính trị gồm “rất nhiều những kẻ bịp bợm, những kẻ mạo hiểm, những gã lừa đảo, những tên mật vụ cảnh sát, những bọn buôn gian bán lận và những người nhút nhát”¹.

Mikhailin Aléxandrôvich Bacunin (1814 - 1876) là nhà hoạt động cách mạng Nga, nhà lý thuyết về chủ nghĩa vô chính phủ. Từ rất sớm, M.A. Bacunin tôn thờ triết học cổ điển Đức, chịu ảnh hưởng sâu sắc ở khía cạnh phản động và chủ nghĩa bảo thủ của triết học Hêghen. Trong những năm 40 của thế kỷ XIX, ông cũng bắt đầu tiếp thu

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.18, tr.728.

chủ nghĩa vô chính phủ của Stiécơ, P.G. Prudông và chủ nghĩa cộng sản không tưởng Vaitolin. M.A. Bacunin là kẻ đầu tiên giương cao ngọn cờ chủ nghĩa vô chính phủ, kêu gọi “chúng ta không sợ tình trạng vô chính phủ, mà còn kêu gọi thiết lập tình trạng đó”¹.

M.A. Bacunin là sĩ quan có nguồn gốc quý tộc; vì có tư tưởng cách mạng, ông đã từ chức và buộc phải lánh ra nước ngoài. Khi tới Pari, thủ đô nước Pháp, M.A. Bacunin được gặp và quen biết C. Mác, P.G. Prudông; năm 1849 trở về Nga thì bị bắt và đi đày ở Xibiri (năm 1859). Nhưng sau đó, M.A. Bacunin trốn thoát (năm 1861) và lánh nạn ở Anh, Thụy Sĩ và hầu khắp các nước châu Âu. M.A. Bacunin đã tham gia hoặc ủng hộ hầu như tất cả các cuộc cách mạng ở châu Âu (khởi nghĩa ở Pari năm 1848, Praha năm 1848, Ba Lan năm 1863, Liông năm 1870 và Mácxây năm 1870). Năm 1867, M.A. Bacunin tham gia Quốc tế I và đã thành lập một chi bộ của người Italia ở Napôli; năm 1868 thành lập “Đồng minh dân chủ xã hội”, một tổ chức cách mạng có tính chất vô chính phủ, chủ trương xóa bỏ giai cấp, đưa mọi của cải vào làm của chung, thủ tiêu nhà nước và mọi quyền lực. Trong Quốc tế I, M.A. Bacunin âm mưu chia rẽ, đối lập với C. Mác, hòng chiếm quyền lãnh đạo. Tại Đại hội của Quốc tế I ở La Hay (Hà Lan) năm 1872, M.A. Bacunin đã bị trục xuất khỏi tổ chức Quốc tế Cộng sản. Tác phẩm thể hiện đầy đủ tư tưởng vô chính

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.18, tr.625.

phủ của M.A. Bacunin là cuốn *Nhà nước và vô chính phủ* (năm 1873). Tư tưởng của M.A. Bacunin đã có ảnh hưởng lớn đến phong trào vô chính phủ, nhất là ở Nga.

Nội dung cơ bản của chủ nghĩa vô chính phủ Bacunin được thể hiện trong một số tác phẩm như *Cương lĩnh của Tổ chức cách mạng quốc tế* và *Nguyên tắc và tổ chức của Tổ chức cách mạng quốc tế* (năm 1866); *Chủ nghĩa liên bang, chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa vô thần* (năm 1867); *Công xã Pari và khái niệm về nhà nước* (năm 1871); *Thượng đế và nhà nước* (1870 - 1871); *Thế chế nhà nước và tình trạng vô chính phủ* (năm 1873)... với một số luận điểm sau:

Một là, M.A. Bacunin cho rằng “cái phủ định triệt để nhất, độc ác nhất và tàn khốc nhất” đối với nhân loại là do quyền thừa kế tài sản tư hữu tư bản chủ nghĩa gây ra, bởi quyền thừa kế làm cho tài sản của một giai cấp càng được tích lũy nhiều, tạo cơ sở kinh tế cho giai cấp tư sản bóc lột giai cấp vô sản. Sự tồn tại của nó là nguồn gốc gây ra những bất bình đẳng về kinh tế, về giai cấp, về chính trị và xã hội. Do đó, theo M.A. Bacunin thì phải “bắt đầu từ việc xóa bỏ quyền thừa kế”¹, đem tài sản giao cho toàn xã hội, đó là các hiệp hội công nghiệp và hội nông nghiệp kinh doanh phân tán do mọi người tự nguyện lập ra. Các hiệp hội không bị chi phối bởi bất kỳ quyền lực nào, do đó có thể thực hiện được sự bình đẳng giữa các giai cấp.

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.18, tr.629.

Hai là, hạt nhân lý luận của chủ nghĩa vô chính phủ M.A. Bacunin là chống lại và xóa bỏ mọi loại nhà nước. Xuất phát từ quan điểm duy tâm về lịch sử, ông ta cho rằng nhà nước ra đời là để bảo vệ các đặc quyền của một vài nhân vật, là nguồn gốc sinh ra và tồn tại chế độ tư hữu cùng sự bất bình đẳng giữa các giai cấp. Phủ nhận lý luận của chủ nghĩa Mác về nhà nước chuyên chính vô sản, cho rằng chuyên chính vô sản cũng giống như bất kỳ kiểu nhà nước nào, “nhất định phải có “sự thống trị”, do đó, có cả “sự nô dịch”¹, là sự quản lý nặng nề nhất khiến người ta bị áp bức và lặn nhục nhất. Vì thế, M.A. Bacunin chủ trương xóa bỏ nhà nước ngay lập tức để thay thế nó bằng một xã hội vô chính phủ.

Ba là, đặc trưng lý luận của chủ nghĩa vô chính phủ Bacunin là chống lại mọi quyền uy. Cho mọi quyền uy đều là giả dối, ngang ngược và cực kỳ có hại. M.A. Bacunin biến “chủ nghĩa chống quyền uy” thành vũ khí chính trị để phá hoại và chống lại quyền uy cách mạng của giai cấp vô sản. Đúng như Ph. Ăngghen đã chỉ ra, đầu tiên phái Bacunin “lạm dụng từ “quyền uy” như thế nào”. “Hễ có điều gì đó phái Bacunin không thích thì họ bèn tuyên bố: đó là dựa trên quyền uy và nghĩ rằng bằng cách đó họ đã đưa ra lời kết án vĩnh viễn”².

Bốn là, M.A. Bacunin phản đối cuộc đấu tranh chính trị của giai cấp công nhân. Ông ta cho rằng, một khi giai

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.18, tr.861.

2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.33, tr.496.

cấp công nhân đấu tranh chính trị chống lại nhà nước tư bản chủ nghĩa thì có nghĩa là đã thừa nhận chế độ nhà nước tư bản và chế độ chính trị của giai cấp tư sản rồi. Để xóa bỏ mọi nhà nước và xóa bỏ quyền uy, M.A. Bacunin đặt hy vọng vào một sự kiện bất ngờ, tức là “xóa bỏ nhà nước trong vòng một ngày”, sau đó thay thế vào đó bằng một xã hội ở “tình trạng vô chính phủ”, ở đó sẽ không có bất cứ quyền uy nào, người người đều được hưởng quyền bình đẳng, tự do và có nhân tính...

Thực chất, học thuyết của M.A. Bacunin là sự pha tạp giữa các tư tưởng của chủ nghĩa xã hội không tưởng, chủ nghĩa vô chính phủ... được nhào lặn thông qua thế giới quan của một người duy tâm về lịch sử và hiểu biết nông cạn về kinh tế. Học thuyết đó phủ nhận hoàn toàn sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, đấu tranh giai cấp và bạo lực cách mạng, phủ nhận hoàn toàn chuyên chính vô sản, cổ vũ và giương cao ngọn cờ vô chính phủ làm “lý tưởng” của mình. Cái mơ hồ lớn vô chính phủ do M.A. Bacunin sao chép, chấp vá đó đã gây ảnh hưởng rất xấu trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế từ những năm 60 của thế kỷ XIX, nó đã trở thành kẻ thù chủ yếu từ phía tả của chủ nghĩa Mác.

2. Cuộc đấu tranh của C. Mác và Ph. Ăngghen chống chủ nghĩa vô chính phủ Bacunin

Trong thời kỳ cuối của Quốc tế Cộng sản I, cuộc đấu tranh của C. Mác và Ph. Ăngghen chống trào lưu tư tưởng

xã hội chủ nghĩa tiểu tư sản được thể hiện chủ yếu trong việc phê phán phái Bacunin. Dưới sự lãnh đạo của hai ông, Quốc tế I triển khai cuộc đấu tranh gay gắt và phức tạp trong khoảng 7 năm chống chủ nghĩa vô chính phủ Bacunin. C. Mác và Ph. Ăngghen đã viết một loạt tác phẩm như: *Báo cáo của Tổng hội đồng về quyền thừa kế* (năm 1869), *Về hoạt động chính trị của giai cấp công nhân* (năm 1871), *Bàn về quyền uy* (1872 - 1873), *Chủ nghĩa thò ơ chính trị* (năm 1873), *Phái Bacunin trong hành động* (năm 1873)... tập trung đấu tranh chống phái Bacunin trên một số vấn đề sau:

Thứ nhất, phê phán M.A. Bacunin đảo ngược nhân quả trong vấn đề “quyền thừa kế” và chỉ ra rằng sự tiêu vong của quyền thừa kế là kết quả tự nhiên của việc xóa bỏ chế độ tư hữu tư liệu sản xuất.

C. Mác và Ph. Ăngghen đã chỉ ra rằng: “những đạo luật về quyền thừa kế không phải là *nguyên nhân*, mà là *kết quả*, là *kết luận pháp lý* rút ra từ *tổ chức kinh tế hiện tồn của xã hội* dựa trên chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, tức là ruộng đất, nguyên liệu, máy móc...”¹. Điều đó có nghĩa là bất kỳ pháp quyền nào cũng đều xây dựng trên cơ sở kinh tế nhất định, muốn thay đổi quan hệ pháp quyền nào đó thì trước hết phải bắt đầu từ chỗ thay đổi bản thân pháp quyền. Vì thế “chúng ta phải đấu tranh chống

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.16, tr.497.

nguyên nhân, chứ không phải chống kết quả, chống cơ sở hạ tầng kinh tế, chứ không phải chống kiến trúc thượng tầng pháp lý”¹. Là quan hệ pháp quyền, quyền thừa kế không thể có trước tài sản tư hữu. Đối với chế độ tư hữu thì việc ai có quyền hưởng tài sản tư hữu không phải là vấn đề quan trọng, dù có xóa bỏ quyền thừa kế cũng chẳng cản trở sự tồn tại của tài sản tư hữu. Vì khi chế độ tư hữu không thay đổi, tài sản tư hữu sẽ không thể bị tiêu diệt. Việc M.A. Bacunin hy vọng thực hiện bình đẳng việc xóa bỏ quyền thừa kế tài sản là điều không tưởng, ấu trĩ. C. Mác cho rằng, nghiên cứu quyền thừa kế cần phải tìm đáp án từ trong chế độ sở hữu về tư liệu sản xuất. “Công cuộc cải tạo xã hội xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất sẽ đem lại kết quả tự nhiên là *quyền thừa kế sẽ tiêu vong, song việc xóa bỏ quyền thừa kế không bao giờ có thể trở thành điểm xuất phát* của một cuộc cải tạo xã hội như vậy”².

C. Mác và Ph. Ăngghen nghiêm khắc chỉ ra rằng, những suy nghĩ của M.A. Bacunin về xóa bỏ quyền thừa kế là cực kỳ ngu dốt, nông cạn, “điều đó là sai lầm về mặt lý luận và phản động về mặt thực tiễn”, cho nên, nó sẽ “lôi kéo giai cấp công nhân rời bỏ cái vị trí mà họ thực sự phải xuất phát từ đó để tiến công vào xã hội hiện thời”³, tức là dẫn giai cấp công nhân đi vào con đường sai lầm của chủ nghĩa cải lương.

1, 2, 3. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.16, tr.498.

Thứ hai, phê phán lý luận chống lại mọi nhà nước của M.A. Bacunin, làm sáng tỏ lý luận của chủ nghĩa Mác về nhà nước.

Khi phê phán, bác bỏ những quan điểm duy tâm của M.A. Bacunin về sự ra đời và tiêu vong của nhà nước, C. Mác và Ph. Ăngghen đồng thời đã chú trọng nghiên cứu những điều kiện tiêu vong của nhà nước. C. Mác cho rằng, mục tiêu cuối cùng của cách mạng vô sản là xóa bỏ giai cấp, tiến tới tiêu diệt cái công cụ thống trị giai cấp là nhà nước. Nhưng cuộc cách mạng ấy đầu tiên phải thông qua việc thực hiện cải cách xã hội, đập tan bộ máy nhà nước của giai cấp tư sản, lập nên chuyên chính vô sản dựa trên cơ sở xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất và xóa bỏ giai cấp để tạo ra điều kiện cho nhà nước tự tiêu vong.

C. Mác và Ph. Ăngghen cũng chỉ ra nguồn gốc của tư tưởng vô chính phủ của M.A. Bacunin. Ông ta đòi xóa bỏ mọi nhà nước, kể cả nhà nước chuyên chính vô sản là vì ông ta dựa vào quan điểm không tưởng cho rằng: các quyền vốn có của con người là quyền bình đẳng giai cấp. Chỉ cần tuyên bố phá sản nhà nước về mọi mặt là có quyền tự do bình đẳng ấy, nghĩa là vừa chấp nhận sự tồn tại của các giai cấp lại vừa thừa nhận sự bình đẳng giữa các giai cấp ấy. Theo C. Mác, đó là điều hết sức phi lý. C. Mác đã khẳng định, phải sử dụng chuyên chính vô sản để bảo đảm cho việc “xóa bỏ điều kiện áp bức hiện tồn bằng cách chuyển toàn bộ tư liệu lao động cho người lao

động do đó buộc mỗi cá nhân có thể lực thích hợp đều phải làm việc để bảo đảm sự sinh sống của mình, chúng ta sẽ xóa bỏ được cơ sở duy nhất của sự thống trị giai cấp và áp bức giai cấp”¹.

Thứ ba, phê phán quan điểm của M.A. Bacunin trong việc chống lại mọi quyền uy, làm sáng tỏ vai trò và địa vị quyền uy trong đời sống xã hội.

C. Mác và Ph. Ăngghen đã bác bỏ một cách nghiêm khắc luận điệu sai trái của M.A. Bacunin, đồng thời xây dựng nên một luận điểm tinh túy về quyền uy. Trong tác phẩm *Bàn về quyền uy* (1872 - 1873), Ph. Ăngghen cho rằng, quyền uy tất yếu có mối liên hệ qua lại với cơ sở kinh tế của một xã hội nhất định, nếu tách rời cơ sở kinh tế - xã hội để nói suông về quyền uy thì sẽ chẳng hiểu gì về tính chất của vấn đề quyền uy. Khi chưa có sự thay đổi về cơ sở kinh tế tương ứng mà đòi xóa bỏ quyền uy thì là điều không tưởng. Theo Ph. Ăngghen, thực chất của quyền uy là sự thống nhất tập trung ý chí tư tưởng lấy phục tùng làm tiền đề. Đó là trong xã hội tư bản lấy chế độ tư hữu tư liệu sản xuất làm cơ sở đều không thể không có quyền uy. Các hoạt động kinh tế hiện đại có xu hướng là các hành động phân tán ngày càng được thay thế bằng hành động liên hiệp của nhiều người, các hành động liên hiệp của nhiều người đang thay thế các hành động độc lập của các

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.17, tr.573-574.

cá nhân. “Nhưng hoạt động liên hợp có nghĩa là tổ chức nhau lại, mà tổ chức thì liệu không dùng đến quyền uy được chăng?”¹. Hiển nhiên là không thể được. Với sự phát triển của nền đại công nghiệp và đại nông nghiệp, các điều kiện vật chất của sản xuất và lưu thông ngày càng phức tạp thì quyền uy chẳng những không bị xóa bỏ, hơn nữa phạm vi của nó ngày càng được mở rộng.

Theo M.A. Bacunin, quyền uy chính trị được dùng làm cái cớ để ông phủ định quyền uy. Ph. Ăngghen cho rằng, với cuộc cách mạng xã hội tương lai, nhà nước chính trị và quyền uy chính trị sẽ dần dần đi tới chỗ tiêu vong, nghĩa là chức năng xã hội sẽ mất tính chất chính trị và biến thành chức năng quản lý đơn thuần chăm lo đến lợi ích xã hội. Tuy nhiên, sự thay đổi đó chỉ diễn ra sau cuộc cách mạng xã hội chứ không thể diễn ra trước đó. Trước khi xóa bỏ các quan hệ xã hội cũ, không thể và không nên xóa bỏ quyền uy chính trị một cách triệt để. Ph. Ăngghen khẳng định: “cách mạng chắc chắn là một cái có quyền uy nhất, cách mạng là một hành vi trong đó một bộ phận dân cư dùng súng, lưỡi lê, đại bác, tức là những thủ đoạn quyền uy phi thường, để cưỡng bức một bộ phận khác phải phục tùng ý chí của mình. Đảng chiến thắng không thể không dùng vũ khí của mình làm cho bọn phản động phải khiếp sợ để duy trì quyền thống trị của mình”².

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.18, tr.419, 422.

Thứ tư, phê phán luận điệu sai trái “hoàn toàn vứt bỏ mọi cuộc đấu tranh chính trị” của M.A. Bacunin, làm sáng tỏ vai trò nhân tố chính trị trong sự phát triển của xã hội.

Theo C. Mác và Ph. Ăngghen, không thể từ bỏ đấu tranh chính trị vì “bản thân mọi phong trào giai cấp đang không tránh khỏi và luôn luôn đã từng là phong trào chính trị”¹. Trong cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống lại giai cấp tư sản, không có con đường thứ ba phi chính trị, ngoài hoạt động chính trị của giai cấp vô sản và hoạt động chính trị của giai cấp tư sản. Tiến hành đấu tranh chính trị là phương thức quan trọng để giải phóng giai cấp công nhân. Ph. Ăngghen nói: “Chúng ta muốn xóa bỏ các giai cấp. Phương tiện duy nhất là quyền lực chính trị trong tay giai cấp vô sản; thế mà chúng ta không nên làm chính trị ư?”².

Còn C. Mác khi phân tích lịch sử phong trào công nhân đã cho rằng, đấu tranh chính trị là đòi hỏi tất nhiên của sự phát triển của phong trào công nhân, là một hình thức đấu tranh cao hơn, có hiệu quả, dần dần phát triển lên từ cuộc đấu tranh kinh tế tự phát của giai cấp công nhân, là một biểu hiện về sự trưởng thành của giai cấp công nhân. Đấu tranh chính trị “là phong trào của *giai cấp*, cố gắng thực hiện những lợi ích của mình dưới hình thức chung, nghĩa là dưới hình thức có hiệu

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.32, tr.921-922.

2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.17, tr.548.

lực cưỡng bức đối với toàn xã hội”¹, là một phương tiện để tổ chức giai cấp công nhân lại về mặt tư tưởng. M.A. Bacunin bảo công nhân không hoạt động chính trị rõ ràng là ý muốn giai cấp công nhân khoanh tay chịu chết trước giai cấp tư sản.

Thông qua hoạt động lý luận và thực tiễn, C. Mác và Ph. Ăngghen đã đánh bại chủ nghĩa vô chính phủ Bacunin và khai trừ ông ta ra khỏi Quốc tế I. Thắng lợi của C. Mác và Ph. Ăngghen trong cuộc đấu tranh với chủ nghĩa Bacunin đã thanh toán được một kẻ thù đặc biệt nguy hiểm của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, đưa chủ nghĩa Mác phát triển lên một tầm cao mới trong lý luận về nhà nước chuyên chính vô sản. Những phân tích đối với quyền thừa kế tài sản tư hữu, những giải thích về vấn đề quyền uy và sự khẳng định đối với cuộc đấu tranh chính trị của giai cấp vô sản đã làm phong phú thêm hệ thống các tư tưởng của chủ nghĩa duy vật lịch sử và của chủ nghĩa xã hội khoa học.

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.33, tr.455-456.

Chương III

V.I. LÊNIN ĐẤU TRANH CHỐNG CHỦ NGHĨA CƠ HỘI

I- KHÁI QUÁT THÂN THỂ VÀ SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG CỦA V.I. LÊNIN

Vladimira Ilích Lênin sinh ngày 22/4/1870 ở Simbirsk (nay là Ulianovsk), mất ngày 21/01/1924 ở làng Gorki, gần Mátxcova. V.I. Lênin tên thật là Vladimira Ilích Ulianốp. Năm 1887, V.I. Lênin tốt nghiệp xuất sắc bậc Trung học, được tuyển thẳng vào khoa Luật của Đại học Tổng hợp Kazan. Tại đây, V.I. Lênin tham gia nhóm cách mạng trong sinh viên. Sau khi tốt nghiệp khoa Luật, Lênin làm trợ lý luật sư ở Samara, đến tháng 8/1893 thì chuyển về Xanh Pêtécboa.

Thông qua tác phẩm *Những người bạn dân là thế nào và họ đấu tranh chống những người dân chủ - xã hội ra sao?* (năm 1894) và *Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga* (năm 1899), Lênin được thừa nhận là người lãnh đạo của nhóm mácxít ở Nga. Mùa thu năm 1895, ở Xanh Pêtécboa V.I. Lênin thành lập Hội liên hiệp đấu

tranh giải phóng giai cấp công nhân. Đêm 09/12/1895, do bị tố giác, nhiều hội viên của Hội, trong đó có Lênin, bị cảnh sát bắt. Tháng 02/1897, Lênin bị đi đày ba năm ở miền Đông Xibiri. Trong thời gian lưu đày, V.I. Lênin đã viết xong hơn 30 tác phẩm.

Năm 1900, thời hạn lưu đày của V.I. Lênin kết thúc, ông đã tập hợp những người mácxít cách mạng để thành lập chính đảng. Chính quyền Nga hoàng cấm Lênin sống ở thủ đô và các thành phố lớn ở Nga, do vậy ông phải ra nước ngoài, cùng với Plêkhanốp lập ra tờ báo *Tia lửa*. Năm 1903, tại Đại hội lần thứ II Đảng công nhân dân chủ xã hội Nga, V.I. Lênin phát biểu phải xây dựng một đảng mácxít kiểu mới có kỷ luật nghiêm minh, có khả năng là người tổ chức cách mạng của quần chúng. Nhóm số đông ủng hộ V.I. Lênin gọi là những người Bôn-sê-vích, nhóm số ít chủ trương thành lập đảng đấu tranh theo kiểu Nghị viện gọi là những người Mensê-vích. Những nguyên tắc tư tưởng và tổ chức của đảng kiểu mới này được V.I. Lênin đã trình bày trong tác phẩm *Làm gì?* (năm 1902) và *Một bước tiến hai bước lùi* (năm 1904).

Tháng 4/1905, tại Luân Đôn, Đại hội lần thứ III Đảng công nhân dân chủ xã hội Nga được tổ chức. V.I. Lênin được bầu là Chủ tịch Đại hội. Tại Đại hội này, Ủy ban Trung ương đã được bầu ra do V.I. Lênin đứng đầu. Tháng 11/1905, Lênin bí mật trở về Xanh Pêtécboa để lãnh

đạo cách mạng Nga. Tháng 12/1907, Lênin ở nước ngoài vẫn tiếp tục đấu tranh bảo vệ và củng cố đảng hoạt động bí mật. Trong tác phẩm *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán* (năm 1908), V.I. Lênin phê phán sự xét lại về mặt triết học chủ nghĩa Mác, đồng thời phát triển những cơ sở triết học của chủ nghĩa Mác.

Tháng 01/1912, Người chủ trì Hội nghị lần thứ VI Đảng công nhân dân chủ xã hội Nga tại Praha (Tiệp Khắc). Tháng 6/1912, Lênin từ Pari về Krakov (Ba Lan) lãnh đạo tờ *Pravda* (Sự thật). Thời kỳ này, V.I. Lênin soạn thảo xong *Đề cương Mácxít về vấn đề dân tộc*. Trong tác phẩm *Chủ nghĩa đế quốc - giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản* (năm 1916) và những tác phẩm khác, Lênin đã phát triển chính trị kinh tế học mácxít lý luận cách mạng xã hội chủ nghĩa, kiện toàn những vấn đề cơ bản của triết học mácxít (tác phẩm *Bút ký triết học*).

Sau Cách mạng Tháng Hai năm 1917, ở Nga tồn tại hai chính quyền song song, là chính phủ lâm thời tư sản và Xôviết các đại biểu công nhân và binh sĩ. Ngày 16/4/1917, V.I. Lênin đến Pêtrôgrát để trình bày *Luận cương Tháng Tư*, thực chất đây là văn kiện mang tính cương lĩnh đề ra đường lối giành chiến thắng cho cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa với khẩu hiệu “Toàn bộ chính quyền về tay các xôviết!”, Hội nghị lần thứ VII toàn Nga (tháng 4/1917) của Đảng công nhân dân chủ

xã hội Nga (Bôn-sê-vích) đã nhất trí thông qua đường lối do V.I. Lênin đề ra.

Đầu tháng 8/1917, Đại hội lần thứ VI Đảng công nhân dân chủ xã hội Nga họp ở Xanh Pê-téc-bua, V.I. Lênin tuy không tham dự nhưng vẫn lãnh đạo Đại hội tiến hành và thông qua đường lối phải khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền. Trong thời gian này, V.I. Lênin viết cuốn *Nhà nước và cách mạng*, đề ra nhiệm vụ cho giai cấp vô sản phải giành lấy chính quyền bằng con đường đấu tranh vũ trang. Đầu tháng 10/1917, V.I. Lênin từ Phần Lan bí mật trở về Xanh Pê-téc-bua, vạch ra kế hoạch khởi nghĩa vũ trang, sau đó được Hội nghị Ủy ban trung ương Đảng công nhân dân chủ xã hội Nga thông qua.

Tối 06/11/1917, V.I. Lênin đến Cung điện X-môn-nui trực tiếp chỉ đạo cuộc khởi nghĩa. Đến rạng sáng ngày 07/11/1917, toàn thành phố Xanh Pê-téc-bua nằm trong tay những người khởi nghĩa. Đêm 07/11/1917, Cách mạng Tháng Mười Nga đã toàn thắng. Chính quyền đã về tay nhân dân. Nhà nước công nông đầu tiên trên thế giới do Đảng của giai cấp vô sản lãnh đạo đã ra đời. Tại Đại hội Xôviết toàn Nga lần thứ II, V.I. Lênin được bầu là Chủ tịch Hội đồng các ủy viên nhân dân. Sau Cách mạng Tháng Mười Nga, V.I. Lênin đã có công lao to lớn trong việc lãnh đạo cuộc đấu tranh của nhân dân lao động nước Nga Xôviết chống sự can thiệp quân sự của nước ngoài và lực lượng

phản cách mạng trong nước; đồng thời lãnh đạo quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa ở nước Nga.

Năm 1919, V.I. Lênin đã sáng lập Quốc tế Cộng sản (Quốc tế III). Mùa xuân năm 1920, V.I. Lênin viết tác phẩm *Bệnh ấu trĩ “tả khuynh” trong phong trào cộng sản*, trình bày những vấn đề chiến lược và sách lược của phong trào cộng sản. Thời gian này, V.I. Lênin soạn thảo xong kế hoạch xây dựng chủ nghĩa xã hội, đồng thời đề ra Chính sách kinh tế mới (NEP). Năm 1921, NEP được thông qua tại Đại hội lần thứ X Đảng Cộng sản Nga.

Có thể thấy, sau khi Ph. Ăngghen mất (năm 1895), chủ nghĩa cơ hội đứng đầu là E. Bécxtanh, C. Cauxki đã lộng hành trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, tấn công mạnh mẽ vào chủ nghĩa Mác, làm cho phong trào công nhân lâm vào khủng hoảng nghiêm trọng. Trước tình hình đó, để bảo vệ chủ nghĩa Mác, để phong trào công nhân tiếp tục phát triển, V.I. Lênin đã đấu tranh một cách kiên quyết, mở các cuộc luận chiến lớn đấu tranh chống lại bọn chúng. Trải qua cuộc đấu tranh trường kỳ, gian khổ, gay gắt, V.I. Lênin đã triệt để đập tan những luận điệu hoang đường của chủ nghĩa cơ hội, đã bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác trên tất cả các vấn đề cơ bản như cách mạng vô sản và chuyên chính vô sản, các nguyên lý xây dựng Đảng,... góp phần to lớn vào sự phát triển của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

II- V.I. LÊNIN ĐẤU TRANH CHỐNG CHỦ NGHĨA BÉCXTANH

1. Vài nét về E. Bécxtanh và chủ nghĩa Bécxtanh

Edua Bécxtanh (1850 - 1932) là thành viên nhóm cơ hội hữu khuynh trong Đảng dân chủ xã hội Đức. Năm 1872, E. Bécxtanh đã cùng nhóm này viết một số tác phẩm phủ nhận sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, phủ nhận vai trò cách mạng của đảng vô sản... và đã bị C. Mác cùng Ph. Ăngghen phê phán nghiêm khắc, giúp E. Bécxtanh ít nhiều nhận ra sai lầm của mình. Sau đó, E. Bécxtanh đã viết một số tác phẩm lý luận của phái cách mạng và được Ph. Ăngghen đánh giá rất cao. Nhưng chỉ một thời gian sau, E. Bécxtanh đã bắt đầu quay lại với những quan điểm phản mácxít với mức độ nguy hiểm hơn và tinh vi hơn.

Từ năm 1881 đến năm 1889, E. Bécxtanh là biên tập viên của báo *Người dân chủ xã hội* - cơ quan trung ương của Đảng Dân chủ - xã hội Đức. Trong những năm 1886 - 1898, E. Bécxtanh đã đăng trên tạp chí *Thời mới* một loạt bài có tính chất lý luận. Trong những bài này, E. Bécxtanh công khai xét lại chủ nghĩa Mác, ông ta đã khái quát các quan điểm của mình thành một luận điểm cơ hội chủ nghĩa nổi tiếng: “Phong trào là tất cả, mục đích cuối cùng chẳng là gì cả”¹.

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.17, tr.27.

Trong thời kỳ chiến tranh đế quốc, E. Bécxtanh đứng trên lập trường xã hội sôvanh. Những năm còn lại của đời mình, E. Bécxtanh tiếp tục kêu gọi và ủng hộ chính sách đế quốc chủ nghĩa, chống lại Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười và Nhà nước Xôviết.

Cuộc đấu tranh tư tưởng của phong trào công nhân quốc tế trở nên hết sức gay gắt vào nửa sau những năm 90 của thế kỷ XIX khi E. Bécxtanh đăng trên báo *Người dân chủ xã hội* một số bài viết dựa vào lập trường cải lương để phê phán và đòi xét lại lý luận của chủ nghĩa Mác. Những bài viết đầu tiên của E. Bécxtanh lấy nhan đề chung là *Những vấn đề của chủ nghĩa xã hội* đã xuất hiện năm 1896 trên tạp chí *Thời mới*. Trong những bài viết này, E. Bécxtanh phủ nhận sự cần thiết của cách mạng xã hội chủ nghĩa, thậm chí ông ta còn cho rằng không nên làm cách mạng xã hội chủ nghĩa và khẳng định rằng những hiện tượng mới trong sự phát triển của chủ nghĩa tư bản đã mở ra khả năng “thực hiện một phần chủ nghĩa xã hội” trong khuôn khổ xã hội tư bản hiện hành.

E. Bécxtanh đã trình bày một cách đầy đủ những quan niệm của mình trong cuốn sách *Những tiền đề của chủ nghĩa xã hội và những nhiệm vụ của đảng dân chủ xã hội*, xuất bản năm 1889. Những quan điểm đó của E. Bécxtanh gồm những vấn đề cơ bản sau:

Một là, E. Bécxtanh khẳng định lý luận mácxít không chịu được sự thử thách của thời gian. E. Bécxtanh chứng

minh “tính mâu thuẫn” và “tính vô căn cứ” của quan niệm duy vật về quá trình phát triển của lịch sử nhằm bảo vệ sự tồn tại vĩnh viễn của chủ nghĩa tư bản.

E. Bécxtanh cho rằng, lý luận về giá trị thặng dư của C. Mác không thể dùng để giải thích bản chất của sự bóc lột công nhân dưới chế độ tư bản được, rằng luận điểm mácxít về việc tập trung của cải trong tay một số ít các nhà tư bản về quần chúng nhân dân lao động ngày càng bị vô sản hóa đã không được tiến trình phát triển xã hội xác nhận. Ông ta cho rằng, không thể luận chứng một cách khoa học cho chủ nghĩa xã hội, mà theo lý giải của E. Bécxtanh thì chủ nghĩa xã hội đang trở thành một phạm trù đạo đức, thể hiện những ý niệm trừu tượng về “công bằng, bình đẳng, nhân đạo”...

E. Bécxtanh cho rằng, Đảng Dân chủ - xã hội phải hoàn toàn từ bỏ các mục tiêu cách mạng, từ bỏ việc giai cấp công nhân giành chính quyền với sứ mệnh thực hiện công cuộc cải tạo xã hội một cách triệt để. Ông ta cho rằng, Đảng Dân chủ - xã hội phải trở thành đảng cải lương xã hội chủ nghĩa dân chủ. Phủ nhận học thuyết mácxít đã coi Nhà nước là công cụ thống trị của giai cấp, Bécxtanh gán cho chế độ dân chủ tư sản tính siêu giai cấp, coi đó là biểu hiện lợi ích của toàn xã hội. Tại Đại hội của Quốc tế II năm 1907, ở Stuttgart, trong khi các đại biểu mácxít lên án chính sách xâm lược của chủ nghĩa đế quốc đối với các nước thuộc địa thì E. Bécxtanh lại bênh vực chính sách thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc. Ông ta cho rằng, chế độ

thuộc địa có thể tồn tại và nên tồn tại để các nước tư bản chủ nghĩa “khai hóa văn minh” cho các nước lạc hậu; thậm chí, theo họ thì những người xã hội cũng có thể và cần thực hiện “chính sách thuộc địa xã hội chủ nghĩa”.

Hai là, E. Bécxtanh phủ nhận vai trò cách mạng của giai cấp vô sản chống lại giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản. Thực chất, học thuyết xét lại của E. Bécxtanh là sự “phủ nhận khả năng chứng minh, theo quan điểm duy vật lịch sử, rằng chủ nghĩa xã hội là một tất yếu, không thể tránh khỏi; ông ta phủ nhận tình trạng bần cùng ngày càng tăng, phủ nhận sự vô sản hóa và tình trạng những mâu thuẫn tư bản chủ nghĩa ngày càng trầm trọng; ông ta tuyên bố rằng ngay cả quan niệm về “mục đích cuối cùng” cũng không vững chắc gì và kiên quyết bác bỏ tư tưởng chuyên chính vô sản; ông ta phủ nhận sự đối lập về nguyên tắc giữa chủ nghĩa tự do và chủ nghĩa xã hội; ông ta phủ nhận *lý luận đấu tranh giai cấp*, cho là không thể áp dụng được lý luận đó vào một xã hội thực sự dân chủ, được quản lý theo ý chí của đa số...”¹. Do chứng minh rằng “không cần” làm cách mạng và có thể cải tạo xã hội bằng những cuộc cách mạng riêng biệt, E. Bécxtanh đã gương ép đem cải cách đối lập với cách mạng và khẳng định rằng, chủ nghĩa Mác nói chung đã phủ nhận mọi sự quan tâm của giai cấp công nhân trong việc tiến hành các cuộc cải cách trong khuôn khổ chủ nghĩa tư bản.

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.8-9.

E. Bécxtanh đã công kích gay gắt học thuyết của C. Mác về chuyên chính vô sản. Ông ta tuyên bố rằng, giai cấp công nhân hoàn toàn không được chuẩn bị để giành chính quyền và thực hiện quyền lực chính trị. E. Bécxtanh khẳng định: vì giai cấp vô sản không đồng nhất cho nên họ không thể có ý thức giai cấp thống nhất, lập trường giai cấp thống nhất. Từ đó, E. Bécxtanh đi đến kết luận, giai cấp công nhân sẽ tiến lên chủ nghĩa xã hội không phải bằng cách mạng mà bằng con đường “chuyển hóa dần dần”, và chuyên chính vô sản là sự “thụt lùi về chính trị” cần xóa bỏ.

Mặt khác, E. Bécxtanh cho rằng, đấu tranh nghị trường là con đường dẫn tới thắng lợi của cuộc cách mạng. Ông ta kêu gọi: chỉ cần 50% đại biểu công nhân trong Nghị viện tư sản thì cách mạng vô sản nhất định thắng lợi. Con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội không phải bằng đấu tranh của quần chúng mà bằng cách tăng số ghế đại biểu trong nghị trường.

Những quan điểm cơ bản trên của E. Bécxtanh đã ảnh hưởng không nhỏ đến phong trào công nhân quốc tế, đặc biệt là phong trào công nhân Đức. Hoạt động của E. Bécxtanh được sự ủng hộ của các trào lưu cơ hội chủ nghĩa trong phong trào công nhân ở một số nước khác. Chính những quan điểm lý luận cơ hội chủ nghĩa của E. Bécxtanh và những hoạt động cơ hội thực tiễn của các nhà xã hội chủ nghĩa đã dẫn đến sự phản bội trực tiếp các

quyền lợi của giai cấp công nhân, kìm hãm phong trào công nhân và khiến cho Quốc tế II sụp đổ hoàn toàn.

2. Cuộc đấu tranh của V.I. Lênin chống chủ nghĩa Bécxtanh

Nhận rõ tính chất nguy hiểm, phản động của chủ nghĩa cơ hội Bécxtanh, V.I. Lênin đã kiên quyết phê phán những luận điểm cơ bản của ông ta. Những phân tích, phê phán của V.I. Lênin được trình bày tập trung trong tác phẩm *Chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa xét lại* (năm 1908). Về cơ bản các luận điểm mà V.I. Lênin đã đưa ra chống chủ nghĩa cơ hội E. Bécxtanh xoay quanh các vấn đề về học thuyết đấu tranh giai cấp trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, về tính tất yếu của cách mạng vô sản, chuyên chính vô sản, vai trò của chính đảng vô sản, về sự cần thiết phải đập tan bộ máy nhà nước tư sản và thiết lập bộ máy nhà nước của giai cấp vô sản.

Thứ nhất, V.I. Lênin đấu tranh vạch trần E. Bécxtanh đã phủ nhận lý luận đấu tranh giai cấp.

Trong học thuyết xét lại của mình, E. Bécxtanh cho rằng: trong xã hội tư bản hiện đại, của cải vật chất làm ra ngày càng nhiều mà “giai cấp tư sản cùng với tôi tớ của chúng” không thể chiếm hữu hết được, do đó, phúc lợi xã hội của giai cấp vô sản sẽ tăng lên, tức là, lợi ích kinh tế của giai cấp vô sản được đáp ứng; mặt khác, chế độ nghị viện tư sản và quyền phổ thông đầu phiếu làm cho

các giai cấp được bình đẳng về quyền lợi chính trị. Hai yếu tố đó làm cho “cơ sở của đấu tranh giai cấp bị xóa bỏ”. E. Bécxtanh cũng “chứng minh” rằng: trong một xã hội “thực sự dân chủ” và “được quản lý theo ý chí của đa số”, mâu thuẫn giai cấp sẽ ngày càng giảm đi, đấu tranh giai cấp sẽ không còn cơ sở để tồn tại. V.I. Lênin chỉ ra rằng: thực chất là “họ đưa ra những mẫu lý luận lạc hậu và tuyên truyền cho giai cấp vô sản không phải lý luận đấu tranh mà là thứ lý luận nhượng bộ đối với những kẻ thù độc ác nhất của giai cấp vô sản, tức là các chính phủ và các chính đảng tư sản”¹.

Theo V.I. Lênin, trong xã hội tư bản chủ nghĩa hiện đại, “tình trạng bản cùng hóa, áp bức, nô lệ, khuất phục... ngày càng tăng” làm cho những mâu thuẫn giai cấp ngày càng thêm sâu sắc, điều này được lý giải: trong vài thập niên gần đây, nền kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển rất mạnh nhưng đó chỉ là sự phát triển và ổn định tạm thời ở giai đoạn giữa của hai cuộc khủng hoảng và “khủng hoảng vẫn là bộ phận cấu thành không thể tránh khỏi của chế độ tư bản chủ nghĩa”². Gánh chịu hậu quả của những cuộc khủng hoảng ấy, không ai khác mà chính là giai cấp vô sản ở chính quốc và nhân dân các nước thuộc địa. Bởi vậy, cứ sau mỗi cuộc khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản, tình

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.231.

2. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.17, tr.25.

trạng bản cùng, nghèo đói lại tăng lên cao ở chính những bộ phận dân cư sản xuất ra của cải vật chất nuôi sống toàn xã hội - những người vô sản. Chủ nghĩa tư bản càng phát triển thì mức độ bóc lột của nó càng lớn, hình thức bóc lột của nó càng tinh vi, khoảng cách giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản ngày càng doãng ra mà không gì có thể ngăn cản nổi, V.I. Lênin cho rằng: “Với thứ tự do của chủ nghĩa tư bản “dân chủ”, thì những khác biệt về kinh tế không những không giảm bớt, mà còn tăng thêm và trầm trọng thêm”¹.

Bên cạnh đó, xu hướng độc quyền ngày càng phát triển làm cho việc phân phối và định đoạt giá cả của hàng hóa hoàn toàn chỉ nằm trong tay một số nhà độc quyền, và đương nhiên là nền kinh tế tư bản chủ nghĩa hoàn toàn bị các tổ chức độc quyền này chi phối. Đây là biểu hiện rõ ràng nhất của tình trạng vô chính phủ trong sản xuất của chủ nghĩa tư bản. Điều này đồng nghĩa với “tình trạng đời sống không đảm bảo của giai cấp vô sản và ách áp bức của tư sản ngày càng tăng trầm trọng thêm một cách rõ rệt, do đó, làm cho những mâu thuẫn giai cấp gay gắt đến mức độ chưa từng thấy”².

Mặt khác, quyền phổ thông đầu phiếu luôn đi kèm với những điều kiện về kinh tế mà chỉ có giai cấp tư sản mới đáp ứng được, còn đại đa số những người lao động

1, 2. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.17, tr.26, 25.

trong xã hội thì chẳng bao giờ được hưởng cái quyền đó theo đúng nghĩa của nó, nghĩa là, sự khác biệt về lợi ích chính trị giữa giai cấp tư sản với giai cấp vô sản ngày càng lớn. Còn chế độ nghị viện tư sản, tuy thực chất chỉ là một thứ công cụ áp bức về mặt nhà nước do giai cấp tư sản lập ra, nhưng về hình thức nó lại là “cơ quan đại biểu của nhân dân toàn quốc” vì nó là “kết quả” của việc “thực hiện quyền phổ thông đầu phiếu một cách dân chủ và bình đẳng”. Do đó, những chính sách áp bức trắng trợn của giai cấp tư sản đối với giai cấp vô sản trong nước và nhân dân các nước thuộc địa một khi (mà chắc chắn) được nghị viện “thông qua” sẽ trở thành “hợp pháp”. Kết quả của việc thực hiện những chính sách “hợp pháp” “theo ý chí của đa số” ấy là tình trạng kiệt sức do phải lao động quá sức, sự nghèo đói do bị bóc lột thậm tệ, bệnh tật ngày càng nhiều, văn hóa ngày càng tụt hậu... của giai cấp vô sản ở chính quốc và đặc biệt là ở nhân dân các nước thuộc địa.

Bản chất là công cụ áp bức giai cấp về mặt nhà nước của nghị viện tư sản được phơi bày một cách hết sức tự nhiên mà không gì có thể che giấu nổi, và do đó “Chế độ đại nghị không những không làm mất, mà còn làm bộc lộ rõ thực chất của những chế độ cộng hòa tư sản dân chủ nhất, là những cơ quan áp bức giai cấp”¹. Bởi vậy, đấu tranh giai cấp không những sẽ tất yếu diễn ra mà ngày càng gay gắt.

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.17, tr.26.

“Quyền phổ thông đầu phiếu” và “chế độ nghị viện tư sản” thực chất chỉ là một sự thỏa hiệp giai cấp, mở đường cho giai cấp tư sản áp bức, bóc lột các giai cấp lao động tàn bạo hơn mà thôi. Vì thế, cơ sở của đấu tranh giai cấp sẽ không mất đi mà chắc chắn là vẫn còn tồn tại, lý luận về đấu tranh giai cấp của C. Mác và Ph. Ăngghen trong xã hội tư bản hiện vẫn còn nguyên giá trị.

Thứ hai, V.I. Lênin đấu tranh phê phán E. Bécxtanh phủ nhận tính tất yếu của cách mạng vô sản, chuyên chính vô sản và vai trò cách mạng của đảng vô sản.

E. Bécxtanh cho rằng: đấu tranh giai cấp không còn cơ sở để tồn tại thì cách mạng vô sản sẽ không xuất hiện, chuyên chính vô sản là phi lý, việc cần phải làm là chiếm một số ghế trong nghị viện tư sản, đấu tranh hòa bình bằng những khẩu hiệu ôn hòa để đòi giai cấp tư sản thực hiện những cải cách để tiến lên chủ nghĩa xã hội bằng con đường hòa bình. Giống với những quan điểm này, Xtoruvê - đại biểu của “Phái mácxít hợp pháp” trong phong trào công nhân Nga đầu thế kỷ XX, là “con đẻ” của chủ nghĩa E. Bécxtanh cũng “kiên quyết và tuyệt đối không tán thành rằng cách mạng bạo lực là tốt hơn cuộc cải cách có tính chất hòa bình”.

Đấu tranh với những luận điệu cơ hội nguy hiểm trên, V.I. Lênin chỉ ra rằng: “Đảng Dân chủ - xã hội cách mạng tuy hoàn toàn không từ chối việc sử dụng những cuộc cải cách nhằm mục đích phát triển đấu tranh giai cấp cách mạng, song tuyệt đối không đem những khẩu

hiệu cải lương - tư sản có tính chất nửa chừng “làm thành của mình”¹, vì cái gọi là “chế độ dân chủ tư sản hiện đại” với những đặc điểm cố hữu về bản chất của nó sẽ luôn lấy lợi ích tối cao của giai cấp tư sản làm mục tiêu phục vụ nên sẽ chẳng có một sự cải cách nào khả dĩ đem lại lợi ích cho giai cấp vô sản mà “mọi cuộc cải cách trong xã hội tư bản đều có tính chất *hai mặt*. Cải cách là một sự nhượng bộ của giai cấp cầm quyền để kìm hãm, làm yếu và dập tắt cuộc đấu tranh cách mạng, để phân tán lực lượng và nghị lực của các giai cấp cách mạng, để làm lu mờ ý thức của họ, v.v.”².

Quyền phổ thông đầu phiếu và chế độ nghị viện tư sản - điển hình của sự cải cách mang tính chất tiến bộ của giai cấp tư sản - bản thân nó đã gây ra những ảo tưởng về một sự thỏa hiệp giai cấp. Thực chất nó chỉ là một nền dân chủ “đối trá”, là bước đi cần thiết để “hợp pháp hóa” sự áp bức, bóc lột ngày càng nặng nề của giai cấp tư sản đối với những giai tầng lao động trong nước và nhân dân thuộc địa. Những người vô sản không thể biến lợi thế về số lượng trong xã hội thành lợi thế về số lượng trong nghị viện tư sản. Vì vậy, việc hoạch định (chứ chưa nói đến việc nghị viện có thông qua hay không) cái gọi là “chính sách xã hội chủ nghĩa” để tạo ra “những nhân tố xã hội chủ nghĩa” trong lòng xã hội tư bản - như lời E. Bécxtanh nói là không tưởng. Chỉ có

1, 2. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.126.

những chính sách áp bức, bóc lột mới nặng nề hơn do giai cấp tư sản đưa ra và được nghị viện tư sản ngay lập tức thông qua mới là sự thật hiển nhiên. Bên cạnh đó, việc những người “có chân” trong nghị viện tư sản với tư cách là người đại diện của giai cấp vô sản sẽ được hưởng một số quyền lợi về kinh tế, chính trị do giai cấp tư sản ban cho mà những người vô sản khác không hề có đã gây ra sự phân hóa trong hàng ngũ giai cấp vô sản, sự phân hóa này ngày một sâu sắc hơn. Những người bị giai cấp tư sản mua chuộc sẽ làm tay sai cho chúng để làm mê hoặc những người vô sản cũng như lái phong trào công nhân theo hướng mà giai cấp tư sản có thể kiểm soát được, làm cho phong trào công nhân - nếu không có người có bản lĩnh và trình độ đứng ra chèo chống - sẽ rơi vào cái vòng luẩn quẩn và không đem lại kết quả như mong đợi, gây ra tâm lý lo âu, chán nản, giảm sút tinh thần và ý chí chiến đấu ở một bộ phận giai cấp vô sản, làm suy yếu phong trào công nhân. Đó là “tính chất hai mặt” của những cải cách trong xã hội tư bản.

Đấu tranh hòa bình bằng cách đưa ra những khẩu hiệu ôn hòa đòi giai cấp tư sản thực hiện những cải cách rõ ràng không phải là con đường có thể đi lên chủ nghĩa xã hội. Khi mà những mâu thuẫn giai cấp trong xã hội tư bản hiện đại không những vẫn tồn tại mà ngày càng sâu sắc thêm thì cách mạng vô sản và chuyên chính vô sản là con đường tất yếu và gần như duy nhất để tiến lên chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, nói như thế không có nghĩa là những

người mácxít phủ nhận hoàn toàn mọi cuộc cải cách trong xã hội tư bản. V.I. Lênin cho rằng: những cải cách trong xã hội tư bản là hết sức cần thiết và là kết quả cần phải đạt được (chứ không phải là mục tiêu cuối cùng) trong cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản. Để có thể lợi dụng được những cuộc cải cách ấy, theo V.I. Lênin thì chỉ nên đưa những khẩu hiệu thực hiện những cải cách có lợi một cách chắc chắn cho cuộc đấu tranh cách mạng và tăng cường một cách chắc chắn tính độc lập, sự giác ngộ và khả năng chiến đấu của giai cấp vô sản, vấn đề là ở chỗ phải biết cách lợi dụng những phong trào đấu tranh đòi cải cách.

V.I. Lênin cũng nhấn mạnh: “giai cấp công nhân mong muốn giành lấy chính quyền bằng những biện pháp *hòa bình*”¹, nhưng “biện pháp *hòa bình*” ở đây không phải là “đấu tranh hòa bình” đòi giai cấp tư sản thực hiện những cải cách - như E. Bécxtanh vẫn hiểu, mà là “biện pháp hòa bình” trên cơ sở sức mạnh của một cuộc cách mạng vô sản. Khi giai cấp vô sản có tổ chức và được rèn luyện trong đấu tranh giai cấp, khi giai cấp tư sản hèn yếu và khủng hoảng cực độ, lúc đó, tình thế cách mạng xuất hiện và sức ép của cuộc cách mạng dồn lên giai cấp tư sản thống trị là rất lớn, buộc chúng phải từ bỏ quyền lực thống trị để giai cấp vô sản thay vào vị trí đó mà không phải dùng bạo lực cách mạng. Đương nhiên,

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.333.

nói như thế không có nghĩa là giai cấp vô sản sẽ chỉ ngồi một chỗ và chờ đợi cho điều đó xảy ra. Trên thực tế, khả năng giành chính quyền bằng biện pháp hòa bình là rất quý nhưng rất hiếm. V.I. Lênin kết luận: “nếu giai cấp vô sản từ chối việc giành lấy chính quyền bằng con đường cách mạng, thì thật là *điên rồ*, xét cả về phương diện lý luận, lẫn về phương diện chính trị và thực tiễn”¹. Lãnh đạo cuộc cách mạng đó không thể là một đảng cải lương - xã hội, đảng chỉ lãnh đạo những cuộc đấu tranh đòi “cải cách” đơn thuần, mà phải là một đảng dân chủ - xã hội thực sự cách mạng do giai cấp vô sản lãnh đạo, lấy chủ nghĩa Mác làm nền tảng tư tưởng, lấy bạo lực cách mạng làm con đường chủ yếu để hoàn thành giai đoạn thứ nhất của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, V.I. Lênin cũng lưu ý về lực lượng làm cách mạng xã hội chủ nghĩa: nếu giai cấp những người bán cùng nhưng không trực tiếp sản xuất ra của cải vật chất thì không thể làm cách mạng vô sản, mà “chỉ có giai cấp những người vô sản nuôi sống toàn thể xã hội mới có thể tiến hành cuộc cách mạng xã hội”².

Thứ ba, V.I. Lênin đấu tranh chống E. Bécxtanh phủ nhận việc cần thiết phải đập tan bộ máy nhà nước tư sản.

Theo E. Bécxtanh: nhà nước tư sản có khả năng biến đổi để phát triển, quyền phổ thông đầu phiếu và chế độ

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.333-334.

2. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.16, tr.85.

ngợi viện là đỉnh cao của nền dân chủ hiện đại, vì thế, chỉ nên xây dựng nhà nước mới trên cơ sở kế thừa toàn bộ “bộ máy nhà nước có sẵn” - nhà nước được hình thành trên cơ sở “không cần cách mạng” - đó chứ không phải là đập vỡ nó để rồi lại bắt đầu lại từ một đồng gạch vụn. Thực chất quan điểm này của E. Bécxtanh là biện hộ cho chủ nghĩa tư bản và hướng phong trào công nhân đi vào con đường thỏa hiệp, thậm chí là “đấu tranh” để lại “quay về” chế độ tư bản chủ nghĩa.

Để bác lại quan điểm cơ hội trên, V.I. Lênin đã nhắc lại quan điểm của C. Mác và Ph. Ăngghen trong “Lời tựa” năm 1872 viết cho *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*: “giai cấp công nhân không thể chỉ đơn giản chiếm lấy bộ máy nhà nước có sẵn và sử dụng nó nhằm những mục đích của riêng mình... Ý của C. Mác là: giai cấp công nhân phải *phá hủy*, phải *đập tan* “bộ máy nhà nước có sẵn” và không thể chỉ đơn giản chiếm lấy bộ máy ấy”¹. “Bộ máy nhà nước có sẵn” ấy tồn tại với tư cách là công cụ trong tay giai cấp tư sản thống trị chiếm thiểu số để phục vụ tối đa cho việc áp bức, bóc lột các giai tầng lao động chiếm đa số trong xã hội. Nó khác về bản chất so với bộ máy nhà nước của giai cấp vô sản - bộ máy nhà nước lấy việc phục vụ lợi ích cho đa số người trong xã hội làm lý do tồn tại của mình và cũng là bộ máy nhà nước mà giai cấp vô sản cần phải xây dựng sau khi đã lật đổ sự thống

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.33, tr.45-46.

trị của giai cấp tư sản. Sự khác nhau về bản chất giữa hai nhà nước đó khiến cho việc tồn tại của nhà nước này phải trên cơ sở sụp đổ của nhà nước kia, tức là, nếu giai cấp vô sản muốn xây dựng nhà nước của riêng mình - nhà nước không có áp bức với đa số người trong xã hội - thì nhất thiết phải đập tan “bộ máy nhà nước có sẵn” - nhà nước áp bức đa số người trong xã hội - chứ không còn cách nào khác.

V.I. Lênin tiếp tục khẳng định: “Mác đã dạy rằng giai cấp vô sản không thể chỉ đơn giản giành lấy chính quyền nhà nước hiểu theo ý nghĩa là chuyển bộ máy nhà nước cũ sang tay những người khác, mà phải đập tan, phải phá hủy bộ máy ấy đi, và thay nó bằng một bộ máy mới”¹. Đương nhiên, những người vô sản phải biết đoạt lấy những “chức năng hợp lý” của nó, tiếp thu và học tập những “hạt nhân hợp lý” của nó về kinh nghiệm lãnh đạo, quản lý cơ sở vật chất, kỹ thuật... và “đem những chức năng ấy giao cho các công bộc có trách nhiệm của xã hội”². Nhưng giai cấp vô sản không bao giờ được quên rằng: đập tan “bộ máy nhà nước có sẵn” - bộ máy nhà nước của giai cấp tư sản - là một tất yếu khách quan để xây dựng bộ máy nhà nước mới - bộ máy nhà nước của giai cấp vô sản.

Có thể nói, đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội Bécxtanh là một yêu cầu khách quan đối với sự tồn tại và

1, 2. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr.139, 63.

phát triển của chủ nghĩa Mác cũng như tương lai của chủ nghĩa xã hội. Chiến thắng của V.I. Lênin trong cuộc đấu tranh này đã kịp thời ngăn chặn sự lây lan và ảnh hưởng của một học thuyết cơ hội hết sức nguy hiểm trong phong trào công nhân quốc tế. Đồng thời, qua đó góp phần củng cố và phát triển những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác trong giai đoạn mới, góp phần chấn chỉnh lại phong trào công nhân quốc tế, củng cố lại vị trí xứng đáng được có và tăng cường ảnh hưởng của chủ nghĩa Mác trong phong trào công nhân.

III- V.I. LÊNIN ĐẤU TRANH CHỐNG CHỦ NGHĨA CƠ HỘI CAUXKY

1. Vài nét về C. Cauxky và chủ nghĩa Cauxky

Cácơ Cauxky (1854 - 1938) là thủ lĩnh của Đảng Dân chủ - xã hội Đức. C. Cauxky sinh ra trong một gia đình trí thức ở Praha (Tiệp Khắc). Trong những năm 1874 - 1879, Cauxky học triết học và khoa học xã hội tại Trường Đại học Tổng hợp Viên. Tháng 01/1875, C. Cauxky đã gia nhập Đảng Dân chủ - xã hội Áo. Đến năm 1880, C. Cauxky lại gia nhập Đảng Dân chủ - xã hội Đức. Vào thời kỳ này, quan điểm của C. Cauxky là một sự hỗn hợp giữa chủ nghĩa Látxan, chủ nghĩa Mantuyt mới và chủ nghĩa vô chính phủ. Sau đó nhờ sự tác động của C. Mác và Ph. Ăngghen, C. Cauxky đã tiếp thu chủ nghĩa Mác, chuyển sang lập trường xã hội chủ nghĩa.

Trong khi làm chủ bút tạp chí *Thời mới* của Đảng Dân chủ - xã hội Đức, C. Cauxky đã giúp Ph. Ăngghen biên tập, xuất bản tập IV bộ *Tư bản* của C. Mác. Trong khoảng thời gian hơn 20 năm, từ năm 1885 đến năm 1910, C. Cauxky đã viết nhiều tác phẩm về triết học, kinh tế học, chủ nghĩa xã hội và sử học như *Học thuyết kinh tế của Các Mác* (năm 1886), *Giải thích Cương lĩnh Ăcphuya* (năm 1892), *Vấn đề ruộng đất* (năm 1899), *Cách mạng xã hội* (năm 1902), *Đạo đức và chủ nghĩa duy vật lịch sử* (năm 1908), *Con đường giành chính quyền* (năm 1909)... Những tác phẩm này tuy không tránh khỏi sai lầm, nhưng về cơ bản dựa trên thế giới quan mácxít. Ph. Ăngghen đánh giá đó là những tác phẩm không tồi trong việc ứng dụng quan điểm duy vật lịch sử vào việc nghiên cứu lịch sử; V.I. Lênin coi những tác phẩm này mãi mãi là những mẫu mực của chủ nghĩa Mác, nó có ý nghĩa đối với việc tuyên truyền chủ nghĩa Mác, đồng thời những tác phẩm đó vẫn sẽ mãi mãi là tài sản của giai cấp vô sản. Các nhà cách mạng của nhiều nước từng lấy những tác phẩm này làm sách vỡ lòng để học tập chủ nghĩa Mác. Đồng thời, C. Cauxky cũng là người chỉ trích các quan điểm xét lại của E. Bécxtanh trên báo *Thời mới*.

Tuy nhiên, do không vững vàng về lập trường, lại bị chi phối bởi những trào lưu tư tưởng phi mácxít, C. Cauxky đã từ bỏ lập trường của giai cấp vô sản, chuyển sang lập trường chủ nghĩa cơ hội với tư cách là phái giữa. Tại Đại hội Stuttgart (năm 1907) của Quốc tế II, các đại biểu thảo

luận xoay quanh vấn đề thuộc địa, lên án chính sách của chủ nghĩa đế quốc thì C. Cauxky đã chuyển sang lập trường cơ hội xét lại với tư cách là phái giữa. Chính vì am hiểu chủ nghĩa Mác nên C. Cauxky đã dùng những thủ đoạn rất tinh vi để chống lại học thuyết Mác, phản bội lại lợi ích của phong trào công nhân quốc tế và trên những vấn đề cơ bản nhất C. Cauxky đã hoàn toàn đoạn tuyệt với chủ nghĩa Mác.

Về lý luận, C. Cauxky đưa ra lý thuyết “siêu đế quốc” nhằm bảo vệ cho chủ nghĩa tư bản. Ông ta viết: ““Nếu đạt được sự thỏa hiệp giữa các dân tộc, việc tài giảm binh bị và một nền hòa bình lâu dài, thì lúc đó những nguyên nhân sâu xa mà trước chiến tranh đã gây ra sự suy đồi đạo đức của xã hội tư bản trên những quy mô lớn, sẽ có thể bị mất đi”. Giai đoạn mới dĩ nhiên sẽ đưa lại “những tai họa mới” cho giai cấp vô sản... nhưng “tạm thời”, “chủ nghĩa siêu đế quốc” “có thể tạo ra một kỷ nguyên những hy vọng mới và những sự hy vọng mới và sự mong đợi mới trong khuôn khổ của chủ nghĩa tư bản”¹.

Trong cuốn sách *Chuyên chính vô sản*, C. Cauxky đã ra sức xuyên tạc học thuyết của C. Mác về nhà nước và chuyên chính vô sản, biến các học thuyết đó trở thành học thuyết tự do chủ nghĩa tầm thường mà giai cấp tư sản, có thể tiếp thu được. Khi định nghĩa về chuyên chính vô sản, ông ta đã che giấu nội dung căn bản của khái niệm này

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.26, tr.282-283.

tức là bạo lực cách mạng. Ông ta nói một cách vu vơ rằng, chuyên chính vô sản sinh ra từ trong “dân chủ nói chung” hoặc “dân chủ thuần túy” bằng phương pháp “hòa bình”, “bầu cử dân chủ” và trách những người Bôn-sê-vích đã sử dụng bạo lực, trách chuyên chính vô sản Nga đã “làm tổn hại nền dân chủ”, “tiêu diệt nền dân chủ” một cách “hoàn toàn không có lý do”. C. Cauxky lợi dụng quan niệm của Ph. Ăngghen về dân chủ tư sản (dân chủ tư sản là một bước tiến phi thường trong lịch sử) để đề cao dân chủ tư sản và biến tư tưởng này thành dân chủ tư sản thuần túy để chống lại chủ nghĩa Mác. Thực chất luận điệu vu vơ đó của C. Cauxky là lấy dân chủ tư sản, tức là chuyên chính tư sản, để chống lại chuyên chính vô sản.

Sau Cách mạng Tháng Mười Nga, C. Cauxky đã công khai chống lại cách mạng vô sản, chuyên chính vô sản, chống lại chính quyền Xôviết. Có thể nói, cùng với Bécxtanh, những quan điểm cơ hội chủ nghĩa của Cauxky đã hoành hành trong Đảng Dân chủ - xã hội Đức, trong Quốc tế II và phong trào công nhân trên thế giới lúc bấy giờ.

2. Cuộc đấu tranh của V.I. Lênin chống chủ nghĩa Cauxky

V.I. Lênin cho rằng, “chủ nghĩa C. Cauxky” một mặt là kết quả của sự tan rã và thối nát của Quốc tế II, là sản vật tất nhiên của tư tưởng tiểu tư sản bị những thiên kiến tư sản bắt làm tù binh, mặt khác là sản

phẩm của thái độ miệng nói trung thành với chủ nghĩa Mác, nhưng thực tế lại phục tùng chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh. Rõ ràng chủ nghĩa cơ hội luôn là một tai họa hiển nhiên đối với phong trào công nhân quốc tế song “Phái giữa” ở Đức do C. Cauxky cầm đầu, như V.I. Lênin nhận định, là “một nọc độc được che đậy, được tô điểm bằng các thủ đoạn ngoại giao, che mắt người ta, mê hoặc đầu óc và lương tri của công nhân - cái nọc độc này nguy hiểm hơn cả”¹. Theo V.I. Lênin, Cauxky “là kẻ giả nhân giả nghĩa hơn ai hết, đáng ghê tởm hơn ai hết và có hại hơn ai hết”, do đó cũng là kẻ bị Người căm ghét nhất và khinh bỉ nhất.

Chính vì phong trào công nhân quốc tế đang lớn lên từng ngày nên V.I. Lênin đã phải tiến hành một cuộc đấu tranh không khoan nhượng chống chủ nghĩa cơ hội phái giữa của C. Cauxky. V.I. Lênin khẳng định: “Nếu không có lý luận cách mạng, thì không thể có phong trào giải phóng vĩ đại nhất trên thế giới của giai cấp bị áp bức, của giai cấp cách mạng nhất trong lịch sử. Không thể bịa ra lý luận ấy được, nó *nảy sinh* ra từ sự tổng hợp kinh nghiệm cách mạng và tư tưởng cách mạng của tất cả các nước trên thế giới..., và ngày nay, nếu không tham gia một cuộc đấu tranh không khoan nhượng chống những sự xuyên tạc chủ nghĩa Mác của Plêkhanốp, Cauxky và đồng bọn đang tiến hành, thì không thể là

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.49, tr.16.

một người xã hội chủ nghĩa, không thể là một người dân chủ - xã hội cách mạng được”¹.

Với những tác phẩm cơ bản như *Chủ nghĩa cơ hội và sự phá sản của Quốc tế II* (năm 1915), *Cách mạng vô sản và tên phản bội C. Cauxky* (năm 1918)... V.I. Lênin đã tập trung đấu tranh phê phán một cách toàn diện và nghiêm khắc những quan điểm cơ hội chủ nghĩa của C. Cauxky trên các vấn đề về chủ nghĩa siêu đế quốc, về chủ nghĩa quốc tế, về vấn đề dân chủ, cách mạng vô sản, chuyên chính vô sản và về vấn đề nhà nước.

Thứ nhất, V.I. Lênin vạch trần sai lầm trong định nghĩa về chủ nghĩa đế quốc và bác bỏ lý luận “chủ nghĩa siêu đế quốc” của Cauxky.

Khi bàn về chủ nghĩa đế quốc, C. Cauxky đã đưa ra định nghĩa như sau: “Chủ nghĩa đế quốc là sản phẩm của chủ nghĩa tư bản công nghiệp phát triển cao. Đó là xu hướng của mỗi dân tộc tư bản chủ nghĩa công nghiệp muốn sáp nhập hoặc chinh phục tất cả những vùng *nông nghiệp* lớn, bất kể dân tộc ở những vùng đó là những dân tộc nào”². C. Cauxky đã coi chủ nghĩa đế quốc là một hình thức bành trướng của chủ nghĩa tư bản, nó có khả năng phát triển hòa bình, là một chính sách nhất định mà tư bản tài chính “ưa thích” và nó có thể được thay thế bằng một chính sách khác êm dịu hơn đó là chủ nghĩa siêu đế quốc - một chính sách sẽ lấy việc tư bản tài chính liên

1, 2. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.27, tr.12-13, 491-492.

minh trên quy mô thế giới cùng chung nhau bóc lột thế giới thay thế cho đấu tranh giữa tư bản tài chính các nước.

C. Cauxky cho rằng, cái “tởr tởt quốc tế thống nhất” có thể thủ tiêu sự xung đột, chiến tranh, chạy đua vũ trang giữa các nước tư bản chủ nghĩa, có thể xóa bỏ tình trạng sản xuất vô chính phủ và các cuộc khủng hoảng kinh tế. C. Cauxky viết: ““Xét về mặt thuần túy kinh tế - Cauxky viết - không loại trừ khả năng là chủ nghĩa tư bản sẽ còn trải qua một giai đoạn mới nữa, trong đó chính sách cácten sẽ được ứng dụng vào chính sách đối ngoại, đó là giai đoạn chủ nghĩa đế quốc cực đoan”, nghĩa là chủ nghĩa siêu đế quốc”¹.

Trong tác phẩm *Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tốt cùng của chủ nghĩa tư bản* (năm 1916), V.I. Lênin đã phân tích và phê phán định nghĩa về chủ nghĩa đế quốc của C. Cauxky, Người cho rằng định nghĩa đó hoàn toàn sai về mặt lý luận. Trước hết về mặt chính trị, C. Cauxky nói rằng chủ nghĩa đế quốc là xu hướng đi đến những cuộc thôn tính, điều đó đúng nhưng chưa đủ vì chủ nghĩa đế quốc là xu hướng đi đến bạo lực và phản động. Về mặt kinh tế, định nghĩa của C. Cauxky càng sai khi nói rằng chủ nghĩa đế quốc là sản phẩm của tư bản công nghiệp, điểm tiêu biểu của chủ nghĩa đế quốc là tư bản tài chính chứ không phải là tư bản công nghiệp. Chính do sự phát triển của tư bản tài chính mà từ những năm 80 của thế kỷ XIX, việc thôn tính,

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.27, tr.496.

xâm chiếm thuộc địa diễn ra đặc biệt ráo riết. Chủ nghĩa đế quốc không chỉ thôn tính những vùng nông nghiệp, mà còn thôn tính cả những vùng công nghiệp phát triển vì lãnh thổ thế giới đã phân chia hết cho nên nó phải với tay đến bất cứ vùng nào. Ngoài ra, tranh cướp đất đai không chỉ để mở rộng lãnh thổ mà còn nhằm lật đổ vị trí bá quyền của đối phương.

Từ sự phân tích những sai lầm trong định nghĩa của C. Cauxky, V.I. Lênin đã đưa ra định nghĩa về chủ nghĩa đế quốc của mình: “Chủ nghĩa đế quốc là chủ nghĩa tư bản đạt đến một giai đoạn phát triển trong đó sự thống trị của các tổ chức độc quyền và của tư bản tài chính đã được xác lập; việc xuất khẩu tư bản đã có một ý nghĩa nổi bật; sự phân chia thế giới đã bắt đầu được tiến hành giữa các tởt quốc tế và sự phân chia toàn bộ đất đai trên thế giới giữa những nước tư bản lớn nhất, đã kết thúc”¹.

V.I. Lênin cũng vạch trần thuyết “siêu đế quốc” do C. Cauxky đề ra, cho rằng đây là một thứ lý luận cơ hội chủ nghĩa được giả danh khoa học một cách tinh vi nhất, khéo léo nhất. Người đã mỉa mai cái thuyết đó như sau: “Nếu chúng ta hiểu quan điểm thuần túy kinh tế là một sự trừu tượng “thuần túy”, thì như thế, tất cả những gì có thể nói được đều quy tụ thành một luận điểm sau đây: sự phát triển dẫn đến những tổ chức độc quyền và, do đó, dẫn đến một tổ chức độc quyền toàn thế giới, đến một tởt duy

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.27, tr.490.

nhất toàn thế giới. Đó là điều không thể chối cãi được, nhưng điều đó cũng hoàn toàn không có nội dung, đại loại giống như nói “sự phát triển dẫn đến” việc sản xuất các thực phẩm trong những phòng thí nghiệm. Theo ý nghĩa đó, thì “thuyết” chủ nghĩa đế quốc cực đoan cũng vô lý như “thuyết nông nghiệp cực đoan”¹, bởi vì, nếu cái gọi là “điều kiện kinh tế thuần túy” là tình hình kinh tế thế giới trong giai đoạn cụ thể đầu thế kỷ XX, thì chúng ta thấy rằng, cái khả năng hiện thực, tức là xu thế hiện thực khách quan của sự phát triển của thế giới bấy giờ là từng bước đi tới chiến tranh, chứ không phải là tiến tới thời đại hòa bình của “chủ nghĩa siêu đế quốc”. Nếu quá trình phát triển dẫn đến một tởt độc nhất, có tính chất toàn thế giới thì bản thân quá trình đó có đầy rẫy sự xung đột, mâu thuẫn; khi sự phát triển không đồng đều về kinh tế và chính trị trong điều kiện chủ nghĩa đế quốc khiến cho không thể có sự liên minh hòa bình, lâu dài giữa đế quốc với nhau, trái lại mâu thuẫn giữa bọn chúng càng thêm sâu sắc. Rõ ràng, C. Cauxky đã cố ý xóa nhòa những mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa đế quốc, lẩn tránh những nhiệm vụ gay gắt mà thời đại đã và đang đặt ra, đó là đấu tranh giai cấp, giải phóng dân tộc và thủ tiêu chủ nghĩa đế quốc.

V.I. Lênin cho rằng, lý luận về chủ nghĩa đế quốc của C. Cauxky “chẳng có gì là giống chủ nghĩa Mác cả, sỏ dĩ nó

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.27, tr.496-497.

chỉ có thể dùng để tuyên truyền cho sự hòa bình và thống nhất với bọn cơ hội chủ nghĩa và bọn xã hội - sôvanh”¹, nó chỉ có một ý nghĩa xã hội thực sự, “đó là an ủi quần chúng một cách cực kỳ phản động bằng cái hy vọng có thể có hòa bình vĩnh cửu trong chế độ tư bản, làm cho quần chúng không chú ý đến những mâu thuẫn gay gắt và những vấn đề gay gắt hiện tại và hướng cho quần chúng chú ý đến những tiên đồ hư ảo của cái “chủ nghĩa đế quốc cực đoan” tương lai nào đó mà người ta gọi là mới”².

Thứ hai, V.I. Lênin vạch trần lập trường xã hội - sôvanh được che đậy bằng luận điệu “bảo vệ tổ quốc” và “chủ nghĩa quốc tế” của Cauxky.

Chiến tranh thế giới thứ nhất nổ ra, trong lúc các phần tử xã hội - sôvanh các nước đang điên cuồng hò hét “bảo vệ tổ quốc” và nguyên rủa lẫn nhau thì C. Cauxky đã cố để tìm cách che giấu sự phản bội nhục nhã của chúng, ông ta nói: “Tất cả mọi người đều có quyền và có nghĩa vụ bảo vệ tổ quốc của mình; chủ nghĩa quốc tế chân chính là ở chỗ thừa nhận quyền đó của những người xã hội chủ nghĩa trong tất cả các nước, kể cả những nước đang giao chiến với nước mình”³. V.I. Lênin rất căm phẫn và viết rằng: “Lối lập luận tuyệt diệu ấy là một sự nhạo báng chủ nghĩa xã hội một cách hết sức tầm thường cho nên cách trả lời tốt nhất là đặt làm một cái huân chương có một mặt khắc

1, 2. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.27, tr.526, 528.

3. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.26, tr.276-277.

hình Vinhem II và Nicôlai II và mặt kia thì khắc hình Plêkhanốp và Cauxky. Các bạn thấy không, chủ nghĩa quốc tế chân chính là ở chỗ biện hộ cho việc công nhân Pháp bắn công nhân Đức, công nhân Đức bắn công nhân Pháp vì sự nghiệp “bảo vệ tổ quốc!”¹.

V.I. Lênin đã vạch trần bản chất kinh tế của cuộc chiến tranh, đó là giai cấp tư sản của tất cả các cường quốc lớn tiến hành chiến tranh là để phân chia và bóc lột thế giới, để áp bức các dân tộc, vì vậy C. Cauxky không thể nhân danh vinh dự và sự vĩ đại của tổ quốc đứng ra “bảo vệ tổ quốc” bằng cách đưa công nhân các nước đi đánh nhau để bảo vệ lợi ích của giai cấp tư sản. Theo V.I. Lênin, người vô sản cách mạng cần phải hiểu được tính chất của một cuộc chiến tranh, nếu là cuộc chiến tranh đế quốc phản động như cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất đang diễn ra thì bốn phần người đại biểu của giai cấp vô sản cách mạng là phải chuẩn bị một cuộc cách mạng vô sản thế giới, con đường duy nhất để thoát khỏi những khủng khiếp của cuộc giết chóc có tính chất toàn thế giới.

Người cho rằng “Chủ nghĩa quốc tế là ở chỗ đoạn tuyệt với những người xã hội - sôvanh (tức là bọn vệ quốc) của nước mình và với chính phủ đế quốc của nước mình, tiến hành đấu tranh cách mạng chống lại chính phủ ấy, lật đổ nó, sẵn sàng hy sinh những lợi ích dân tộc lớn nhất... nếu điều đó có lợi cho sự phát triển của cách

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.26, tr.277.

mạng công nhân *quốc tế*¹. Đồng thời, V.I. Lênin đã kêu gọi những người xã hội chủ nghĩa và giai cấp vô sản các nước cố gắng làm cho chính phủ nước mình thất bại trong cuộc chiến tranh và biến chiến tranh đế quốc thành nội chiến cách mạng giành lấy chính quyền về tay mình. Những phân tích đó cho thấy, khi Chiến tranh thế giới thứ nhất nổ ra, C. Cauxky đã nhảy sang hàng ngũ xã hội - sôvanh, một thứ chủ nghĩa cơ hội “ngụy trang, dè dặt, giả nhân, giả nghĩa, đường mật” phản bội lại phong trào công nhân quốc tế.

Thứ ba, V.I. Lênin đấu tranh phê phán biểu hiện cơ hội chủ nghĩa của C. Cauxky trong vấn đề dân chủ.

C. Cauxky đề cao giá trị dân chủ tư sản, cho đó là dân chủ thuần túy - nền dân chủ cho mọi giai cấp, nền dân chủ đó sẽ tồn tại vĩnh viễn và ngày càng hoàn thiện. V.I. Lênin đã bác bỏ lý luận về dân chủ thuần túy của C. Cauxky và cho rằng đó là quan niệm phi giai cấp vì nó không chỉ rõ dân chủ cho giai cấp nào, nó xóa bỏ tính giai cấp của dân chủ, trong xã hội có giai cấp chỉ có dân chủ tư sản hay dân chủ vô sản chứ quyết không có thứ dân chủ chung cho mọi giai cấp. C. Cauxky đối trá, ngụy biện và gian lận khi không đặt giá trị dân chủ đó trong bối cảnh hiện tại mà nhìn về đằng sau để so sánh một cách khập khiễng và không hiểu rằng: “Chế độ dân chủ tư sản, tuy là một tiến bộ lịch sử vĩ đại so với thời trung cổ, song trước

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.37, tr.127.

sau nó vẫn là - và dưới chế độ tư bản nó không thể không là - một chế độ dân chủ chật hẹp, bị cắt xén, giả hiệu, giả dối, một thiên đường cho bọn giàu có, một cái cạm bẫy và một cái mồi giả dối đối với những người bị bóc lột, đối với những người nghèo”¹. Trên thực tế, nền dân chủ tư sản vẫn là dân chủ cho thiểu số những nhà tư bản, những kẻ vẫn sở hữu các tư liệu sản xuất chủ yếu và nắm giữ bộ máy nhà nước, còn đại đa số nhân dân lao động, giai cấp vô sản vẫn đói ăn, thiếu mặc, bị phá sản, bị gạt ra khỏi những vị trí quan trọng của Nhà nước.

V.I. Lênin luận chứng: “chừng nào quyền sở hữu còn nằm trong tay bọn tư bản, thì dân chủ nào cũng chỉ là chuyên chính tư sản được che đậy một cách giả nhân giả nghĩa”², và một khi cuộc đấu tranh giai cấp càng phát triển, nền thống trị của giai cấp tư sản càng bị lung lay thì giai cấp tư sản không ngần ngại thủ tiêu dân chủ và tỏ rõ bộ mặt chuyên chế. V.I. Lênin đòi hỏi những người mácxít không bao giờ quên hỏi rằng đó là dân chủ cho giai cấp nào, giai cấp vô sản cần phải nhận thức được bản chất của nền dân chủ tư sản, cần thấy được mặt tích cực để lợi dụng nó và những hạn chế để không nhiễm phải “lòng tin mê muội” vào nó cũng như cái “dân chủ thuần túy” mà cần phải biết tổ chức đấu tranh thủ tiêu nó, xây dựng chế độ dân chủ vô sản, một nền dân chủ mà “so với bất cứ chế độ dân chủ tư sản nào, cũng dân chủ hơn *gấp triệu lần*”³.

1, 2, 3. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.37, tr.305, 537, 312.

Ở nhà nước Xôviết, dân chủ vô sản “đã phát triển và mở rộng chế độ dân chủ một cách chưa hề thấy ở một nơi nào trên thế giới, chính là vì lợi ích của tuyệt đại đa số dân cư, vì lợi ích của những người bị bóc lột và lao động”¹, nó không những quy định rõ ràng bằng văn bản quyền tham gia quản lý nhà nước của quần chúng công nông mà còn bảo đảm về mặt vật chất cho nhân dân thực hành quyền dân chủ - chứ không phải là mất dân chủ như C. Cauxky xuyên tạc.

Qua sự phân tích của V.I. Lênin chứng tỏ C. Cauxky đã chà đạp lên những chân lý của chủ nghĩa Mác, điều này cũng dễ hiểu bởi ông ta đã “ngập sâu trong những cuốn sách tư sản đầy bụi bặm nên không thể nhìn thấy được thực tế sinh động, đã nhiễm đầy những thành kiến dân chủ tư sản, và do đó khách quan đã trở thành một kẻ tô tô của giai cấp tư sản”².

Thứ tư, V.I. Lênin đấu tranh chống những quan điểm cơ hội chủ nghĩa, phản bội chủ nghĩa Mác của C. Cauxky về vấn đề con đường giành chính quyền, về nhà nước và chuyên chính vô sản.

C. Cauxky nói một cách vu vơ rằng, chuyên chính vô sản chỉ là một “tử” mà C. Mác đã tình cờ dùng trong một bức thư. V.I. Lênin đã bác bỏ sự xuyên tạc lối bịch của C. Cauxky, Người đã trích dẫn đoạn văn của C. Mác trong tác phẩm *Phê phán Cương lĩnh Gôta*: “Giữa xã hội tư bản

1, 2. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.37, tr.310, 313.

chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa là một thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội nọ sang xã hội kia. Thích ứng với thời kỳ ấy là một thời kỳ quá độ chính trị, và nhà nước của thời kỳ ấy không thể là cái gì khác hơn là *nền chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản*”¹.

V.I. Lênin chỉ rõ, chuyên chính vô sản cách mạng là giai cấp vô sản dùng phương pháp bạo lực đối với giai cấp tư sản để giành và giữ chính quyền. Chuyên chính vô sản là phá hoại nền dân chủ tư sản để xây dựng nền dân chủ vô sản. Không dùng bạo lực lật đổ bộ máy nhà nước của giai cấp tư sản, không dùng bộ máy mới để thay thế nó thì không thể thực hiện cách mạng vô sản. Bộ máy mới này tức là nhà nước chuyên chính vô sản.

Khi bàn về phương thức giành chính quyền, trong tác phẩm *Chuyên chính vô sản* (năm 1918), C. Cauxky nói rằng: “... Nhiệm vụ của bãi công quần chúng không bao giờ có thể là *phá hủy* chính quyền nhà nước, mà chỉ là buộc chính phủ phải nhượng bộ về một vấn đề nào đó, hoặc là chỉ thay một chính phủ thù địch với giai cấp vô sản bằng một chính phủ thỏa mãn yêu cầu của giai cấp vô sản... Nhưng bất cứ lúc nào và bất cứ trong điều kiện nào, điều đó” “cũng không thể dẫn đến *việc phá hủy* chính quyền nhà nước mà chỉ có thể dẫn đến một *sự thay đổi* nào đó về tương quan lực lượng *trong nội bộ chính quyền nhà nước*... Vì vậy cuộc đấu tranh chính trị của chúng ta vẫn theo

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.19, tr.47.

đuổi mục đích như xưa là: giành chính quyền nhà nước bằng cách chiếm lấy đa số trong nghị viện và biến nghị viện thành chủ nhân của chính phủ”¹.

V.I. Lênin cho rằng, giai cấp vô sản muốn giành thắng lợi trong cách mạng xã hội chủ nghĩa thì cần phải tranh thủ tuyệt đại đa số trong nhân dân về phía mình. Nhưng nếu chỉ bó hẹp công tác tranh thủ đó vào việc tìm cách giành lấy đa số phiếu dưới sự thống trị của giai cấp tư sản như C. Cauxky nói, là lừa bịp công nhân. Những người xã hội chủ nghĩa đấu tranh trong phạm vi chế độ tư sản cần phải lợi dụng nghị viện tư sản, coi đó là một diễn đàn, một căn cứ để tiến hành công tác tuyên truyền, cổ động và tổ chức, chứ không phải giành chính quyền bằng con đường hòa bình qua việc chiếm đa số trong nghị viện như C. Cauxky vẫn mơ tưởng.

C. Cauxky đã bỏ quên lời tuyên bố của C. Mác và Ph. Ăngghen trong tác phẩm *Sự khốn cùng của triết học* và *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*: cách mạng bạo lực là không thể tránh được, bạo lực chính là tác dụng cách mạng, là bà đỡ cho mọi xã hội cũ đương thai nghén một xã hội mới, là công cụ mà phong trào xã hội dùng để mở đường cho mình và phá tan những hình thức chính trị cứng đờ và chết khô. Giai cấp tư sản đang sở hữu trong tay một bộ máy nhà nước chuyên chính tư sản để bảo vệ quyền sở hữu tư liệu sản xuất, quyền thống trị của mình,

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.33, tr.145.

chúng không bao giờ san sẻ cho giai cấp vô sản ít quyền lực hay để cho giai cấp vô sản giành chính quyền một cách dễ dàng thông qua đầu phiếu phổ thông. Giai cấp vô sản muốn giành lấy chính quyền thì chỉ có con đường tự trang bị lấy vũ khí, sử dụng bạo lực của mình để đập tan mọi sự phản kháng của giai cấp tư sản, V.I. Lênin chỉ rõ: “Không có cách mạng bạo lực thì không thể thay nhà nước tư sản bằng nhà nước vô sản được”¹.

V.I. Lênin cũng cho rằng, không đấu tranh chống những thiên kiến chủ nghĩa cơ hội về vấn đề nhà nước thì không thể đấu tranh giải phóng quần chúng cần lao khỏi ảnh hưởng của giai cấp tư sản. Vì vậy, khi C. Cauxky khuyên giai cấp vô sản đấu tranh chỉ để thay đổi tương quan lực lượng trong nội bộ chính quyền nhà nước, không thể xóa bỏ nhà nước tư bản, Người đã phản bác lại: “Chúng ta cần có một nhà nước. Nhưng chúng ta cần *không phải* cái nhà nước mà giai cấp tư sản đã lập ra khắp nơi”², “*nhà nước đó không phải là một cộng hòa đại nghị dân chủ - tư sản thông thường, mà là một nhà nước kiểu Công xã Pari năm 1871 hay là kiểu Xôviết đại biểu công nhân năm 1905 và 1917*”³. Người chỉ ra rằng, giai cấp vô sản và những người cộng sản phải đoạn tuyệt với bọn cơ hội chủ nghĩa, đấu tranh không phải để “thay đổi tương quan lực lượng” mà để lật đổ giai cấp tư sản, phá hủy chế

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.33, tr.28.

2, 3. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.31, tr.52, 220.

độ đại nghị tư sản rồi lập ra chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản. Người khẳng định rằng “vấn đề cơ bản nhất của mọi cuộc cách mạng là vấn đề chính quyền nhà nước, chừng nào mà chưa nhận rõ được vấn đề đó thì đừng hòng nói đến việc tự giác tham gia cách mạng và càng không thể nói đến lãnh đạo cách mạng”¹.

V.I. Lênin đã vạch rõ: chuyên chính vô sản là một chế độ dân chủ kiểu cao chứ không phải là “xóa bỏ dân chủ”, “độc tài cá nhân” như C. Cauxky đã xuyên tạc. Người cho rằng: “Chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản giành được và duy trì bằng bạo lực đối với giai cấp tư sản, chính quyền không bị một luật pháp nào hạn chế cả”², song nó vẫn dân chủ gấp triệu lần so với chế độ dân chủ tư sản. V.I. Lênin khẳng định: “Chỉ có chuyên chính vô sản mới có khả năng giải phóng nhân loại khỏi ách tư bản, khỏi sự giả dối, bịp bợm, giả nhân giả nghĩa của dân chủ tư sản, tức là dân chủ *cho bọn nhà giàu*, và thiết lập dân chủ *cho người nghèo*, nghĩa là làm cho công nhân và nông dân nghèo nhất được *thực sự* hưởng những phúc lợi của nền dân chủ”³. Theo V.I. Lênin, nếu thừa nhận đấu tranh giai cấp trong học thuyết Mác không thôi thì chưa đủ, đóng khung chủ nghĩa Mác trong học thuyết đấu tranh giai cấp là cắt xén, xuyên tạc chủ nghĩa Mác, chỉ khi nào mở rộng việc thừa nhận đấu tranh

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.13.

2, 3. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.37, tr.297, 481.

giai cấp đến mức thừa nhận chuyên chính vô sản thì mới là người mácxít, nếu không thì kẻ đó vẫn chưa phải là người mácxít, vẫn chưa thoát khỏi khuôn khổ tư tưởng tư sản, chính trị tư sản và C. Cauxky nằm trong số những người như vậy.

Nói tóm lại, “C. Cauxky đã xuyên tạc một cách chưa từng thấy khái niệm chuyên chính vô sản, bằng cách biến Mác thành một người thuộc phái tự do tầm thường, nghĩa là bản thân hắn đã rơi xuống hàng những kẻ thuộc phái tự do, những kẻ tuôn ra những lời tầm thường vô vị về “dân chủ thuần túy”, đã tô vẽ và xóa nhòa nội dung giai cấp của chế độ dân chủ *tư sản*, đã sợ *bạo lực cách mạng* của giai cấp bị áp bức hơn tất cả mọi cái. Trong khi “giải thích” khái niệm “chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản” sao cho gạt bỏ ra khỏi khái niệm đó việc dùng bạo lực cách mạng của giai cấp bị áp bức đối với những kẻ áp bức, C. Cauxky đã giật giải quán quân trên thế giới trong việc xuyên tạc chủ nghĩa Mác theo quan điểm của phái tự do. So với tên phản bội C. Cauxky, thì tên phản bội E. Bécxtanh chẳng qua chỉ là một con chó con mà thôi”¹.

Có thể thấy, qua cuộc đấu tranh liên tục, kiên quyết này, V.I. Lênin đã đánh bại hoàn toàn những quan điểm cơ hội chủ nghĩa xuyên tạc chủ nghĩa Mác của C. Cauxky, góp phần bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác trên những vấn đề cơ bản nhất. Chính lý luận đó đã góp phần vào sự

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.37, tr.304.

thành công của Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại và sự ra đời, đứng vững của Nhà nước Xôviết non trẻ.

IV- V.I. LÊNIN ĐẤU TRANH CHỐNG CHỦ NGHĨA DÂN TÚY

1. Quan điểm cơ hội chủ nghĩa của phái dân tụy

Chủ nghĩa dân tụy là hệ tư tưởng (hệ thống quan điểm) của phái dân chủ nông dân - tiểu tư sản, là trào lưu xã hội - chính trị ở Nga ra đời từ những năm 60 - 70 của thế kỷ XIX do Ghectxen và Tsécnu-sépki sáng lập. Trong giai đoạn đầu của mình, chủ nghĩa dân tụy đã có vai trò tích cực trong việc truyền bá chủ nghĩa Mác vào nước Nga. Đến những năm cuối của thế kỷ XIX, chủ nghĩa dân tụy cách mạng dần dần thoái hóa, bắt đầu hòa nhập với phái tự do Nga mà trước đó chỉ là “những nhà không tưởng”, những kẻ khoác lác và đần độn thành phái dân tụy tự do. Đồng thời nó lại được luồng gió mới của chủ nghĩa cơ hội E. Bécxtanh dung dưỡng, trở thành những kẻ theo đuôi và những tín đồ người Nga của chủ nghĩa E. Bécxtanh.

Những đại biểu dân tụy tự do như Mikhailốpki, V.P. Vô-rôn-xốp, N.Ph. Đanien-xôn... chẳng những “đã kính cẩn tiếp thu” tư tưởng của E. Bécxtanh, mà còn vận dụng vào thực tế, do đó đã tự biến mình thành những kẻ phát ngôn của chủ nghĩa cải lương tư sản đối lập với học thuyết cách mạng của chủ nghĩa Mác, trở thành vật cản chủ yếu, ngăn chặn và chống lại việc truyền bá chủ nghĩa Mác vào nước Nga.

Trong những năm 1890 - 1894, do những biến đổi kinh tế trong đời sống nông dân Nga, do tác động của cách mạng công nghiệp, sự phát triển của giai cấp nông dân và của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp, phái dân tụy phân liệt làm xuất hiện những người dân tụy tự do. Những người dân tụy tự do là tội đồ của chủ nghĩa tư bản, họ sống công khai, hợp pháp với chế độ Nga hoàng, công khai chống lại chủ nghĩa Mác, ủng hộ cải cách của Nga hoàng mục đích nhằm biến nước Nga thành nước “quân chủ tư sản”. Phái dân tụy tự do nhân danh cái gọi là “những người bạn dân” cho rằng: chỉ có họ là bạn dân, những người mácxít là những người chống lại nhân dân.

Phái dân tụy cho rằng, chủ nghĩa Mác không thích hợp với nước Nga, vì chủ nghĩa Mác sinh ra ở châu Âu có nền công nghiệp phát triển, còn ở nước Nga thời điểm đó còn là nước nông nghiệp, đưa chủ nghĩa Mác vào Nga chỉ làm phá sản nước Nga. Họ lý giải chủ nghĩa Mác là một học thuyết trừu tượng, là sản phẩm của tư duy tư biện chưa được chứng minh trên thực tế. Phái dân tụy còn cho rằng, chủ nghĩa Mác chỉ đưa ra được mô hình và dùng nó úp vào hiện thực theo kiểu “tam đoạn thức” của Hêghen; nếu nói những quan điểm của chủ nghĩa Mác là một phát hiện có ý nghĩa thời đại thì điều đó hoàn toàn không có căn cứ.

Theo quan điểm của phái dân tụy thì chủ nghĩa xã hội chỉ thành công ở những nơi tư bản phát triển. Họ cho rằng chủ nghĩa tư bản ở Nga là hiện tượng ngẫu nhiên, không

phát triển được và giai cấp vô sản Nga cũng không thể phát triển, họ phủ nhận sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Vì thế muốn đi lên chủ nghĩa xã hội phải hướng vào nông dân, lực lượng cách mạng chủ yếu là nông dân do trí thức lãnh đạo. Phái dân túy chìm ngập trong nông thôn, lôi kéo quần chúng trong nông dân, mơ tưởng tới chủ nghĩa xã hội từ vai trò của giai cấp nông dân.

Những năm cuối thế kỷ XIX, chủ nghĩa dân túy đã không đặt ra nhiệm vụ đấu tranh chống chính phủ Nga hoàng. Ngược lại, họ tuyên truyền: thỏa hiệp với chính phủ đó để có được một xã hội ổn định, phát triển. Họ không đoái hoài gì đến hoàn cảnh của nông dân ở nông thôn Nga, hững hờ trước cuộc đấu tranh giai cấp ở nông thôn, thậm chí còn ca ngợi một số hộ phú nông phát triển. Điều đó chứng tỏ chủ nghĩa dân túy ngày càng phản bội lợi ích của giai cấp nông dân, tiến gần và đại diện cho lợi ích của tầng lớp phú nông. Trên các báo chí bấy giờ, chủ nghĩa dân túy đã tìm cách tấn công ráo riết những người mácxít. Dụng ý của họ là cố xuyên tạc những quan điểm của những người mácxít Nga hồi đó. Họ vu khống rằng, những người mácxít Nga muốn làm tan rã nông thôn, muốn làm cho “người nông dân nào cũng phải đi qua lò lửa nhà máy”. Thực tế đó chính là sự phát triển tự nhiên của chủ nghĩa tư bản Nga kéo theo sự phát triển của giai cấp vô sản ngày càng đông hơn chứ không phải như sự chỉ trích thiếu cơ sở của chủ nghĩa dân túy.

2. Cuộc đấu tranh của V.I. Lênin chống phái dân túy

Trước những quan điểm xuyên tạc trắng trợn chủ nghĩa Mác và sự nguy hại của chủ nghĩa dân túy đã đặt ra nhiệm vụ đánh bại về mặt tư tưởng của chủ nghĩa dân túy đã trở nên hết sức cấp bách đối với V.I. Lênin và những người mácxít Nga lúc đó. V.I. Lênin cho rằng, để phê phán những người dân túy là việc làm rất khó, bởi lẽ, một mặt do Plêkhanốp mắc sai lầm về mặt lý luận, ông đề cao vai trò của tầng lớp tư sản tự do; mặt khác, phái dân túy lúc đó có những lãnh tụ rất nổi tiếng như Mikhailốpski, Crivencô, Giacốp, do đó muốn phê phán họ phải có quan điểm lý luận sắc bén. Giai đoạn đầu, để phê phán phái dân túy tự do, V.I. Lênin viết dưới dạng những bài báo ngắn, bức thư ngắn. Sau đó các tác phẩm do V.I. Lênin viết từ năm 1894 đến năm 1899 như *Những “người bạn dân” là thế nào và họ đấu tranh chống những người dân chủ - xã hội ra sao?*, *Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga* là những đòn chí mạng đánh vào hệ thống lý luận của phái dân túy.

Trong tác phẩm *Những người bạn dân là thế nào và họ đấu tranh chống những người dân chủ - xã hội ra sao?* viết vào mùa hè năm 1894, V.I. Lênin đã phê phán một cách toàn diện các quan điểm triết học, kinh tế và chính trị, cương lĩnh và sách lược của phái dân túy, giáng một đòn quyết định vào phái dân túy, mở đường cho chủ nghĩa

Mác vào nước Nga, thúc đẩy sự phát triển của giai cấp công nhân và phong trào cách mạng vô sản ở Nga.

Thứ nhất, V.I. Lênin đấu tranh chống chủ nghĩa dân túy phủ nhận và xuyên tạc chủ nghĩa nghĩa duy vật lịch sử.

V.I. Lênin chỉ ra rằng: “Việc giải thích Mác theo kiểu dân túy phải được coi là một loại chủ nghĩa xét lại có tính chất đặc biệt Nga”¹. Người đã chỉ trích và phê phán một cách nghiêm khắc quan điểm xã hội học chủ quan của Mikhailốpski khi ông này vu cáo các quan điểm duy vật lịch sử của C. Mác là thuyết định mệnh, phủ nhận quy luật khách quan của bản thân sự phát triển của xã hội. Phái dân túy cho rằng, với “bộ óc phê phán”, những nhân vật kiệt xuất có thể bất chấp mọi quy luật và điều kiện khách quan sáng tạo lịch sử và thay đổi phương hướng phát triển lịch sử theo ý muốn chủ quan của họ.

V.I. Lênin cho rằng, quan điểm này của Mikhailốpski là “đống rác đã thối rữa từ lâu” của các nhà triết học duy tâm, là “lời thuyết giáo ấu trĩ” đã bị lý luận của C. Mác về sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội bác bỏ một cách căn bản. Điều đó chứng tỏ họ không nắm được những nội dung cơ bản của học thuyết Mác. Và trong khi tìm mọi cách nhưng không đánh đổ được quan điểm duy vật lịch sử về mặt lý luận thì họ đã đứng trên quan điểm duy tâm chủ quan để xuyên tạc và công kích chủ nghĩa Mác.

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.26, tr.103.

Mikhailốpski lặp lại sự xuyên tạc của E. Bécxtanh đối với chủ nghĩa Mác khi cho rằng C. Mác không có triết học của riêng mình, phủ nhận chủ nghĩa duy vật lịch sử là phát hiện mới của C. Mác, cho đó là chân lý đã được làm rõ từ lâu. V.I. Lênin đã khẳng định: phàm những người hiểu biết chút ít về Mác đều có thể thấy ngay được toàn bộ sự giả dối và huênh hoang của thủ đoạn này. Dẫu không tán thành lý luận của C. Mác thì cũng không thể phủ nhận rằng Mác đã trình bày hết sức rõ ràng quan điểm của mình, mà những quan điểm này thì lại là những quan điểm hoàn toàn mới đối với những người xã hội chủ nghĩa trước đó.

Thứ hai, V.I. Lênin đấu tranh chống việc chủ nghĩa dân túy phủ nhận đấu tranh giai cấp, phủ nhận bản chất giai cấp của nhà nước.

Phái dân túy phủ nhận đấu tranh giai cấp, họ “mơ tưởng xóa bỏ ách nô lệ làm thuê mà không cần phải đấu tranh giai cấp”¹. V.I. Lênin cho rằng sở dĩ họ không hiểu được những mâu thuẫn giai cấp đang tồn tại trong xã hội là do những điều kiện sinh hoạt vật chất của những người sản xuất nhỏ, cái “địa vị không phải là chủ và không phải là thợ” của họ quy định. Thực sự họ đã tỏ ra “ngây thơ, ngờ nghệch, vụng về” và nói không úp mở gì khi họ phát biểu rằng: “chế độ cộng hòa là “một viên

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.22, tr.149.

cảnh xa xôi”,... rằng hiện nay những yêu sách *trước mắt* là cải cách”¹, cải cách để xóa bỏ ách nô lệ làm thuê, mở đường cho sự phát triển của nền sản xuất nhỏ, mà nhà nước được họ trông chờ là công cụ để cải cách... Do bị cột chặt vào nền kinh tế cá thể nhỏ bé của mình, cho nên họ đã không thể hiểu được tính chất thật sự của nhà nước thậm chí coi nhà nước là công cụ để cải cách vì “nhà nước là vạn năng và đứng trên mọi giai cấp”².

Theo V.I. Lênin, nhà nước không phải là tổ chức siêu giai cấp, mà là công cụ của giai cấp chiếm địa vị thống trị về kinh tế, dùng để áp bức giai cấp bị trị, và vì rằng “toàn bộ lịch sử nước Nga và toàn bộ chính sách đối nội đều chứng minh rằng nhiệm vụ của nhà nước của nước ta chỉ là bảo vệ bọn địa chủ của giai cấp đại tư sản, và đàn áp một cách hết sức dã man mọi mưu toan tự vệ của những “kẻ yếu về kinh tế”³. Phái dân túy tự do coi nhà nước là cơ quan siêu giai cấp, cầu xin Sa hoàng bảo vệ “kẻ yếu về kinh tế”, điều đó chứng tỏ họ đã mất hết tinh thần cách mạng kiên quyết chống chế độ chuyên chế Sa hoàng của những người tiên bối của họ, đã hoàn toàn trượt vào vũng bùn phản động. V.I. Lênin khẳng định: “tất cả mọi ý đồ đứng trên quan điểm siêu giai cấp hoặc phi giai cấp để bàn luận về chính trị và

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.22, tr.210.

2, 3. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr.327, 327-328.

kinh tế Nga đều đã tước khất mất hết ý vị, trở thành một chuyện tẻ ngắt, phi lý, lố lăng lỗi thời”¹. Đồng thời nó gây hậu quả làm “hư hỏng ý thức xã hội chủ nghĩa của quần chúng”.

Thứ ba, V.I. Lênin đấu tranh chống chủ nghĩa dân túy đối lập nền sản xuất nhân dân với phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp ở Nga.

Việc những người dân túy tránh đặt vấn đề “nên hay không nên ngăn cản sự phát triển của chủ nghĩa tư bản?” mà lại chỉ thích bàn phiếm về “khả năng có những con đường khác cho tổ quốc” cũng như những ảo tưởng “tách rời hoàn cảnh lịch sử cụ thể” về sự phát triển quá độ không qua tư bản chủ nghĩa, đòi xóa bỏ chế độ tư hữu ruộng đất và niềm tin mù quáng vào việc xây dựng công xã nông thôn kết hợp với những cải cách có được từ nhà nước của chế độ cũ để tiến lên chủ nghĩa xã hội đều bị V.I. Lênin đập tan. Người chỉ rõ, “biện pháp ấy chẳng có gì là xã hội chủ nghĩa cả”², kể cả khi họ bàn về con đường phát triển không tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp thì tất cả những lời khẳng định của họ đều cực kỳ sai lầm, hoàn toàn trái sự thật và “hoàn toàn chỉ là chế giễu sự thật mà thôi”³.

V.I. Lênin cho rằng, phái dân túy đem đối lập “làng xã nông dân” Nga với sự phân hóa của người nông dân và sự

1, 2. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.23, tr.499, 451.

3. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.27, tr.172.

phát triển của chủ nghĩa tư bản là điều sai lầm căn bản bởi trước năm 1861 “làng xã nông dân” mà phái dân túy gọi là “nền sản xuất nhân dân” gắn chặt với chế độ nông nô. Sau năm 1861, nền kinh tế hàng hóa phát triển nhanh chóng ở Nga, nền sản xuất nông dân lại gắn chặt với sản xuất hàng hóa, với chế độ kinh tế tư bản chủ nghĩa. Vì vậy, sẽ là vô lý nếu hoàn toàn đối lập “làng xã” với phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Cũng là sai lầm khi phái dân túy cho chế độ sở hữu ruộng đất làng xã là trở ngại mà chủ nghĩa tư bản không thể vượt qua bởi chế độ chiếm hữu là chế độ được quy định dưới hình thức pháp luật, nó không có tác dụng quyết định dưới sự phát triển của chủ nghĩa tư bản. Vì thế, các câu hỏi mà phái dân túy đặt ra “công xã nông dân hay là chủ nghĩa tư bản” là câu hỏi hoàn toàn nhầm nhí. Việc họ phủ nhận sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa tư bản ở nông thôn, cũng phủ nhận sự tồn tại và phát triển của các thành phần kinh tế tư bản chủ nghĩa trong thủ công nghiệp, đối lập “nền sản xuất nhân dân” với nền công nghiệp tư bản chủ nghĩa bị V.I. Lênin kịch liệt phê phán. V.I. Lênin coi cái lý luận ấy là “một thứ mơ tưởng của giới trí thức tiểu tư sản, họ tìm lối thoát ra khỏi chủ nghĩa tư bản” không phải là từ trong cuộc đấu tranh giai cấp của công nhân làm thuê chống lại giai cấp tư sản mà trong những lời kêu gọi “toàn thể nhân dân”, kêu gọi “xã hội”, nghĩa là kêu gọi chính ngay giai cấp tư sản. Từ đó, V.I. Lênin đi đến khẳng định: “Phong trào

công nhân không thể tồn tại và phát triển có kết quả, chừng nào chưa đập tan được lý luận đó”¹.

Thứ tư, V.I. Lênin phê phán cương lĩnh chính trị của phái dân túy.

Những người dân túy đã đề ra cương lĩnh nửa vời, không xuất phát từ thực tại nước Nga. Ở thời điểm lịch sử đó, nước Nga đã phát triển tư bản chủ nghĩa, nhưng theo Mikhailốpski thì nước Nga không có nền sản xuất tư bản chủ nghĩa và nếu có cũng chỉ giới hạn trong 1,5 triệu công nhân cho nên chủ nghĩa tư bản ở Nga không phát triển được. Những người dân túy che giấu sự đối kháng giai cấp và sự bóc lột người lao động của giai cấp thống trị. Họ không giúp những người bị nô dịch vùng lên đấu tranh, trái lại họ mơ tưởng chấm dứt cuộc đấu tranh bằng những biện pháp thỏa mãn mọi người nhằm đi đến hòa giải và đoàn kết. Cương lĩnh này chỉ làm cho giai cấp tư sản mạnh lên còn nông dân không được giải phóng. Thực chất tư tưởng của những “người bạn dân” là không muốn thủ tiêu sự bóc lột, họ không muốn đấu tranh mà muốn điều hòa, họ muốn duy trì mãi mãi cái chế độ tốt đẹp trước kia là chế độ lao động nửa nông nô, nửa tự do, cái chế độ mang trong lòng nó tất cả những thảm trạng của sự bóc lột và áp bức và chẳng đưa lại được một lối thoát nào cả.

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.24, tr.395.

V.I. Lênin đã chỉ rõ quan điểm của phái dân túy về cương lĩnh chính trị: Từ một cương lĩnh chính trị nhằm mục đích phát động nông dân làm cách mạng xã hội chủ nghĩa chống lại các cơ sở của xã hội hiện tại, đã nảy ra một cương lĩnh nhằm mục đích vá vát, “cải thiện” tình cảnh của nông dân, đồng thời vẫn bảo tồn các cơ sở của xã hội hiện tại. Trên cơ sở phê phán quan điểm chính trị thể hiện trong cương lĩnh chính trị của phái dân túy, V.I. Lênin chỉ ra yêu cầu của cương lĩnh chính trị phải xuất phát từ thực tiễn nước Nga, khai thác và kế thừa thành tựu của chủ nghĩa tư bản để đi lên chủ nghĩa xã hội. Cương lĩnh ấy phải xác định rõ cơ sở, con đường, phương thức của thời kỳ quá độ, phải vạch ra được khuynh hướng phát triển trong thời gian lâu dài.

Thứ năm, V.I. Lênin phê phán quan điểm của phái dân túy trên vấn đề quyết định luận và tự do ý chí.

Phái dân túy cho rằng: Chủ nghĩa Mác đứng trên lập trường quyết định luận quyết định tất cả. Do đó, con người phải phá tung quy luật thì mới có tự do. Theo V.I. Lênin, Mikhainốpxki đã sai lầm khi cho rằng “Chỉ có quan điểm quyết định luận mới giúp ta đánh giá được chặt chẽ và đúng đắn, mà không đổ lỗi tất cả cho tự do ý chí. Ý niệm tính tất yếu lịch sử cũng vậy, nó không hề làm tổn hại gì đến vai trò của cá nhân trong lịch sử: toàn bộ lịch sử, chính là do những hành động của cá nhân cấu thành, và những cá nhân này chắc chắn đều là những lực lượng tác động. Vấn đề thực sự đặt ra khi đánh giá hoạt động

xã hội của một cá nhân là: Trong những điều kiện nào thì hoạt động đó được đảm bảo thành công? Đâu là điều đảm bảo cho hoạt động đó không còn là một hành động đơn độc, chìm ngập trong cái biển cả những hành động trái ngược nhau?”¹.

V.I. Lênin bảo vệ quan điểm của C. Mác và cho rằng: quyết định luận và tự do ý chí là hai mặt thống nhất biện chứng với nhau, không có sự xung đột. Con người hoạt động phải trên cơ sở nắm vững quy luật và hành động theo quy luật. Nắm quy luật là nâng cao nhận thức hoạt động của con người lên và làm cho con người khi đã nắm được quy luật thì có tự do chứ không phải triệt tiêu tự do của con người.

Có thể thấy, qua những tác phẩm của mình, V.I. Lênin đã vạch trần bộ mặt của các nhà lý luận của phái dân túy, phê phán một cách toàn diện các quan điểm triết học, kinh tế, chính trị, cương lĩnh và sách lược của phái dân túy tự do. Tuy nhiên, V.I. Lênin cũng chỉ rõ sẽ là hoàn toàn sai “nếu vứt bỏ một cách không suy xét toàn bộ cương lĩnh dân túy”, phải phân biệt rạch ròi giữa mặt phản động của nó với mặt tiến bộ của nó. Sở dĩ như vậy là vì “những người dân túy hiểu lợi ích của những người sản xuất nhỏ một cách đúng đắn hơn rất nhiều và đại biểu cho những lợi ích đó một cách đúng đắn hơn rất nhiều cho nên những người mácxít, sau khi đã vứt bỏ

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr.190-191.

tất cả những gì là phản động trong cương lĩnh của phái dân túy thì không những phải chấp nhận những điểm có tính chất dân chủ chung của cương lĩnh đó, mà còn phải phát triển những điểm đó thêm nữa, chính xác hơn nữa, sâu sắc hơn nữa”¹, tức là “phải được coi là một nhân tố cấu thành trong bản cương lĩnh của đảng dân chủ - xã hội Nga”².

V- V.I. LÊNIN ĐẤU TRANH CHỐNG PHÁI KINH TẾ

1. Quan điểm cơ hội chủ nghĩa của phái kinh tế

Phái kinh tế là trào lưu cơ hội trong phong trào công nhân Nga cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Năm 1898, Đại hội lần thứ I của Đảng Công nhân dân chủ xã hội Nga đã chính thức ghi nhận xu hướng đoàn kết của những người dân chủ xã hội Nga trên cơ sở chủ nghĩa Mác và xu hướng biến họ thành đội chính trị tiên phong của giai cấp công nhân Nga. Tuy nhiên, nguy cơ biến Đảng Công nhân dân chủ xã hội Nga thành một đảng của những tổ chức đảng địa phương cũng đe dọa phong trào công nhân Nga. Đông đảo thanh niên Nga lúc bấy giờ chỉ tiếp thu chủ nghĩa Mác qua những bài bình luận những tác phẩm của Mác chứ chưa thực sự nghiên cứu một cách sâu sắc. Đa số họ sùng bái tính tự phát của phong trào công nhân, không tin vào

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr.668-669.

2. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.299.

khả năng đấu tranh chính trị của giai cấp công nhân, phủ nhận vai trò của Đảng là người truyền bá những tư tưởng xã hội chủ nghĩa và là người tổ chức quần chúng công nhân đấu tranh vì những lợi ích trước mắt và mục đích cuối cùng.

Những cuộc càn quét của cảnh sát lúc đó nhằm “quét sạch” những người tích cực tham gia phong trào công nhân ra khỏi các thành phố lớn và các trung tâm công nghiệp đã dẫn đến những khó khăn mới. Đặc biệt, ngay sau Đại hội I của Đảng Công nhân dân chủ xã hội Nga, các ủy viên Ban Chấp hành Trung ương và những nhà lãnh đạo cách mạng thì bị bắt và bị đi đày sự lãnh đạo các tổ chức dân chủ xã hội rơi vào tay những người mới tham gia vào tổ chức đó và có xu hướng cơ hội chủ nghĩa. Trong Đảng Công nhân dân chủ xã hội Nga, xu hướng cơ hội chủ nghĩa - “chủ nghĩa kinh tế” tạm thời chiếm ưu thế. Chủ nghĩa kinh tế với tư cách là một khuynh hướng cơ hội trong phong trào dân chủ xã hội Nga đã chín muồi, đến nửa sau những năm 90 của thế kỷ XIX thực sự hoành hành trong phong trào công nhân Nga.

Cơ quan ngôn luận của phái kinh tế là tạp chí *Sự nghiệp công nhân* và báo *Tư tưởng công nhân*, phản ánh thái độ ác cảm của họ đối với nhiệm vụ chính trị, sùng bái tính tự phát của phong trào công nhân do hiểu một cách tầm thường những nguyên lý nổi tiếng của chủ nghĩa xã hội khoa học về tính đầu tiên về kinh tế so với chính trị. Về thực chất, đó là tư tưởng của bọn cải lương

tư sản cố kéo chệch hướng đấu tranh cách mạng. Đại diện của “chủ nghĩa kinh tế” là Cuxcôva, A. Máctunốp, X.N. Prôcôpôvich, Máctốp... Quan điểm của phái kinh tế thể hiện trên một số vấn đề cơ bản sau:

Một là, phái kinh tế quá đề cao đấu tranh kinh tế, hạ thấp cuộc đấu tranh chính trị của giai cấp công nhân. Họ cho rằng, châm ngôn của phong trào công nhân là “đấu tranh để cải thiện tình hình kinh tế”, “tăng thêm được dù mỗi rúp một cốpécch cũng còn hơn bất cứ chủ nghĩa xã hội và chính sách nào”. Họ còn biện hộ cho bản thân rằng: theo đúng học thuyết của C. Mác và Ph. Ăngghen, thì quyền lợi kinh tế của các giai cấp khác nhau đóng một vai trò đặc biệt quan trọng trong lịch sử, vì thế cuộc đấu tranh cho quyền lợi kinh tế của giai cấp vô sản phải có một tầm quan trọng bậc nhất đối với sự phát triển giai cấp và cuộc đấu tranh giải phóng của giai cấp vô sản.

Hai là, phái kinh tế quá sùng bái tính tự phát của phong trào công nhân, họ cho rằng bản thân phong trào công nhân có thể đẻ ra một hệ tư tưởng độc lập: “phong trào thuần túy công nhân, tự nó, cũng có khả năng tạo ra và sẽ tạo ra cho nó một hệ tư tưởng độc lập, chỉ cần là công nhân “giành được vận mệnh của mình trong tay những người lãnh đạo”¹. Họ trách những người mácxít “coi thường ý nghĩa của yếu tố khách quan hoặc yếu tố tự phát trong

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.48.

quá trình phát triển”, “thối phong tác dụng của tư tưởng”, “thối phong tác dụng của yếu tố tự giác”.

Ba là, cũng do quá sùng bái tính tự phát nên phái kinh tế đã hạ thấp, thậm chí phủ nhận vai trò của lý luận cách mạng, phủ nhận vai trò của Đảng là người truyền bá chủ nghĩa xã hội khoa học vào phong trào công nhân Nga.

Sự sùng bái tính tự phát biểu hiện về mặt tổ chức là những người theo phái kinh tế tán dương tổ chức phân tán, tập quán hẹp hòi và lối làm việc thủ công tồn tại lúc bấy giờ. Họ “tiêm nhiễm” vào đầu óc giai cấp công nhân ý thức chính trị công liên chủ nghĩa với mục tiêu là đấu tranh cho lợi ích kinh tế cho giai cấp công nhân nên chỉ cần thành lập tổ chức công đoàn, không cần thành lập Đảng, muốn duy trì tình trạng rời rạc, tản mạn về mặt tổ chức của đảng; mỗi địa phương, vùng, miền, dân tộc, tôn giáo, xí nghiệp có các tổ chức đảng riêng, không cần thành lập một đảng tập trung thống nhất. Họ cho rằng “phong trào công nhân, dù là không có sự nỗ lực của chúng ta chẳng nữa, tự nó tất nhiên cũng sẽ dẫn đến chỗ truyền bá những tư tưởng dân chủ trong nông thôn”¹.

Nói về nguồn gốc cơ bản của phái này, V.I. Lênin viết: “Phái kinh tế” và những người khủng bố chủ nghĩa hiện tại đều có một nguồn gốc chung, đó chính là *sự sùng bái*

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.300.

*tính tự phát*¹. Khẩu hiệu của phái kinh tế là “đem lại cho chính cuộc đấu tranh kinh tế một tính chất chính trị”, thực chất là muốn che giấu khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa, hạ thấp chính trị - xã hội chủ nghĩa xuống trình độ công liên chủ nghĩa. Khuynh hướng này “muốn làm cho phong trào dừng lại ở trình độ thấp, muốn làm cho nhiệm vụ thành lập một chính đảng cách mạng lãnh đạo toàn dân đấu tranh bị lùi xuống hàng thứ yếu”², một mặt nó đẩy công nhân Nga vào cuộc đấu tranh tản mạn, những hy sinh vô ích, mặt khác nó hạ thấp vai trò của phong trào dân chủ xã hội xuống thành một người đơn thuần ghi nhận những sự kiện.

2. Cuộc đấu tranh của V.I. Lênin chống phái kinh tế

Năm 1897, V.I. Lênin bị Chính phủ Sa hoàng đày đến Xibêri. Trong điều kiện sống vô cùng thiếu thốn, khổ cực, V.I. Lênin vẫn tích cực hoạt động cách mạng, bằng nhiều cách vẫn chăm chú theo dõi những hoạt động của phái kinh tế. Năm 1899, một số phần tử của phái kinh tế đã ra tuyên ngôn, chủ trương công nhân tiến hành đấu tranh kinh tế và phản đối việc xây dựng chính đảng vô sản. Xem bản tuyên ngôn đó, V.I. Lênin liền triệu tập hội nghị những người mácxít bị đày ở những vùng gần đấy.

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.95.

2. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.451.

Hội nghị đã thông qua *Thư kháng nghị của những người xã hội dân chủ Nga* do V.I. Lênin khởi thảo. Tiếp đó, V.I. Lênin viết một loạt bài như Cương lĩnh của chúng ta, Khuynh hướng thật lùi trong Đảng xã hội dân chủ Nga... Sau khi hết hạn lưu đày, V.I. Lênin đã lên án hành vi phản bội chủ nghĩa Mác của phái kinh tế, kêu gọi những người mácxít đấu tranh kiên quyết với phái kinh tế và xây dựng chính đảng cách mạng của giai cấp vô sản.

Thông qua những tác phẩm như: *Những nhiệm vụ bức thiết của phong trào chúng ta, bắt đầu từ đâu?, Mạn đàm với những người bảo vệ chủ nghĩa kinh tế, Làm gì?...* Lênin đã đấu tranh kiên quyết chống những quan điểm cơ hội chủ nghĩa của phái kinh tế. Đặc biệt là trong tác phẩm *Làm gì? Những vấn đề cấp bách trong phong trào chúng ta* (năm 1902), V.I. Lênin đã đấu tranh chống phái kinh tế trên những vấn đề cơ bản sau:

Thứ nhất, V.I. Lênin phê phán sự sùng bái tính tự phát trong phong trào công nhân của phái kinh tế.

Lênin cho rằng, sai lầm cơ bản của phái kinh tế là họ sùng bái tính tự phát của phong trào công nhân, họ cho rằng bản thân phong trào công nhân có thể sinh ra một hệ tư tưởng độc lập. V.I. Lênin cho rằng: “Lấy riêng ra mà xét thì những cuộc bãi công ấy là một cuộc đấu tranh công liên chủ nghĩa, chứ chưa phải là một cuộc đấu tranh dân chủ - xã hội; những cuộc đấu tranh đó chứng tỏ rằng công nhân đã thấy rõ sự đối kháng giữa công nhân và bọn chủ; nhưng công nhân chưa có và cũng chưa thể có ý thức về sự

đổi lập gì điều hòa được giữa quyền lợi của họ với toàn bộ chế độ chính trị và xã hội hiện có, tức là ý thức dân chủ - xã hội. Theo ý nghĩa ấy, các cuộc bãi công trong những năm 90, tuy đã có một sự tiến bộ vượt bậc so với những cuộc “bạo động”, nhưng vẫn còn là một phong trào thuần túy tự phát”¹.

V.I. Lênin khẳng định, quần chúng công nhân chỉ có thể đi đến ý thức công liên chủ nghĩa, tức là ý thức tin chắc rằng phải hợp thành các công đoàn, phải đấu tranh với chủ xưởng, phải đòi hỏi chính phủ ban hành những luật này hay luật khác cần thiết cho công nhân... chứ không thể tự phát hình thành hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa. Hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa chỉ có thể ra đời trên cơ sở của những tri thức khoa học sâu sắc từ bên ngoài truyền vào cho công nhân, chính địa vị xã hội của giai cấp công nhân làm cho họ dễ tiếp thu hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa. Còn hệ tư tưởng tư sản ra đời sớm hơn, trải qua sự “chế biến” toàn diện hơn, công cụ truyền bá cũng rất nhiều. Do đó, phái kinh tế phản đối việc truyền bá ý thức xã hội chủ nghĩa cho công nhân trên thực tế là giúp giai cấp tư sản truyền bá ảnh hưởng của họ. Chính vì vậy mà: “mọi sự sùng bái tính tự phát của phong trào công nhân, mọi việc coi nhẹ vai trò của “yếu tố tự giác”, coi nhẹ vai trò của đảng dân chủ - xã hội, thì đều có nghĩa - dù người ta muốn hay không

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.37-38.

muốn - là tăng cường ảnh hưởng của hệ tư tưởng tư sản đối với công nhân”¹.

Thứ hai, V.I. Lênin đấu tranh chống sự coi thường lý luận của phái kinh tế.

Những người theo phái kinh tế đã hạ thấp, thậm chí phủ nhận vai trò của lý luận cách mạng, phủ nhận vai trò của Đảng là người truyền bá chủ nghĩa xã hội khoa học vào phong trào công nhân Nga. V.I. Lênin đã khẳng định vai trò của lý luận cách mạng và nhắc lại lời của Ph. Ăngghen rằng trong cuộc đấu tranh giai cấp không chỉ có hai hình thức đấu tranh kinh tế và đấu tranh chính trị, mà còn có đấu tranh lý luận, đấu tranh lý luận cũng ngang hàng với hai hình thức trên và trong cuộc đấu tranh này không cho phép nhân nhượng, thỏa hiệp hay thất bại. V.I. Lênin chỉ rõ, coi nhẹ tác dụng của lý luận cách mạng, coi nhẹ vai trò của Đảng, kết quả của nó sẽ là chôn vùi phong trào cách mạng của giai cấp vô sản, bởi vì “không có lý luận cách mạng thì cũng không thể có phong trào cách mạng”², lý luận cách mạng sẽ làm cho giai cấp công nhân hành động từ tự phát sang tự giác. Lý luận cách mạng cũng là điều kiện, là khả năng để cho Đảng Dân chủ xã hội trở thành một đảng tiên phong lãnh đạo được phong trào cách mạng của giai cấp công nhân đi tới thắng lợi vì “*chỉ đảng nào được một lý luận tiên phong*

1, 2. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.48, 30.

*hướng dẫn thì mới có khả năng làm tròn vai trò chiến sĩ tiên phong*¹.

Còn đối với những người lãnh đạo thì “nhiệm vụ của họ là phải học tập, ngày càng nhiều hơn, tất cả những vấn đề lý luận; phải tự giải thoát, ngày càng nhiều hơn, khỏi ảnh hưởng của những câu cổ truyền của thế giới quan cũ”², có như vậy họ mới xác định phương pháp đấu tranh và phương thức hành động, lãnh đạo được quần chúng cách mạng.

Thứ ba, V.I. Lênin phê phán phái kinh tế quá đề cao đấu tranh kinh tế, hạ thấp đấu tranh chính trị, cản trở việc thành lập một tổ chức của những người cách mạng.

Phái kinh tế biện hộ cho bản thân rằng: theo đúng học thuyết của C. Mác và Ph. Ăngghen, thì quyền lợi kinh tế của các giai cấp khác nhau đóng một vai trò đặc biệt quan trọng trong lịch sử, vì thế, đặc biệt là cuộc đấu tranh cho quyền lợi kinh tế của giai cấp vô sản phải có một tầm quan trọng bậc nhất đối với sự phát triển giai cấp và cuộc đấu tranh giải phóng của giai cấp vô sản. V.I. Lênin bác lại rằng: do chỗ quyền lợi kinh tế đóng một vai trò quyết định, ta tuyệt nhiên không thể nào kết luận được rằng cuộc đấu tranh kinh tế lại có một tầm quan trọng bậc nhất, vì những quyền lợi chủ yếu của các giai cấp nói chung chỉ có thể thỏa mãn được bằng những cuộc cải biến chính trị căn bản, và quyền lợi kinh tế trọng yếu của giai

1, 2. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.32, 34.

cấp vô sản nói riêng chỉ có thể thỏa mãn được bằng một cuộc cách mạng chính trị thay thế chuyên chính giai cấp tư sản bằng chuyên chính của giai cấp vô sản. Nếu bó hẹp nhiệm vụ của giai cấp vô sản vào trong đấu tranh kinh tế, tức là làm cho công nhân vĩnh viễn ở vào địa vị nô lệ, vĩnh viễn không thể chôn vùi chủ nghĩa tư bản, lẽ dĩ nhiên điều đó không có nghĩa là những người mácxít lại coi nhẹ ý nghĩa của đấu tranh kinh tế. V.I. Lênin chỉ rõ, những người xã hội dân chủ phải tổ chức cuộc đấu tranh kinh tế của công nhân, nhưng vì đấu tranh kinh tế mà quên mất đấu tranh chính trị như thế tức là xa rời mục tiêu chính trị của giai cấp công nhân, xa rời chủ nghĩa Mác. Đảng Xã hội dân chủ nếu chỉ bó hẹp trong việc đấu tranh kinh tế thì có nghĩa là tự sát về mặt chính trị.

Phái kinh tế đưa ra khẩu hiệu của họ là: “đem lại cho cuộc đấu tranh hoàn toàn kinh tế một tính chất chính trị”¹. V.I. Lênin chỉ rõ: “dưới một hình thái sâu xa và cách mạng “một cách ghê gớm”, cái câu nghe rất kêu “đem lại cho cuộc đấu tranh *hoàn toàn* kinh tế một tính chất chính trị” thực ra đã che giấu cái khuynh hướng cổ truyền nhằm *hạ thấp* chính trị dân chủ xã hội xuống ngang với chính trị công liên chủ nghĩa”². Chính trị công liên chủ nghĩa ấy tức là hồng thông qua “biện pháp lập pháp và hành chính” để cải thiện điều kiện lao động, chứ không đụng chạm đến chế độ tư bản chủ nghĩa.

1, 2. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.77-78, 78.

V.I. Lênin chỉ rõ: chính trị công liên chủ nghĩa cũng tức là chính trị tư sản của giai cấp công nhân, nó cách xa chính trị xã hội chủ nghĩa đến 10 vạn 8 nghìn dặm. Đảng Xã hội dân chủ cách mạng xưa nay đều đặt cuộc đấu tranh để thực hiện cải lương vào trong phạm vi hoạt động của mình, nhưng giai cấp công nhân không phải là “đứa bé dựa vào thứ cháo lỏng chính trị của “chủ nghĩa kinh tế” mà no bụng”. Phải lợi dụng sự giác ngộ chính trị bước đầu mà đấu tranh kinh tế đã mang lại cho công nhân để nâng công nhân lên trình độ giác ngộ chính trị xã hội chủ nghĩa, cuộc đấu tranh cục bộ để thực hiện cải lương phải phục tùng toàn bộ cuộc đấu tranh cách mạng để giành tự do và chủ nghĩa xã hội.

Những người theo phái kinh tế cho rằng chỉ cần thành lập tổ chức công đoàn, không cần thành lập Đảng, họ muốn duy trì mãi tình trạng rời rạc, tản mạn về mặt tổ chức của Đảng. V.I. Lênin chỉ rõ: “khuyh hướng này muốn làm cho phong trào dừng lại ở trình độ thấp, muốn làm cho nhiệm vụ thành lập một chính đảng cách mạng lãnh đạo toàn dân bị lùi xuống hàng thứ yếu”¹. Cuộc đấu tranh của Đảng Dân chủ - xã hội rộng lớn và phức tạp hơn nhiều so với cuộc đấu tranh kinh tế của công nhân chống lại bọn chủ và chính phủ. Do đó tổ chức của những người cách mạng phải khác tổ chức của công nhân.

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.45.

V.I. Lênin khẳng định, nếu không có một tổ chức của những người cách mạng thì không thể có phong trào cách mạng vững chắc được, Người nói: “Hãy cho chúng tôi một tổ chức những người cách mạng, và chúng tôi sẽ đảo ngược nước Nga lên!”¹. Tổ chức đó chính là tổ chức Đảng - một tổ chức thống nhất và tập trung của giai cấp vô sản - bao gồm những người lấy hoạt động cách mạng làm chuyên nghiệp. Chỉ có tổ chức như vậy mới khắc phục được tình trạng phân tán, tản mạn trong Đảng, tổ chức đó có tính chất quyết định đến thắng lợi của sự nghiệp cách mạng. V.I. Lênin kết luận: “cuộc đấu tranh tự phát của giai cấp vô sản sẽ không trở thành cuộc “đấu tranh giai cấp” thực sự của giai cấp vô sản, chừng nào nó chưa được một tổ chức mạnh mẽ gồm những người cách mạng lãnh đạo”².

Thực tế lịch sử đã cho thấy, Đảng Bôn-sê-vích Nga gồm những người mácxít đứng đầu là V.I. Lênin đã tập hợp được giai cấp công nhân Nga trong cuộc đấu tranh cách mạng, đưa tới thắng lợi trong cuộc Cách mạng Tháng Mười vĩ đại, lật đổ chính phủ tư sản phản động, giành lấy chính quyền về tay mình, xây dựng Nhà nước Nga Xôviết, góp phần to lớn vào phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Cuộc đấu tranh mạnh mẽ, quyết liệt của V.I. Lênin chống phái kinh tế đã đẩy lùi được biến dạng của chủ

1, 2. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.162, 173.

nghĩa cơ hội quốc tế ở Nga, bảo vệ được học thuyết cách mạng của chủ nghĩa Mác. Đặc biệt, cũng từ cuộc đấu tranh này đã tạo điều kiện, thúc đẩy Đảng Công nhân dân chủ xã hội Nga ra đời và trưởng thành về mọi mặt.

VI- V.I. LÊNIN ĐẤU TRANH CHỐNG PHÁI MENSÊVÍCH

1. Quan điểm cơ hội chủ nghĩa của phái Mensêvích

Năm 1903, Đại hội II của Đảng Công nhân dân chủ xã hội Nga được tiến hành tại Brúcxen (Bỉ) nhằm thống nhất các tổ chức rời rạc để thành lập một Đảng thống nhất theo nguyên tắc tập trung dân chủ, có tổ chức chặt chẽ; thông qua Cương lĩnh, Điều lệ Đảng và bầu Ban Chấp hành Trung ương, Ban biên tập báo *Tia lửa*. Tham gia đại hội có 26 đoàn đại biểu với các khuynh hướng chính trị khác nhau như: nhóm *Tia lửa*; nhóm lừng chừng, ngả nghiêng và nhóm chống *Tia lửa*. Ở giai đoạn thứ nhất khi thông qua Cương lĩnh của Đảng, các đại biểu trong nhóm *Tia lửa* thống nhất với nhau. Song đến giai đoạn thứ hai khi thông qua Điều lệ Đảng, nhóm này phân chia thành hai phái: phái đa số (Bôn-sê-vích) do Lênin đứng đầu là phái kiên định với chủ nghĩa Mác, chủ trương xây dựng một đảng tập trung thống nhất và phái thiểu số (Mensêvích) do Máctốp đứng đầu, không kiên định với chủ nghĩa Mác. Mặc dù đã diễn ra cuộc đấu tranh gay gắt giữa các khuynh hướng chính trị nhưng cuối cùng Đại hội đã thông qua được Cương lĩnh, Điều lệ Đảng và bầu Ban Chấp hành

Trung ương, Ban biên tập báo *Tia lửa*. V.I. Lênin gọi đây là một bước tiến quan trọng của những người cộng sản và phong trào công nhân Nga.

Tuy nhiên, sau Đại hội cuộc đấu tranh giữa hai khuynh hướng cách mạng và cơ hội càng diễn ra gay gắt. Mùa thu năm 1903, do thất bại trong bầu cử các cơ quan lãnh đạo của Đảng, Máctốp không thực hiện được ý đồ đưa những tên cơ hội vào Ban Chấp hành Trung ương và giữ nguyên Ban biên tập báo *Tia lửa* càng làm cho phái thiểu số bất đồng gay gắt với phái đa số. Sau Đại hội, Máctốp tuyên bố không hợp tác với cơ quan ngôn luận và làm một số việc sau:

Thứ nhất, Máctốp và đồng bọn không phục tùng sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương, tẩy chay các cơ quan Trung ương và phá hoại công tác của những cơ quan này; đồng thời tìm mọi cách tách ra khỏi Đảng, thành lập một phái riêng đứng đầu là Máctốp, Tờ-rốt-xky, Ác-xen-rốt.

Thứ hai, Máctốp và phái Mensêvích đã tìm cách chiếm đoạt tờ báo *Tia lửa*, mua chuộc và lôi kéo Plêkhanốp và Ban biên tập báo *Tia lửa*, vì thế Plêkhanốp đã ngả nghiêng, giao động, đòi đưa những biên tập viên cũ vào Ban biên tập báo *Tia lửa*. Trước thái độ đó của Plêkhanốp, ngày 19/10/1903 V.I. Lênin rút khỏi Ban biên tập báo *Tia lửa*. Ngày 13/11/1903 Plêkhanốp đã tự tiện bổ tuyển vào Ban biên tập những biên tập viên cũ từ đó mà biến báo *Tia lửa* thành cơ quan ngôn luận của phái thiểu số.

Phái Mensêvích đã chiếm được tòa soạn báo *Tia lửa* và biến tờ báo này thành tờ báo cơ hội - V.I. Lênin gọi là báo *Tia lửa mới*. Từ số 52, báo *Tia lửa* chính thức chống lại V.I. Lênin và những người cách mạng trên các vấn đề như: bác bỏ nghị quyết Đại hội; phủ nhận nguồn gốc, ý nghĩa cuộc đấu tranh trong Đảng; tuyên truyền quan điểm cơ hội chủ nghĩa về mặt tổ chức; phê phán chế độ tập trung trong Đảng.

Thứ ba, phái Mensêvích lần lượt chiếm được các cơ quan trung ương của Đảng. Sau khi chiếm được cơ quan ngôn luận trung ương, phái Mensêvích giành được đa số trong Hội đồng Đảng (cơ quan cao nhất của Đảng, có nhiệm vụ phối hợp và thống nhất hoạt động của Ban Chấp hành Trung ương và Ban biên tập báo *Tia lửa*, khôi phục Ban Chấp hành Trung ương và Ban biên tập - cơ quan ngôn luận của Đảng trong trường hợp toàn bộ số ủy viên của hai cơ quan đó bị bắt; có nhiệm vụ triệu tập Đại hội Đảng theo những điều kiện quy định...).

Mùa hè năm 1904, với sự giúp sức của phái điều hòa chủ nghĩa trong Ban Chấp hành Trung ương, phái Mensêvích đã chiếm được Ban Chấp hành Trung ương. Đồng thời bọn chúng cũng chiếm được Ban Chấp hành Đảng bộ địa phương; ở một số địa phương bọn chúng chia rẽ được các Ban Chấp hành Đảng bộ và giành được quyền lãnh đạo.

Trong và sau Đại hội II của Đảng Công nhân dân chủ xã hội Nga, các phần tử Mensêvích đứng đầu là Máctốp đã

thể hiện những quan điểm cơ hội chủ nghĩa của mình trên một số vấn đề cơ bản sau:

Một là, về tiêu chuẩn đảng viên, Máctốp đã đưa ra công thức: “Tất cả những người nào thừa nhận cương lĩnh của đảng, ủng hộ đảng bằng những phương tiện vật chất và tự mình giúp đỡ đảng một cách đều đặn, dưới sự chỉ đạo của một trong những tổ chức của đảng đều được coi là đảng viên của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga”¹. Công thức này không đòi hỏi đảng viên phải tự mình tham gia sinh hoạt và chịu sự quản lý của một tổ chức đảng, thực chất là mở rộng đội ngũ đảng viên vô hạn độ, tạo điều kiện cho những phần tử cơ hội chui vào Đảng. Sau đó công thức này được Đại hội thông qua nhờ sự liên minh của các nhóm cơ hội chống lại công thức của V.I. Lênin.

Ácxenrốt - một thành viên của phái Mensêvích cho rằng: “Nếu chúng ta tán thành công thức của Lênin, thì chúng ta sẽ bỏ rơi một số người, dù không thể được kết nạp trực tiếp vào tổ chức, nhưng họ vẫn là những đảng viên”². Họ phủ nhận sự cần thiết phải có sự tiên phong gương mẫu của các đảng viên như C. Mác và Ph. Ăngghen yêu cầu, cho rằng: “là đảng của giai cấp, chúng ta cần chú ý đừng bỏ ở ngoài đảng những người có ý thức gắn bó với đảng, dù họ có thể không tỏ ra tích cực lắm”³. Qua đó mà “Càng mở rộng cho nhiều người được mang danh hiệu

1, 2, 3. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.268, 288, 289.

đảng viên, thì càng tốt”¹. Theo họ thì “mỗi người tham gia bãi công đều có thể là một người dân chủ - xã hội và một đảng viên Đảng Dân chủ - xã hội”². Ahimốp - là người thuộc phái Máctốp cho rằng: “chúng ta phải coi đảng và giai cấp là một”³.

Theo quan điểm của Máctốp và phái Mensêvích, cần coi những giáo sư, các học sinh trung học, những người tham gia bãi công, biểu tình, những người giúp đỡ Đảng, ủng hộ Đảng và đều có quyền tự tuyên bố mình là đảng viên Đảng Công nhân dân chủ xã hội Nga và yêu cầu Đảng phải coi những người đó là đảng viên của Đảng mặc dù họ “không tỏ ra tích cực cho lắm”, không cần phải tiên phong cả về lý luận và thực tiễn. Như vậy, theo phái Mensêvích thì những người vào Đảng không cần phải được giáo dục, giác ngộ, không cần có người giới thiệu vào Đảng, không cần tổ chức kết nạp. Đồng thời, công thức của Máctốp không bắt buộc mỗi đảng viên phải tham gia vào một tổ chức nào của Đảng, không chịu sự phân công nhiệm vụ, không chịu sự quản lý, kiểm tra giám sát của tổ chức đảng.

Hai là, về chế độ tập trung trong Đảng, phái cơ hội chủ nghĩa đã phủ nhận và xuyên tạc quan điểm của V.I. Lênin, cho rằng theo nguyên tắc tập trung trong Đảng của V.I. Lênin có nghĩa là thiết lập “chế độ nông nô” trong

1, 2, 3. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.290, 291.

Đảng, “Đảng như một “công xưởng rộng lớn”, đứng đầu là một giám đốc, tức là Ban Chấp hành Trung ương”¹, biến đảng viên thành “những bánh xe và đinh vít” điều đó dẫn đến thiếu sự sáng tạo, bàng quan, thụ động.

Có thể nói, sau Đại hội II, các phần tử Mensêvích đã tuyên truyền các quan điểm cơ hội chủ nghĩa về mặt tổ chức và đã có những hành động phá hoại sự đoàn kết, tập trung thống nhất, gây ra một cuộc khủng hoảng và phân liệt mới trong Đảng. Tình hình đó làm cho Đảng Công nhân dân chủ xã hội Nga lâm vào khủng hoảng, chia rẽ về mặt tổ chức. V.I. Lênin gọi đây là sự kéo lùi Đảng lại hai bước.

2. Cuộc đấu tranh của V.I. Lênin chống phái Mensêvích

Khi phái Mensêvích chiếm được Ban biên tập báo *Tia lửa* và Ban Chấp hành Trung ương, tháng 7/1904 V.I. Lênin buộc phải tuyên bố rút khỏi cơ quan lãnh đạo của Đảng để toàn Đảng hiểu rõ tình hình khủng hoảng trong Đảng (nội bộ Đảng chính thức phân chia thành hai phái Bôn-sêvích và Mensêvích). V.I. Lênin đánh giá về tình hình sau Đại hội II của Đảng Công nhân dân chủ xã hội Nga: “Lần đầu tiên Đảng thông qua được Cương lĩnh, Điều lệ, bầu được Ban Chấp hành Trung ương, Ban biên tập báo *Tia lửa* đó là một bước tiến; tuy nhiên đã bị bọn cơ hội

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.459-460.

lũng đoạn đưa Đảng trở lại tình trạng tiểu tổ, phân tán, lê lối thủ công nghiệp đó là hai bước lùi”. Theo V.I. Lênin thì “đây là sự tụt lùi ghê gớm, tụt lùi hơn cả trước khi Đại hội”. Trước tình hình đó, nhiệm vụ cấp bách đặt ra cho Lênin cũng như những người cách mạng là phải kiên quyết đấu tranh chống lại bọn cơ hội chủ nghĩa để bảo vệ Đảng, đặc biệt là về mặt tổ chức. Đáp ứng tình hình đó, V.I. Lênin đã viết tác phẩm *Một bước tiến, hai bước lùi*, được xuất bản vào tháng 5/1904 ở Gionevơ.

Tác phẩm nghiên cứu cặn kẽ biên bản các phiên họp và các Nghị quyết Đại hội II Đảng Công nhân dân chủ xã hội Nga, những lời phát biểu của các phe nhóm chính trị tại Đại hội cũng như các văn kiện của Ban Chấp hành Trung ương, miêu tả toàn bộ sự thật về diễn biến Đại hội, về cuộc khủng hoảng trong Đảng. Cuốn sách này làm cho bọn Mensêvích có những lời đả kích hằn học. Plêkhanốp đòi Ban Chấp hành Trung ương phải tránh xa cuốn sách; bọn điều hòa chủ nghĩa mưu toan gây chậm trễ trong việc in ấn và phổ biến cuốn sách này. Song với sự cố gắng của V.I. Lênin và những người cộng sản, cuốn sách đã nhanh chóng được in ấn và phát hành rộng rãi trong phong trào công nhân.

Tác phẩm của V.I. Lênin đã chỉ rõ nguồn gốc, diễn biến, ý nghĩa của cuộc đấu tranh trong và sau Đại hội II của Đảng Công nhân dân chủ xã hội Nga; vạch trần bản chất cơ hội chủ nghĩa về mặt tổ chức của phái Mensêvích, đồng thời khẳng định những nguyên lý xây dựng Đảng về

mặt tổ chức. Với tác phẩm này V.I. Lênin đã đấu tranh kiên quyết chống lại những quan điểm cơ hội chủ nghĩa và hành động chống phá Đảng của bọn cơ hội chủ nghĩa Mensêvích về những vấn đề cơ bản sau:

Thứ nhất, xung quanh tiết 1 trong Điều lệ Đảng về tiêu chuẩn trở thành đảng viên.

V.I. Lênin cho rằng, công thức của Máctốp về tiêu chuẩn người đảng viên đã làm lẫn lộn tổ chức đảng với các tổ chức đoàn thể quần chúng, hay nói cách khác là xóa nhòa ranh giới giữa Đảng với giai cấp. Đây là một quan điểm sai lầm về tổ chức. Họ không muốn có một tổ chức đảng tập trung thống nhất. Thực chất của công thức này là làm giảm trách nhiệm, địa vị, vai trò và danh hiệu người đảng viên, xóa nhòa ranh giới giữa người đảng viên và quần chúng, Đảng với giai cấp. Đó là một công thức vô dụng, chứa đựng tư tưởng cơ hội chủ nghĩa về mặt tổ chức vì nó dẫn Đảng tới chỗ không có tổ chức rõ ràng, chặt chẽ, không có kỷ cương, kỷ luật, đảng viên chỉ có danh nghĩa mà không có tổ chức, không có sức mạnh. Một đảng với những đảng viên như vậy thì kết cấu tổ chức hết sức lỏng lẻo, sẽ không phát huy được trí tuệ và sức mạnh tập thể, không thể có sự thống nhất về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

V.I. Lênin đã đưa ra công thức: “Tất cả những người nào thừa nhận cương lĩnh của đảng và ủng hộ đảng bằng những phương tiện vật chất cũng như bằng cách tự mình tham gia một trong những tổ chức của đảng, thì được coi

là đảng viên của Đảng”¹. Công thức này của V.I. Lênin đã đòi hỏi và yêu cầu bắt buộc mỗi đảng viên phải tự mình tham gia vào một trong những tổ chức của Đảng. Công thức của V.I. Lênin đề cao danh hiệu người đảng viên, đòi hỏi tính tiên phong, tinh thần trách nhiệm và ý thức tổ chức và kỷ luật cao của người đảng viên. Đó là tiêu chí để phân biệt người có tổ chức với người không có tổ chức, đảng viên với quần chúng ngoài Đảng.

Người nhấn mạnh: “tôi muốn và tôi đòi hỏi Đảng, đội tiên phong của giai cấp, phải hết sức *có tổ chức*, rằng Đảng chỉ nên thu nhận những phần tử *ít nhất cũng phải chấp nhận một tính tổ chức tối thiểu*”². Sự khác nhau giữa hai công thức về thực chất không phải là sự khác nhau về một điều khoản riêng biệt trong Điều lệ Đảng mà là phản ánh hai quan niệm khác nhau về vai trò, tính chất và nguyên tắc tổ chức của Đảng; phản ánh hai quan điểm: quan điểm cách mạng và quan điểm cơ hội chủ nghĩa về mặt tổ chức. Cuộc đấu tranh về tiết 1 Điều lệ Đảng Công nhân dân chủ xã hội Nga chính là cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa cơ hội về vấn đề tổ chức của đảng, là cuộc đấu tranh giữa tính có tổ chức và kỷ luật của giai cấp vô sản với tính vô chính phủ của những phần tử cơ hội.

Tóm lại, phái Mensêvích đã phủ nhận tính tổ chức, sự thống nhất và kỷ luật của Đảng, phủ nhận nguyên tắc tập trung dân chủ, chủ trương thành lập một đảng lỏng lẻo,

1, 2. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.268, 286.

không có hình thù, tổ chức rõ ràng, không có nguyên tắc tổ chức, thiếu kiên định vững chắc và thiếu tính ổn định như những câu lạc bộ. V.I. Lênin kết luận: trên thực tế, công thức của Máctốp nhằm phục vụ cho lợi ích của những người trí thức tư sản sợ kỷ luật và tổ chức của những người vô sản.

Thứ hai, về những nguyên tắc tổ chức của Đảng vô sản.

Trong khi phê phán những quan điểm tư tưởng cơ hội về mặt tổ chức của phái Mensêvích, V.I. Lênin đã làm sáng tỏ những quan điểm mácxít, khẳng định những nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng kiểu mới.

Thứ ba, về nguyên tắc Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân.

Nguyên tắc Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân đã được C. Mác và Ph. Ăngghen nêu ra trong tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* (năm 1848). Tuy nhiên, phái Mensêvích muốn xóa nhòa ranh giới Đảng với giai cấp, hạ thấp vai trò của Đảng. V.I. Lênin kịch liệt phản đối điều đó và xác định: Đảng là của giai cấp nhưng là đội tiên phong của giai cấp chứ không phải toàn bộ giai cấp là Đảng. Người chỉ ra: “người nào nghĩ rằng, dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, hầu như toàn bộ giai cấp hay toàn bộ giai cấp một ngày kia sẽ đủ sức vươn mình lên đến chỗ đạt tới trình độ giác ngộ và tích cực của đội tiên phong của mình, của Đảng Dân chủ - xã hội của mình, thì người ấy sẽ mắc cái bệnh của Manilóp và “chủ nghĩa theo đuôi”. Dưới chế độ tư bản, ngay cả tổ chức công đoàn (tổ chức

sơ khai hơn, vừa tầm hơn với sự giác ngộ của những tầng lớp còn lạc hậu) cũng không đủ sức bao trùm hầu như toàn bộ, hay toàn bộ giai cấp công nhân”¹.

Đảng là bộ phận ưu tú, giác ngộ cách mạng nhất, là lãnh tụ chính trị, bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp công nhân. Toàn bộ giai cấp công nhân phải hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng. V.I. Lênin phê phán quan điểm của phái Mensêvích khi họ cho rằng Đảng và giai cấp là một, không có gì khác nhau, chỉ cần tham gia biểu tình thì có thể tham gia hàng ngũ đảng viên. V.I. Lênin đã khẳng định: “không được lẫn lộn đảng, tức là đội tiên phong của giai cấp công nhân, với toàn bộ giai cấp”².

Để giữ vững tính tiên phong của Đảng, V.I. Lênin yêu cầu Đảng phải tiên phong cả về lý luận và thực tiễn. Đảng phải tập hợp, lãnh đạo quần chúng, nâng cao trình độ giác ngộ cho quần chúng lên ngang tầm trình độ của những người cách mạng, không theo đuôi quần chúng, không được hạ thấp trình độ tổ chức của Đảng ngang với trình độ của quần chúng, mà Đảng cần phải “thường xuyên *nâng* các tầng lớp ngày càng đông đảo đó lên trình độ tiên tiến ấy”³.

Thứ tư, về nguyên tắc Đảng là bộ phận có tổ chức của giai cấp công nhân.

V.I. Lênin phê phán quan điểm của phái Mensêvích về cái gọi là nội dung quan trọng hơn hình thức, cương

1, 2, 3. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.289, 290.

lĩnh quan trọng hơn tổ chức. Người chỉ rõ: sự thống nhất trong những vấn đề cương lĩnh và sách lược là điều kiện tất yếu nhưng chưa đầy đủ để đảm bảo sự thống nhất và sự tập trung hóa công tác của Đảng. Muốn đạt được sự thống nhất trên đây thì còn phải có sự thống nhất về tổ chức nữa.

Theo V.I. Lênin, Đảng là một bộ phận có tổ chức của giai cấp công nhân vì: Đảng là đội tiên phong của giai cấp thì phải có tổ chức chặt chẽ, vững chắc, có kỷ luật nghiêm minh và thống nhất, đó là sức mạnh của Đảng. Xuất phát từ bản chất giai cấp công nhân, từ mục đích, nhiệm vụ và đặc điểm của cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản, muốn chiến thắng kẻ thù, tất yếu Đảng phải được tổ chức. V.I. Lênin còn nhấn mạnh rằng: trong cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản, giai cấp vô sản không có vũ khí nào tốt hơn là sự tổ chức. Tổ chức là một vũ khí nhờ đó mà giai cấp vô sản sẽ tự giải phóng. Sự thống nhất tư tưởng của giai cấp vô sản dựa trên cơ sở những nguyên lý của chủ nghĩa Mác được củng cố bằng sự thống nhất vật chất của tổ chức.

Thứ năm, về chế độ tập trung và chấp hành nghị quyết trong Đảng.

V.I. Lênin phê phán chủ nghĩa cơ hội khi họ cho rằng: Đảng không nên là một khối tổ chức chặt chẽ, trong Đảng có thể tồn tại những cá nhân, những tổ chức không thuộc một tổ chức nào của Đảng. Theo V.I. Lênin thì đó là thứ tổ

chức hoàn toàn xa lạ đối với Đảng, thứ tổ chức lỏng lẻo, rời rạc, tiểu tổ, bè phái. V.I. Lênin cũng phê phán Máctốp phủ nhận chế độ tập trung trong Đảng khi cho rằng đó là thiết lập chế độ nông nô trong Đảng, là chủ nghĩa quan liêu. Theo Người, đó là tư tưởng kéo lùi Đảng trở lại tình trạng tiểu tổ, phân tán, tạo điều kiện cho những phần tử cơ hội tham gia vào Đảng.

V.I. Lênin đã khẳng định: “*trước kia* đảng ta chưa phải là một khối chính thức có tổ chức, mà chỉ là một tổng số những nhóm riêng biệt và do đó, giữa các nhóm ấy không thể có những quan hệ nào khác, ngoài sự tác động về mặt tư tưởng. *Hiện nay*, chúng ta đã trở thành một đảng có tổ chức, điều đó có ý nghĩa là chúng ta đã tạo ra một quyền lực, biến uy tín về tư tưởng thành uy tín về quyền lực, khiến cấp dưới phải phục tùng cấp trên của đảng”¹.

Vạch trần quan điểm cơ hội chủ nghĩa của phái Mensêvích, V.I. Lênin đã chỉ ra: “Lẽ tự nhiên là chủ nghĩa cơ hội về mặt cương lĩnh thì gắn liền với cơ hội chủ nghĩa về mặt sách lược, và gắn liền với chủ nghĩa cơ hội trong các vấn đề tổ chức”².

Để xứng đáng với vị trí, vai trò của đội tiên phong có tổ chức và là tổ chức cao nhất của giai cấp công nhân, V.I. Lênin chỉ rõ Đảng phải được xây dựng, tổ chức và

1, 2. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.428-429, 468.

hoạt động theo nguyên tắc tập trung. Bởi vì Đảng Công nhân dân chủ xã hội Nga lúc đó đang trong tình trạng phân tán, tản mạn, cùng với những quan điểm, tư tưởng và hoạt động vô nguyên tắc, vô tổ chức của phái Mensêvích. Vấn đề cấp thiết đặt ra là phải có nguyên tắc về chế độ tập trung cao độ và kỷ luật chặt chẽ trong Đảng. Theo quan điểm của V.I. Lênin, chế độ tập trung đòi hỏi: Đảng phải có Cương lĩnh, Điều lệ thống nhất do phát huy dân chủ, trí tuệ, sáng tạo của toàn Đảng xây dựng nên. Do đó toàn Đảng phải nghiêm chỉnh chấp hành Cương lĩnh, Điều lệ và các nghị quyết của Đảng. Theo V.I. Lênin: “Chỉ có sự chấp hành nghiêm chỉnh điều lệ đó mới giúp chúng ta tránh được sự độc đoán và tùy hứng biểu hiện trong các tiểu tổ”¹. Toàn Đảng phải có kỷ luật nghiêm minh, từ đảng viên thường tới đảng viên giữ cương vị cao nhất phải nghiêm chỉnh chấp hành. Đồng thời, Đảng phải có cơ quan lãnh đạo thống nhất do đại hội dân chủ bầu ra, số ít phục tùng số nhiều, địa phương phục tùng Trung ương, toàn Đảng phục tùng Ban Chấp hành Trung ương.

Trong và sau Đại hội II, phái Mensêvích cùng các phần tử cơ hội đã kịch liệt chống lại chế độ tập trung, không phục tùng Ban Chấp hành Trung ương, phủ nhận nghị quyết Đại hội Đảng nhằm kéo lùi Đảng trở lại thời

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.462.

kỳ phân tán, tiểu tổ. V.I. Lênin cho rằng: “Từ chối không chịu phục tùng sự lãnh đạo của các cơ quan trung ương, tức là từ chối không muốn làm người đảng viên, tức là phá hoại đảng”¹. Người kết luận: “*Bệnh vực chế độ tự trị, chống lại chế độ tập trung*, là một đặc điểm có tính nguyên tắc của chủ nghĩa cơ hội trong các vấn đề tổ chức”².

Ở đây, V.I. Lênin nhấn mạnh tập trung không có nghĩa là xem nhẹ dân chủ, tập trung phải đi đôi với dân chủ, tập trung và dân chủ là hai mặt không tách rời trong chế độ tổ chức của Đảng vô sản.

Có thể nói, thông qua tác phẩm *Một bước tiến, hai bước lùi* và các hoạt động thực tiễn, V.I. Lênin đã bảo vệ được tính đảng, đập tan hoàn toàn quan điểm sai trái của phái Mensêvích; vạch trần đặc điểm, bản chất, nguồn gốc chủ nghĩa cơ hội về mặt tổ chức. V.I. Lênin đã phát triển và cụ thể hóa học thuyết về Đảng của chủ nghĩa Mác, vạch ra một cách đầy đủ và hoàn chỉnh những nguyên tắc cơ bản của chính Đảng cách mạng kiểu mới của giai cấp công nhân. Sau một thời gian kiên trì đấu tranh, những quan điểm của V.I. Lênin về nguyên tắc tập trung dân chủ, tiêu chuẩn người đảng viên đã được thông qua tại Đại hội III của Đảng Công nhân dân chủ xã hội Nga năm 1905 làm cơ sở để xây dựng một đảng vô sản kiểu mới ở Nga.

1, 2. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.424, 466.

VII- V.I. LÊNIN ĐẤU TRANH PHÊ PHÁN BỆNH ẤU TRĨ “TẢ KHUYNH” TRONG PHONG TRÀO CỘNG SẢN

1. Khuynh hướng “tả khuynh” trong phong trào cộng sản

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 là mốc son đánh dấu sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội, làm cho chủ nghĩa xã hội từ lý luận trở thành hiện thực. Do ảnh hưởng của Cách mạng Tháng Mười Nga, cách mạng thế giới phát triển rầm rộ, phong trào công nhân phát triển nhanh chóng. Ở nhiều nước, điều kiện khách quan và chủ quan của cách mạng đã chín muồi. Hàng loạt Đảng Cộng sản ở các nước đã ra đời: năm 1918 có các Đảng Cộng sản Phần Lan, Hunggari, Ba Lan, Hy Lạp, Đức; năm 1919 có các Đảng Cộng sản Bungari, Đan Mạch, Mêhicô; năm 1920 có các Đảng Cộng sản Anh, Pháp, Mỹ, Tây Ban Nha, Thổ Nhĩ Kỳ. Các Đảng Cộng sản ra đời trên cơ sở phân hóa của các Đảng Dân chủ - xã hội. Do vậy, mặc dù những người gia nhập Đảng Cộng sản về cơ bản đã đoạn tuyệt lập trường cơ hội chủ nghĩa nhưng vẫn còn chịu ảnh hưởng của Đảng Dân chủ - xã hội trên một loạt vấn đề, kể cả những vấn đề quan trọng.

Trước sự phát triển của phong trào công nhân, của các Đảng Cộng sản, ngày 05/3/1919 tại Mátxcova, Đại hội thành lập Quốc tế Cộng sản (Quốc tế III) được tổ chức. Quốc tế Cộng sản ra đời đã thu hút, đoàn kết phong trào cộng sản và công nhân quốc tế đi theo con đường cách

mạng vô sản. Nhưng cũng trong thời kỳ này, ngay sau khi các Đảng Cộng sản ra đời, trong các Đảng Cộng sản bệnh “tả khuynh” xuất hiện. Trong phong trào cộng sản quốc tế đã xuất hiện hai nguy cơ đe dọa đẩy cuộc đấu tranh giải phóng của giai cấp vô sản đi chệch con đường đúng đắn:

Nguy cơ thứ nhất, một bộ phận các lãnh tụ cũ của phong trào dân chủ xã hội và các đảng thuộc Quốc tế II, do phải nhượng bộ trước sức ép của quần chúng, đã tuyên bố gia nhập Quốc tế Cộng sản, nhưng trên thực tế thì những người lãnh đạo ấy là những phần tử cơ hội chủ nghĩa.

Nguy cơ thứ hai, do thiếu kinh nghiệm và trình độ lý luận còn kém của những người cộng sản trẻ tuổi nên đã dẫn đến bệnh “tả khuynh” và tính chất bè phái.

Về mối quan hệ giữa Đảng - lãnh tụ - giai cấp - quần chúng và vấn đề chuyên chính vô sản. Những người cộng sản “tả khuynh” họ đã dùng những khái niệm Đảng - lãnh tụ - giai cấp - quần chúng nhưng không hiểu mối quan hệ giữa các khái niệm đó, đã đối lập giữa các khái niệm. Họ đem đối lập Đảng với giai cấp và đưa ra những lý luận mị dân về “chuyên chính của lãnh tụ” và “chuyên chính của quần chúng”. Họ thừa nhận giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội là thời kỳ chuyên chính vô sản, song không hiểu ai là người thực hiện chuyên chính vô sản, những người cộng sản “tả khuynh” nhất là ở Đức cho rằng: “Chuyên chính của Đảng hay chuyên chính của giai cấp?

Chuyên chính (đảng) của các lãnh tụ hay chuyên chính (đảng) của quần chúng?”¹. Từ đó họ phủ nhận vai trò của Đảng trong thực hiện chuyên chính vô sản.

Họ cho rằng, giai cấp công nhân không thể phá hủy nền dân chủ tư sản và không thể tiêu diệt nền dân chủ tư sản nếu không phá hủy Đảng. Những người cộng sản “tả khuynh” này đã tự cho mình là những người mácxít đúng đắn nhất. Họ đã xuất phát từ mô hình của chủ nghĩa cộng sản để phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng: chủ nghĩa cộng sản ở giai đoạn cao thì xã hội không còn giai cấp, không còn Đảng. Họ cho rằng, chủ nghĩa tư bản ở Đức sẽ nhảy lên giai đoạn cao của chủ nghĩa cộng sản không trải qua bước quá độ nên phải phá hủy Đảng.

Bên cạnh đó, những người cộng sản “tả khuynh” đặc biệt là những người “tả khuynh” ở Đức, Hà Lan cho rằng, chế độ nghị viện đã quá lỗi thời cả về phương diện lịch sử và phương diện chính trị, nên những người cộng sản không được tham gia vào nghị viện tư sản. Trong hoạt động của Đảng, do những người cộng sản “tả khuynh” không hiểu được vai trò hạt nhân lãnh đạo của Đảng, đi đến chỗ phủ nhận tính đảng, tính kỷ luật Đảng, không nghiêm túc tự phê bình và phê bình, chỉ ra và sửa chữa những sai lầm của mình. Những người “tả khuynh” đã phá hoại sự thống nhất của Đảng và núp dưới chiêu bài đấu tranh chống tệ sùng bái cá nhân, đưa ra khẩu hiệu

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.41, tr.29.

“đả đảo lãnh tụ” để bản thân họ chiếm lấy những cương vị lãnh đạo và gán ghép ý chí của mình cho Đảng.

Những người cộng sản “tả khuynh” coi công đoàn là một tổ chức phản động. Họ cho rằng, những người cộng sản không cần, không được phép hoạt động trong công đoàn và họ đã tạo ra một tổ chức mới gọi là “Hội liên hiệp công nhân”. Thực chất là những người cộng sản “tả khuynh” âm mưu tách rời Đảng với quần chúng, làm cho Đảng xa rời quần chúng.

Ngay sau khi Cách mạng Tháng Mười Nga thành công, 14 nước đế quốc đã tiến hành can thiệp quân sự và kết hợp với bọn bạch vệ và các thế lực phản cách mạng trong nước lật đổ Nhà nước Xôviết non trẻ vừa ra đời. Trong bối cảnh “ngàn cân treo sợi tóc” đó, để đối phó với thù trong, giặc ngoài, chính quyền Xôviết buộc phải ký với Đức Hòa ước Brétlitốp với nội dung hai bên tạm thời đình chiến, nước Nga phải cắt một phần đất cho Đức. Sự kiện này bị những kẻ phản động và chống đối V.I. Lênin, chống Đảng Bôn-sê-vích, đứng đầu là Bukharin, kịch liệt công kích, cho rằng V.I. Lênin đã âm mưu bán rẻ nước Nga cho Đức; những người cộng sản “tả khuynh” thì nêu khẩu hiệu “Không bao giờ thỏa hiệp” và không chấp nhận một sự liên minh, dựa dẫm nào.

Có thể thấy rằng, đặc điểm của chủ nghĩa cơ hội “tả khuynh” là ở chỗ: họ giấu bản chất cơ hội chủ nghĩa của mình dưới cái vỏ “cách mạng cực đoan” để lợi dụng tình cảm của quần chúng; phủ nhận tính đảng, tính kỷ luật

của Đảng, muốn nhanh chóng xóa bỏ các giai cấp; cự tuyệt đấu tranh nghị trường trong các nghị viện tư sản; chủ quan trong đánh giá các sự kiện dẫn đến phiêu lưu trong hành động, bất chấp quy luật khách quan. Theo V.I. Lênin thì những đồng chí phạm sai lầm “tả khuynh” đó đã có nhiệt tình cách mạng cộng sản chủ nghĩa, “Tâm trạng đó thật hết sức đáng mừng và quý báu vô cùng; phải biết coi trọng và nuôi dưỡng tâm trạng đó, vì không có nó thì người ta sẽ không hy vọng gì cách mạng sẽ thắng lợi ở Anh cũng như bất cứ nước nào khác. Đối với những kẻ biết diễn đạt và gây được trong quần chúng tâm trạng đó (tâm trạng thường thường hãy còn chập chờn, chưa tự giác, chưa thức tỉnh) thì cần quan tâm đến họ, giúp đỡ họ về mọi mặt một cách chu đáo”¹. V.I. Lênin lại nói tiếp: “phải nói thẳng ra, không úp mở với họ rằng *chỉ độc* có tâm trạng ấy thôi thì cũng chưa đủ để lãnh đạo quần chúng trong cuộc đấu tranh cách mạng lớn lao, và những sai lầm này hay những sai lầm kia mà những người tận tụy nhất đối với sự nghiệp cách mạng thường dễ mắc đều có thể tác hại đến sự nghiệp ấy”².

2. Cuộc đấu tranh của V.I. Lênin phê phán trào lưu tư tưởng “tả khuynh” trong phong trào cộng sản

Bất luận trào lưu hữu khuynh hay trào lưu tả khuynh về bản chất đều là phi vô sản, đều là chống lại

1, 2. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.41, tr.80.

chủ nghĩa Mác, trong điều kiện nhất định, chúng sẽ bổ sung cho nhau, chuyển hóa lẫn nhau. V.I. Lênin luôn nhấn mạnh rằng, phong trào cộng sản quốc tế cần phải tiếp tục lấy lực lượng chủ yếu để chống chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh, đồng thời cũng phải chống sai lầm tả khuynh đã nảy sinh trong một số Đảng Cộng sản.

Trong tác phẩm *Bệnh ấu trĩ “tả khuynh” trong phong trào cộng sản* (tháng 5/1920), V.I. Lênin đã lên án những hành vi phản bội của bọn cơ hội chủ nghĩa trong Quốc tế III, phê phán tỉ mỉ trào lưu “tả khuynh”, tổng kết những kinh nghiệm của cuộc cách mạng Nga và kinh nghiệm của thời kỳ đầu xây dựng Nhà nước Xôviết, tổng kết những bài học thất bại của cách mạng Đức và Hunggari, đã phát triển lý luận về cách mạng vô sản và chuyên chính vô sản, trình bày rõ chiến lược và sách lược của chủ nghĩa Mác, dạy những người cộng sản học tập để thấm nhuần lý luận và nghệ thuật đấu tranh của cách mạng vô sản, đốc toàn lực diu dắt hàng triệu quần chúng tiến lên để giành thắng lợi cho cách mạng vô sản trên toàn thế giới. Trong tác phẩm, V.I. Lênin đã phê phán bệnh ấu trĩ “tả khuynh” của những người cộng sản trên một số vấn đề cơ bản sau:

Một là, về vấn đề chuyên chính vô sản.

Chuyên chính vô sản là một trong những nội dung quan trọng V.I. Lênin tập trung trình bày trong tác phẩm này. Theo V.I. Lênin, những người cộng sản “tả khuynh” rất hồ đồ khi nói về chuyên chính vô sản, nhất là họ không

hiểu gì về vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, không hiểu ai là người thực hiện chuyên chính vô sản. Trước tình hình đó, V.I. Lênin đã làm rõ chuyên chính vô sản trên ba vấn đề:

Thứ nhất, về tính tất yếu của chuyên chính vô sản, V.I. Lênin cho rằng, giai cấp vô sản giành chính quyền chỉ là thực hiện mục tiêu trước mắt, mục tiêu cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản. Để thực hiện mục tiêu đó cần phải có chuyên chính vô sản để bảo vệ thành quả cách mạng và để tổ chức thành công chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản.

Thứ hai, xác định nhiệm vụ của chuyên chính vô sản là để trấn áp sự phản kháng của giai cấp tư sản, các lực lượng phản cách mạng và xây dựng chế độ xã hội mới. V.I. Lênin chỉ rõ: đối với giai cấp bóc lột phải trấn áp, mức độ trấn áp tùy sự phản kháng chống lại của họ; đối với những người sở hữu nhỏ cần giáo dục, thuyết phục, thu hút họ vào xây dựng cuộc sống mới.

Thứ ba, nội dung của chuyên chính vô sản phong phú, bao gồm cả bạo lực và sáng tạo, xây dựng, Người phê phán quan điểm sai trái khi cho rằng chuyên chính vô sản chỉ là bạo lực, vũ lực quân sự; mơ hồ giai cấp, đấu tranh giai cấp dẫn tới mơ hồ chuyên chính vô sản, dễ mất chính quyền.

Về vai trò của Đảng trong hệ thống chuyên chính vô sản, V.I. Lênin đã phê phán quan điểm sai lầm của những người cộng sản “tả khuynh” khi họ phủ nhận vai trò của Đảng trong hệ thống chuyên chính vô sản, cho rằng: giai cấp công nhân không thể phá hủy được nhà

nước tư sản nếu không phá hủy nền dân chủ tư sản và không thể tiêu diệt nền dân chủ tư sản nếu không phá hủy Đảng. V.I. Lênin cũng cho rằng đó là điều vô cùng ngu xuẩn, không thể tha thứ được.

V.I. Lênin chỉ rõ, những người cộng sản “tả khuynh” đã xuất phát từ mô hình của chủ nghĩa cộng sản (xã hội không còn giai cấp, không còn Đảng) để ghi nhận vai trò lãnh đạo của Đảng, nhưng họ không thể hiểu rằng để đi đến chủ nghĩa cộng sản thì phải trải qua thời kỳ quá độ mà ở đó vẫn còn giai cấp và đấu tranh giai cấp, Đảng vẫn tồn tại và có vai trò rất quan trọng trong hệ thống chính trị. V.I. Lênin cho rằng: đó là con đường mà nước Nga đã đi qua và cũng là con đường chung mà cách mạng xã hội chủ nghĩa ở tất cả các nước đều phải trải qua.

V.I. Lênin phê phán những người cộng sản “tả khuynh” cho rằng chủ nghĩa tư bản ở Đức sẽ nhảy lên giai đoạn cao của chủ nghĩa cộng sản, không trải qua bước quá độ, cho nên phải phá hủy Đảng. Đây là sai lầm về đường lối cách mạng, thể hiện sự ấu trĩ cả về lý luận và thực tiễn. Điều đó chứng tỏ những người cộng sản “tả khuynh” đã không hiểu gì về quy luật cách mạng xã hội chủ nghĩa và càng không hiểu gì về Đảng cầm quyền lãnh đạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trên cơ sở phê phán những người cộng sản “tả khuynh”, theo V.I. Lênin phải đặt và gắn liền Đảng với chuyên chính vô sản. Đảng là thành viên trong hệ thống chuyên chính vô sản, đồng thời giữ vai trò lãnh đạo của

các tổ chức trong hệ thống chuyên chính vô sản. Đây là điều kiện chủ yếu nhất để hoàn thành nhiệm vụ của chuyên chính vô sản. Tư tưởng này của V.I. Lênin đã chỉ ra: sự lãnh đạo của Đảng trong hệ thống chuyên chính vô sản là tất yếu khách quan. Để làm tròn vai trò lãnh đạo hệ thống chuyên chính vô sản, V.I. Lênin yêu cầu phải xây dựng Đảng thực sự cách mạng, phải được tôi luyện trong đấu tranh giai cấp và được sự tín nhiệm cao của quần chúng.

Hai là, về vấn đề xác định cương lĩnh, đường lối chiến lược và sách lược chính trị của Đảng.

V.I. Lênin chỉ rõ, Cương lĩnh, đường lối, chính sách đúng đắn là nguyên nhân cơ bản bảo đảm cho thắng lợi của Đảng. Trong điều kiện Đảng cầm quyền lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội, việc định ra đường lối, nhiệm vụ chính trị đúng đắn lại càng quan trọng, bởi vì, sai lầm về đường lối trong xây dựng chủ nghĩa xã hội có tác hại lâu dài đến toàn bộ sự nghiệp cách mạng. Theo V.I. Lênin thì những người cộng sản “tả khuynh” đã mắc sai lầm nghiêm trọng trong vấn đề này thể hiện ở một loạt các vấn đề sau:

Về vấn đề: Đảng - lãnh tụ - giai cấp - quần chúng. Khi những người cộng sản “tả khuynh” không hiểu và lẫn lộn đối lập giữa các khái niệm đó, đem đối lập Đảng với giai cấp, V.I. Lênin cho rằng cách lập luận đó là luận điệu ấu trĩ “tả khuynh”. Thực chất quan điểm của họ là hạ thấp vai trò của Đảng, chia rẽ nội bộ Đảng, làm cho

Đảng xa rời quần chúng. Trình bày quan điểm của mình về các khái niệm nói trên, V.I. Lênin chỉ rõ: Quần chúng được phân chia thành những giai cấp, những giai cấp này lại do các chính đảng lãnh đạo, còn đứng đầu của các đảng là những nhà lãnh đạo (các lãnh tụ). Các khái niệm này quan hệ chặt chẽ, mật thiết với nhau, không thể chia cắt được. Tuy nhiên, giữa các khái niệm đó cũng có những nét khác nhau nhất định, lẫn lộn những khái niệm đó là một sai lầm.

Trong khi triệt để chống tệ sùng bái cá nhân - điều xa lạ với tinh thần chủ nghĩa Mác và hạ thấp ý nghĩa của Đảng, V.I. Lênin đã kiên quyết lên án hành động của phái “tả khuynh” đã phá hoại sự thống nhất trong Đảng và núp dưới khẩu hiệu “đả đảo lãnh tụ” để bản thân họ chiếm lấy những cương vị lãnh đạo, từ đó gán ghép ý chí của mình cho Đảng. Việc lên án tệ sùng bái cá nhân của V.I. Lênin tuyệt nhiên không có nghĩa là phủ nhận sự cần thiết phải có lãnh tụ. V.I. Lênin đã viết: “Thông thường thì các chính đảng đều nằm dưới quyền lãnh đạo của những nhóm ít nhiều có tính chất ổn định, gồm những người có uy tín nhất, có ảnh hưởng nhất, có kinh nghiệm nhất, được bầu ra giữ những trách nhiệm trọng yếu nhất và người ta gọi đó là các lãnh tụ”¹.

Về vấn đề hoạt động trong công đoàn phản động: Theo V.I. Lênin, những người cộng sản “tả khuynh” coi công

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.41, tr.30.

đoàn là một tổ chức phản động, do đó những người cộng sản không được hoạt động trong công đoàn, âm mưu của họ làm cho Đảng xa rời quần chúng. Ngược lại với quan điểm đó, V.I. Lênin đánh giá cao vai trò công đoàn, coi công đoàn là một tổ chức rộng rãi nhất để tập hợp công nhân. Công đoàn là trường học cộng sản chủ nghĩa, là nơi giúp Đảng quan hệ mật thiết với quần chúng, đồng thời là nơi góp phần củng cố, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng xã hội chủ nghĩa.

V.I. Lênin chỉ rõ, những người cộng sản phải thường xuyên hoạt động trong công đoàn, hợp tác xã, các tổ chức phụ nữ, thanh niên, văn hóa - giáo dục và các tổ chức khác của những người lao động. V.I. Lênin khẳng định: “Không công tác trong các công đoàn phản động tức là để mặc cho quần chúng công nhân kém giác ngộ hay lạc hậu rơi vào ảnh hưởng của bọn thủ lĩnh phản động, bọn tay sai của giai cấp tư sản, bọn công nhân quý tộc hay “bọn công nhân tư sản hóa””¹. V.I. Lênin yêu cầu những người cộng sản phải nhất thiết công tác ở bất kỳ nơi nào có quần chúng, từ đó tuyên truyền và cổ động có hệ thống về chủ nghĩa cộng sản.

Tuy nhiên, V.I. Lênin cũng chỉ ra tính phản động của công đoàn. Cái gọi là phản động của công đoàn thực ra chỉ là những nhược điểm còn tồn tại trong công nhân như tính chất phường hội, đầu óc thủ cựu, tư tưởng nghề nghiệp

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.41, tr.45.

hẹp hòi, những khuynh hướng phi chính trị. Theo V.I. Lênin, tính phản động của công đoàn là không tránh khỏi trong thời kỳ chuyên chính vô sản và tới giai đoạn cao của chủ nghĩa cộng sản thì tính phản động của công đoàn sẽ mất đi. Từ sự phân tích trên, V.I. Lênin đòi hỏi người cộng sản nhất thiết phải hành động trong công đoàn và phải công tác ở bất cứ nơi nào có quần chúng, kể cả những tổ chức phản động nhất.

Về vấn đề tham gia nghị viện tư sản. Những người cộng sản “tả khuynh” cho rằng chế độ nghị viện đã quá lỗi thời, do đó đảng viên cộng sản không được tham gia vào nghị viện. Theo V.I. Lênin, đứng về phương diện lịch sử mà nói thì “chế độ đại nghị” đã quá lỗi thời, bởi vì sau Cách mạng Tháng Mười Nga thành công thì thời đại nghị viện tư sản đã kết thúc, thời đại chuyên chính vô sản đã bắt đầu, nhưng trong vấn đề sách lược thực tiễn lại tính theo quy mô thế giới là một sai lầm về lý luận. Chẳng hạn như ở Đức, khi chưa có chuyên chính vô sản mà lại cho rằng nghị viện tư sản là quá lỗi thời thì quan niệm như vậy là sai lầm cả về lý luận và thực tiễn. Những người cộng sản “tả khuynh” đã lẫn lộn giữa chủ quan và khách quan. Họ đem ý muốn chủ quan thay thế cho hiện thực khách quan. Đây là một sai lầm nguy hiểm của những người cách mạng, trái hẳn với quan điểm của những người cộng sản “tả khuynh”. Theo V.I. Lênin, nghị viện tư sản tuy là tổ chức phản động do giai cấp tư sản lập ra, nhưng quần chúng lạc hậu còn tin ở nghị viện, coi nghị viện là

đại biểu chân chính của họ, cho nên người cộng sản phải tham gia vào tổ chức đó để giáo dục, giác ngộ, thức tỉnh quần chúng. Do vậy, Đảng Cộng sản không thể đứng ngoài mà phẩm tham gia nghị viện tư sản.

Người cộng sản tham gia nghị viện không phải để duy trì tổ chức này mà để đấu tranh xóa bỏ nghị viện tư sản. V.I. Lênin khẳng định, việc tham gia một nghị viện dân chủ tư sản, không những không có hại gì cho giai cấp vô sản, mà “đảng của giai cấp vô sản cách mạng vẫn *buộc phải* tham gia tuyền cử vào nghị viện và đấu tranh nghị trường, như thế *chính là* để giáo dục những tầng lớp lạc hậu trong *giai cấp mình*, chính là để thức tỉnh và để giác ngộ *quần chúng*”¹.

Về vấn đề thỏa hiệp, khi những người cộng sản “tả khuynh” phủ nhận sự thỏa hiệp, không chấp nhận một sự liên minh nào thì V.I. Lênin cho rằng: đấu tranh cách mạng có lúc phải thỏa hiệp. Bởi vì, tiến hành cách mạng không phải hoàn toàn thuận lợi và dễ dàng, mà còn có những lúc cách mạng gặp khó khăn. Trong những hoàn cảnh khó khăn, phức tạp đòi hỏi người cách mạng phải biết lựa chiều, liên minh, thỏa hiệp để tránh tổn thất cho cách mạng. Cách mạng không phải chỉ có tiến công, khoa học tiến công phải được bổ sung bằng khoa học rút lui khi cần thiết, rút lui là để chuẩn bị tiến công giành những thắng lợi lớn hơn.

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.41, tr.53.

V.I. Lênin đòi hỏi những người cộng sản có nhiệm vụ phải tìm kiếm và tìm ra một hình thức thỏa hiệp thích đáng để có thể, một mặt làm dễ dàng và tiếp xúc việc thống nhất hoàn toàn và cần thiết với cách ấy và mặt khác, không làm trở ngại gì đến cuộc đấu tranh tư tưởng và chính trị của những người cộng sản. Người nhấn mạnh: ““Không bao giờ được thỏa hiệp, không bao giờ được lựa chiều” mà chỉ làm hại cho sự mở rộng ảnh hưởng của giai cấp vô sản cách mạng”¹.

Về kỷ luật của Đảng. Khi những người cộng sản “tả khuynh” phủ nhận tính đảng, phủ nhận kỷ luật Đảng mà điều đó như V.I. Lênin chỉ rõ có nghĩa là hoàn toàn tước vũ khí của giai cấp vô sản, làm lợi cho giai cấp tư sản. V.I. Lênin nhấn mạnh vai trò của kỷ luật trong Đảng: Đảng có kỷ luật nghiêm minh, chặt chẽ mới thực hiện được sự lãnh đạo tập trung thống nhất, mới xây dựng được khối đoàn kết trong nội bộ Đảng. Có kỷ luật mới tăng cường được sức mạnh của Đảng, mới chiến thắng được kẻ thù. V.I. Lênin coi kỷ luật là một trong những điều kiện căn bản để đảm bảo cho sự thắng lợi của Đảng. Người nói: “Những người Bôn-sê-vích sẽ không giữ vững được chính quyền, tôi không nói được tới hai năm rưỡi, mà ngay cả đến hai tháng rưỡi cũng không được nữa, nếu đảng ta không có kỷ luật hết sức nghiêm minh, kỷ luật sắt thực sự”².

1, 2. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.41, tr.74, 6.

Nhờ có kỷ luật nghiêm minh chặt chẽ thì mới có thể vạch mặt và đuổi được những phần tử cơ hội ra khỏi Đảng, làm trong sạch hàng ngũ Đảng và mới chống được những tư tưởng phi vô sản ở trong Đảng. Theo V.I. Lênin muốn thực hiện được vai trò tổ chức của giai cấp vô sản thì Đảng cần có kỷ luật hết sức nghiêm minh, không có kỷ luật sắt thì Đảng không thể thực hiện quyền lãnh đạo của mình. Người nhấn mạnh: “Kẻ nào làm yếu - dù chỉ là chút ít - kỷ luật sắt trong đảng của giai cấp vô sản (nhất là trong thời kỳ chuyên chính của nó) là thực tế giúp cho giai cấp tư sản chống lại giai cấp vô sản”¹.

Thông qua tác phẩm *Bệnh áu trĩ “tả khuynh” trong phong trào cộng sản*, V.I. Lênin đã giúp những người cộng sản trong cuộc đấu tranh chống lại tất cả mọi biểu hiện của chủ nghĩa cơ hội, bè phái và những sai lầm trong Đảng. Đồng thời, qua đó xác định nhiệm vụ và vạch thảo đường lối chính trị của Đảng, giúp Đảng có được một sách lược cộng sản triệt để. Tác phẩm này ngay sau khi xuất bản đã trở thành cuốn sách gối đầu giường của những người cộng sản trên toàn thế giới.

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.41, tr.34.

Chương IV

**BÀI HỌC KINH NGHIỆM VÀ Ý NGHĨA CUỘC ĐẤU TRANH
CỦA C. MÁC, PH. ĂNGGHEN, V.I. LÊNIN
CHỐNG CHỦ NGHĨA CƠ HỘI**

I- BÀI HỌC KINH NGHIỆM CUỘC ĐẤU TRANH
CỦA C. MÁC, PH. ĂNGGHEN, V.I. LÊNIN
CHỐNG CHỦ NGHĨA CƠ HỘI

**1. Có thái độ đấu tranh dứt khoát, kiên quyết, triệt
để, không khoan nhượng chống chủ nghĩa cơ hội**

Trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội, những người mácxít phải kiên quyết, kịp thời đấu tranh không khoan nhượng đối với bọn cơ hội chủ nghĩa, phải tấn công ngay từ khi chúng mới xuất hiện, không để cho nó phát triển và lây lan, làm cho chúng không có cơ hội tấn công vào chủ nghĩa Mác. Nếu không có cuộc đấu tranh quyết định thẳng tay về mọi mặt chống lại chủ nghĩa cơ hội “thì không thể nói đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, nói đến chủ nghĩa Mác, nói đến phong trào công nhân xã hội chủ nghĩa”¹. Nhiệm vụ này giai cấp công nhân tiên tiến và

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.30, tr.227.

những người cách mạng đóng vai trò chủ đạo, V.I. Lênin đã khẳng định: “Giai cấp công nhân không thể làm tròn vai trò cách mạng toàn thế giới của mình nếu không tiến hành một cuộc đấu tranh quyết liệt chống thái độ phản bội, thái độ bạc nhược, thái độ bợ đỡ đối với chủ nghĩa cơ hội và hành vi tầm thường hóa chủ nghĩa Mác một cách chưa từng có như thế trên lĩnh vực lý luận”¹.

V.I. Lênin đã khẳng định, bọn chủ nghĩa cơ hội là một tai họa hiển nhiên, do vậy cần phải tuyệt đối đấu tranh công khai chống lại chúng, gạt chúng ra khỏi hàng ngũ của Đảng một cách không thương xót. Cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội không những phải đấu tranh trường kỳ, mà cần phải có thái độ rõ ràng, đấu tranh một cách triệt để, dứt khoát không cho chúng có “mảnh đất” để tồn tại, phát triển, dù cho cuộc đấu tranh đó có phải chịu tổn thất. Người chỉ rõ: “để giúp cho cơ thể của phong trào công nhân được hoàn toàn bình phục, thì phải tẩy rửa chất mủ ấy đi càng nhanh và càng kỹ chừng nào càng tốt chừng nấy, dù cho việc mổ xẻ ấy có làm cho ta phải tạm thời chịu đau đớn kịch liệt đi nữa”². Trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội, chúng ta cần vạch rõ một ranh giới rõ ràng giữa những người mácxít và những phần tử phi mácxít, không cho bọn cơ hội chủ nghĩa có cơ hội trung dung, mập mờ và xảo trá. V.I. Lênin khẳng định: “nhiệm

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.26, tr.408.

2. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.27, tr.154.

vụ *quan trọng nhất* của chúng ta hiện nay chính là phải vạch ra một đường ranh giới rõ ràng giữa một bên là phái tả mácxít và một bên là bọn cơ hội chủ nghĩa”¹.

2. Giữ vững nguyên tắc tính Đảng mácxít, không được nhân nhượng về lý luận trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội

Trong bất kỳ giai đoạn nào của cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội, một vấn đề đặc biệt quan trọng đối với những người mácxít là giữ vững nguyên tắc tính đảng trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội. Nếu không kiên định tính đảng mácxít trong mọi hoạt động lý luận và thực tiễn, thì không chỉ mắc sai lầm về chính trị mà còn mắc sai lầm cả về phương diện khoa học và do đó, không tránh khỏi sa vào bẫy với những thủ đoạn tinh vi của chủ nghĩa cơ hội. Trong quá trình bảo vệ, phát triển và hiện thực hóa những tư tưởng khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin trong thời đại ngày nay, chúng ta cần kiên định nguyên tắc tính đảng mácxít, tỉnh táo và kiên quyết đấu tranh chống lại âm mưu, thủ đoạn của chủ nghĩa cơ hội. Đây là nguyên tắc cơ bản trong mọi cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội.

Cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế có lúc thăng, lúc trầm, lúc đấu tranh bí mật, lúc đấu tranh công khai,

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.49, tr.140.

thậm chí có những lúc phải nhân nhượng với phái này để đấu tranh dứt điểm, thủ tiêu hoàn toàn phái khác, song một điều có tính nguyên tắc nữa là không được nhân nhượng, thỏa hiệp về lý luận. V.I. Lênin cho rằng: “nếu thực sự cần phải liên hợp thì cứ ký kết những thỏa hiệp nhằm đạt những mục tiêu thực tiễn của phong trào, nhưng chớ có buôn bán nguyên tắc, chớ có “nhân nhượng” về lý luận”¹.

3. Xác định những nội dung, phương pháp, hình thức phù hợp để đấu tranh có hiệu quả với các biểu hiện, khuynh hướng của chủ nghĩa cơ hội

Bản chất của chủ nghĩa cơ hội là sự phản bội chủ nghĩa Mác - Lênin và lợi ích của giai cấp công nhân, đầu hàng trước hệ tư tưởng tư sản và thế lực tư sản, song hình thức biểu hiện của nó ở mỗi loại, mỗi giai đoạn có khác nhau, vì vậy, trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội phải chỉ ra được nguồn gốc lý luận, nguồn gốc thực tiễn của việc hình thành chủ nghĩa cơ hội, chỉ ra được bản chất và sự nguy hại của chủ nghĩa cơ hội. Vì có chỉ ra được nguồn gốc của nó thì mới vạch ra được sai lầm, mới thấy được thực chất nó đại diện cho lợi ích của giai cấp nào từ đó tìm ra những biện pháp đấu tranh cụ thể, rồi đem tuyên truyền những nội dung ấy vào phong trào công nhân để họ có nhận thức đúng đắn về bản chất

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.30.

phản động của chủ nghĩa cơ hội, từ đó mà tự giác đấu tranh với nó.

Cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội phải được tiến hành trên mọi mặt trận, ở mọi nơi, từ đấu tranh lý luận đến đấu tranh thực tiễn, đấu tranh trong tất cả các tổ chức công nhân làm cho bọn cơ hội chủ nghĩa không kịp trở tay và phản kích. V.I. Lênin đã chỉ rõ: “Chống bọn phản bội chủ nghĩa xã hội, chống chủ nghĩa cải lương và chủ nghĩa cơ hội, - đường lối chính trị đó có thể thi hành và cần phải được thi hành trong *tất cả mọi* lĩnh vực đấu tranh, không trừ một lĩnh vực nào”¹.

Đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội phải kết hợp với cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch, nếu không có sự kết hợp này thì cuộc đấu tranh đó chẳng có ý nghĩa gì, V.I. Lênin đã chỉ ra rằng: “Đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc mà không kết hợp chặt chẽ với đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội, thì chỉ là một lời nói suông rỗng tuếch hoặc là một sự lừa bịp thôi”².

Bọn cơ hội chủ nghĩa rất tinh vi và xảo quyệt, bằng trực quan chúng ta không thể dự đoán được bộ phận nào trong giai cấp công nhân là bọn sô vanh hay bọn cơ hội chủ nghĩa. Vì vậy, muốn loại trừ chủ nghĩa cơ hội phải vừa đấu tranh mạnh mẽ, vừa phải đi sâu đi sát vào quần chúng, vào phong trào công nhân để hiểu rõ, hiểu đúng

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.39, tr.253.

2. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.30, tr.179.

từng loại chủ nghĩa cơ hội, V.I. Lênin đã nhắc nhở: “bổn phận của chúng ta, nếu chúng ta vẫn muốn còn là những người xã hội chủ nghĩa, là phải *đi sâu đi sát hơn* vào quần chúng thật sự: đây là toàn bộ ý nghĩa của cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội và toàn bộ nội dung cuộc đấu tranh đó”¹. Tăng cường đoàn kết những người cách mạng và giai cấp công nhân quốc tế trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội. Đây là vấn đề quan trọng quyết định sự thành bại của cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội. V.I. Lênin chỉ rõ: “Không có gì quan trọng bằng việc đoàn kết *tất cả* những người mácxít hiểu rõ tính chất sâu sắc của cuộc khủng hoảng và hiểu rõ sự tất yếu phải khắc phục cuộc khủng hoảng ấy để bảo vệ những cơ sở lý luận và những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác”².

Chủ nghĩa cơ hội thường biểu hiện lơ mờ, không rõ ràng cho nên phải tùy từng điều kiện mà đấu tranh công khai hoặc bí mật, khi mà bọn cơ hội theo đuổi và phối hợp với giai cấp tư sản để khủng bố những người mácxít thì phải đấu tranh bí mật với chúng, khi bọn chúng biểu hiện công khai rõ ràng thì phải đấu tranh công khai để đạt hiệu quả cao. Học thuyết Mác là học thuyết mở, vì vậy vừa đấu tranh với chủ nghĩa cơ hội vừa phát triển chủ nghĩa Mác. Phải dùng những lý luận cách mạng khoa học của chủ nghĩa Mác mà tấn công vào những quan điểm sai lầm, phản động

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.30, tr.229.

2. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.20, tr.104.

của bọn cơ hội. Đồng thời từ sai lầm của chủ nghĩa cơ hội và từ thực tiễn của phong trào công nhân mà mạnh dạn phát triển chủ nghĩa Mác, phải làm cho chủ nghĩa Mác có thể lý giải một cách khoa học và cách mạng những vấn đề mà bọn cơ hội phạm sai lầm, do đó tăng sức mạnh của chủ nghĩa Mác trong cuộc đấu tranh với chủ nghĩa cơ hội. Cần hết sức coi trọng công tác nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn để cho cuộc đấu tranh lý luận mang lại hiệu quả cao.

Đấu tranh chống bọn cơ hội chủ nghĩa, những người mácxít không được chủ quan nóng vội, đấu tranh kiên định với bọn cơ hội song không được giáo điều, bảo thủ, đây phải là một cuộc đấu tranh bền bỉ, lâu dài nhưng khi có điều kiện phải đấu tranh thẳng tay tiêu diệt tận gốc bọn chúng. V.I. Lênin đã khẳng định: “Một trong những điều kiện tất yếu để chuẩn bị cho giai cấp vô sản thắng lợi là cuộc đấu tranh lâu dài, ngoan cường và thẳng tay chống chủ nghĩa cơ hội”¹.

II- Ý NGHĨA CUỘC ĐẤU TRANH CỦA C. MÁC, PH. ĂNGGHEN, V.I. LÊNIN CHỐNG CHỦ NGHĨA CƠ HỘI ĐỐI VỚI PHONG TRÀO CỘNG SẢN VÀ CÔNG NHÂN QUỐC TẾ

1. Ý nghĩa lý luận

Những năm 1847 - 1895 là thời kỳ hình thành và truyền bá chủ nghĩa Mác trong phong trào công nhân,

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.40, tr.28.

C. Mác và Ph. Ăngghen cùng các đồng chí, các học trò của mình đấu tranh không mệt mỏi chống lại chủ nghĩa cơ hội dưới mọi màu sắc. Thông qua cuộc đấu tranh đó mà chủ nghĩa Mác đã ra đời và phát triển, giai cấp công nhân ngày càng trưởng thành, ngày càng có nhiều người nhận ra sứ mệnh lịch sử của mình là đánh đổ giai cấp tư sản, giải phóng cho mình và toàn xã hội.

Cuộc đấu tranh chống các phái cơ hội chủ nghĩa như Bacunin, Prudông, Látxan, Đuyrinh... là nhằm thống nhất giai cấp công nhân và phong trào chính trị của nó, bắt đầu bằng sự phát triển của giai cấp công nhân thành một lực lượng chính trị độc lập. C. Mác và Ph. Ăngghen đã vạch ra rằng, tình hình khách quan của giai cấp vô sản làm nổi bật xu hướng khắc phục sự xé lẻ công nhân, xây dựng họ thành một khối vững chắc có tổ chức và nuôi dưỡng ở họ tình đoàn kết quốc tế. Vào thời kỳ mà giai cấp vô sản tự hình thành với danh nghĩa là lực lượng xã hội độc lập, Ph. Ăngghen đã chỉ rõ là những người vô sản ở tất cả các nước đều có quyền lợi và sự nghiệp đấu tranh như nhau, một kẻ thù như nhau... Trong đấu tranh để hình thành một Đảng vô sản độc lập thì “công nhân biết rất rõ rằng đối với họ giai cấp tư sản chẳng những sẽ phải có những nhượng bộ chính trị to lớn hơn là chế độ quân chủ chuyên chế, nhưng vì lợi ích công thương nghiệp của nó, nó tạo ra trái với ý muốn của nó, những điều kiện để đoàn kết giai cấp công nhân

mà việc đoàn kết giai cấp công nhân là tiên đề đầu tiên cho thắng lợi của họ”¹.

Lịch sử phong trào công nhân là lịch sử đấu tranh của các lực lượng cách mạng cho sự thống nhất chứ không phải là lịch sử của sự chia rẽ, mặc dù có những trở ngại và có xu hướng chia rẽ nhất thời trỗi lên do chủ nghĩa cơ hội gây ra. Từ những điều kiện đó mà nảy sinh ước vọng sơ đẳng nhất của giai cấp công nhân về sự thống nhất, đồng thời là quy luật vận động và phát triển của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Chủ nghĩa Mác cho rằng: nhất thiết phải thực hiện có ý thức sự thống nhất đó. Những vấn đề đấu tranh chính trị, tư tưởng và thực tiễn vì sự thống nhất của giai cấp công nhân và sự thống nhất phong trào chính trị của họ bao giờ cũng là trung tâm chú ý của những người cộng sản. Trách nhiệm của họ vì thế thường xuyên tăng lên vì tầm cỡ và tình trạng phân hóa của phong trào công nhân đã lớn rộng thêm và việc hình thành những quan điểm chung đã thêm phức tạp. Cuộc đấu tranh để hình thành những đảng cách mạng của giai cấp công nhân ở các nước bao giờ cũng gắn chặt với cuộc đấu tranh chống lại những dạng biểu hiện có tính lịch sử cụ thể của chủ nghĩa cơ hội thuộc các nhóm và trào lưu cơ hội trong phong trào công nhân - những dạng đó trước hết đã từng đánh dấu mức độ chưa trưởng

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.443.

thành của giai cấp công nhân trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh.

C. Mác và Ph. Ăngghen trong những năm 60 thế kỷ XIX đã quan tâm tạo sự thống nhất của phong trào công nhân theo con đường tập hợp các tổ chức công nhân vào khuôn khổ Quốc tế I. V.I. Lênin đã ca ngợi những thắng lợi giành được trong cuộc đấu tranh đó: “Trong khi thống nhất phong trào công nhân các nước, trong khi tìm cách hướng mọi hình thức khác nhau của chủ nghĩa xã hội phi vô sản, tiền mácxít... vào con đường hoạt động chung, trong khi đấu tranh chống những lý luận của tất cả các phái và trường phái ấy, C. Mác đã rèn đúc được một sách lược duy nhất cho cuộc đấu tranh vô sản của giai cấp công nhân các nước”¹.

Trong Quốc tế I, C. Mác và Ph. Ăngghen đã hợp nhất các trào lưu khác nhau trong phong trào công nhân, đã từng hướng họ theo một cương lĩnh phát triển trong trào lưu dân chủ xã hội Đức đương thời, hai ông cũng đấu tranh cho đường lối chính trị hợp nhất và thống nhất hai tổ chức công nhân khác nhau thành một đảng quân chúng thống nhất. C. Mác và Ph. Ăngghen đã coi sự cần thiết tạo lập sự thống nhất của giai cấp công nhân trong những điều kiện mới, trước hết là một vấn đề chính trị và tư tưởng, tức là vấn đề đẩy lùi và khắc phục chủ nghĩa cơ hội trong phong trào công nhân. Cuộc đấu tranh ấy đã

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.27, tr.58.

nêu bật tầm quan trọng của những kinh nghiệm thu thập được trong các hoạt động thực tiễn của giai cấp công nhân nhằm khắc phục những quan niệm tiểu tư sản và không tưởng trong phong trào công nhân. Mặt khác, trong cuộc đấu tranh chống các trào lưu chủ nghĩa cơ hội, hai ông đã đề ra những luận điểm quan trọng về tính cách mạng của Đảng công nhân và sự thống nhất của nó và đòi hỏi phải đấu tranh đến cùng chống những phần tử cơ hội chủ nghĩa trong đảng đến cả việc nhất thiết cắt đứt với chúng.

Tiếp nối sự nghiệp cách mạng của C. Mác và Ph. Ăngghen, cuộc đấu tranh của V.I. Lênin chống chủ nghĩa cơ hội giai đoạn 1895 - 1924 góp phần giúp những người theo chủ nghĩa Mác chân chính nhận rõ bộ mặt của chủ nghĩa cơ hội trong phong trào công nhân, đồng thời giúp các Đảng công nhân loại trừ những phần tử cơ hội chủ nghĩa trong Đảng. Đặc biệt cuộc đấu tranh này còn giúp giai cấp vô sản các nước châu Âu hiểu rõ hơn bản chất của chủ nghĩa đế quốc, hiểu rõ hơn về chính phủ tư sản nước mình và cuộc chiến tranh thế giới mà chúng gây ra, hiểu được bản chất của khẩu hiệu “bảo vệ tổ quốc” của bọn xã hội - sôvanh và bọn chủ nghĩa cơ hội, qua đó nghe theo lời kêu gọi của V.I. Lênin: “Biến chiến tranh đế quốc thành nội chiến cách mạng”. Thực tế trong những năm 1917 - 1918, phong trào công nhân ở các nước châu Âu phát triển mạnh mẽ đặc biệt là ở Đức, làm lung lay nền thống trị của giai cấp tư sản.

Trong cuộc đấu tranh chống những luận điệu xuyên tạc, xảo trá của bọn chủ nghĩa cơ hội, V.I. Lênin không những bảo vệ được tính khoa học của học thuyết Mác mà còn phát triển những tư tưởng của C. Mác và Ph. Ăngghen, đặc biệt đã hoàn chỉnh được học thuyết về Đảng kiểu mới của giai cấp công nhân, một học thuyết thống nhất, chặt chẽ giữa lý luận và thực tiễn. Những tác phẩm viết để chống chủ nghĩa cơ hội giai đoạn 1895 - 1924 là một trong những mẫu mực về thái độ đi sâu nghiên cứu bản chất chủ nghĩa Mác, bảo vệ chủ nghĩa Mác và vận dụng phát triển sáng tạo những nguyên lý mácxít trong nghiên cứu những hiện tượng xã hội. Nhiều tác phẩm đã đóng vai trò xuất sắc trong việc vũ trang tư tưởng cho các đảng mácxít nói chung và Đảng Bôn-sê-vích Nga nói riêng trong cuộc đấu tranh chống mọi hình thức và biến dạng của chủ nghĩa cơ hội, tất cả những bọn xuyên tạc chủ nghĩa Mác trong phong trào công nhân Nga cũng như trong phong trào công nhân quốc tế giai đoạn 1895 - 1924.

Cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội giai đoạn 1895 - 1924 đã góp phần cho sự ra đời của Quốc tế Cộng sản III. Ngày 01/01/1914, dưới sự lãnh đạo của V.I. Lênin, Đảng Bôn-sê-vích Nga đã ra tuyên bố đoạn tuyệt đối với Quốc tế II và thành lập Quốc tế Cộng sản vào năm 1919. Việc phá sản của Quốc tế II đã tác động không nhỏ tới phong trào công nhân quốc tế, song sự phá sản đó là cần thiết, bởi nếu không chấm dứt sự hoạt động của Quốc tế II, phá tan những tư tưởng phản động của bọn cơ hội chủ

nghĩa trong Quốc tế II thì không thể thành lập một Quốc tế Cộng sản với những vai trò mới. Thực tiễn cho thấy, Quốc tế Cộng sản đã đoàn kết được các lực lượng tiến bộ trên thế giới và giúp đỡ tích cực các phong trào cách mạng ở các nước châu Á, châu Phi, Mỹ Latinh phát triển mạnh mẽ vào đầu thế kỷ XX. Sau khi Ph. Ăngghen mất năm 1895, bọn cơ hội chủ nghĩa ra sức hoạt động chống phá chủ nghĩa Mác, gây chia rẽ trong Quốc tế II, cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội của V.I. Lênin đã góp phần đoàn kết giai cấp công nhân và những người xã hội chủ nghĩa trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung.

Cuộc đấu tranh của V.I. Lênin và những người mácxít chống chủ nghĩa cơ hội không những tác động tích cực đối với phong trào công nhân quốc tế mà còn ảnh hưởng tích cực, trực tiếp tới phong trào công nhân Nga đầu thế kỷ XX. Nó đã tách những phần tử cơ hội chủ nghĩa ra khỏi hàng ngũ những người mácxít Nga lúc đó, đặc biệt bằng lý luận khoa học V.I. Lênin đặt ra và giải quyết trong thực tiễn nhiệm vụ xây dựng ở nước Nga một đảng vô sản cách mạng, từ đó lãnh đạo Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga thành công, biến chủ nghĩa Mác từ lý luận trở thành thực tiễn.

2. Ý nghĩa thực tiễn trong giai đoạn hiện nay

Những nội dung cơ bản trong cuộc đấu tranh của C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin chống chủ nghĩa cơ hội là cơ sở để chúng ta tiếp tục nghiên cứu những vấn đề thực

tiễn đang tranh cãi trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế hiện nay. Những người mácxít phải luôn luôn lưu ý đến những bài học kinh nghiệm quý báu mà cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội đó để lại, tiếp tục vận dụng nó trong giai đoạn mới, khi mà chủ nghĩa cơ hội hiện đại đang ẩn nấp dưới nhiều dạng khó nhận biết được và ngày càng trở nên tinh vi, xảo quyệt hơn trong việc chống lại chủ nghĩa Mác - Lênin, chống lại con đường phát triển chủ nghĩa xã hội.

Một trong những vấn đề mà chủ nghĩa cơ hội trên thế giới lúc này đang khuếch trương đó là sự tồn tại vĩnh hằng của chủ nghĩa tư bản. Sau sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu và Liên Xô những năm cuối thế kỷ XX, phong trào xã hội chủ nghĩa thế giới lâm vào thời kỳ thoái trào. Trong khi đó các nước tư bản chủ nghĩa có bước phát triển mạnh mẽ về sản xuất và khoa học - kỹ thuật; tâm lý hoang mang, dao động, thiếu lòng tin vào chủ nghĩa xã hội nảy sinh trong các Đảng Cộng sản, thậm chí có người đã đặt câu hỏi trước những lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về sự tất yếu diệt vong của chủ nghĩa tư bản và tất yếu thắng lợi của chủ nghĩa cộng sản. Đây cũng là điều kiện cho chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa xét lại hiện đại phát triển, tiếp tục công khai chống lại chủ nghĩa Mác - Lênin, chống phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Những luận điệu mới của chủ nghĩa cơ hội đang tung hô về khả năng tự điều chỉnh vô hạn của chủ nghĩa tư bản, đó là sự ra đời và phát triển của

mô hình mới - chủ nghĩa xã hội dân chủ, về vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp hiện nay không còn nữa và cũng không có mục đích cụ thể bởi vì quá trình “hòa hợp xã hội” đang diễn ra mạnh mẽ trên toàn thế giới... Trong cuộc đấu tranh chống lại những trào lưu tư tưởng cơ hội chủ nghĩa hiện nay, những người cộng sản không được phép quên những điều V.I. Lênin đã chỉ rõ rằng: chừng nào người ta chưa biết phân biệt được lợi ích của giai cấp này hay của giai cấp khác, cả đảng sau bất kỳ những câu nói, những lời tuyên bố và những lời hứa hẹn nào có tính chất đạo đức, tôn giáo, chính trị và xã hội thì trước sau bao giờ người ta cũng vẫn là kẻ ngốc nghếch bị người khác lừa bịp và tự lừa bịp mình về chính trị.

Cuộc đấu tranh của C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin là cơ sở đảm bảo cho sự phát triển đúng hướng của các Đảng cộng sản và chủ nghĩa xã hội ở các nước trên thế giới sau khi mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, đồng thời xây dựng lòng tin vào con đường phát triển chủ nghĩa xã hội trong điều kiện quốc tế hiện nay. Thực tế lịch sử đã kiểm chứng rằng, những Đảng Cộng sản nắm vững những nguyên lý và phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin tất yếu sẽ đứng vững, sẽ giành được thắng lợi trong cuộc đấu tranh giai cấp chống chủ nghĩa tư bản, cuối cùng sẽ giành được chính quyền về tay nhân dân lao động, giữ được chính quyền và tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội (đó là Trung Quốc, Cuba, Việt Nam...). Mặc dù sau sự sụp đổ của chế độ chủ

nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu, cách mạng thế giới có bước thoái trào, lâm vào khủng hoảng và bế tắc, nhưng đến nay các Đảng cộng sản ở các nước và phong trào cộng sản và công nhân quốc tế nói chung đang từng bước được khôi phục, đổi mới trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và giành được chỗ đứng trong xã hội, đã có vị trí trong nền chính trị của đất nước; một số đảng ở Tây Âu trước đây dao động ngả sang xu hướng dân chủ tư sản đã trở lại đánh giá công bằng về chủ nghĩa Mác - Lênin. Rõ ràng, chủ nghĩa Mác - Lênin vẫn còn giá trị thực tiễn hết sức lớn lao, chủ nghĩa cộng sản vẫn là cái đích đi đến của nhân loại. Các đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động, trong đó có Đảng Cộng sản Việt Nam, tức là đã bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin trước sự tấn công của chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa xét lại hiện đại.

Những tác phẩm của C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin chống chủ nghĩa cơ hội mang tính chiến đấu của giai cấp vô sản dựa trên cơ sở một thế giới quan khoa học triệt để là chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử vẫn là vũ khí chiến đấu của các Đảng cộng sản và công nhân trong cuộc đấu tranh cho sự trong sáng của lý luận mácxít chống hệ tư tưởng tư sản, chống chủ nghĩa cơ hội và chủ nghĩa xét lại hiện đại. Những tác phẩm ấy dạy chúng ta phân tích một cách hết sức khoa học, theo tinh thần mácxít, những hiện tượng của đời sống xã hội hiện đại, phát hiện những quy luật phát triển của nó, trên cơ sở đó đề ra chiến lược và sách lược đấu tranh giai cấp,

vạch trần những gốc rễ của chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa xét lại hiện đại. Đặc biệt, qua đó chúng ta có thể rút ra phương pháp luận chiến của C. Mác, Ph. Ăngghen và V.I. Lênin để vận dụng vào trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa xét lại hiện nay.

III- NHẬN DIỆN TƯ TƯỞNG, BIỂU HIỆN CƠ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ BIỆN PHÁP ĐẤU TRANH PHÒNG, CHỐNG

1. Nhận diện tư tưởng, biểu hiện cơ hội chủ nghĩa trong các thời kỳ cách mạng

Trong lịch sử cách mạng Việt Nam, do những nguyên nhân khác nhau nên phong trào cách mạng ở nước ta cũng có lúc chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa cơ hội trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, nhưng ở Việt Nam chưa có thời kỳ nào xuất hiện chủ nghĩa cơ hội với tư cách là một lực lượng, một phong trào có khả năng ảnh hưởng lớn tới sự phát triển của cách mạng. Tuy vậy, trong những bước ngoặt của lịch sử cũng xuất hiện những tư tưởng, biểu hiện cơ hội dưới hình thức hữu khuynh hoặc tả khuynh, ở những mức độ khác nhau.

a) Trong giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân

Thời kỳ 1930 - 1935, trong Đảng ta có một bộ phận cán bộ, đảng viên có biểu hiện hữu khuynh, khi kẻ thù

khủng bố ác liệt, cách mạng bị đẩy vào thời kỳ thoái trào đã nảy sinh tư tưởng dao động, thỏa hiệp, cầu an, thủ tiêu đấu tranh. Một số đảng viên khi bị bắt đã đầu hàng, chỉ điểm cho kẻ thù bắt bớ các đảng viên cộng sản, phá vỡ các cơ sở cách mạng. Song nổi lên và chi phối chung trong phong trào 1930 - 1931 là sai lầm “tả khuynh”, hẹp hòi trong việc giải quyết mối quan hệ giữa nhiệm vụ đấu tranh giải phóng dân tộc và nhiệm vụ đấu tranh giai cấp, đem lại ruộng đất cho nông dân. Cụ thể là đặt nhiệm vụ đấu tranh giai cấp nặng hơn nhiệm vụ đấu tranh giải phóng dân tộc; trong việc đánh giá các giai cấp và tổ chức, tập hợp lực lượng cách mạng, chỉ chú trọng đến giai cấp công nhân và nông dân mà không chú trọng đến các tầng lớp khác cũng có tinh thần yêu nước và cách mạng trong dân tộc.

Trong phương pháp đấu tranh của Đảng có lúc mang tính manh động, bạo động “non” khi chưa có tình thế cách mạng. Trong chính đốn tổ chức thì lại đưa ra chủ trương “trí, phú, địa, hào, đào tận gốc, tróc tận rễ”, nặng về thành phần giai cấp thuần túy. Những biểu hiện ấu trĩ “tả khuynh” trong phong trào Xôviết Nghệ - Tĩnh bắt nguồn từ sự vận dụng máy móc những vấn đề chiến lược và sách lược của Quốc tế Cộng sản vào hoàn cảnh nước ta. Những sai lầm đó làm cho tổ chức đảng bị cô độc, lực lượng cách mạng sớm bị bọc lột, kẻ thù đánh phá quyết liệt, làm cho lực lượng cách mạng còn non trẻ bị tổn thất nặng nề. Đặc biệt có những đảng viên không chịu được sự tra tấn đã

phản bội, làm tay sai cho địch, tiến hành chỉ điểm để kẻ thù bắt bớ, khủng bố các cơ sở cách mạng.

Sang thời kỳ 1936 - 1939, khi Đảng ta đưa ra “chính sách mới”, chuyển hướng cuộc đấu tranh nhằm mục tiêu trước mắt là chống bọn phản động thuộc địa, đòi những quyền lợi về dân sinh, dân chủ thay vì mục tiêu chống đế quốc, giành độc lập và ruộng đất cho người nông dân. Đảng đã đấu tranh khắc phục khuynh hướng bảo thủ rụt rè, “tả khuynh” cô độc của thời kỳ trước như không dám bắt tay với các tầng lớp trên, với những lực lượng cải lương nhưng có lòng yêu nước, để mở rộng mặt trận dân chủ, không mạnh dạn sử dụng các hình thức tổ chức và đấu tranh công khai, hợp pháp. Những hạn chế đó đã gây khó khăn, cản trở trong việc chấp hành chính sách mới. Đến khi phong trào dân chủ phát triển thuận lợi thì lại có biểu hiện “hữu khuynh” như nặng về lập mặt trận với lực lượng bên trên, nhẹ về phát động quần chúng bên dưới trong công - nông; sa vào chủ nghĩa hợp pháp, sao lãng việc củng cố tổ chức đảng hoạt động bí mật và các tổ chức quần chúng cách mạng trung kiên hoạt động bất hợp pháp. Vì vậy, khi kẻ thù quay lại đàn áp, khủng bố phong trào dân chủ làm cho một số tổ chức đảng và quần chúng trung kiên lại bị tổn thất, các xứ ủy bị vỡ, nhiều cán bộ chủ chốt của Đảng bị bắt và giết hại.

Một biểu hiện “hữu khuynh” nữa trong thời kỳ này là một số đảng viên ở Nam Kỳ không tích cực đấu tranh chống âm mưu phá hoại Đảng, chia rẽ mặt trận dân chủ

dưới những luận điệu “tả” đầu lười của bọn tởtkít, hợp tác, thỏa hiệp vô nguyên tắc để chúng giành được ảnh hưởng trong một số trí thức và công chức, giành nhiều phiếu cử tri hơn ta trong cuộc tuyển cử Hội đồng quản hạt Nam Kỳ. Giữa các hạn chế, sai lầm mang tính “tả khuynh” và “hữu khuynh” trong thời kỳ này thì sai lầm “hữu khuynh” đã gây nhiều thiệt hại nhất.

Trong thời kỳ 1939 - 1945, trong Đảng xuất hiện tư tưởng “tả khuynh”, khi thời cơ chưa chín muồi, kẻ thù còn rất mạnh đã tổ chức khởi nghĩa Bắc Sơn ở Lạng Sơn (tháng 10/1940), khởi nghĩa ở Nam Kỳ (tháng 11/1940), gây nên những tổn thất nặng nề, nhất là trong cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ. Cuộc phát động đấu tranh vũ trang du kích quy mô lớn ở Cao - Bắc - Lạng thực chất cũng là chuẩn bị cuộc “khởi nghĩa non”, tuy nhiên đã được Đảng kịp thời ngăn chặn nên tránh được thiệt hại. Cùng với cuộc đấu tranh khắc phục biểu hiện “tả” nói trên, Đảng còn phê phán, đấu tranh chống tư tưởng “hữu khuynh” muốn giành độc lập bằng con đường hòa bình, thương lượng với Nhật, lợi dụng chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim. Sự hạn chế, sai lầm này rất nguy hiểm đối với phong trào cách mạng nước ta vì nó diễn ra vào thời kỳ tiền khởi nghĩa, song Trung ương Đảng đã kịp thời phát hiện và đấu tranh ngăn chặn.

Thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp 1946 - 1954, trong những năm đầu, việc thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc có biểu hiện “hữu khuynh”, chưa chú trọng đúng mức đến quyền lợi về ruộng đất của nông dân - lực lượng

to lớn nhất của cuộc kháng chiến. Biểu hiện là ở nhiều nơi không kiên quyết lãnh đạo thực hiện đầy đủ chính sách ruộng đất của Đảng. Một biểu hiện có tính “tả khuynh” là đưa ra chủ trương gấp rút chuẩn bị chuyển mạnh sang tổng phản công năm 1950 trong điều kiện so sánh lực lượng giữa ta và địch lúc đó chưa cho phép, dẫn đến sai sót trong quá trình thực hiện về xây dựng lực lượng, về tác chiến và về tổng động viên. Tuy nhiên Đảng ta đã phát hiện và uốn nắn kịp thời nên tác hại không lớn.

Trong thực hiện chủ trương phát động quần chúng đấu tranh thực hiện triệt để giảm tô có biểu hiện “tả khuynh”. Khi thực hiện thí điểm cải cách ruộng đất ở Thanh Hóa, Thái Nguyên..., đã áp dụng hình thức đấu tố tràn lan, gay gắt, không phù hợp với tình hình thực tế cách mạng và so sánh lực lượng ở nông thôn nước ta. Tác hại của những sai lầm “tả khuynh” này là đã đánh nhầm một bộ phận trung nông và nội bộ Đảng, gây tình hình căng thẳng ở nông thôn, làm tổn hại đến khối đại đoàn kết dân tộc. Sai lầm đó nghiêm trọng hơn khi tiến hành “chỉnh đốn tổ chức”, thực hiện cải cách ruộng đất trên cả nước (1955 - 1956). Đến năm 1957, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng đã kịp thời nhận ra sai lầm và thực hiện sửa sai.

Thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954 - 1975, mở đầu cuộc cách mạng ở miền Nam, do chưa đánh giá đầy đủ ý đồ của Mỹ muốn gạt Pháp để thay chân, Đảng chuẩn bị chưa đúng mức khả năng xấu nhất là Hiệp định

Gionevơ bị xé bỏ nên có biểu hiện chậm trễ trong việc chuyển lên đấu tranh vũ trang dưới những hình thức và mức độ thích hợp để bảo vệ cơ sở. Vì vậy, trước sự đàn áp, chống phá quyết liệt của kẻ thù, lực lượng cách mạng ở miền Nam bị tổn thất nặng nề, sau đó lại có biểu hiện nóng vội, muốn sớm kết thúc chiến tranh. Sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, khi không còn yếu tố bất ngờ vẫn tiến hành tổng công kích nhiều đợt kéo dài, không dừng đúng lúc, gây tổn thất lực lượng, ảnh hưởng tới tiến trình phát triển của cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam.

Một biểu hiện hữu khuynh khác là chưa thật sự nắm vững tư tưởng chiến lược tiến công khi đối phương vi phạm Hiệp định Pari năm 1973, nên có phần thiếu chủ động, thiếu kiên quyết, lúng túng giữa phòng ngự với phản công và tiến công, để địch lấn chiếm một số vùng giáp ranh, vùng mới giải phóng. Thiếu sót đó đã được Đảng ta kịp thời chỉ đạo khắc phục, thể hiện rõ trong Nghị quyết số 227-NQ/TW ngày 13/10/1973 về Thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và nhiệm vụ của cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới. Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III).

b) Trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa và công cuộc đổi mới

Sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, do dư âm

chiến thắng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ đã dẫn tới sự chủ quan, nóng vội, đốt cháy giai đoạn trong xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong thời kỳ 1975 - 1980, Đảng ta mắc “tả khuynh” trong cải tạo công thương nghiệp tư bản, tư doanh ở miền Nam.

Năm 1986, Đại hội VI của Đảng đã đề ra đường lối đổi mới đất nước. Trong lúc đất nước bắt đầu chuyển vào thời kỳ đổi mới, đã xuất hiện tư tưởng cơ hội “hữu khuynh”, miệng hô hào đổi mới nhưng xa rời nguyên tắc, cho rằng Đảng ta đổi mới nửa vời, đòi đa nguyên, đa đảng, cổ vũ tư nhân hóa, tán dương chủ nghĩa xã hội dân chủ... Bên cạnh đó, một bộ phận có biểu hiện giáo điều, cơ hội “tả khuynh”, họ bám giữ những quan niệm về mô hình cũ của chủ nghĩa xã hội, luyến tiếc cơ chế tập trung bao cấp, cho rằng cơ chế thị trường đồng nghĩa với đi theo con đường tư bản chủ nghĩa...

Trong tình hình đó, Đảng ta đã đặc biệt chú trọng tới công tác xây dựng Đảng, bảo vệ Đảng. Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị đã có nhiều chủ trương giải quyết vấn đề này, coi xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức là nhiệm vụ then chốt của cách mạng nước ta. Muốn giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, muốn bảo vệ được chế độ xã hội chủ nghĩa, giữ vững, tăng cường lòng tin và sự ủng hộ của quần chúng đối với Đảng và chế độ nhất quyết phải làm cho Đảng giữ vững được những phẩm chất của một đảng cách mạng, một đảng chiến đấu với nền tảng tư tưởng là chủ

nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Do đó, chống chủ nghĩa cơ hội trở thành một trong những nhiệm vụ, nội dung trọng yếu của công tác xây dựng Đảng hiện nay.

Trong lịch sử hoạt động gần 90 năm, Đảng ta luôn giữ vững truyền thống quý báu đó là sự đoàn kết thống nhất. Do đó, không xảy ra sự phân liệt về tổ chức, không xa rời hệ tư tưởng khoa học và cách mạng. Đảng Cộng sản Việt Nam luôn trung thành, kiên định, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Tuy trong mỗi giai đoạn, mỗi thời kỳ lịch sử của cách mạng, có khi Đảng phạm sai lầm, khuyết điểm trong lãnh đạo, chỉ đạo các nhiệm vụ cụ thể nhưng Đảng ta đã không bị sai lầm về đường lối chính trị. Hơn nữa, trong thử thách đấu tranh cách mạng, Đảng ta đã kịp thời sửa chữa và tích lũy được nhiều kinh nghiệm phong phú, đã tổng kết được những bài học quý giá và tỏ rõ bản lĩnh chính trị của mình, không mất phương hướng chính trị trong những thời điểm biến đổi có tính chất bước ngoặt. Sự kiên trì của Đảng với đường lối đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong tình thế hiểm nghèo khi hệ thống xã hội chủ nghĩa tan rã, chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ là minh chứng rõ ràng.

2. Nhận diện tư tưởng, biểu hiện cơ hội chủ nghĩa trong Đảng ta hiện nay

Trong Đảng ta hiện nay chưa có chủ nghĩa cơ hội, tức là chưa có những trào lưu tư tưởng, học thuyết hay một

tổ chức công khai đối lập với Đảng, tuy nhiên những tư tưởng, biểu hiện cơ hội chủ nghĩa xuất hiện dưới những mức độ, tính chất khác nhau. Biểu hiện cơ hội chủ nghĩa ở trong Đảng ta thể hiện dưới những dạng cơ hội chính trị và cơ hội thực dụng. Những biểu hiện của cơ hội thực dụng chính là những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân mà Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra từ lâu, gần đây Đảng ta chỉ ra đó là hiện tượng suy thoái về đạo đức, lối sống.

Đương thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh gọi những phần tử cơ hội chủ nghĩa là bọn đầu cơ. Bọn đầu cơ thực ra chỉ là bọn cơ hội chủ nghĩa thực dụng, chúng không có lý luận, chúng chỉ tìm cách “thích nghi” và luôn lách xuất phát từ bản chất của nó là mưu lợi cá nhân, là thói ích kỷ, vụ lợi. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, bọn đầu cơ cũng giống như là bọn phản động, nó là địch nhân lọt vào trong Đảng để phá hoại, nó dùng mọi thủ đoạn như xu nịnh, đút lót, hối lộ, tâng bốc, bênh che, cánh hẩu, ô dù, phe cánh, gian dối... để chui sâu, leo cao, miễn sao nắm được quyền lực để mưu “vinh thân phì gia”... Người cũng cho rằng, rất phổ biến là tệ chạy chức, chạy quyền, cố tranh cho được ủy viên này chủ tịch kia..., lo chiếm của công làm của tư, lợi dụng địa vị và công tác của mình mà buôn bán phát tài, lo việc riêng hơn việc công.

Những phần tử cơ hội thực dụng mắc phải chủ nghĩa cá nhân, đó là việc đặt lợi ích của bản thân, gia đình lên trên, lên trước lợi ích của Đảng, của dân tộc. Chủ nghĩa

cá nhân đó là nguồn gốc của tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, lười biếng, ba hoa, nhút nhát, suy bì, kèn cựa, vô kỷ luật, kéo bè kéo cánh... Chủ nghĩa cá nhân là một trong những biểu hiện của cơ hội thực dụng. Một trong những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, đó là thời gian gần đây ở nước ta xuất hiện cụm từ “lợi ích nhóm”, “nhóm lợi ích” tức là chỉ một số người lấy lợi ích không chính đáng của nhóm mình hay chính bản thân mình để hành động nhằm mưu cầu lợi riêng, xâm hại đến lợi ích của Nhà nước và lợi ích tập thể. Để đạt được lợi ích này thì họ lợi dụng những sơ hở, lợi dụng quyền lực, lợi dụng các mối quan hệ để móc nối kiếm lợi, chà đạp lên luật pháp, đạo đức để cầu lợi cho bản thân và nhóm mình¹. Những “nhóm lợi ích” này, đặc biệt là các đại gia, các doanh nghiệp thường móc ngoặc với một bộ phận cán bộ, đảng viên có chức, có quyền trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước để đạt được lợi ích riêng. Những cán bộ, đảng viên này lợi dụng chức quyền của mình để tham mưu, đề xuất hoặc đưa ra những chủ trương, chính sách, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật có lợi cho các “nhóm lợi ích”. Những cán bộ, đảng viên này khi bị các “nhóm lợi ích” móc ngoặc, lôi kéo cũng trở nên thoái hóa biến chất, tham nhũng, phản bội lại lợi ích của Nhà nước và Nhân dân. Hoặc ngay trong một số cấp ủy, tổ chức

1. Xem PGS.TS. Lê Quốc Lý: *Lợi ích nhóm - Thực trạng và giải pháp*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014.

đảng cũng hình thành các “nhóm lợi ích” từ đó gây bè, kéo cánh phục vụ cho lợi ích riêng của các nhóm đó như trong bổ nhiệm, đề bạt cán bộ. Đó cũng là một biểu hiện của chủ nghĩa cơ hội trong Đảng hiện nay.

Biểu hiện của cơ hội chính trị chính là những biểu hiện của hiện tượng suy thoái về tư tưởng chính trị, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong cán bộ, đảng viên. “Tự diễn biến” là quá trình biến đổi bên trong tư tưởng, từ đúng sang sai, từ tích cực sang tiêu cực, từ tiến bộ sang phản tiến bộ. Biểu hiện rõ nhất là sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Ví dụ, có cán bộ cả đời phấn đấu vì lý tưởng cách mạng, nghiêm túc, mẫu mực, trong sáng nhưng đến khi về hưu thì hoàn toàn ngược lại, phủ nhận thành tựu của cách mạng, phủ nhận sự lãnh đạo của Đảng, phủ nhận chính mình... “Tự chuyển hóa” là sự nối tiếp của quá trình “tự diễn biến”, là sự thay đổi về chất của tư tưởng chính trị làm cho người cán bộ đánh mất mình, đánh mất vai trò tiên phong, gương mẫu, tha hóa rồi sẽ dẫn đến hành động chống lại chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

“Tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ là sự suy thoái từ bên trong; là quá trình tự biến đổi về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên theo chiều hướng tiêu cực, làm mất dần các chuẩn mực của người cộng sản, dẫn đến xa rời những nguyên tắc, quan điểm mácxít; suy giảm nghiêm trọng niềm tin vào chủ

nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đến khi những yếu tố cách mạng, tích cực bị phai nhạt, triệt tiêu, tư tưởng phi xã hội chủ nghĩa tăng dần, thắng thế, lúc đó sẽ dẫn đến sự “tự chuyển hóa” của cán bộ, đảng viên, từ người tốt trở thành phần tử chống đối Đảng, Nhà nước. “Tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” của cá nhân nếu không được ngăn chặn kịp thời, triệt để sẽ dẫn đến tổ chức bị suy thoái, tự tan rã. Khi “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” diễn ra ở tầm vĩ mô sẽ dẫn đến sự chuyển hóa từ chế độ xã hội chủ nghĩa sang phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa.

“Tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” về tư tưởng chính trị là sự phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; thiếu niềm tin, hoài nghi, thậm chí phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng; xa rời các nguyên lý xây dựng Đảng, đòi Đảng từ bỏ nguyên tắc tập trung dân chủ để hướng theo tư tưởng đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập; phê phán lịch sử thiếu khách quan; đòi xét lại con đường đi lên xã hội chủ nghĩa và thay bằng con đường phát triển tư bản chủ nghĩa; xuyên tạc, bôi nhọ hình ảnh lãnh tụ và các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước.

Có thể nhận diện những tư tưởng, biểu hiện chủ nghĩa cơ hội trong Đảng ta hiện nay thể hiện ở những tính chất, mức độ khác nhau. 9 biểu hiện về suy thoái đạo đức, lối sống được Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII đã chỉ ra như sau:

“1) Cá nhân chủ nghĩa, sống ích kỷ, thực dụng, cơ hội, vụ lợi; chỉ lo thu vén cá nhân, không quan tâm đến lợi ích tập thể; ganh ghét, đố kỵ, so bì, tị nạnh, không muốn người khác hơn mình.

2) Vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, gây mất đoàn kết nội bộ; đoàn kết xuôi chiều, dân chủ hình thức; cục bộ, bè phái, kèn cựa địa vị, tranh chức, tranh quyền; độc đoán, gia trưởng, thiếu dân chủ trong chỉ đạo, điều hành.

3) Kê khai tài sản, thu nhập không trung thực.

4) Mắc bệnh “thành tích”, háo danh, phô trương, che giấu khuyết điểm, thổi phồng thành tích, “đánh bóng” tên tuổi; thích được đề cao, ca ngợi; “chạy thành tích”, “chạy khen thưởng”, “chạy danh hiệu”.

5) Quan liêu, xa rời quần chúng, không sâu sát cơ sở, thiếu kiểm tra, đôn đốc, không nắm chắc tình hình địa phương, cơ quan, đơn vị mình; thờ ơ, vô cảm, thiếu trách nhiệm trước những khó khăn, bức xúc và đòi hỏi chính đáng của Nhân dân.

6) Quyết định hoặc tổ chức thực hiện gây lãng phí, thất thoát tài chính, tài sản, ngân sách nhà nước, đất đai, tài nguyên...; đầu tư công tràn lan, hiệu quả thấp hoặc không hiệu quả; mua sắm, sử dụng tài sản công vượt quy định; chi tiêu công quỹ tùy tiện, vô nguyên tắc. Sử dụng lãng phí nguồn nhân lực, phí phạm thời gian lao động.

7) Tham ô, tham nhũng, lợi dụng chức vụ, quyền hạn cấu kết với doanh nghiệp, với đối tượng khác để trục lợi. Lợi dụng, lạm dụng chức vụ, quyền hạn được giao để dung túng, bao che, tiếp tay cho tham nhũng, tiêu cực.

8) Thao túng trong công tác cán bộ; chạy chức, chạy quyền, chạy chỗ, chạy luân chuyển, chạy bằng cấp, chạy tội... Sử dụng quyền lực được giao để phục vụ lợi ích cá nhân hoặc để người thân, người quen lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để trục lợi.

9) Đánh bạc, rượu chè bê tha, mê tín dị đoan, ủng hộ hoặc tham gia các tổ chức tôn giáo bất hợp pháp. Sa vào các tệ nạn xã hội, vi phạm thuần phong, mỹ tục, truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc, chuẩn mực đạo đức gia đình và xã hội”¹.

Những biểu hiện cơ hội chính trị thể hiện trên những vấn đề về suy thoái tư tưởng chính trị, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” mà Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư khóa XII đã chỉ ra đó là:

“1) Phai nhạt lý tưởng cách mạng; dao động, giảm sút niềm tin vào mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; hoài nghi, thiếu tin tưởng vào chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

2) Xa rời tôn chỉ, mục đích của Đảng; không kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; phụ họa theo những nhận thức lệch lạc, quan điểm sai trái.

3) Nhận thức sai lệch về ý nghĩa, tầm quan trọng của lý luận và học tập lý luận chính trị; lười học tập chủ nghĩa

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.30-32.

Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

4) Không chấp hành nghiêm các nguyên tắc tổ chức của Đảng; sa sút ý chí phấn đấu, không gương mẫu trong công tác; né tránh trách nhiệm, thiếu trách nhiệm, trung bình chủ nghĩa, làm việc qua loa, đại khái, kém hiệu quả; không còn ý thức hết lòng vì nước, vì dân, không làm tròn chức trách, nhiệm vụ được giao.

5) Trong tự phê bình còn giấu giếm, không dám nhận khuyết điểm; khi có khuyết điểm thì thiếu thành khẩn, không tự giác nhận kỷ luật. Trong phê bình thì nể nang, né tránh, ngại va chạm, thấy đúng không bảo vệ, thấy sai không đấu tranh; lợi dụng phê bình để nịnh bợ, lấy lòng nhau hoặc vu khống, bôi nhọ, chỉ trích, phê phán người khác với động cơ cá nhân không trong sáng.

6) Nói và viết không đúng với quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Nói không đi đôi với làm; hứa nhiều làm ít; nói một đằng, làm một nẻo; nói trong hội nghị khác, nói ngoài hội nghị khác; nói và làm không nhất quán giữa khi đương chức với lúc về nghỉ hưu.

7) Duy ý chí, áp đặt, bảo thủ, chỉ làm theo ý mình; không chịu học tập, lắng nghe, tiếp thu ý kiến hợp lý của người khác.

8) Tham vọng chức quyền, không chấp hành sự phân công của tổ chức; kén chọn chức danh, vị trí công tác; chọn nơi có nhiều lợi ích, chọn việc dễ, bỏ việc khó; không

sẵn sàng nhận nhiệm vụ ở nơi xa, nơi có khó khăn. Thậm chí còn tìm mọi cách để vận động, tác động, tranh thủ phiếu bầu, phiếu tín nhiệm cho cá nhân một cách không lành mạnh.

9) Vướng vào “tư duy nhiệm kỳ”, chỉ tập trung giải quyết những vấn đề ngắn hạn trước mắt, có lợi cho mình; tranh thủ bỏ nhiệm người thân, người quen, người nhà dù không đủ tiêu chuẩn, điều kiện giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc bố trí, sắp xếp vào vị trí có nhiều lợi ích”¹.

Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII đã chỉ rõ 9 biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, đây cũng là những biểu hiện cơ hội chính trị ở mức độ cao nhất:

“1) Phản bác, phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các nguyên tắc tổ chức của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ; đòi thực hiện “đa nguyên, đa đảng”.

2) Phản bác, phủ nhận nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; đòi thực hiện thể chế “tam quyền phân lập”, phát triển “xã hội dân sự”. Phủ nhận nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chế độ sở hữu toàn dân về đất đai.

3) Nói, viết, làm trái quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Hạ thấp, phủ nhận những thành quả cách mạng; thổi phồng khuyết

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Sđd*, tr.28-30.

điểm của Đảng, Nhà nước. Xuyên tạc lịch sử, bịa đặt, vu cáo các lãnh tụ tiền bối và lãnh đạo Đảng, Nhà nước.

4) Kích động tư tưởng bất mãn, bất đồng chính kiến, chống đối trong nội bộ. Lợi dụng và sử dụng các phương tiện thông tin, truyền thông, mạng xã hội để nói xấu, bôi nhọ, hạ thấp uy tín, vai trò lãnh đạo của Đảng, gây chia rẽ nội bộ, nghi ngờ trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

5) Phủ nhận vai trò lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với lực lượng vũ trang; đòi “phi chính trị hóa” quân đội và công an; xuyên tạc đường lối quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân; chia rẽ quân đội với công an; chia rẽ Nhân dân với quân đội và công an.

6) Móc nối, cấu kết với các thế lực thù địch, phản động và các phần tử cơ hội, bất mãn chính trị để truyền bá tư tưởng, quan điểm đối lập; vận động, tổ chức, tập hợp lực lượng để chống phá Đảng và Nhà nước.

7) Đưa thông tin sai lệch, xuyên tạc đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước; thông tin phiến diện, một chiều về tình hình quốc tế, gây bất lợi trong quan hệ giữa Việt Nam với các nước.

8) Phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng đối với báo chí, văn học - nghệ thuật. Tác động, lôi kéo, lái dư luận xã hội không theo đường lối của Đảng; cố sù cho quan điểm, tư tưởng dân chủ cực đoan; thổi phồng mặt trái của xã hội. Sáng tác, quảng bá những tác phẩm văn hóa, nghệ thuật lệch lạc, bóp méo lịch sử, hạ thấp uy tín của Đảng.

9) Có tư tưởng dân tộc hẹp hòi, tôn giáo cực đoan. Lợi dụng vấn đề “dân chủ”, “nhân quyền”, dân tộc, tôn giáo để gây chia rẽ nội bộ, gây chia rẽ giữa các dân tộc, giữa các tôn giáo, giữa dân tộc và tôn giáo, giữa các dân tộc, tôn giáo với Đảng và Nhà nước”¹.

Có thể thấy, ranh giới giữa suy thoái về đạo đức, lối sống với suy thoái về tư tưởng chính trị, rồi “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” là rất mong manh. Những người đã suy thoái về đạo đức, lối sống thì sẽ nhanh chóng chuyển sang suy thoái về tư tưởng chính trị, cũng từ đó mà dẫn đến “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Tức là từ cơ hội thực dụng chuyển sang cơ hội chính trị cũng sẽ rất nhanh chóng. Từ những biểu hiện tự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, có thể chia những phần tử cơ hội thành mấy loại sau:

Loại thứ nhất là những kẻ cơ hội ra mặt chống Đảng, họ công khai chống lại đường lối, quan điểm của Đảng, có thể xếp họ vào loại cơ hội chính trị chống đối, phản động, rất dễ nhận biết và phát hiện. Đây là những đảng viên dao động, ngả nghiêng về chính trị, không kiên định trên những vấn đề có tính nguyên tắc của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng, họ tìm mọi cách để xuyên tạc chủ nghĩa Mác, đường

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Sđd*, tr.32-34.

lỗi của Đảng. Về nền tảng tư tưởng của Đảng, những người này thường lặp đi lặp lại những luận điệu cũ rích của chủ nghĩa cơ hội quốc tế, bọn phản động trong và ngoài nước, họ cho rằng chủ nghĩa Mác - Lênin đã lỗi thời, lạc hậu, nó chỉ phù hợp ở châu Âu và chỉ phù hợp với thế kỷ XIX và nửa đầu thế kỷ XX. Đồng thời, họ cũng tìm cách hạ thấp hay đánh giá quá cao tư tưởng Hồ Chí Minh, qua đó muốn tách rời tư tưởng Hồ Chí Minh ra khỏi chủ nghĩa Mác - Lênin, phủ nhận tư tưởng Hồ Chí Minh - tức là muốn phá vỡ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Những phân tử cơ hội chủ nghĩa cũng bám vào nhiều lý do để phủ nhận sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, phủ nhận con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, phủ nhận nguyên tắc tập trung dân chủ, phủ nhận lịch sử cách mạng huy hoàng của dân tộc và những thành tựu đổi mới của Đảng ta. Một số người tìm cách xuyên tạc sự thật lịch sử, muốn xét lại lịch sử gây hoài nghi trong các tầng lớp nhân dân. Chúng luôn thổi phồng những sai lầm, khuyết điểm của Đảng, cho rằng chế độ ta mất dân chủ, vi phạm nhân quyền..., từ đó đòi đa nguyên, đa đảng. Hay họ bám vào sự kiện này, sự kiện khác, những sự việc khiến dư luận xã hội bức xúc để phê phán đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước; nói xấu cán bộ, đặc biệt là cán bộ cấp cao, lãnh đạo Đảng, Nhà nước; hay gửi những “thư ngỏ”, “kiến nghị” lên Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị... Trong số những người này có cả những cán bộ, đảng viên cấp cao từng có công lao với Đảng, với cách mạng,

tuy nhiên họ mắc vào chủ nghĩa cá nhân, công thần, bất mãn, thông tin không đầy đủ, không tôn trọng tổ chức, không chấp hành quy chế phát ngôn, không đặt lợi ích của Đảng lên trên hết, trước hết, dẫn tới chỗ phá hoại tổ chức... Những biểu hiện này rất dễ nhận biết.

Loại thứ hai là những phân tử cơ hội không ra mặt chống đối, mà có ý đồ, thậm chí có những ý đồ rất xa, rất dài. Họ tìm cách vào Đảng, hoạt động trong tổ chức Đảng rồi dùng các thủ đoạn để chống Đảng. Những người này có tài nói rất hay, làm cho khá nhiều người tin, thậm chí là hoan nghênh. Điều nguy hiểm của những kẻ cơ hội là họ nhân danh Đảng, nhân danh chủ nghĩa xã hội, khoác áo những người hăng hái, tích cực để thực hiện ý đồ, tham vọng “chui sâu, leo cao”. Và khi có đủ điều kiện về quyền lực và lực lượng thì họ khuynh đảo đường lối, chính sách của Đảng. Đó là nấc thang cao nhất của chủ nghĩa cơ hội, ở mức thấp hơn là cơ hội chính trị thực dụng.

Nói chung những phân tử cơ hội chính trị biết che giấu âm mưu, ý đồ của mình một cách rất tinh vi, họ không bao giờ thể hiện một cách công khai, nhất là ở những thời điểm không thuận lợi, do vậy mà rất khó phát hiện. Có thể hiểu những kẻ cơ hội chính trị là những kẻ xin vào Đảng, người ở trong Đảng, tìm mọi cách để “chui sâu, leo cao” với ý đồ thâm hiểm sâu xa nhưng nguy trang bằng những hành động khôn khéo, có khi tỏ ra là người hăng hái, tích cực, khi tình thế thay đổi thì dễ dàng phản bội lại lý tưởng của Đảng.

Trên thực tế, thứ cơ hội chính trị ở nước ta cũng không hoàn toàn là cơ hội chính trị, xét về mặt quan điểm, chính kiến, tư tưởng, lý luận với những tham vọng gây ảnh hưởng về thế lực chính trị, lập tổ chức đảng phái đối trọng và đối lập với Đảng và Nhà nước. Loại cơ hội này chỉ nhằm tìm kiếm địa vị chính trị, đạt được một số vị trí chức quyền nào đó vì mục đích hám danh lợi, vì một động cơ cá nhân tham vọng quyền lực.

Trong điều kiện Đảng ta là Đảng duy nhất cầm quyền, các phần tử cơ hội chủ nghĩa tìm cách vào Đảng để dễ bề “thăng quan tiến chức”, mà không hề quan tâm đến mục tiêu, lý tưởng cách mạng của Đảng. Bất chấp lợi ích của Đảng, của Nhân dân, họ tìm cách vun vén cho lợi ích cá nhân, gia đình, dòng tộc cốt để “vinh thân phì gia”. Họ say mê quyền lực, địa vị, coi chức quyền như một thứ có thể mua bán, tiến thân, từ đó mà khéo léo luôn lách, nịnh bợ cấp trên, lấy lòng đồng nghiệp và cấp dưới để tranh thủ lá phiếu trước mỗi đợt bầu cử. Họ kéo bè kết cánh, móc ngoặc trên dưới, trong ngoài, tìm mọi cách để chạy “chức”, chạy “quyền”, chạy “danh”, chạy “lợi”, chạy “chỗ”, chạy “bằng cấp”, chạy “quy hoạch”, chạy “luân chuyển”, chạy “tuổi”, chạy “tội”. Để giữ ghế của mình họ lợi dụng việc tuyển chọn, đánh giá, đề bạt, luân chuyển cán bộ để trục lợi cá nhân, tìm mọi cách đưa người “cùng cánh”, người nhà vào nắm những chức vụ trong cơ quan, tạo thành êkíp của mình - một việc mà họ cho rằng là đã làm “đúng quy trình” mà không chịu

chọn những người có đủ đức và tài để kế cận, gây mất đoàn kết nội bộ.

Do không có thực tài, không có đạo đức trong sáng nên để đạt được mục đích, kẻ cơ hội dùng các thủ đoạn xu nịnh cấp trên, mị dân, mua chuộc, lấy lòng cấp dưới, các đồng sự, những người xung quanh và dân chúng bằng những thủ thuật khôn khéo; thậm chí cả việc “chạy” theo kiểu mua bán, vừa tinh vi vừa trắng trợn. Với những kẻ cơ hội loại này, chính trị và hoạt động chính trị chỉ là phương tiện tiến thân chứ không phải mục đích phấn đấu vì dân, phục vụ Nhân dân, phục vụ xã hội. Do đó, trên lời nói, họ có thể nói những điều ra vẻ nghiêm túc nhất về chính trị, thậm chí đao to búa lớn theo kiểu đại ngôn, luôn quan trọng hóa mọi vấn đề, quy kết người này người khác về quan điểm, lập trường... song trên thực tế, hành động, lối sống và nhân cách của họ thường xa lạ với những điều họ nói. Lời nói không đi đôi với việc làm là biểu hiện rõ nhất của thói đạo đức giả, đó cũng là biểu hiện thường thấy ở kẻ cơ hội chính trị. Kẻ cơ hội chính trị lại thường là kẻ dễ thay đổi lập trường quan điểm, dễ chòng chành, dao động, nhất là trong những tình huống khó khăn, phức tạp, khi phong trào gặp phải sóng gió, thử thách.

Loại thứ ba là những cán bộ, đảng viên không có quan điểm chính trị rõ ràng, phai nhạt lý tưởng cách mạng, dao động ngả nghiêng, không vững vàng trên những quan điểm, đường lối của Đảng. Họ không có những hiểu biết cơ bản về lý luận chính trị, mù mờ thông tin. Họ không hẳn

chống lại Đảng nhưng thiếu niềm tin vào chủ nghĩa xã hội, vào sự lãnh đạo của Đảng. Họ có sinh hoạt Đảng và dù không tranh quyền đoạt lợi, không có những biểu hiện cơ hội thực dụng song cũng không giúp được gì cho Đảng, cho cách mạng. Những người này không có thực tài, dũng khí đấu tranh kém, thấy đúng không dám bảo vệ, thấy sai không dám đấu tranh, họ muốn “dĩ hòa vi quý”, không động chạm đến ai, không muốn ai động chạm tới mình.

Bản chất của những tư tưởng, biểu hiện cơ hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay cũng không khác gì chủ nghĩa cơ hội thời C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin đấu tranh. Do vẫn mang những tư tưởng phi vô sản nên về khuynh hướng chính trị nó là hệ thống những quan điểm chính trị không theo một định hướng, một đường lối rõ rệt, không có chính kiến hẳn hoi, không kiên định những vấn đề có tính nguyên tắc, hay ngả nghiêng, lúc thì nghiêng bên này lúc thì ngả bên kia; chúng chà đạp lên lợi ích của Đảng, của cách mạng, của Nhân dân vì lợi ích của cá nhân hay một tầng lớp người nào đó.

3. Nguồn gốc hình thành tư tưởng, biểu hiện cơ hội chủ nghĩa ở Việt Nam

a) Nguyên nhân khách quan

Ở nước ta, cuộc đấu tranh giai cấp vẫn còn tồn tại, diễn ra phức tạp, nội dung chủ yếu là đấu tranh cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đấu tranh ngăn chặn và khắc phục những

tư tưởng và sai trái cùng với đấu tranh làm thất bại chiến lược “diễn biến hòa bình” của chủ nghĩa đế quốc. Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu, sự thoái trào của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế đã tác động tiêu cực đến tư tưởng, tâm lý của một bộ phận cán bộ, đảng viên, khiến không ít người hoài nghi, dao động, mất niềm tin vào lý tưởng cộng sản và mục tiêu cách mạng. Sự phát triển và những thành tựu của một số nước tư bản chủ nghĩa đặc biệt là ở các nước phương Tây, các nước công nghiệp mới khiến không ít đảng viên ngộ nhận bản chất của chế độ tư bản.

Bên cạnh đó, chủ nghĩa đế quốc cùng các thế lực thù địch không ngừng thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ với nhiều âm mưu, thủ đoạn tinh vi, thâm độc nhằm chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ; tìm mọi cách để tác động tới tư tưởng, lôi kéo, mua chuộc cán bộ, đảng viên, nhất là những đảng viên có chức, có quyền, đẩy nhanh quá trình “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Hiện nay, kinh tế phát triển làm cho cơ cấu xã hội, cơ cấu giai cấp thay đổi, bản thân trong giai cấp công nhân cũng có một bộ phận giàu lên nhanh chóng, trở thành tầng lớp trung lưu, qua đó một số người quên mất vai trò, sứ mệnh lịch sử của mình. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế sâu rộng trên các lĩnh vực, nền kinh tế thị trường bên cạnh mặt tích cực cũng xuất hiện mặt tiêu cực, tác động đến tư tưởng, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng

viên như lối sống thực dụng, cơ hội, chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, chạy theo đồng tiền bằng mọi giá...

b) Nguyên nhân chủ quan

Do công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên chưa được coi trọng đúng mức, chất lượng, hiệu quả còn thấp. Có biểu hiện xem nhẹ giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, xem nhẹ giáo dục lý tưởng, đạo đức cách mạng. Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận còn nhiều bất cập, hiệu quả thấp, thiếu sắc bén và chủ động, kịp thời.

Công tác cán bộ, đảng viên có nhiều bất cập, hạn chế, kéo dài qua nhiều nhiệm kỳ chưa được khắc phục kịp thời đặc biệt công tác quản lý cán bộ, đảng viên bị buông lỏng; công tác bố trí, bổ nhiệm cán bộ còn nhiều tiêu cực. Các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng chưa được chấp hành nghiêm túc, vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình. Bên cạnh đó, những yếu kém trong công tác quản lý nhà nước, quản lý xã hội vừa là nguyên nhân, vừa là hệ quả của tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách còn thiếu, chưa đồng bộ, chưa chặt chẽ, hay thay đổi, không ít các chính sách bị chi phối bởi “lợi ích nhóm”.

Đặc biệt, một bộ phận cán bộ, đảng viên thiếu tu dưỡng, rèn luyện và học tập, để chủ nghĩa cá nhân phát triển, chi phối, làm xói mòn bản chất tốt đẹp của người đảng viên cộng sản. Sự suy thoái về tư tưởng chính trị,

đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” của một bộ phận cán bộ, đảng viên đã tác động tới tư tưởng, hành động của nhiều cán bộ, đảng viên khác, dẫn tới một xu hướng tâm lý như chạy chọt, cơ hội, thực dụng... Một bộ phận cán bộ, đảng viên do trình độ hiểu biết, trình độ lý luận chính trị kém nên có những nhận thức lệch lạc về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Một số người do bất mãn, mang nặng chủ nghĩa cá nhân mà sinh ra tư tưởng, biểu hiện cơ hội chủ nghĩa. Đặc biệt, hiện nay các thế lực thù địch trong và ngoài nước thông qua chiến lược “diễn biến hòa bình” với nhiều âm mưu, thủ đoạn trên tất cả các lĩnh vực đã lôi kéo, kích động cán bộ, đảng viên và quần chúng đẩy mạnh quá trình “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ Đảng ta. Do vậy, những cán bộ, đảng viên bản lĩnh chính trị không vững vàng rất dễ bị lôi kéo và suy thoái, trở thành những kẻ cơ hội chính trị.

4. Tác hại của tư tưởng, biểu hiện cơ hội chủ nghĩa trong Đảng ta hiện nay

Tuy ở trong Đảng ta chưa có chủ nghĩa cơ hội với những học thuyết riêng, song những tư tưởng, biểu hiện cơ hội chủ nghĩa đã và đang gây ra những tổn hại tới sự vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức của Đảng, làm giảm sút năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức Đảng, làm suy giảm uy tín của Đảng trong quần chúng

nhân dân. Những tư tưởng, biểu hiện cơ hội chủ nghĩa đã khiến cho niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân giảm sút, gây ra mâu thuẫn, nghi ngờ, mất đoàn kết trong nội bộ các tổ chức đảng, ảnh hưởng đến sự nghiệp cách mạng. Đồng thời, những quan điểm, tư tưởng, biểu hiện cơ hội trong Đảng sẽ làm cho các thế lực thù địch lợi dụng, móc ngoặc chống phá Đảng. Đặc biệt là một khi những tư tưởng biểu hiện này phát triển thành một chủ nghĩa, một học thuyết chính trị, một trào lưu thì nó sẽ đe dọa trực tiếp đến bản chất, tới sự sống còn của Đảng và chế độ.

Nhận thức được những tác hại, nguy cơ của những tư tưởng cơ hội chính trị và những biểu hiện của nó, Đại hội VII của Đảng (năm 1991) đã nêu: “Đẩy mạnh hơn nữa tự phê bình và phê bình, từ cơ quan lãnh đạo cao nhất đến cơ sở. Bồi dưỡng tình đồng chí, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội, tư tưởng bè phái, cục bộ”¹. Đại hội IX (năm 2001) nhận định: “Tình trạng tham nhũng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên là rất nghiêm trọng”²; do đó cần phải “Chống chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cơ hội, những quan điểm mơ hồ, sai trái”³. Hội nghị Trung ương 5

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, t.51, tr.122.

2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.76, 78.

khóa IX (tháng 02/2002) chỉ rõ: “Hiện tượng phai nhạt lý tưởng cách mạng, sa sút phẩm chất đạo đức... chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cơ hội, thực dụng có chiều hướng phát triển”¹, và xác định phải “Đẩy mạnh tự phê bình và phê bình, tự học tập, tự rèn luyện, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cơ hội, thực dụng và tình trạng thoái hóa, biến chất trong Đảng”². Tại Đại hội X (tháng 04/2006), Đảng ta khẳng định: “Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, bệnh cơ hội, chủ nghĩa cá nhân... trong một bộ phận cán bộ, công chức diễn ra nghiêm trọng”³. Đến Đại hội XI của Đảng (năm 2011), Đảng ta nhận định: “Tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và tình trạng tham nhũng, lãng phí, quan liêu, những tiêu cực và tệ nạn xã hội chưa được ngăn chặn, đẩy lùi mà còn tiếp tục diễn biến phức tạp... Tình trạng chạy chức, chạy quyền, chạy tội, chạy bằng cấp, huân chương chưa được khắc phục”⁴.

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.130, 137.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.65.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.173-174.

Tại Hội nghị Trung ương 4 khóa XI, Đảng ta thẳng thắn chỉ ra rằng: “Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trong đó có những đảng viên giữ vị trí lãnh đạo, quản lý, kể cả một số cán bộ cao cấp, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống với những biểu hiện khác nhau về sự phai nhạt lý tưởng, sa vào chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, cơ hội, thực dụng, chạy theo danh lợi, tiền tài, kèn cựa địa vị, cục bộ, tham nhũng, lãng phí, tùy tiện, vô nguyên tắc”¹.

Đại hội XII của Đảng chỉ rõ: “Tình trạng tham nhũng, lãng phí vẫn còn nghiêm trọng với biểu hiện ngày càng tinh vi, phức tạp, gây bức xúc trong dư luận, ảnh hưởng đến niềm tin của nhân dân với Đảng và Nhà nước. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên chưa bị đẩy lùi; có mặt, có bộ phận còn diễn biến phức tạp hơn; một số rất ít cán bộ, đảng viên bị phân tử xấu lợi dụng lôi kéo, kích động, xúi giục, mua chuộc đã có tư tưởng, việc làm chống đối Đảng, Nhà nước”². Đồng thời, “những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” có xu hướng diễn biến phức tạp trong Đảng, trong hệ thống chính trị và trong xã hội. Không ít cán bộ, đảng viên có

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012, tr.22.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.185.

những biểu hiện dao động, mất phương hướng, hoài nghi về vai trò lãnh đạo của Đảng, về mục tiêu, lý tưởng và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đã xuất hiện những việc làm và phát ngôn vô nguyên tắc, trái với Cương lĩnh, đường lối, Điều lệ Đảng ở một số cán bộ, đảng viên”¹.

Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII đã chỉ ra 27 biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, đó cũng là những biểu hiện của tư tưởng cơ hội chính trị, cơ hội thực dụng.

Có thể nói rằng, Đảng ta luôn nhìn thẳng vào sự thật, chỉ rõ tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, cơ hội, thực dụng, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong một bộ phận cán bộ, đảng viên. Đảng cũng ban hành nhiều nghị quyết về xây dựng, chỉnh đốn Đảng nhằm ngăn chặn tình trạng trên, đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI và Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII. Các cấp ủy, tổ chức đảng đã tích cực triển khai thực hiện các nghị quyết Đại hội Đảng và các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, các chỉ thị của Ban Bí thư và thu được những kết quả tích cực. Tuy vậy, công tác đấu tranh chống những tư tưởng, biểu hiện

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.195.

cơ hội có lúc, có nơi vẫn chưa được các cấp quan tâm đầy đủ, thực hiện kiên quyết, triệt để nên hiệu quả cuộc đấu tranh vẫn còn nhiều hạn chế, các cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tự phê bình và phê bình vẫn chưa đạt được mục đích, yêu cầu đặt ra. Chính vì vậy, cuộc đấu tranh phòng, chống những biểu hiện, tư tưởng cơ hội, thực dụng hiện nay là hết sức cấp bách, hiệu quả của cuộc đấu tranh này ảnh hưởng trực tiếp tới năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu, vai trò, uy tín cũng như sự tồn vong của Đảng.

5. Đấu tranh phòng, chống những tư tưởng, biểu hiện cơ hội chủ nghĩa trong Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay

Đấu tranh chống những tư tưởng, biểu hiện cơ hội chủ nghĩa ở nước ta là một quá trình lâu dài, gay go, quyết liệt vì chừng nào vẫn còn tồn tại những nguồn gốc về giai cấp, kinh tế, xã hội, chính trị, tư tưởng thì vẫn còn nảy sinh chủ nghĩa cơ hội, do đó không lúc nào được phép chủ quan, lơ là, buông lỏng cuộc đấu tranh này. Cần phải đấu tranh kiên quyết, kiên trì, kịp thời, triệt để, không thỏa hiệp với những tư tưởng, biểu hiện cơ hội chủ nghĩa ở mọi nơi, mọi lúc; đấu tranh trên tất cả các lĩnh vực: chính trị, tư tưởng, lý luận, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; không cho chúng có cơ hội trở thành một chủ nghĩa, một trào lưu có ảnh hưởng lớn tới sự nghiệp cách mạng, góp phần vào việc

xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, đưa sự nghiệp cách mạng của cả dân tộc tiến lên mạnh mẽ.

Cần gắn cuộc đấu tranh chống tư tưởng, biểu hiện cơ hội với cuộc đấu tranh chống âm mưu “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch. Không ngừng tăng cường đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết trong các nước xã hội chủ nghĩa và nhân loại tiến bộ trong cuộc đấu tranh này. Cần tìm ra những biện pháp, hình thức, nội dung cụ thể phù hợp, linh hoạt để chủ động đấu tranh có hiệu quả chống lại những tư tưởng, biểu hiện cơ hội chủ nghĩa dưới mọi màu sắc khác nhau. Một điều có tính nguyên tắc là luôn phải giữ vững tính đảng, tính chiến đấu trong cuộc đấu tranh này, cần phải tuyệt đối trung thành với mục tiêu lý tưởng của Đảng là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, giữ vững sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Trong giai đoạn hiện nay, bên cạnh việc kiên quyết, kiên trì thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”, cần phải gắn chặt việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII về “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ” với thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.

Đề đấu tranh chống những tư tưởng, biểu hiện cơ hội chủ nghĩa trong Đảng ta hiện nay, cần thực hiện một số biện pháp cơ bản sau:

Một là, tăng cường công tác xây dựng Đảng về chính trị

Văn kiện Đại hội XII đã xác định: “Kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng sáng tạo và phát triển phù hợp với thực tiễn Việt Nam; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới. Nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ trí tuệ, tính chiến đấu của toàn Đảng và của mỗi cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp; không dao động trong bất cứ tình huống nào”¹.

Trong tình hình hiện nay, Đảng ta cần không ngừng nâng cao bản lĩnh chính trị, kiên quyết, kiên trì lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, đó cũng là nguyên tắc cơ bản trong xây dựng đường lối của Đảng. Các cấp ủy đảng và mọi cán bộ, đảng viên cần phải hiểu đúng, trung thành, không ngừng phát triển và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào điều kiện thực tiễn đất nước hiện nay. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trong bất cứ hoàn cảnh nào. Nâng cao trình độ, năng lực xây dựng, ban hành nghị quyết, chỉ

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.199.

thị, năng lực tổ chức thực hiện nghị quyết, chỉ thị ở tất cả các cấp, các ngành, phù hợp với từng giai đoạn phát triển, phù hợp với quy luật khách quan và đặc điểm của Việt Nam. Chống nguy cơ sai lầm về đường lối, chống bảo thủ, giáo điều, trì trệ; chống tư tưởng tả khuynh, nóng vội, đổi mới vô nguyên tắc. Phát huy năng lực, trí tuệ, kinh nghiệm của cán bộ, đảng viên, các chuyên gia, nhà khoa học, vai trò của Nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và các cơ quan truyền thông trong việc xây dựng Cương lĩnh chính trị, đường lối, chính sách cũng như trong quá trình tổ chức thực hiện. Các tổ chức trong hệ thống chính trị cần quán triệt và thực hiện nghiêm túc đường lối của Đảng, cụ thể hóa và đưa các nghị quyết của Đảng vào trong thực tiễn cuộc sống.

*Hai là, nâng cao chất lượng công tác tư tưởng, lý luận
Về công tác lý luận:*

Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 09/10/2014 của Bộ Chính trị (khóa XI) “về công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030” đã xác định: Kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa giáo điều, chủ nghĩa xét lại, chủ nghĩa cơ hội và các tư tưởng thù địch dưới mọi màu sắc. Do vậy, cần nâng cao chất lượng công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận để công tác lý luận không ngừng lớn mạnh, đi trước một bước soi đường chỉ lối cho sự nghiệp cách mạng, giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội hiện nay.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, làm sáng tỏ các vấn đề về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, những vấn đề về đảng cầm quyền và công tác xây dựng Đảng hiện nay. Tăng cường tổng kết thực tiễn, gắn lý luận với thực tiễn; vận dụng, bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Đặc biệt, cần đẩy mạnh đấu tranh tư tưởng, lý luận nhằm khẳng định và bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo vệ Cương lĩnh, đường lối chính trị của Đảng, bảo vệ mục tiêu, lý tưởng, con đường mà Đảng, Bác Hồ và Nhân dân ta đã lựa chọn; phát triển lý luận về con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội; đấu tranh bảo vệ nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng. Trong nghiên cứu những vấn đề của chủ nghĩa Mác - Lênin, cần tiếp tục làm rõ những luận điểm nào của Mác - Lênin trước kia đúng, bây giờ vẫn đúng và về sau vẫn đúng. Những luận điểm nào trước kia đúng, nhưng điều kiện lịch sử hiện nay thay đổi không còn phù hợp, cần phải bổ sung, phát triển hoặc thay đổi. Có những luận điểm ngay sau khi sinh thời, các ông đã phát hiện thấy hoặc không thấy đầy đủ, hoặc các ông đã thừa nhận là sai và sửa đổi, nhưng chúng ta không thấy hết. Những luận điểm nào của các ông mà chúng ta đã hiểu không đầy đủ, hoặc hiểu sai do bản thân chúng ta nghiên cứu không thấu đáo hoặc hiểu theo cách hiểu không đúng của người khác, đảng khác.

Trong cuộc đấu tranh lâu dài và quyết liệt trên lĩnh vực lý luận, cần đa dạng hóa các hình thức đấu tranh trên

cơ sở giữ vững quan điểm và nguyên tắc; mềm dẻo, linh hoạt, nhân văn trong phương pháp; công khai, minh bạch, dân chủ, góp phần tạo dư luận xã hội lành mạnh, đồng thuận. Kịp thời phát hiện, và kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa giáo điều, chủ nghĩa xét lại, chủ nghĩa cơ hội và các tư tưởng thù địch dưới mọi màu sắc. Bên cạnh đó cần đối thoại thẳng thắn với những người có quan điểm khác trên tinh thần khoa học, dân chủ, xây dựng, thuyết phục lẫn nhau. Đối với những trào lưu tư tưởng, học thuyết, lý thuyết mới, tiếp tục mở rộng và đi sâu nghiên cứu trên quan điểm khách quan, biện chứng và tiếp thu những giá trị tiến bộ.

Tiếp tục nghiên cứu làm rõ cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội của C. Mác, Ph. Ăngghen và V.I. Lênin; nghiên cứu, học tập kinh nghiệm và phương pháp đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội, đặc biệt là phương pháp luận chiến để đấu tranh có hiệu quả chống lại những tư tưởng cơ hội chủ nghĩa hiện nay. V.I. Lênin đã chỉ ra rằng: “Nếu không đem hết sức mình ra tham gia việc nghiên cứu và vận dụng lý luận đó, và ngày nay, nếu không tham gia một cuộc đấu tranh không khoan nhượng chống những xuyên tạc chủ nghĩa Mác... thì không thể là một người xã hội chủ nghĩa, không thể là một người dân chủ - xã hội cách mạng được”¹.

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.27, tr.12-13.

Để tiến hành tốt công tác lý luận, trước hết cần nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan nghiên cứu lý luận, trình độ của cán bộ nghiên cứu lý luận. Xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác lý luận đủ về số lượng, tinh về chất lượng, đặc biệt chú trọng xây dựng, phát huy vai trò của chuyên trách đấu tranh chống những tư tưởng sai trái, thù địch theo hướng “tinh, gọn, mạnh”. Nòng cốt của lực lượng này là những cán bộ, đảng viên, các chuyên gia có bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức tốt, kiến thức toàn diện, chuyên sâu, có năng lực khai thác tư liệu, tài liệu, tổ chức đấu tranh, nhất là trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa thông qua internet. Xây dựng và thực hiện có hiệu quả hệ thống cơ chế, chính sách về quy trình đào tạo, tuyển chọn, sử dụng đối với đội ngũ cán bộ làm công tác lý luận. Tiếp tục đổi mới căn bản công tác đào tạo cán bộ lý luận ở các học viện, nhà trường, từ quy hoạch đến chương trình, nội dung, phương pháp tuyển chọn, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng và sử dụng cán bộ. Hình thành đội ngũ chuyên gia và các lớp cán bộ kế tiếp, đáp ứng nhiệm vụ trước mắt và lâu dài.

Đặc biệt, cần dân chủ hóa công tác nghiên cứu lý luận chính trị; phát huy tính chủ động, sáng tạo trong nghiên cứu lý luận; ban hành quy chế dân chủ trong nghiên cứu lý luận chính trị. Cần tạo ra một môi trường khoa học, không gian tranh luận lành mạnh, dân chủ, cởi mở để thu hút và xây dựng lực lượng nghiên cứu chất lượng cao. Phải nhanh chóng chấm dứt cơ chế “xin - cho” trong công tác

nghiên cứu lý luận để những người thực sự có năng lực tham gia nghiên cứu. Cần có chính sách đãi ngộ xứng đáng, bên cạnh yếu tố vật chất, các nhà khoa học còn cần được tôn trọng, tôn vinh và cơ chế đảm bảo an toàn cá nhân. Có biện pháp thích hợp nhằm phát huy trí tuệ, năng lực sáng tạo của cán bộ có trình độ chuyên môn cao và bản lĩnh chính trị vững vàng (cả đương chức và nghỉ hưu). Xây dựng cơ chế để đưa kết quả nghiên cứu vào ứng dụng trong thực tiễn.

Về công tác tư tưởng:

Văn kiện Đại hội XII của Đảng chỉ rõ: “Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao hơn nữa tính chiến đấu, tính thuyết phục, hiệu quả của công tác tư tưởng phục vụ yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị, phù hợp với từng giai đoạn, tạo sự thống nhất trong Đảng, đồng thuận trong xã hội; đẩy mạnh tuyên truyền, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phù hợp với từng đối tượng theo hướng cụ thể, thiết thực, hiệu quả. Đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên. Đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; ngăn chặn, đẩy lùi những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”¹.”

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.200-201.

Trong thời gian tới, cần tiếp tục tăng cường sức chiến đấu và hiệu quả của công tác tư tưởng lý luận theo Nghị quyết Trung ương 5 khóa X về “Công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trước yêu cầu mới”, làm cho các binh chủng của công tác tư tưởng luôn chủ động, kịp thời, sắc bén, có tính thuyết phục cao, góp phần củng cố khối đoàn kết thống nhất về chính trị, tư tưởng, tổ chức trong toàn Đảng, toàn dân. Trong điều kiện hiện nay, cần không ngừng đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác tư tưởng. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng một cách chủ động, kịp thời, sắc bén, có tính thuyết phục cao hơn, củng cố khối đoàn kết thống nhất chính trị tư tưởng trên cơ sở đường lối, quan điểm của Đảng.

Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác giáo dục lý luận chính trị, qua đó giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, nhất là cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp. Trong đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ các cấp, cần tiếp tục đổi mới nội dung chương trình, phương pháp, hình thức dạy và học lý luận chính trị. Tăng cường kiểm tra và quản lý chặt chẽ chất lượng dạy và học, qua đó nâng cao hiệu quả công tác giáo dục lý luận chính trị.

Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng dạy và học các môn lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong hệ thống các trường chính trị và các trường đại học,

cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp. Nội dung, phương pháp dạy và học phải phù hợp với từng đối tượng, giúp cho cán bộ, đảng viên cũng như học sinh, sinh viên hiểu và nắm vững những vấn đề cơ bản nhất, từ đó có cơ sở khoa học, tình cảm để giữ vững, tin tưởng vào chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vào đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, vào con đường cách mạng của Đảng và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đối với đảng viên và nhân dân, cần tuyên truyền, giáo dục rộng rãi với nội dung dễ hiểu về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, luật pháp của Nhà nước, thành quả của sự nghiệp đổi mới, qua đó củng cố niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, vào công cuộc đổi mới của đất nước. Qua đó, làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh mãi mãi là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam của Đảng, giữ vị trí chủ đạo trong xã hội.

Tổ chức tốt cuộc đấu tranh chống các quan điểm, tư tưởng sai trái, thù địch một cách kịp thời và hiệu quả. Thành lập lực lượng chuyên trách ở các cấp, các ngành để đấu tranh kịp thời, sắc bén, hiệu quả với những quan điểm phi mácxít, tư tưởng cơ hội chính trị cùng với những quan điểm sai trái, phản động của các phần tử cơ hội chính trị, các thế lực thù địch trong và ngoài nước; những quan điểm tư tưởng lệch lạc trong nội bộ Đảng; tuyên truyền, nhân rộng các điển hình tiên tiến, những nhân tố

tích cực. Đặc biệt, cần nâng cao chất lượng công tác lý luận và phê bình văn học nghệ thuật, đấu tranh chống lại những trào lưu tư tưởng, quan điểm sai trái, lệch lạc trên lĩnh vực văn học, nghệ thuật.

Ba là, thường xuyên rèn luyện phẩm chất và đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Văn kiện Đại hội XII đã khẳng định nhiệm vụ: “Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; coi đó là công việc thường xuyên của các tổ chức đảng, các cấp chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội, địa phương, đơn vị gắn với chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”¹. Do vậy, cần tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 05/5/2016 của Bộ Chính trị. Cần gắn chặt việc học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh với kiên quyết, kiên trì thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI “Về một số vấn đề cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay” và Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.202.

trong nội bộ”. Đưa việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đi vào chiều sâu, vào mỗi việc làm, hành động, công việc, chức trách, nhiệm vụ cụ thể của cán bộ, đảng viên. Đẩy mạnh tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt đảng, sinh hoạt ở các cơ quan đơn vị; đặc biệt là chú trọng tính chiến đấu của cán bộ, đảng viên phê bình các biểu hiện cơ hội thực dụng và cơ hội chính trị, những biểu hiện tự suy thoái về đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát của Nhân dân về việc tu dưỡng, rèn luyện của cán bộ, đảng viên; xử lý nghiêm đối với các cán bộ, đảng viên vi phạm.

Bốn là, đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tổ chức và cán bộ.

Về công tác tổ chức xây dựng Đảng: Tập trung xây dựng, củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, rõ rệt về chất lượng hoạt động của các loại hình tổ chức cơ sở đảng. Chăm lo xây dựng đội ngũ cấp ủy viên ở cơ sở, trước hết là Bí thư cấp ủy có phẩm chất, năng lực và đạo đức cách mạng, có ý thức tổ chức kỷ luật, thật sự tiên phong, gương mẫu, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức đảng. Nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng ở tất cả các loại hình. Thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt đảng. Đổi mới nội dung, hình thức, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, đặc biệt là sinh

hoạt ra nghị quyết; nâng cao năng lực tổ chức thực hiện nghị quyết. Trước hết, các cấp ủy, tổ chức đảng cần thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt của Đảng, đặc biệt là nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; giữ vững và tăng cường đoàn kết thống nhất trong Đảng. Trong sinh hoạt Đảng, cần kiên quyết, kiên trì thực hiện tốt chế độ tự phê bình và phê bình, nâng cao tính chiến đấu của mỗi đảng viên trong tự phê bình và phê bình; đấu tranh chống những tư tưởng, biểu hiện cơ hội chủ nghĩa và những biểu hiện suy thoái về phẩm chất chính trị, đạo đức trong Đảng, qua đó góp phần không ngừng củng cố và tăng cường đoàn kết, thống nhất trong các tổ chức Đảng và toàn Đảng. Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng nhằm xây dựng Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức. Đấu tranh và xử lý nghiêm với những biểu hiện vô tổ chức, vô kỷ luật, phát ngôn tùy tiện, nói và làm trái đường lối, quan điểm của Đảng, nói không đi đôi với làm.

Cùng với việc đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng, phải nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên và chất lượng của đảng viên mới.

Trong công tác phát triển đảng viên, phải nắm vững và thực hiện đúng quy định của Điều lệ Đảng, quy định của Ban Bí thư, hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương. Tăng cường kết nạp Đảng trong giai cấp công nhân, trong các loại hình doanh nghiệp, nhất là đối với những

người trực tiếp lao động, sản xuất. Các cấp ủy, tổ chức đảng phải luôn quán triệt quan điểm coi trọng chất lượng, kiên quyết không kết nạp những người không đủ tiêu chuẩn, chưa đủ điều kiện, không được quần chúng nhân dân tín nhiệm. Các cấp ủy, tổ chức đảng cần nhận biết những đặc trưng của phân tử cơ hội và kiên quyết không kết nạp vào Đảng. Phải tuân thủ nghiêm ngặt các khâu, các bước, đảm bảo đúng thủ tục, nguyên tắc, nâng cao cảnh giác, kiên quyết không để phân tử xấu, cơ hội tìm cách thâm nhập vào Đảng. Trước khi kết nạp cần thử thách trong hoạt động thực tiễn với những yêu cầu cao trong công việc, đạo đức, lối sống, thời gian thử thách kéo dài hơn để mỗi quần chúng hiểu rõ trách nhiệm và vinh dự khi được đứng trong hàng ngũ của Đảng. Sau khi kết nạp, cấp ủy, tổ chức đảng cần tiếp tục thử thách, giao nhiệm vụ, giáo dục, bồi dưỡng về mọi mặt, tạo mọi điều kiện để những đảng viên mới tiếp tục phấn đấu, thể hiện tính tiên phong, gương mẫu, xứng đáng với danh hiệu đảng viên cộng sản.

Đồng thời tiếp tục đổi mới công tác quản lý, đánh giá đảng viên. Thiết lập hệ thống quản lý đảng viên trong toàn quốc. Tăng cường giáo dục, rèn luyện, phát huy vai trò tiên phong gương mẫu của đội ngũ đảng viên. Văn kiện Đại hội XII đã xác định: “Xây dựng và thực hiện tốt các quy định để phát huy vai trò gương mẫu trong rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống, phong cách, tác phong, lề lối công tác của cán bộ, đảng viên,

nhất là cán bộ lãnh đạo các cấp, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị. Thực hiện nghiêm cơ chế kiểm tra, giám sát, kiểm soát của tổ chức đảng, giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và của Nhân dân về phẩm chất, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên”¹.

Nhận thức và ý thức trách nhiệm của một số cấp ủy, tổ chức lãnh đạo đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, về cán bộ và công tác cán bộ chưa thật sự đầy đủ, sâu sắc, toàn diện. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng chưa được coi trọng đúng mức. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện một số nội dung nêu trong các nghị quyết, kết luận của Trung ương về công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ còn thiếu quyết liệt, chưa thường xuyên, nghiêm túc; chậm thể chế hóa, cụ thể hóa; ít kiểm tra đôn đốc và chưa có chế tài xử lý nghiêm.

Nâng cao chất lượng công tác quản lý, đánh giá chất lượng đội ngũ đảng viên. Các cấp ủy, tổ chức đảng phải quản lý chặt chẽ, toàn diện đảng viên cả về phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống và trình độ năng lực, sức khỏe, lý lịch chính trị, quan hệ xã hội của bản thân và gia đình, quá trình công tác của từng đảng viên. Phải kết hợp quản lý đảng viên cả ở nơi công tác và ở nơi cư trú.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.203.

Kết hợp công tác kiểm tra, giám sát của tổ chức Đảng với công tác thanh tra của Nhà nước và giám sát của các đoàn thể chính trị - xã hội, của quần chúng nhân dân và các phương tiện thông tin đại chúng. Các tổ chức đảng cần làm tốt hơn nữa công tác đánh giá, nhận xét đảng viên hàng năm. Thông qua nhiều kênh thông tin, từ cấp ủy, ý kiến của cán bộ, đảng viên cấp trên, cấp dưới, đồng cấp, ý kiến của quần chúng trong đơn vị, ý kiến đóng góp của cấp ủy, nhân dân nơi đảng viên cư trú để đánh giá khách quan, toàn diện, chính xác đảng viên. Bản nhận xét, đánh giá đảng viên cần phải công khai trong tổ chức đảng và quần chúng, từ đó để đảng viên cố gắng phát huy ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm của mình.

Đối với công tác cán bộ: Công tác cán bộ lâu nay còn nhiều hạn chế, gây nên bức xúc trong dư luận xã hội. Do vậy cần dân chủ hóa, minh bạch, công khai trong công tác cán bộ; tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, toàn diện, đồng bộ tất cả các khâu của công tác cán bộ, gồm: xác định tiêu chuẩn cán bộ; đánh giá cán bộ; quy hoạch cán bộ; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; sử dụng, luân chuyển cán bộ; quản lý cán bộ và thực hiện chính sách đối với cán bộ. Phải đổi mới tư duy, cách làm và khắc phục những khuyết điểm, yếu kém trong từng khâu của công tác cán bộ.

Xây dựng và thực hiện cơ chế, chính sách về phát hiện, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; trọng dụng người có đức, có tài. Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ; kiên quyết đấu

tranh khắc phục tình trạng chạy theo bằng cấp, học hàm, học vị. Đặc biệt cần quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cao cấp, cán bộ cấp chiến lược của Đảng một cách toàn diện cả về phẩm chất chính trị; đạo đức, lối sống, năng lực và phương pháp, tác phong công tác đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ trong thời kỳ mới.

Làm tốt công tác quy hoạch và tạo nguồn cán bộ, chú ý cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ là người dân tộc thiểu số và đội ngũ chuyên gia đầu ngành trên các lĩnh vực; xây dựng quy hoạch đội ngũ cán bộ cấp chiến lược. Cần coi trọng công tác quy hoạch cán bộ, đặc biệt là nhân sự cấp cao, cán bộ chủ chốt của các cấp, các ngành; không để cho những phần tử cơ hội có điều kiện “luồn sâu, leo cao” vào những vị trí quan trọng trong Đảng. Trong quy hoạch, cần thực sự dân chủ, công khai, minh bạch, lấy ý kiến rộng rãi trong cấp ủy, trong đội ngũ cán bộ, đảng viên và quần chúng.

Thực hiện thí điểm một số chủ trương về công tác cán bộ như: nhất thể hóa một số chức danh cán bộ của Đảng và Nhà nước ở các cấp; tổ chức thi tuyển một số chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý. Trong đề bạt, bổ nhiệm cán bộ, cần thực hiện quan điểm nghiêm túc của Đảng là “Không bổ nhiệm cán bộ không đủ đức, đủ tài, cơ hội chủ nghĩa”¹. Kiên quyết không quy hoạch, bổ nhiệm, đề bạt,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.261.

bầu vào các cấp ủy những cán bộ vi phạm vào 27 biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” như Hội nghị Trung ương 4 (khóa XII) đã chỉ ra.

Thực hiện luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý theo quy hoạch ở các cấp, các ngành; khắc phục tư tưởng cục bộ, khép kín. Chú trọng đổi mới và trẻ hóa đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý bảo đảm tính liên tục, kế thừa và phát triển. Thực hiện nghiêm túc công tác luân chuyển cán bộ, thực hiện bố trí người đứng đầu không phải là người địa phương. Tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ các cấp được rèn luyện, thử thách ở những nơi, những lĩnh vực khó khăn để ngày càng trưởng thành và thể hiện năng lực trong thực tiễn.

Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII ban hành Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 về “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” với quan điểm chỉ đạo nhằm “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và quyền làm chủ của nhân dân; bám sát Cương lĩnh, Hiến pháp, Điều lệ và các văn kiện của Đảng trong việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; đặt trong tổng thể nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng; thực hiện đồng bộ với đổi mới kinh tế,

đáp ứng yêu cầu xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”¹.

Có cơ chế phản biện xã hội trong việc bố trí, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ. Để nhân dân giám sát việc bổ nhiệm cán bộ nhất là ở những vị trí quan trọng, những địa bàn, lĩnh vực có nhiều lợi ích; thông qua đó cũng phòng ngừa, ngăn chặn lợi ích nhóm trong công tác cán bộ. Nâng cao hơn nữa vai trò, trách nhiệm của người giới thiệu, người ký quyết định đề bạt, bổ nhiệm cán bộ, người đứng đầu các tổ chức. Trước khi đề bạt, bổ nhiệm cần làm tốt công tác đánh giá, nhận xét quá trình phấn đấu, lấy ý kiến rộng rãi trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Tổ chức thi tuyển các chức danh trong hệ thống chính quyền và các lĩnh vực. Thực hiện nghiêm quy chế thôi chức, miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý; kịp thời thay thế những cán bộ yếu kém về phẩm chất, năng lực, không hoàn thành nhiệm vụ và uy tín giảm sút. Kiên quyết xử lý nghiêm những trường hợp bổ nhiệm cán bộ sai quy định và những biểu hiện chạy chức, chạy quyền, chạy bằng cấp, chạy tuổi, chạy quy hoạch, chạy luân chuyển...

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2017, tr.43.

Nằm là, coi trọng công tác bảo vệ chính trị nội bộ; đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng.

Đối với công tác bảo vệ chính trị nội bộ: Cần tăng cường hiệu quả công tác bảo vệ Đảng trên cả ba mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức, chú trọng công tác bảo vệ chính trị nội bộ góp phần phát hiện, ngăn chặn kịp thời những phần tử cơ hội về chính trị. Đại hội XII của Đảng đã chỉ rõ: “nhiệm vụ trọng tâm của công tác bảo vệ chính trị nội bộ trong giai đoạn hiện nay là bảo vệ Cương lĩnh, Điều lệ Đảng; bảo vệ nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; bảo vệ Hiến pháp và pháp luật; bảo vệ cán bộ, đảng viên về mặt chính trị. Gắn công tác bảo vệ chính trị nội bộ với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Kiên quyết đấu tranh, ngăn chặn những hiện tượng cục bộ, bè phái, “lợi ích nhóm”, gây mất đoàn kết trong Đảng. Xử lý nghiêm những cán bộ, đảng viên vi phạm quy định của Ban Chấp hành Trung ương về những điều đảng viên không được làm, nhất là phát ngôn, tuyên truyền, tán phát tài liệu trái Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước. Đấu tranh có hiệu quả với âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch”¹. Công tác bảo vệ chính trị nội bộ

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, *Sđd*, tr.207-208.

cần nghiên cứu, ban hành và thực hiện tốt chính sách sử dụng và quản lý cán bộ, đảng viên có vấn đề về lịch sử chính trị. Chú trọng nắm và giải quyết vấn đề chính trị hiện nay, giải quyết dứt điểm những vụ việc về lịch sử chính trị. Đồng thời, luôn chủ động phát hiện, ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm các đối tượng chống đối, phần tử cơ hội, bất mãn chính trị, không để thành lập các tổ chức chính trị đối lập.

Đối với công tác kiểm tra, giám sát: Cần không ngừng đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của các cấp ủy đảng. Để tạo cơ chế kiểm soát quyền lực trong Đảng cũng như trong hệ thống chính trị, Đại hội Đảng ở các cấp cần trực tiếp bầu Ủy ban kiểm tra cùng cấp thay vì để cấp ủy bầu như hiện nay. Qua đó mới tăng cường được hiệu quả, hiệu lực kiểm tra, giám sát trong Đảng.

Các tổ chức đảng cần tăng cường đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất đội ngũ đảng viên trong việc chấp hành Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; trong việc rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống và thực hiện nhiệm vụ được giao... Chủ động phối hợp với cấp ủy địa phương để quản lý, giám sát đảng viên thực hiện nhiệm vụ đảng viên và nghĩa vụ công dân ở nơi cư trú. Vận động, khuyến khích, phát huy vai trò của quần chúng nhân dân tham gia giám sát, đóng góp ý kiến, phê bình cán bộ, đảng viên. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát

việc triển khai tổ chức thực hiện các nghị quyết, kết luận của Đảng.

Các cấp ủy, tổ chức đảng cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và công khai kết quả để góp phần đấu tranh ngăn chặn những biểu hiện tự suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong các tổ chức đảng. Trong đó cần đặc biệt tập trung vào kiểm tra việc bổ nhiệm, đề bạt, sử dụng cán bộ; đấu tranh ngăn chặn đẩy lùi tham nhũng, lãng phí gây bức xúc trong đội ngũ cán bộ đảng viên và dư luận.

Về thi hành kỷ luật Đảng: Cần siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong Đảng, thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức của Đảng; mọi cán bộ, đảng viên vi phạm phải có hình thức xử lý kịp thời, chính xác, đảm bảo công khai, minh bạch, công bằng, khắc phục biểu hiện “nhẹ trên, nặng dưới”. Cần xử lý nghiêm những tập thể, cá nhân vi phạm trong tổ chức thực hiện và ban hành văn bản không đúng, không phù hợp với chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng. Xây dựng quy định xử lý nghiêm những tập thể và cá nhân suy thoái nghiêm trọng về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; có những lời nói và việc làm thể hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” nghiêm trọng. Trong thi hành kỷ luật, không để tạo ra “khoảng trống” trong xử lý đảng viên, dù người đó ở cương vị nào, dù đang công tác hay đã nghỉ hưu. Cần rà soát và hoàn thiện các quy định của Đảng và Nhà nước về xử lý kỷ luật, bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ giữa kỷ luật Đảng với kỷ luật hành chính của Nhà nước.

Các cấp ủy cần rà soát, sàng lọc, kiên quyết, không do dự, không trì hoãn đưa ra khỏi Đảng tất cả những kẻ cơ hội chính trị, cơ hội thực dụng, tê liệt ý chí cách mạng, thoái hóa biến chất, tham ô, hối lộ, đặc quyền, đặc lợi, ức hiếp quần chúng, có dư luận xấu trong Nhân dân làm ảnh hưởng tới uy tín của Đảng. Cần vận động ra khỏi Đảng hoặc xóa tên ra khỏi danh sách đảng viên đối với những người phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí chiến đấu, không làm tròn nhiệm vụ hoặc đã được tổ chức đảng giúp đỡ mà không tiến bộ. Khai trừ ra khỏi Đảng đối với những phần tử cơ hội chính trị, cơ hội thực dụng để làm trong sạch đội ngũ của Đảng, cho dù họ ở bất cứ cương vị nào, như V.I. Lênin đã từng nhắc nhở: “Điều rất cần thiết hiện nay là, về mặt tổ chức, phải hoàn toàn tách hẳn những phần tử cơ hội chủ nghĩa ấy ra khỏi các đảng công nhân”¹ dù cho bản thân Đảng có “phải tạm thời chịu đau đớn kịch liệt đi nữa”². Bên cạnh đó cần hoàn thiện quy chế kỷ luật phát ngôn; xử lý nghiêm hành vi có lời nói, việc làm biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, lợi dụng dân chủ, nhân quyền, tôn giáo, dân tộc để tuyên truyền, xuyên tạc và hành vi nói, viết, lưu trữ, tán phát tài liệu sai trái... Xử lý nghiêm người đứng đầu cơ quan, tổ chức đảng khi không kịp thời phát hiện hoặc phát hiện mà chậm xử lý đối với các biểu hiện cơ hội chính trị, cơ hội thực dụng, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”.

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.26, tr.327.

2. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.27, tr.154.

Sáu là, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

Cần giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh. Cần tiến hành rà soát, loại bỏ những văn bản quy phạm pháp luật trái với đường lối, Điều lệ Đảng và Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước. Xây dựng hệ thống pháp luật đủ mạnh, đồng bộ, chặt chẽ, có tính ổn định lâu dài; phòng ngừa, khắc phục những “lỗ hổng” trong công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực. Tuân thủ nghiêm ngặt quy trình xây dựng đường lối, Nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, không để cho những phần tử cơ hội hay các “nhóm lợi ích” lợi dụng để chống phá, trục lợi. Trong quá trình xây dựng đường lối, chính sách, cần phát huy dân chủ và vai trò của đội ngũ cán bộ, đảng viên, các nhà khoa học, đội ngũ chuyên gia và tham khảo ý kiến của quần chúng nhân dân; làm cho tất cả các chủ trương, quan điểm của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước đều phục vụ lợi ích của Nhân dân.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Xử lý nghiêm minh những cán bộ, đảng viên có biểu hiện “lợi ích nhóm”, tham nhũng, lãng phí.

Bảy là, phát huy vai trò của Nhân dân và Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội.

Trước hết, cần dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức trách nhiệm cho quần

chúng nhân dân trong việc tham gia xây dựng Đảng. Phát huy vai trò của các tầng lớp nhân dân trong việc giám sát đội ngũ cán bộ, đảng viên, kể cả nơi công tác và nơi cư trú. Thường xuyên lấy ý kiến của quần chúng nhân dân để đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên trước hết là đối với các chức danh do dân bầu. Quy định việc lấy ý kiến đánh giá của người dân đối với cơ quan, cán bộ, công chức trực tiếp giải quyết công việc. Tuyên truyền để quần chúng nhân dân nhận biết được các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong cán bộ, đảng viên. Khuyến khích Nhân dân phản ánh, tố giác và tích cực đấu tranh chống những biểu hiện cơ hội chủ nghĩa, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; phát hiện và phản ánh những biến động bất thường về tài sản của cán bộ, đảng viên có chức, có quyền. Các cấp ủy, chính quyền cần tập trung giải quyết kịp thời những kiến nghị, đề xuất, nguyện vọng của Nhân dân; thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả cơ chế dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, giám sát. Động viên quần chúng nhân dân tham gia xây dựng Đảng.

Phát huy vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội; hiệu quả giám sát, chất vấn của Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp trong xây dựng hệ thống chính trị. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đổi mới hoạt động phát huy vai trò, chức năng

của mình. Đặc biệt cần tăng cường cơ chế giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động của các tổ chức, cơ quan trong hệ thống chính trị, đặc biệt là trong việc hoạch định và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, trong việc giám sát đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Tăng cường quản lý, chấn chỉnh hoạt động và phát huy vai trò của các cơ quan truyền thông, báo chí, xuất bản, mạng xã hội phục vụ tích cực cho đấu tranh chống các biểu hiện cơ hội chủ nghĩa, biểu hiện suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Các cơ quan báo chí cần tích cực tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, luật pháp của Nhà nước; phát hiện, biểu dương những nhân tố tích cực, điển hình tiên tiến, gương người tốt việc tốt; đấu tranh, phản bác thông tin, quan điểm, luận điệu sai trái của các phần tử cơ hội chính trị, các thế lực thù địch; những biểu hiện suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Báo chí cần phát huy vai trò, chức năng của mình, trong đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi những biểu hiện cơ hội chủ nghĩa, tự suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ Đảng. Cần tạo nên những diễn đàn trao đổi trên báo chí, mạng xã hội, thông tin đại chúng nhằm thu hút sự tham gia thảo luận đóng góp ý kiến phản biện của các tầng lớp nhân dân về các chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là những chủ trương, chính sách có liên quan, tác động đến đông đảo nhân dân.

Để phản biện xã hội phát huy được vai trò tích cực, đòi hỏi phải có định hướng, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, bám sát mục tiêu của phản biện xã hội. Bản thân các cơ quan báo chí, truyền thông cũng cần phải thường xuyên được chấn chỉnh, quản lý chặt chẽ, hoạt động đúng tôn chỉ, mục đích; đấu tranh ngăn ngừa và khắc phục những biểu hiện cơ hội chủ nghĩa, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Báo chí, truyền thông thực sự là “vũ khí sắc bén”, là “binh chủng” tinh nhuệ trong cuộc chiến đấu chống lại những biểu hiện cơ hội, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ Đảng.

Nói tóm lại, Đảng cần phải không ngừng nâng cao bản lĩnh chính trị và trình độ trí tuệ, kiên định với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vận dụng và phát triển sáng tạo trong thực tiễn hoạt động; luôn vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức, tăng cường sức chiến đấu và vai trò lãnh đạo của mình, cần tăng cường mối quan hệ ruột thịt với Nhân dân, không ngừng tự đổi mới, tự chỉnh đốn làm trong sạch bộ máy của Đảng. Qua đó Đảng mới có thể hoàn thành trọng trách của mình đối với dân tộc là đưa sự nghiệp cách mạng của cả dân tộc tiến lên, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

KẾT LUẬN

C. Mác và Ph. Ăngghen đã tiến hành cuộc đấu tranh triệt để chống lại chủ nghĩa cơ hội trong những năm 1847 - 1895 và đã bác bỏ gần như toàn bộ học thuyết cơ hội trong giai đoạn đầu của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, làm trong sạch nhận thức của giai cấp vô sản khi đó, giúp họ nhận thức được sâu sắc hơn về vai trò, sứ mệnh lịch sử của mình, đưa phong trào công nhân quốc tế phát triển đúng hướng. Đồng thời, chiến thắng trong cuộc đấu tranh của những người mácxít chống lại chủ nghĩa cơ hội còn tạo ra một bước phát triển vượt bậc của hệ tư tưởng vô sản, ngày càng khẳng định tính đúng đắn, khoa học của học thuyết này, tạo cơ sở vững chắc cho những thắng lợi của các cuộc cách mạng vô sản sau này.

Kế tục sự nghiệp cách mạng vĩ đại của C. Mác và Ph. Ăngghen, V.I. Lênin đã đi tiên phong trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội diễn ra trong phong trào công nhân quốc tế cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. V.I. Lênin đã đấu tranh không mệt mỏi chống lại những quan điểm cơ hội chủ nghĩa trong Quốc tế II và những trào lưu cơ hội

chủ nghĩa ảnh hưởng tiêu cực đến sự vận động và phát triển của phong trào công nhân Nga lúc đó. Cuộc đấu tranh thắng lợi của V.I. Lênin chống chủ nghĩa cơ hội là những cống hiến lớn lao của ông đối với sự nghiệp bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác, góp phần củng cố phong trào công nhân quốc tế cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Đồng thời, có thể khẳng định đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội trở thành quy luật tồn tại, phát triển của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế nói chung và phong trào cách mạng ở các nước nói riêng.

Ý nghĩa cuộc đấu tranh của C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin chống chủ nghĩa cơ hội vẫn còn tính thời sự đối với các Đảng Cộng sản, nhất là các Đảng Cộng sản cầm quyền trong giai đoạn cách mạng hiện nay. Thực tiễn đã cho thấy, sự nghiệp cách mạng của các Đảng Cộng sản chỉ có thể thành công nếu bản thân các Đảng biết khắc phục và đoạn tuyệt dứt khoát đối với các hình thức đa dạng của chủ nghĩa cơ hội, xây dựng Đảng vững mạnh về mọi mặt trên nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin. Cuộc đấu tranh không khoan nhượng của C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin chống chủ nghĩa cơ hội là một mẫu mực về tinh thần cách mạng tiến công triệt để và tiếp tục định hướng đúng đắn cho hành động của chúng ta trên lĩnh vực này.

Trong bối cảnh quốc tế hiện nay, đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội càng không thể tách rời cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa giáo điều, chủ nghĩa

dân túy,... cũng như những âm mưu và thủ đoạn “diễn biến hòa bình” tinh vi, thâm độc của chủ nghĩa đế quốc. Thực tế đã chứng minh rằng, chủ nghĩa Mác - Lênin sau mỗi cuộc đấu tranh chống lại những tư tưởng phản cách mạng thì lại càng vững mạnh và sinh động hơn bao giờ hết. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin vẫn tiếp tục được phát triển, là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho phong trào cộng sản và công nhân quốc tế nói chung và Đảng Cộng sản Việt Nam nói riêng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, các tập 4, 16, 17, 18, 19, 21, 22, 26, 32, 33, 34, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.
2. V.I. Lênin: *Toàn tập*, các tập 1, 2, 4, 6, 8, 12, 13, 15, 16, 17, 19, 20, 22, 23, 24, 26, 27, 30, 31, 33, 35, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 44, 49, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, 1984.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 51, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012.
11. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016.
12. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2017.
13. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Nghị quyết số 37-NQ/TW của Bộ Chính trị “về công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030”*, ngày 09/10/2014.
14. Nguyễn Hoàng Giáp, Nguyễn Thị Quế: “Cuộc đấu tranh của V.I. Lênin chống chủ nghĩa cơ hội và ý nghĩa thời sự đối với nước ta hiện nay”, tạp chí *Khoa học chính trị*, số 3, 2006.
15. Trịnh Thị Hoa: *Cuộc đấu tranh của V.I. Lênin chống chủ nghĩa cơ hội trong Quốc tế II giai đoạn 1985 - 1914*, Luận văn thạc sĩ, Hà Nội, 2002.

16. Học viện Chính trị quân sự: *Giới thiệu một số tác phẩm của C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin, Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2007.
17. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Quan hệ quốc tế: *Giáo trình Lịch sử phong trào cộng sản và công nhân quốc tế*, Nxb. Lý luận Chính trị, Hà Nội, 2005.
18. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Xây dựng Đảng: *Giáo trình Xây dựng Đảng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003.
19. Hội đồng Lý luận Trung ương: *Vững bước trên con đường đã chọn*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.
20. Trần Chí Mỹ - Doãn Chính - Đinh Ngọc Thạch: *Vấn đề chủ nghĩa xã hội khoa học trong tác phẩm của C. Mác - Ph. Ăngghen - V.I. Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.
21. PGS.TS. Lê Quốc Lý: *Lợi ích nhóm - Thực trạng và giải pháp*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014.
22. Phân viện Báo chí và Tuyên truyền, Khoa Quan hệ quốc tế: *Những vấn đề cơ bản về lịch sử phong trào cộng sản và công nhân quốc tế*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.
23. Trịnh Ngôn Thực: *Cuộc đấu tranh của V.I. Lênin chống chủ nghĩa xét lại, chủ nghĩa cơ hội*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1963.
24. Hữu Thọ: *Chạy... (Tiểu phẩm báo chí)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004.
25. Ngô Đức Tính: *Giới thiệu tác phẩm của C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin, Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.
26. Trường Sĩ quan Chính trị: *Giới thiệu vấn đề chủ nghĩa xã hội trong một số tác phẩm của C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2012.
27. Trường Đại học Nhân dân Trung Quốc, Viện Nghiên cứu lịch sử phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin: *Lịch sử chủ nghĩa Mác*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004.
28. Viện Ngôn ngữ học: *Từ điển tiếng Việt*, Trung tâm Từ điển học Hà Nội - Đà Nẵng, Nxb. Đà Nẵng, 2005.
29. Viện Hàn lâm Khoa học xã hội trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức: *Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước và chủ nghĩa cơ hội*, Nxb. Thông tin lý luận, Hà Nội, 1982.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Lời mở đầu</i>	7
<i>Chương I</i>	
NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHỦ NGHĨA CƠ HỘI	
I- Quan niệm về chủ nghĩa cơ hội	11
II- Nguồn gốc của chủ nghĩa cơ hội	14
III- Bản chất, đặc trưng và khuynh hướng của chủ nghĩa cơ hội	29
IV- Tác hại của chủ nghĩa cơ hội đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế	46
<i>Chương II</i>	
C. MÁC VÀ PH. ĂNGGHEN ĐẤU TRANH CHỐNG CHỦ NGHĨA CƠ HỘI	
I- Khái quát thân thế và sự nghiệp cách mạng của C. Mác và Ph. Ăngghen	55
II- C. Mác và Ph. Ăngghen đấu tranh chống chủ nghĩa Prudông	62
III- C. Mác và Ph. Ăngghen đấu tranh chống chủ nghĩa Látxan	72
IV- C. Mác và Ph. Ăngghen đấu tranh chống chủ nghĩa vô chính phủ Bacunin	91

277

Chương III

V.I. LÊNIN ĐẤU TRANH CHỐNG CHỦ NGHĨA CƠ HỘI

I- Khái quát thân thế và sự nghiệp cách mạng của V.I. Lênin	103
II- V.I. Lênin đấu tranh chống chủ nghĩa Bécxtanh	108
III- V.I. Lênin đấu tranh chống chủ nghĩa Cauxky	124
IV- V.I. Lênin đấu tranh chống chủ nghĩa dân túy	143
V- V.I. Lênin đấu tranh chống phái kinh tế	155
VI- V.I. Lênin đấu tranh chống phái Mensêvích	167
VII- V.I. Lênin đấu tranh phê phán bệnh ấu trĩ “tả khuynh” trong phong trào cộng sản	182

Chương IV

BÀI HỌC KINH NGHIỆM VÀ Ý NGHĨA CUỘC ĐẤU TRANH CỦA C. MÁC, PH. ĂNGGHEN, V.I. LÊNIN CHỐNG CHỦ NGHĨA CƠ HỘI

I- Bài học kinh nghiệm cuộc đấu tranh của C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin chống chủ nghĩa cơ hội	197
II- Ý nghĩa cuộc đấu tranh của C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin chống chủ nghĩa cơ hội đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế	203
III- Nhận diện tư tưởng, biểu hiện cơ hội chủ nghĩa trong Đảng Cộng sản Việt Nam và biện pháp đấu tranh phòng, chống	213

<i>Kết luận</i>	270
<i>Tài liệu tham khảo</i>	273

278

Chịu trách nhiệm xuất bản
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PHẠM CHÍ THÀNH

Chịu trách nhiệm nội dung
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
TS. ĐỖ QUANG DŨNG

Biên tập nội dung: ThS. BÙI ÁNH HỒNG
Trình bày bìa: LÊ HÀ LAN
Chế bản vi tính: NGUYỄN QUỲNH LAN
Sửa bản in: PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT
Đọc sách mẫu: TRẦN KHÁNH VÂN

In 700 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm, tại
Số đăng ký xuất bản: -2019/CXBIPH/ /CTQG.
Quyết định xuất bản số: -QĐ/NXBCTQG, ngày 2019.
Mã số ISBN: 978-604-57-
In xong và nộp lưu chiểu tháng 6 năm 2019.